



Thưa quý Ái Hữu và Thân Hữu,

Ban Phụ Trách mừng là Lá Thư 89 đã đến tay AH/TH sau nhiều khó khăn trong khi biên soạn bài vở. Có AH viết thư đến than LT 89 nhiều hình ảnh, ít bài viết hay. Một vài AH khác nói là không hiểu ý của bài 'Ngàn Năm Bia Miệng' trong khi đó một số AH lại khen bài này và tác giả đã mất nhiều công sức sưu tầm tài liệu. Thường thức văn chương, hội họa, cũng như các tác phẩm nghệ thuật hoàn toàn tùy thuộc từng cá nhân, Ban Phụ Trách Lá Thư cố gắng dung hòa đáp ứng yêu cầu của AH/TH. Bài vở được lựa chọn theo Tôn Chỉ của Lá Thư. Và Tôn Chỉ của Lá Thư Công Chánh là không nghiên cứu khoa học kỹ thuật, không chính trị, không tôn giáo, và cũng không đòi hỏi bài viết phải văn chương chải chuốt. Không ít AH/TH đã đặt vấn đề là khó có đề tài không đụng chạm đến các vấn đề trên. Ban Phụ Trách đồng ý với nhận xét của các AH/TH đó, và cũng mong mỗi làm sáng tỏ mục đích của Tôn Chỉ LTCC hơn.

Về Khoa học Kỹ thuật chúng ta không viết những bài quá chuyên môn, với những công thức khó hiểu, nhưng vẫn nên viết những bài liên hệ đến những tìm kiếm mới của Khoa Học Kỹ thuật như Kỹ thuật siêu vi (nanotechnology), DNA nhân tạo (artificial hay synthetic DNA), máy vi tính sinh học (bio computer)... Về chính trị ta không đi động đến một cá nhân, đoàn thể, hay một chính phủ, nhưng chúng ta có thể viết những bài nói về thuyết tư bản, thuyết cộng sản, cái hay cái dở của các thuyết này, cách áp dụng của các thuyết này, có hợp với bản tính con người không. Chúng ta thấy ngay là thuyết cộng sản quá lý tưởng đòi hỏi sự hy sinh của cá nhân cho tập thể, không đúng với bản năng của đại đa số nhân loại, trái lại tư bản đáp ứng cái lòng tham của con người. Về tôn giáo chúng ta không ca tụng một cá nhân, không so sánh tôn giáo này với tôn giáo khác, nhưng có thể đặt vấn đề tôn giáo sẽ đi về đâu khi phải đương đầu với những phát minh mới của khoa học kỹ thuật thí dụ như DNA nhân tạo.

Lá Thư ưu tiên đăng những thư tín của AH/TH, có nhiều thư hơi có tính cách riêng tư, nhưng BPT cũng đăng những phần đó lên LT và cả phần trả lời nữa, để AH/TH chia sẻ những tâm tư tình cảm lẫn nhau của bạn bè AH/TH của chúng ta. Sinh hoạt AH/TH địa phương cũng được ưu tiên trên các trang của LT và nếu có nhiều tường trình sinh hoạt thì các bài viết khác phải nhường chỗ cho các bài sinh hoạt AH/TH Công Chánh.

Ban Phụ trách Lá Thư xin thân ái chúc Quý Ái Hữu và Thân Hữu một Mùa Xuân như ý.

Ban Phụ Trách Lá Thư Công Chánh 2008.



• **AH Nguyễn Khoa Long, Indiana**

Kính chúc Anh chị cùng quý Ái Hữu trong Ban Phụ trách Lá Thư một năm mới dồi dào sức khỏe và vạn sự cát tường. Xin đính kèm chi phiếu đóng góp cho LT.

* BPT

Chúc mừng Anh chị và gia đình một năm mới hạnh phúc vui manh. Lá Thư còn có mặt với AHTH năm châu là nhờ yểm trợ tài chánh thường xuyên của AH và các AHTH khác.

• **AH Bà Vĩnh Đào, California**

Chú thím Chí thân, Nhận được LTCC 89 với hình bìa đầy màu sắc, cảnh thu nên thơ lãng mạn quá, rồi theo thói quen chị lật đến trang thư tín mới thấy mấy lời nhắn của anh Thao và Chú, trong đó chú nhắc đến anh Đào và gia đình chị, dù chưa gặp mặt lại nhau nhưng qua đó bao nhiêu hình ảnh cũ nhất là hai cụ, thật phúc hậu dễ thương, một thời tuy khổ nhưng vui! Bây giờ em Hòa ở đâu, còn nhà cũ bên cạnh Vĩnh Nghiêm không. Anh chị Sơn qua Mỹ có ở gần chú không. Mỗi lần nhận LTCC chị vừa vui là vì anh em CC qua Mỹ gần hết và còn liên lạc với nhau thân tình, mà vừa buồn vì tiếc không còn anh Đào để đi đây đi đó thăm lại bạn bè, họp hội cho vui. Gia đình chị bây giờ cũng tạm ổn, bây em đều có vợ có chồng hết, được 11 cháu nội ngoại, cũng ở Mỹ, quanh quẩn gần nhau.

Mục nói về sức khỏe của LTCC rất bổ ích, nhất là mấy bài sau này của chú viết, có gì thêm về cách ăn uống, thể dục cho người cao niên chú gửi cho chị với, bây giờ sức khỏe đúng là vàng đó....Thân ái, Chị Vĩnh Đào

* BPT

BPT Lá Thư Công Chánh nói chung, và em, Chỉ nói riêng rất mừng là bao nhiêu năm qua từ ngày anh mất đi, chị vẫn liên lạc và yểm trợ đều đều LTCC cũng như tham dự các hoạt động AHTH Nam Cali. Tháng 11 năm ngoài 2007 đi Cali em có dịp đến thăm chị, vợ chồng Tâm Phước và hai con của các cháu. Như vậy là sau 30 năm mới gặp lại chị và cháu Tâm, tiếc là không có nhiều thời gian hơn để cùng nhau chuyện trò.

Chị nói đúng, gặp nhau nói chuyện một hồi rồi lại bàn đến vấn đề sức khỏe. Chúng ta phần lớn vào tuổi này ai cũng uống thuốc, không thuốc này thì thuốc khác. Vấn đề chính là thuốc nào cũng có phản ứng phụ, mà thuốc mới ra càng công hiệu nhiều thì càng nhiều phản ứng phụ, có khi nguy hiểm đến tính mạng nữa. Vì thế đã không ít thuốc được cho dùng cả ba bốn năm, sau đó lại bị thu hồi. Nếu uống hai ba thứ thuốc thì phải cẩn thận hơn, vì có khi hai thứ thuốc không hợp nhau, sẽ gây phản ứng phụ rất nguy hiểm, ta cần hỏi bác sĩ, nhưng tốt hơn hết là vào mạng (internet) tự mình tìm hiểu. Ngoài ra, sau khi đi thử nghiệm ta phải đòi bác sĩ cho bản tường trình thử nghiệm và chẩn bệnh, vì có nhiều trường hợp bác sĩ đã không theo dõi hay chẩn bệnh sai, đến khi để bệnh phát ra thì đã quá muộn.

• **TH Nguyễn Hữu Diễn, Thủ Đô Thời Báo, VA**

Kính Anh Chí, Chúng tôi đồng ý đóng góp vào hội AHCC số tiền \$40 như nội dung email anh gửi đến.

** BPT*

Ban Phụ Trách Lá Thư Công Chánh rất hân hạnh được anh chị, chủ nhiệm Thủ Đô Thời Báo, ngỏ ý muốn gia nhập đại gia đình AHCC, và cảm ơn yểm trợ tài chánh của anh chị. AHTH Công Chánh luôn luôn đăng những tin vui buồn trên Thủ Đô Thời Báo, một tờ báo rất phổ biến, nhiều độc giả trong vùng Hoa Thịnh Đốn.

Xin giới thiệu Thủ Đô Thời Báo với toàn thể AHTHCC, điện thoại 703- 876 1697, email dnguyen647@aol.com.

• **AH Lê Thành Trinh, LA**

Anh Chí thân, Tôi đã đọc chương trình Họp Mặt AHCC tại Montreal và nhận thấy đây là dịp chót mà tôi có thể gặp lại nhiều bạn cũ. Vì vậy, dù sức khỏe đã kém trước nhiều, nhưng vợ chồng tôi dự tính cố gắng đi dự đại hội này.

Cách đây đúng 50 năm, năm 1958, tôi có sống ở dormitory của Oklahoma State University, nên khi thấy các anh thu xếp cho các hội viên trú ngụ tại dorm của Đại Học Quebec tại Montreal trong thời gian hội họp, tôi thích thú sẽ được sống lại đời sống sinh viên 50 năm trước đây. Tuy nhiên, sự thật là thể xác của tôi không còn như trước đây nữa. Đêm đêm thường thức dậy nhiều lần và như vậy phải có restroom ở gần. Do đó cuộc sống ở dorm không có hợp với tuổi tôi nữa. Tôi đề nghị các anh giữ một số phòng tại một hotel ở gần phòng hội, để dành cho những người mà tình trạng sức khỏe giống như tôi.

** BPT*

Ban Tổ Chức Họp Mặt Hè 2008 tại Montreal đã tham khảo ý kiến một số bạn bè đã từng tổ chức đại hội họp mặt ở Montreal, và đi đến quyết định ở dorm của Đại Học Quebec vì những lý do sau: AHTH cùng ở trong một tòa nhà, phòng ốc có đủ tiện nghi, có nhiều loại phòng, lớn, nhỏ, phòng cho gia đình..., giá phải chăng vì chúng ta có người ở cả tuần. Tất cả các chi tiết từ chương trình, di chuyển, phòng ốc, thăm thắng cảnh đã được email đến AHTHCC cũng như đăng trên mạng nhà aihuucongchanh.com.

Tiệc thay Họp Mặt phải hủy bỏ vì số người ghi tên tham dự như anh quá ít. Như anh nói, chúng ta mong có dịp gặp lại bạn bè đông đủ một lần, nhưng tôi thấy khó mà thực hiện nổi.

• **AH Hoàng Ngọc Ân, MD**

Thân gửi anh Khoa, Xin hẹn gặp lại các anh AH tại Montreal (và nhiều AH đến từ khắp nơi) vào ngày 6/21/2008 (cũng là ngày dài nhất trong năm) để có dịp hàn huyên với nhau...đủ thứ đề tài...như anh Chí đã nói cho tôi biết là sẽ nêu lên trong Lá Thưa AHCC 90 sắp phát hành.

Chiều nay, anh Bảnh cũng nhắc nhở tôi và bà xã nên ghi tên tham dự ngay, và tôi cũng xác nhận sẽ tự túc đến nơi bằng xe bus Boston-Manchester-Burlington-Montreal trong ngày 6/20/08.

Lần này tôi phải nhờ anh giúp đón ở trạm xe bus, và đưa về phòng ngủ nơi nào thuận tiện nhất, để có thể gặp ngay được nhiều bạn.. thì càng tốt..

Sau phiên họp mặt chiều ngày 6/22/08, vợ chồng tôi sẽ về ở nhà ông chú trong vài hôm, thăm viếng bà con, và sẽ đi xe bus trở về Boston trong ngày 6/24/08.

** BPT*

AH đã nồng nhiệt hưởng ứng ngày Họp mặt với một lịch trình quy định rất rõ ràng, nhưng tiếc thay ngày Họp mặt đó không đến với Đại gia đình Công Chánh.

• **AH Bùi Nhữ Tiếp, California**

Thân gửi anh Đức Chí quý mến. Xin cảm ơn Ban Phụ Trách LTCC và Anh đã đăng và chọn thêm các hình ảnh minh họa trong số 89 vừa qua bản dịch tiếng việt “Sự Mâu Thuẫn của Thời Đại chúng ta” tôi đưa tay tặng anh TT Tùng, không ngờ anh Tùng tâm đắc đã điện thoại cho tôi và sau đó gửi qua anh KT Giang đề lên khuôn vào LTCC 89; âu cũng là cái duyên để góp bài tâm sự với AHCC bốn phương... Tên tác giả của nguyên bản tiếng Anh “The Paradox of our Time” là George Carlin chứ không phải Carline, xin Anh cho xóa chữ E ở cuối tên, và đính chính giùm vào số 90 sắp tới, đa tạ anh nhiều!

Một lần nữa cảm ơn tất cả các Anh và nhờ Anh chuyển lời chào thăm đến tất cả các Anh Chị AH và TH Công Chánh, nhất là quý anh chị của Ban Phụ Trách LT AHCC.

Riêng chúc Anh Chị và tất cả các cháu nhiều sức khỏe và an lạc.

Xin gửi kèm chi phiếu \$40 yểm trợ (07&08) LTAHCC.

** BPT*

Ban Phụ trách LTCC rất cảm ơn AH đã gửi bài đăng, và mong AH tiếp tục gửi những bài khác cho LT. BPT xin lỗi đã viết sai tên tác giả George Carlin của nguyên bản Anh ngữ.

Theo như trang mạng TruthOrFiction thì đó chỉ là tin đồn nói bài này là của George Carlin đọc khi vợ ông chết và là bài ông dùng để phê bình xứ sở sau ngày Mỹ bị tấn công vào ngày 11 tháng 9 năm 2001. TruthOrFiction cho biết bài này đã được lưu chuyển trên mạng từ lâu trước 11 tháng 9, và George Carlin không phải là tác giả. Những người quen biết George Carlin không nghĩ là những nhận xét trong “Sự Mâu thuẫn của Thời Đại chúng ta” là quan điểm của ông ta.

Trên mạng www.georgecarlin.com ông không nhận là tác giả và đã phê bình bài đó. Nhờ có một độc giả mách, nên TruthOrFiction đã tìm được tác giả nguyên thủy là một mục sư nhà thờ Overlake Christian Church in Richmond, Washington, Dr. Moorehead viết vào năm 1990, sau đó xuất bản năm 1995 trong cuốn sách Words Aply Spoken của ông.

Xin AHTH tìm hiểu và cho ý kiến về sự kiện này.

• AH Đỗ Trung Tuấn, CA

Tôi đã nhận được báo AHCC số 88 vào cuối tháng 3 năm nay và tôi có gửi một cái thư trong đó có ngõ ý rất thâm phục nhiều bài viết rất cảm động, kèm theo một cái check #5713 đề ngày 3/28/07. Sau đó tôi kiểm soát các log của nhà băng từ tháng 3 cho tới tháng 9 mà thấy cái check này không bao giờ được cashed cả. Như vậy cái thư đựng cái check này đã hoàn toàn thất lạc không tới được tay anh vậy.

Hôm nay tôi nhận được số 89 anh gửi cho lại kiểm soát lần nữa và thấy là cái check #5713 đã

thất lạc vĩnh viễn, nên tôi xin gửi anh chút tiền yểm trợ là \$50 cho số 88 và 89. Hy vọng thư này không bị thất lạc. Có lẽ tuần tuần sau tôi sẽ gọi điện thoại cho anh để make sure.

Trong số 88, tôi thích nhất là bài “Nhân ngày Lễ tạ Ôn” của AH Lê Khắc Thí chuyện về anh Châu, một người quân tử giúp người giữa đảng mà không nê hà; bài “Muru Sự tại nhân” của Nguyễn Hương Hữu làm tôi cảm động thật là “nước mất nhà tan, gia đình ly tán”, chúng ta ai có muốn rời bỏ quê hương mà ra đi tha phương cầu thực tại một nơi xa lạ này, nếu không phải là bắt đắ dĩ bị quân cướp trả đũa giết chóc; bài “Đường lên Xứ Lạng” của Nguyễn Thái Hai tưởng như mình cũng đang cùng đi với anh Hai vậy, nhất là anh lèo vào cái kiếp khôn khổ của các cô gái Việt phải bán mình đi Hàn Quốc hay Đài Loan, để nuôi cha mẹ anh em; bài “Dịch Cân Kinh” quá hay và tôi đã mạn phép phổ biến cho anh em HKDS tập tành, mong anh đừng trách cứ là ăn cắp bản quyền.

Số 89 vẫn bài tiếp của “Muru sự tại nhân” của anh Hữu, thật là thấy sót xa khi cụ thân mẫu đã phải ra đi sau đó, còn bài “Nhức nhối con tim” của Trầm Cà Mâu thật là quá hay và quá hữu dụng cho các tui già này, nhất là đoạn của bà Mục sư da đen đã tận tụy làm rotor roter cho thông đại tiện, giá ở bên nhà có người làm như vậy thì phải “bồi dưỡng” bằng một phong bì rất bự vậy.

** BPT*

Như đã điện thoại anh hay, tôi đã vô ý để phong bì lớn đựng lá thư của anh và tấm hình cũ xưa anh tặng LTAHCC riêng một nơi để sau đó sẽ scan tấm hình đăng vào LT 89. Vì đi dự Đại Hội Học sinh Chu văn An về và vội vàng lo phát hành LT nên quên băng luôn cái phong bì anh gửi. Sau khi phát hành xong LT 89, tôi sắp xếp lại hồ sơ bài vở và phát giác ra phong bì anh gửi sau khi nhận được LT 88, nên vội gọi điện thoại cho anh.

Xin trích dưới đây một đoạn trong thư đó:

Kính gửi anh Chí, Cảm ơn anh, tôi đã nhận được LTAHCC #88, và xin gửi anh \$30, một chút đỉnh yểm trợ cho tờ báo nhà. Tui tôi HKDS cũng có ra tờ báo nhưng chỉ gồm 15 tờ giấy ghép lại với nhau mà thôi, thêm nữa

HKDS có rất ít đề tài nên bài viết rất là khan hiếm. Số báo LTAHCC kỳ này rất là phong phú, trang trí và trình bày rất là mỹ thuật. Hồi ký và ký sự cũng như các bài khảo cứu đều rất sống động, rõ ràng chi tiết, tìm tòi và cứu xét quy mô,....

Xin biểu LTAHCC hình cũ xưa của chúng ta. Tôi nhận thấy có huynh trưởng Phạm Hữu Vĩnh, bạn Tất CCHK, tôi, bạn Ngải và Tuyên HKDS.

• **AH Huỳnh Minh Trung, Canada**

KG anh Nguyễn Đức Chí. Trước hết tôi xin cảm ơn anh đã gửi bản tin AHCC cho tôi rất là quý hóa. Kế đến là khâm phục anh vác ngà voi phục vụ tập thể Công Chánh chúng ta. Sau đó là chúc anh và các anh em trong ban phụ trách mọi điều lành và vạn sự như ý, muôn năm hạnh phúc.

Cuối thư là cầu chúc cho bản tin AHCC trường tồn mãi mãi.

** BPT*

Cám ơn những lời khen tụng của anh. Lá Thư cũng mong được trường tồn mãi mãi nhưng hoàn toàn tùy thuộc vào AHTH giúp sức đóng góp bài vở và tài chánh. Mùa Xuân này LT lại bị chậm trễ vì thiếu bài vở chứ không phải vì tài chánh.

• **AH Đồng Sĩ Khiêm, FL**

Xin gửi đến các anh hai bài Bèo Dạt Mây Trôi. Xin các anh tùy tiện tuần tự đăng theo thứ tự như sau: Ai Cập (phần còn lại của bài gửi lúc trước), Philippines và cuối cùng là Indonesia. Bài Indonesia chấm dứt hồi ký Bèo Dạt Mây Trôi. Xin các anh nhớ dùm vì bất cứ lý do gì phải ngắt một phần của bài thì xin ghi hai chữ “Còn tiếp”. Kỳ vừa qua bài viết về Ai Cập ngưng nửa chừng nhưng không có chữ “Còn tiếp” khiến một vài bạn hỏi “tại sao ngưng ngang xương!?”. Tôi hiện nay đang đi làm lại, “Thất Thập Cổ Lai Hi” mà vẫn còn lo việc “nước”, nhưng nếu ở nhà thì cái óc thấy nó lụn bại. Đi làm tuy cực nhưng vừa vui, vừa có bạn mới, lại vừa có check mỗi hai tuần. Vì đi làm nên thời gian khá eo hẹp. Tuy nhiên tôi cũng cố

gắng viết bài để đóng góp chút công phu với các anh.

** BPT*

BPT xin lỗi đã sơ sót khi ngắt bài Ai Cập đăng làm hai kỳ mà không thêm vào cuối bài chữ “Còn tiếp”. Phần còn lại đã được đăng trong LT 90 kỳ này. Đi làm lại cũng có cái vui, nhưng nếu phải giải quyết vấn đề hành chánh thì nhức đầu lắm. Không biết anh đang trách nhiệm về vấn đề nào. Dầu sao với bao nhiêu năm kinh nghiệm lo việc “nước” chuyện gì anh chẳng giải quyết nổi. Còn tôi đi làm lại ba ngày một tuần chỉ lo vấn đề kỹ thuật thôi.

• **AH Phạm Nguyên Hanh, CA**

Anh Chí thân mến, Chỉ trong vài ngày sau khi nhận được LTAHCC số 89, tôi đã đọc gần hết các bài viết. Ngoài cách trình bày mỹ thuật, trang nhã và sáng sủa, hình ảnh rõ ràng, lần này tôi nhận thấy nội dung khá phong phú, với nhiều đề tài rất đặc biệt và độc đáo,

Tôi rất thích bài của AH Trần Minh Đức, mang đến cho người đọc một quan niệm sống trong sáng, lạc quan. Những bài về du lịch của các AH Từ Minh Tâm, Trịnh Hào Tâm, Thọ Ân, và Thiên Hương giới thiệu những vùng đất xa lạ hoặc những công trình kiến trúc có nhiều hấp dẫn đối với du khách. Riêng bài “Hưu Viên với Kỹ Thuật Số” của AH Nguyễn Sĩ Tuất nói lên đúng tâm trạng của một số anh chị tuy lớn tuổi, nhưng nhờ có đầu óc tinh tường và lanh lợi đã chấp nhận thách đố của ngành kỹ thuật số. Những anh chị này sẽ còn bận bịu nhiều với đàn computer và sẽ cảm thấy thời gian đi quá mau chóng sau khi đã làm quen với những “phần mềm” mới được khám phá.

Ngoài ra, bài viết của AH Chế Quang Ái nêu ra một vài chiều hướng đi tìm một loại nhiên liệu thay thế cho xăng dầu, mà hiện nay thế giới không ngừng đối đầu với giá cả ngày càng gia tăng.

Còn bài “Ngàn Năm Bia Miệng” của AH Hoàng Như Ngọc thì đưa ra nhiều chuyện cổ kim, trải dài từ ba, bốn ngàn năm cho đến thời hiện đại, và từ Đông qua Tây, với những dẫn chứng giá trị của các học giả Will Durant,

Nguyễn Hiến Lê ... Thật là công phu. Tuy vậy, tôi nhận thấy trong Lời Mở Đầu, AH Ngọc đưa ra câu “Nhất Điểm Quân Thần”, hình như để nhắc lại chuyện sĩ phu Bắc Hà chửi sỏ Nguyễn Văn Tâm lúc ông này ra thăm Hà Nội. Theo chỗ tôi còn nhớ, bốn chữ Hán tặng cho Nguyễn văn Tâm là “Đại Điểm Quân Thần”, mà nghĩa đen là “Chấm To Bầy Tò”, rồi đọc lái (từng cặp 2 chữ đầu và 2 chữ cuối) thành “Chó Tâm Bồi Tây”. Tôi nghĩ có nhiều AH, nhất là các AH cao niên, biết được sự tích này, nên phải nêu ra cho rõ.

Tôi cũng rất cảm ơn AH Trầm Cà Mâu đã kể lại kinh nghiệm cá nhân về mổ tim. Cái đáng sợ nhất sau kỳ giải phẫu là bị táo bón, đã gây nhiều đau đớn khó chịu cho bệnh nhân. Thật là một điều không ngờ! Mong rằng AH Nguyễn Văn Xuân, người vừa nhận được một trái tim “vui khỏe và trẻ trung”, cũng phổ biến kinh nghiệm “thay tim kỳ diệu” của mình.

Nhận được Phiếu Xác Nhận ĐC và Yểm Trợ LTCC kèm trong LT, tôi cũng gửi đến anh qua đường bưu điện một ít đóng góp tài chánh trong ngày hôm nay.

Rất cảm ơn anh Chí, Ban Phụ Trách cũng như quý anh chị góp bài trong LT này. Thân mến, Hạnh.

** BPT*

Thật là đáng quý anh đã đọc hết toàn bộ LT 89, và bỏ công sức duyệt xét từng bài viết. Ban Biên Tập LTCC đang thiếu người đầy đủ khả năng như anh, mong anh giúp một tay lo cho LT.

• AH Trần Sĩ Huân, CA

Thưa quý anh, Tôi đã nhận được Đặc San Công Chánh số 89 rồi. Xin cảm ơn các anh và toàn Ban Biên Tập. Đặc San tuy ra trễ nhưng không có gì trễ lắm vẫn in đẹp và ấn loát rõ ràng. Thành thật chia vui cùng các anh.

** BPT*

Rất cảm ơn anh luôn khuyến khích chăm lo cho LT tuy là ở trường hợp khó khăn hơn ngày trước nhiều. Điều mừng nhất là anh đã liên lạc dễ dàng với BPT Lá Thư qua email.

• AH Hoàng Như Giao, Canada

Kính thông báo cùng quý Thân Hữu, Kể từ Nov. 07, địa chỉ mới của chúng tôi sẽ là 45 Metzak Drive - Brampton, ON - Canada - L6Z 4N4 - (góc N/W của Kennedy / Bovaird), và số Phone & Fax là : (905) 216 3347.

** BPT*

BPT đã cập nhật hóa địa chỉ của AH, cũng như thường xuyên liên lạc với AH qua email.

• AH Từ Minh Tâm, CA

Em đã nhận được LTAHCC số 89. Đọc thấy trong mục thư tín thấy có nhiều người khen quá rồi nên không nhắc lại. Nhưng LT cũng còn vài điểm cần chú ý :

Về hình thức:

Hình bìa tuy đẹp nhưng không “bóng”. Nếu in bóng hơn thì giá trị của LT sẽ tăng lên rất nhiều.

Hình minh họa: có nhiều hình không rõ, như các hình ở bài Ngàn Năm Bia Miệng, hoặc hình Người Cày Có Ruộng trong tựa đề KS Bùi Hữu Tiền và tôi ...

Cách trình bày không thống nhất, khi bỏ hàng trống, khi thì thụt vô mỗi khi xuống hàng ...

Về Nội Dung:

Hình như LT còn thiếu tiếng cười. Đề nghị có thêm chuyện vui, hình vui, câu đố... Trong các cuộc họp AH, anh em nói chuyện rất vui, LT của mình có vẻ khô khan quá. Đề nghị tổ chức một cuộc thi kể chuyện vui. Mỗi kỳ chọn ra bài hay nhất để thưởng.

Nói lên những điều này, em không có ý chỉ trích ai, chỉ muốn nói lên những điều chưa hoàn chỉnh để LT ngày càng “chuyên nghiệp” hơn. Thân ái

** BPT*

Lá Thư luôn luôn được cải tiến nhưng vẫn còn nhiều khuyết điểm, vì rất nhiều lý do, không chuyên nghiệp, thời gian eo hẹp, mỗi AH trong Ban Biên Tập có cách trình bày nghệ thuật riêng tuy rằng cùng dùng một khuôn mẫu (template). Vì vậy cách trình bày LT không

được đồng nhất, nhưng lại có cái hay là sắc thái đa dạng hơn.

LT 90 sẽ được in với bìa bóng, hy vọng nhà in không tăng giá.

Lá Thư sẵn sàng đăng những chuyện tiểu lâm, vui cười nếu có bài gửi đến. Anh giúp cố động cho và LT nồng nhiệt đón nhận.

- **AH Lê Xuân Khế, California**

Chúng tôi đã nhận được một quyển “Lá Thư Công Chánh” số 89, tháng 8/2007, trình bày đẹp quá, và nội dung gồm nhiều bài viết hay lắm. Xin chân thành cảm ơn quý vị trong Ban Phụ Trách, cũng như các tác giả có bài viết đăng nơi số Lá Thư này.

Và kèm theo đây để yểm trợ Lá Thư, chúng tôi xin gửi tới quý vị chi phiếu 32 đô la Mỹ.

** BPT*

Xin cảm ơn AH đã gửi lời ban khen BPT Lá Thư và yểm trợ quá đều đặn cho LT.

- **AH Bửu Hiệp, California**

Thân gửi anh Chí và anh Giang. Tôi mới nhận LT AHCC số 89, tháng 8-2007, 1976-2007. Lá Thư vẫn đẹp như thuở nào, trình bày rất trang nhã, vẫn được AH đóng góp nhiều bài vở. Xin cảm ơn hai anh nhiều và xin gửi chi phiếu yểm trợ LT.

Sau đây vài suy nghĩ của tôi về LT:

Gửi Lá Thư AHCC

*Nhìn em vẫn trẻ như độ nào,
Ba mươi năm rồi chớ phải sao?
Nét đẹp xưa kia còn kiều diễm,
Nhớ em đôi lúc dạ nao nao.*

** BPT*

Mấy ai trong AHTH chúng ta có được cái bền bỉ giễu dại của anh. Làm việc đến trên 80 mới về hưu, vẫn còn tennis đều đều. Khi cầm đến viết là giọng thơ lại lại lảng lạng mạn như cái thuở tuổi đôi mươi. Xin bái phục, bái phục.

- **AH Nguyễn Trung Khanh, California**

Sau nhiều năm lưu lạc, tôi đã tìm về được dưới mái nhà AHCC. Cảm ơn anh và BPT đã gửi

cho tôi LTCC số 89. Tôi xin gửi kèm chi phiếu yểm trợ LT. Thân chúc các anh vui mạnh.

** BPT*

Mừng anh và một số AHTH sau bao nhiêu năm vì bận công việc làm ăn đã không có dịp liên lạc với LT, nay đã tìm về với đại gia đình AHTH Công Chánh. Mong rằng LT còn hiện diện nhiều năm nữa để giữ nhịp cầu liên lạc giữa các AHTH chúng ta.

- **AH Trần Khương, Massachusetts**

Kính chúc quý anh trong BPT LTAHCC và các chị cùng gia quyến một mùa lễ Giáng Sinh thật vui tươi và sang Năm Mới Mậu Tý sức khỏe dồi dào và vạn sự an lành.

** BPT*

Kính chúc anh và toàn thể AHTH vùng Đông Bắc Hoa Kỳ một năm mới vạn sự như ý. LT trông đợi sự đóng góp bài vở của AHTH vùng Đông Bắc.

- **AH Lâm Đốc Thượng, GA**

Tôi đã nhận được LTCC số 89. Xin cảm ơn quý anh.

** BPT*

Rất mừng anh cho biết đã nhận được LT. Bưu điện ngày nay chỉ phải phân phát một lượng thư từ bằng một phần mười ngày trước, nhưng lại chậm trễ hơn nhiều, và hay đưa lộn địa chỉ cũng như thất lạc.

- **AH Bà Phan Thanh Nguyên (Mai H Doan), CA**

AHCC kỳ này hình chụp nhiều quá mà ít bài hay.

** BPT*

AH nhận xét rất đúng là LT 89 đã dành nhiều trang cho Tường trình Hoạt động AHTHCC địa phương, nhưng đó chính là tôn chỉ của LT, các bài viết phải nhường chỗ cho các bài sinh hoạt. BPT luôn luôn kêu gọi AHTH đóng góp bài vở, nhưng số bài vở gửi đến càng ngày càng giảm đi, không biết tương lai sẽ ra sao.

- **AH Trần Quý Minh, FL**

Anh Chí thân. Hôm nay mới nhận được LTCC số 89. Với Florida kể là nhanh rồi. Đồng thời tôi lục thấy bài “Vô Thất”, xin gửi anh duyệt vì anh cũng là đệ tử của Bà Cô bên Bình Tây mà đi trước tôi tức là Sư huynh.

Xin gửi \$20 để yểm trợ LTCC. Khi nào đi Florida, mời anh chị ghé chúng tôi chơi. Thân chúc quý vị trong BPT và gia đình hoàn toàn hạnh phúc và thành công.

** BPT*

Cám ơn anh đã gửi cho tôi bài nhịn ăn “Vô Thất”. Tôi cũng có cơ duyên được truyền giấy phép Vô Thất. Đó là năm 1963, tôi được một người bà con là ông Ký Ái, bố vợ nhà văn Nhật Tiến, đưa đến tìm gặp Thầy từ núi Thất Sơn thỉnh thoảng về Saigon truyền giấy phép nhịn ăn Vô Thất. Lúc đó Bà Cô cũng chỉ là đệ tử như tôi chưa được phép truyền giấy, mà chỉ lo cơm nước cho Thầy khi Thầy về Saigon, cũng như sửa soạn bữa ăn xả Vô Thất cho các đệ tử mới. Các đệ tử mới, trước khi nhập thất phải sang Bình Tây để Thầy chỉ giấy và truyền mật quyết, và bắt đầu nhịn ăn vào thất, sau một tuần trở lại để xả thất. Tôi còn nhớ trong tuần Vô Thất tôi vẫn đến Trường Công Chánh làm việc và phụ tá AH Lê Minh Huy và AH Khúc Đản trông coi sinh viên đo đạc trắc địa tại sân trường. Đến cuối tuần anh bạn Nguyễn Vũ Hải, giáo sư toán, còn rủ đến nhà xoa bóp chườm. Tôi đã chơi 24 tiếng liên tiếp không ngủ không ăn chỉ có uống vài chai lemonade, trong khi đó các bạn bè thay phiên nhau đi ngủ. AH Bảnh cũng biết phép Vô Thất nhưng không biết nhập môn trước hay sau tôi. Về vai vế, nếu anh muốn sắp xếp thì ghi nhớ là tôi ngang hàng với Bà Cô đấy!

- **AH Nguyễn văn Phổ, CA**

Kính Anh Chí. Xin gửi anh tiền ủng hộ LTCC. Chúc Anh chị và các cháu Năm Mới sức khỏe, vạn sự như ý.

** BPT*

Cám ơn anh đều đặn gửi tiền yểm trợ LT. Chúc anh chị và các cháu một năm mới vui mạnh.

- **AH Phan Đình Tăng, LA**

Thân gửi Ban Phụ Trách LTCC. Từ ngày tôi về hưu năm 2005 tôi phải lo lắm chuyện liên hệ đến cơn bão Katrina (nhà cửa hư hại, bồi thường thiệt hại, nên sửa nhà hay bán nhà, tìm chỗ ở khác, v.v..) nên cũng ít có dịp liên lạc với LTCC cũng như anh em Công Chánh ở Louisiana. Người xưa có nói “Thất Thập Cổ Lai Hi” (Xưa nay ít có người sống 70 tuổi) (đời xưa). Ở City trên 70 thì Giám Đốc chỉ được giữ lại từng năm một nếu muốn tiếp tục làm việc. Vì vậy tôi phải cố gắng kéo cây đến 78 tuổi. Nay về hưu thì phải bớt trách nhiệm để dưỡng già. Vì vậy mà tôi đã bàn với anh Lê Thành Trang thay tôi làm Đại Diện Ái Hữu Công Chánh ở Louisiana. Anh Trang cũng thông cảm nên đã nhận lời.

Vậy từ nay xin Ban Phụ Trách đề Đại Diện AHCC Louisiana là AH Lê Thành Trang.

Thân gửi anh Chí. Tôi xin gửi anh \$30 để yểm trợ tài chánh cho LTAHCC.

Cám ơn Ban Phụ Trách LTAHCC đã gửi cho tôi Lá Thư số 89 Mùa Thu 2007. Nhìn vào LT số 89 chẳng khác gì nhìn một cô bạn đẹp 32 tuổi! Nhìn ngoài thì vậy mà khi vào trong lại thấy thật là hoàn hảo súc tích. Tôi đọc một mạch thấy rõ các bài đều có nhiều ý nghĩa và sung tích. Dân Công Chánh của chúng ta khi vào nghề không những phải liên hệ với con người mà còn phải liên hệ với trời đất, vũ trụ, với “Âm Dương” (Ngày Đêm), với Ngũ Hành “Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ, Kim”, rồi phải theo nhịp sống của con người “Sinh, Lão, Bệnh, Tử”.

Liên hệ đến con người như bài “Cầu Sông Hương” của bạn Hồ Đăng Lễ, cầu làm xong kẻ khen người chê.

Liên hệ đến ngũ hành như bài “Chuyện bão lụt ở Louisiana” của bạn Lê Thành Trinh.

Liên hệ đến sinh, lão, bệnh, tử như các bài “Sức khỏe với người già” của bạn Nguyễn Thái Hai, “Nhức nhối con tim” của bạn Nguyễn Thiệp Tràm Cà Mâu, và “Vĩnh biệt anh Hà Đức Trường” của bạn Nguyễn Thái Hai.

Khi thi vào trường kỹ sư ở Paris nếu thi đỗ sẽ được nhận vào nhiều trường, và họ hỏi lựa

trường nào? Càng lâu tôi càng thấy tôi lựa trường Công Chánh là đúng!

** BPT*

Sau bao nhiêu năm dính liền với ngành Công Chánh, kinh nghiệm về kỹ thuật cũng như hành chánh của thầy là một sở hữu quý báu con em mong được lãnh hội. Ngoài ra thầy còn nghiên cứu dịch lý để tìm thấy cái ràng buộc liên hệ của mọi sự thể trong thế gian này. Nay đã về hưu mong thầy dành chút thì giờ tiếp tục viết lại những kinh nghiệm quý báu đó.

• **AH Tôn Thất Tùng, CA**

Anh Chí thân mến. Tùng xin gửi đến anh chi phiếu \$50 kèm theo đây để đóng góp cho Lá Thư của chúng mình với niềm hy vọng LTAHCC sẽ mãi mãi là ánh sáng trong cộng đồng người Việt.

Sau cùng, Tùng nhờ anh với anh Giang vui lòng sửa lại phone ghi trong bảng danh sách của Tùng như sau: “Số điện thoại cũ ghi: 714-531 0580, nay xin sửa lại là: 714-963 8139”. Tùng xin cảm ơn anh và Anh Giang.

** BPT*

Cảm ơn anh đã đều đặn yểm trợ LT. Anh nói đúng, nhiều lúc nghĩ lại chúng ta cũng có quyền tự cho phép được vui mừng phấn khởi là LT đã được phát hành không ngừng trong 32 năm từ 1976 đến ngày nay, khó có một tập san Việt ngữ nào sánh kịp.

• **AH Trần Mộng Châu (tức Tỷ Khưu Thích Chân Văn, 84 tuổi), FL**

Kính AH Đức Chí. Kính gửi Anh một chi phiếu nhỏ, đóng góp cho Lá Thư Công Chánh. Đạo này hơi bận, sẽ cố gắng có bài viết, nạp cho Lá Thư Công Chánh....

Vẫn tập đều Dịch Cân Kinh, mỗi ngày hai buổi sáng chiều, mỗi buổi 600 phát tay, 12 phút một buổi. Ngoài ra còn đến gymnasium tập máy nữa, một tháng 30 ngày tập không nghỉ ngày nào.

** BPT*

Từ ngày thầy khoác áo cà sa, em nghĩ thầy đã đạt được “Không” một phần nào. Trong LT 89

trang 57 em có viết bài Luận về cái Không, nhưng không thấy ai phê phán gì cả. Vì tôn chỉ của LT chúng ta chỉ có thể viết một cách chung chung vậy thôi. Mong thầy gửi bài cho LT sau nhiều năm hành đạo.

Để đạt được kết quả của Dịch Cân Kinh, chúng ta phải tăng dần số vẩy tay lên đến 1800 cho một lần tập trong 30 phút. Vận chuyển kinh mạch trong người bắt đầu tác dụng khi ta sắp đạt được số vẩy tay 1800. Em thấy thầy còn tập ở gymnasium nữa, như vậy vẩy 1800 cái không là vấn đề với thầy.

• **AH Phạm Hữu Quang, OK**

KG Anh Chí. Báo Công Chánh càng ngày càng thêm bài vở. Cảm ơn Ban Biên Tập đã góp công sức vào việc viết lách và sưu tầm bài vở. Tôi xin được đóng góp chút ít vào quỹ của tờ báo.

Xin anh cho sửa lại điện thoại của tôi (Phạm Hữu Quang) là 405-721 6103. Số hiện ghi trên danh sách là 405-271 7339, là số điện thoại của số cũ, xin quý anh bỏ số điện thoại này.

Thân chúc các anh được dồi dào sức khỏe để tiếp tay cho tờ báo.

** BPT*

Cảm ơn anh đã đóng góp tài chánh yểm trợ LT. Theo như tôi được biết thì anh đã làm cho cơ quan cung cấp nước của tiểu bang Oklahoma đã bao nhiêu năm nay. Bây giờ anh đổi chỗ làm hay sao, mà lại nói sở mới sở cũ?

• **AH Đào Trọng Cường, Canada**

Vì tuổi cao, đọc hóa ra rất khó vì mỗi mắt, tôi yêu cầu hủy việc gửi Lá Thư cho tôi.

Lá Thư số 89 mới nhận được là Lá Thư cuối cùng.

Lá Thư đã để lại cho tôi khá nhiều kỷ niệm đẹp và đáng quý. Thân ái gửi ngân phiếu \$50 kèm theo cho vào quỹ Lá Thư.

** BPT*

Theo lời yêu cầu của AH, BPT sẽ ngưng gửi Lá Thư đến AH. Tuy nhiên BPT xin một đặc ân là được phép gửi đến AH một Lá Thư cuối cùng là Lá Thư số 90, vì Bài Hai Cây Đại Thụ vườn

Công Chánh AH Lê Khắc Thi viết đã được đăng trong số này. Hai cây đại thụ đó là AH Đào Trọng Cương 98 tuổi và Nguyễn Văn Minh 99 tuổi.

• **AH Trình Hữu Dục, CA**

Anh Chí, anh Thân, và quý anh thân mến. Cám ơn quý anh vẫn gửi đều LT AHCC và CD của LT. Lá Thư 89 số Mùa Thu 2007 in ấn rất đẹp, bài vở, hình ảnh rất trang nhã, hình thức nội dung có thể vượt qua một số nguyệt san VN vẫn thấy bày bán trong các tiệm sách báo tại Cali. Xin cảm ơn các anh trong Ban Phụ Trách, đánh máy, trình bày đã bỏ công phu để hoàn thành tờ báo...Tiện đây tôi xin kèm check yểm trợ Lá Thư. Cầu chúc Lá Thư mãi mãi trường tồn, sức khỏe quý anh luôn luôn bền vững, chân cứng đá mềm.Đồng thời xin quý anh cho rút tên tôi ra khỏi danh sách Ban Phụ Trách in nơi trang 2 tờ bìa. Cám ơn quý anh.

Rất mong trong Đại Hội AHCC năm 2008 sẽ được gặp mặt quý anh và các AH Công Chánh và Địa Chánh khác tại Montreal.

* *BPT*

Toàn thể các thành viên trong BPT cảm ơn anh đã đóng góp, cho ý kiến xây dựng trong những năm cộng tác với LT. Nay đã về hưu rảnh rang hơn thì anh lại xin rút lui khỏi BPT Lá Thư, anh em chúng tôi cũng đành phải chiều ý anh. Tuy nhiên chúng tôi sẽ luôn tham khảo ý kiến của anh.

Rất tiếc là Họp mặt AHTHCC tại Montreal không thành vì số người hưởng ứng quá ít. Dù được thông báo ngày giờ họp mặt gần một năm trước, nhưng AHTH chúng ta vì lý do này lý do khác vẫn không biết chắc chắn có tham dự được không. Tưởng là sau 10 năm Đại Hội AHCC lần thứ nhất thì hy vọng toàn thể AHTHCC có ít nhất một dịp để gặp nhau hàn huyên lần thứ hai, nhưng nay đành phải hủy bỏ, và chẳng biết bao giờ có một cơ hội gặp nhau đông đủ một lần nữa.

• **AH Nguyễn Kim Chi, VA**

Anh Chí. Xin gởi theo đây chi phiếu \$20 để yểm trợ Lá Thư Công Chánh, vì lúc này tôi không đi họp đều. Cho tôi gởi lời khen tặng các

anh em Ban Phụ Trách Lá Thư đã phát hành nhiều số càng ngày càng đẹp và bài vở súc tích lại thêm bỏ công rất nhiều, và áp dụng kỹ thuật để tiết kiệm chi phí phát hành rất lớn. Một cái chào thân ái cho tất cả.

* *BPT*

Đến tuổi của các anh di chuyển là cả một vấn đề. AHTH vùng Hoa Thịnh Đốn mấy năm nay mỗi năm họp nhau được có một lần, nên trông mong AHTH đến được đông đủ. Hy vọng gặp anh chị kỳ họp mặt tháng Tư này.

• **AH Võ Ngọc Khôi, Canada**

Kính gửi Thầy Chí. Cũng đã khá lâu tôi không có đóng góp tài chánh cho Lá Thư AHCC, nay xin được làm bốn phen yểm trợ US \$50, kính nhờ Thầy chuyển giúp.

Ngoài ra cách đây hơn một năm tôi có email nhờ thầy cập nhật danh sách cho một AH đang sinh sống tại đây nhưng từ trước đến nay vẫn chưa nhận được một Lá Thư nào. Vậy nhân dịp này kính xin thầy chuyển đến Ban Phụ Trách ghi thêm hội viên mới và gửi Lá Thư mới nhất (Mùa Thu 2007) cho anh ta, địa chỉ như sau:

Cao Thanh Long (Cáp Thủy)
2838-41 Ave
Edmonton, Alberta
Canada T6T1M4
Tel 780- 485 0209

* *BPT*

Xin lỗi đã sơ sót về cái email của anh. Sau khi nhận được thư này, tôi vội gửi LTCC cho anh Long ngay, và sau hơn bốn tháng gửi đi, hôm vừa rồi tôi email cho anh hỏi thăm, và mừng anh cho biết là anh Long đã nhận được LT.

• **AH Bà Trần Đình Thăng, Canada**

Danh sách yểm trợ LTCC:

Cụ Bà Phạm Hữu Vĩnh	US \$20
Bà Dương Thanh Đàm	US \$20
Bà Trần Đình Thăng	US \$20
AH Vương Ngọc Hồ	US \$20
AH Võ Ngọc Diệp	US \$20
Tổng Cộng	US \$100

Tôi xin thay mặt đi gửi một lần cho tiện.

Kính chúc quý anh trong Ban Phụ Trách được mọi sự tốt lành.

** BPT*

Cám ơn chị đã cống hiến công việc liên lạc một số AHTHCC Montreal với BPT Lá Thư, hơn nữa chị cũng rất sốt sắng tham dự các hoạt động địa phương của AHTH Montreal. Chị đã giúp nhiều ý kiến và kinh nghiệm tổ chức cho ngày họp mặt AHTHCC tại Montreal hè 2008, nhưng tiếc thay đã không thành.

- **AH Trần Ngọc Tuấn, VA**

Kính chúc anh chị và gia đình một mùa Giáng Sinh vui khỏe tràn đầy ơn chúa Kito, một năm mới an khang thịnh vượng, dồi dào sức khỏe và mọi sự như ý.

** BPT*

Mấy lần họp mặt sau này của AHTH vùng Hoa Thịnh Đốn không thấy có anh. Mong gặp lại anh kỳ họp mặt tháng Tư này. Chúc anh chị và gia đình một năm mới vạn sự như ý. Hình như anh cũng đã đạt tới tuổi Đại Thượng Thọ rồi đấy.

- **AH Nguyễn Văn Vinh, CA**

Tôi xin cảm ơn đã nhận được Lá Thư số 89 với hình bìa Mùa Thu hoa vàng đỏ bên cạnh hồ rất đẹp. Đọc lướt qua một lượt tất cả bài vở, phóng sự đã được quý AHCC soạn thảo, sáng tác rất công phu, phong phú.

Xin gửi kèm chi phiếu 30 đô la ủng hộ Lá Thư.

Chúc tất cả Anh Chị em AHCC sức khỏe, trường thọ cũng như Lá Thư thân yêu của chúng ta.

** BPT*

BPT luôn cố gắng để Lá Thư mỗi ngày một phong phú hơn hầu đáp lại những lời ban khen của anh, nhưng rất lo lắng vì đóng góp bài vở càng ngày càng thưa thớt.

- **AH Bùi Mạnh Cần, CA**

Xin cảm ơn anh và Ban Phụ Trách Lá Thư đã bỏ nhiều công và thì giờ để “sản xuất” Lá Thư thật toàn vẹn. Hình ảnh trong ngoài, cách sắp xếp

và in ấn rất “nhà nghề”. Cổ nhiên cũng cảm ơn các AH đã dày công sưu tầm, cộng với sự hiểu biết sẵn có, viết ra những bài thật giá trị và bổ ích. Không ngờ trong ngành Công Cảnh có nhiều “tài ngoài” như vậy. Đọc Lá Thư thấy hạp với nhu cầu hiểu biết của mình hơn là các tạp chí bán ở ngoài, kể cả các tiết mục sưu tầm lần kinh nghiệm cá nhân trong đời sống hàng ngày. Lời văn dí dỏm cũng đem đến nhiều thoải mái. Một lần nữa, xin “đại cảm ơn” tất cả anh em đã góp công trong Lá Thư.

** BPT*

AH đã quá khen LT. BPT luôn cố gắng để đáp lại trông đợi của AHTH, nhưng rất lo lắng vì LT 90 kỳ này lại phát hành muộn.

- **AH Trần Sĩ Huân, CA**

Kính anh Chí, Nhân dịp hôm nay lễ Thanksgiving, tôi gửi lời cảm ơn anh đã không ngại đường xá xa xôi đến thăm tôi trong trường hợp khó khăn. Tôi xin tri ân anh vô cùng và chúc anh được nhiều may mắn trong dịp Thanksgiving này. Xin chào anh.

** BPT*

Được gặp lại anh chị sau trên 30 năm xa cách, tôi vừa mừng vừa xúc động. Trước đó tôi đã nhiều lần liên lạc với anh nhưng chỉ qua email hay điện thoại, nay gặp lại thì mừng hơn nhiều. Anh vẫn giữ cái phong độ ngày xưa, hình ảnh tôi luôn ghi nhớ mỗi lần ra Nha Trang và có dịp gặp anh, dù bây giờ anh phải ngồi trên xe lăn. Chị vẫn bật thiệp vồn vã như ngày nào. Hy vọng có dịp gặp lại anh chị trong một ngày gần đây.

- **AH Trần Duy Chương, CA**

Thưa các chú, Cháu có người bạn muốn xin gia nhập AHCC. Xin các chú thêm tên của bạn cháu vào AHCC. Tên, địa chỉ, và sở làm việc của bạn cháu là:

Đình Phan Đức Trường Chinh
9841 Hummingbird Lane,
Garden Grove, CA 92841

Hiện đang là Kỹ Sư công chánh tại: City of Los Angeles, Bureau of Engineering, Department of Public Works.

** BPT*

Từ ngày anh Chương gia nhập Ban Phụ Trách LTCC, anh đã đóng góp rất nhiều cho LT. Ngoài ra hiện nay anh đang phụ trách mở mục Diễn Đàn trên mạng nhà aihuucongchanh.com. AHCC vui mừng đón nhận anh Chính gia nhập hội.

- **AH Nguyễn Hương Hữu, Norway**

Anh Chí thân, Xin nhờ anh nhận dùm LTCC số tiền 25USD này để hỗ trợ Lá Thư của chúng ta.

** BPT*

Cám ơn anh yểm trợ tài chánh cho LT. AHTH rất thích thú đón nhận bài “Mưu Sự tại nhân” của anh. Xin anh tiếp tục gửi bài cho LT.

- **AH Nguyễn Xuân Mộng, CA**

Xin chúc Anh chị, các cháu và các AH cùng gia đình trong BPT LTCC và vùng Hoa Thịnh Đốn được dồi dào sức khoẻ và vạn sự như ý trong năm mới Mậu Tý 2008.

Nhờ anh chị và các AH trong BPT LTCC đã đem hết công sức thực hiện Lá Thư, gìn giữ hình ảnh còn tồn tại mãi và càng ngày càng khởi sắc. Xin thành thật cảm ơn quý anh chị. Xin gởi chút ít để đóng góp cho LT.

** BPT*

Từ ngày anh rút tên ra khỏi BPT LT, anh chưa viết thêm một bài nào cho LT. Anh em mong đợi đóng góp của anh, bài vở LT bây giờ thiếu quá.

- **AH Phạm Lương An, CA**

Anh Chí thân mến, Gởi anh cái check \$30 để ủng hộ LT AHCC.

Ban phụ trách vùng Hoa Thịnh Đốn đã thực hiện Lá Thư từ số 82 đến nay, số nào cũng hay đẹp cả, thật rất đáng khâm phục.

Tôi vừa mới nghỉ hưu, từ tháng 11, 2007. Sau thời gian dài đi làm, được về hưu rất sướng.

** BPT*

Xin minh xác là chỉ có hai số LT 82 và 83 là do AHCC vùng Hoa Thịnh Đốn phụ trách. Sau đó

một Ban Phụ Trách gồm các AH ở các tiểu bang khác nhau ở Mỹ và ở ngoại quốc như AH Lê Nguyên Thông, Úc Châu, đã hợp lại lo điều hành xuất bản LT. Đến nay LT vẫn tiếp tục được in ấn và phân phối từ vùng Hoa Thịnh Đốn. Có thể trong tương lai LT sẽ được phát hành từ Bắc hay Nam Cali, nếu giá rẻ hơn.

Chúc anh những ngày điền viên được thư thái. Nay có nhiều thì giờ rảnh rỗi hơn, mong anh giúp bài vở cho LT, nhất là những kinh nghiệm làm việc của anh. Rất nhiều anh em còn nhớ anh là một sinh viên công chánh xuất sắc, đậu thủ khoa lúc ra trường. Tôi cũng đã về hưu từ tháng Giêng đến tháng Tư 2007, sau đó làm part time consultant ba ngày một tuần cho HDR, hằng tôi đã làm việc từ 1983 đến giờ, sau khi bị Ralph Parsons, Pasadena, CA, cho nghỉ việc.

- **TH Dương Văn Hoá, Canada**

Kính gởi ông Nguyễn Đức Chí, Thưa ông, đính kèm là chi phiếu UD \$20 ủng hộ Lá Thư Công Chánh của cụ bà Dương Minh.

Xin cảm ơn ông và Ban Biên Tập Lá Thư, đã đem lại niềm vui cho mẹ chúng tôi qua nhiều năm nay.

** BPT*

Xin cảm ơn TH đã gửi yểm trợ tài chánh cho LT. Mỗi lần nhận được thư của TH cho biết Cụ bà thân mẫu vẫn được an mạnh và tiếp tục thường thức đọc LT, anh em trong BPT Lá Thư rất phấn khởi vui mừng.

- **AH Lê Văn Thiên, Canada**

Kính gửi Anh Chí, Chắc Anh, gia đình vẫn khỏe và ăn Tết vừa qua vui nhiều chứ Anh Chí? Tiện đây, tôi xin gửi Anh Chí một ngân phiếu 20 US để yểm trợ Lá Thư. Cũng nhân ngày đầu Xuân, kính chúc Anh, các Ái Hữu trong Ban Phụ trách Lá Thư và gia quyến một năm Mậu Tý phúc lộc, an khang, và thành đạt trong mọi ước nguyện.

** BPT*

Tôi đã về hưu bán thời gian, nên năm nay là lần đầu tiên ngày Tết không đi làm. Bà vợ lấy

ngày phép nghỉ ở nhà ăn Tết với tôi, nhưng ngày Tết ở đây có gì đặc biệt đâu.

Cám ơn anh yểm trợ tài chánh LT. BPT kính chúc anh chị và gia đình một năm mới vạn sự như ý.

• **AH Lê Lương Tứ, CA**

Thân gửi anh Chí, Nhận được LTCC anh gửi đến hôm nay nhưng vì tôi mới mổ ở bụng còn nằm nhà chưa ra khỏi nhà để mua money order cho anh, xin lỗi anh nhé. Nay tôi gửi anh money order \$40 xin anh gửi thêm cho tôi một quyền nữa để tôi tặng bạn.

Trong danh sách AHTHCC địa chỉ của tôi ghi sai, Myrna chứ không phải Mirna.

* BPT

Anh làm sao mà phải mổ ở bụng, bây giờ đã hoàn toàn khỏi rồi chứ? Tôi sẽ gửi đến anh hai LT 90 khi nào phát hành. Mong anh có dịp qua vùng Hoa Thịnh Đốn chơi. Chúng tôi dự định có buổi họp mặt AHTH vùng Hoa Thịnh Đốn vào tháng Tư này.

BPT Mục Thư Tin xin hẹn lại LT91

Thông báo Hủy bỏ Hợp Mặt AHTHCC tại Montreal Hè 2008

Ban Tổ chức Hợp mặt AHTHCC xin tuyên bố Hủy bỏ Hợp Mặt Hè 2008 tại Montreal vì số người ghi tên quá ít (38 người) không kể AHTH Montreal và tiểu bang Quebec.

Ban Tổ chức xin cảm ơn các AHTH đã ghi tên tham dự, và xin lỗi đã không đáp ứng được sự mong đợi có ngày được hàn huyên đông đủ toàn thể AHTHCC của các quý AHTH đó.

Ban Tổ chức xin cảm ơn toàn thể AHTH Montreal và Quebec đã sốt sắng chuẩn bị lo tổ chức cho những ngày họp mặt Hè 2008 tại Montreal, nhưng tiếc thay không thành.

Ban Tổ chức xin chia xẻ tất cả các dữ kiện tổ chức (phần lớn đã đăng trên trang nhà aihuucongchanh.com), và giúp đỡ các ý kiến nếu cần cho những quý AHTH nào muốn tiếp tục tổ chức ngày họp mặt AHTHCC này.

Thay mặt Ban tổ chức,

Nguyễn Văn Khoa

Khuru Tòng Giang

Nguyễn Đức Chí



Anh Cho Em

Thơ:
N. T. Ngọc Dung

Phổ nhạc:
Huy Lâm

© 2004

Tango ♩ = 108

Anh cho em sớm mai hồng — Họa mi đánh
thức trong — lòng tình yêu — Đêm qua mơ thấy anh — nhiều —
— Gương soi e ấp điểm — kiều dáng em — Anh cho em nắng trưa
hiền — Sân trường mây — lùa qua — miền cỏ thơm — Lá me như
cũng xanh — hơn — Nữ sinh áo trắng rập — rờn bướm hoa — Anh
1. Next strain 2. To Φ
cho em cho em thăm chiều — tà — Chim uyên tìm — tổ là đã khóm
tre — Gió đưa sợi tóc sau — hè — Nhớ em xin hãy mau — về thăm
em — Anh cho em thiết tha đêm — Bàn khuya sách — vở chong —

đèn làm thơ — Xin đừng chậm trễ lời — thư — Để em xa

vắng tương tư một mình — Anh cho em đợi ân tình — Cửa tim đã

khép nhốt — hình bóng anh — Nhớ anh trăng cũng khuyết xanh —

— Giữa đêm sao sáng khắp — trời long lanh — Anh cho em nổi trôi —

hời — Gối nồng ôm giấc chơi vơi mộng về — Yêu anh huyền

hoặc bến mê — Hồn thơ lãng đãng ước — thề mai sau sau —

[8va ...]

... | D.S. Anh

CHUYỆN CHUỘT NĂM TÝ:

HỌ HÀNG NHÀ CHUỘT

TRỊNH HẢO TÂM



Bắt đầu cho 12 con giáp lại là một con vật nhỏ nhất trong số 12 thú vật dùng để đặt tên cho 12 năm: Đó là con chuột. Con chuột của năm Tý qua tranh ảnh nhân gian là một con chuột lắt nhỏ nhắn lông mịn chứ không phải là con chuột cống to đùng xù xì lông lá. Do đó khi gọi năm Tý bằng tiếng Anh thiết tưởng chúng ta nên gọi là “Year of the Mouse” thay vì “Year of the Rat” như nhiều người vẫn dùng. Con chuột lắt xinh xắn dễ thương hơn là con chuột cống dơ dáy lở lói. Dùng vì tính đánh máy ta cầm “Mouse” chứ đâu ai cầm “Rat”? Có lẽ cũng vì muốn tránh hình ảnh xấu xí của chuột nên người Trung Hoa mượn con vật khác cũng có họ hàng với chuột để thay thế cho năm Tý, đó là con Thỏ. Chuột sống gần gũi với loài người, có thể nói là chung một nhà, một mái ấm gia đình nhưng khác với lũ chó mèo được loài người thương yêu chịu đựng. Thân phận nhà chuột lại xấu số hẩm hiu vì tuy cũng sống chung một nhà nhưng loài người lại hắt hủi, ghét bỏ, tìm đủ mọi cách để hãm hại, tiêu diệt chuột. Do đó mỗi khi gặp mặt loài người là chuột vội vàng lẫn trốn!

Chuột là con vật như thế nào? Có đời sống riêng tư ra sao? Đóng góp được gì cho nhân loại hay chỉ là một loài vật có hại như phá hoại mùa màng, rút rĩa thực phẩm và mang đến bệnh tật? Đó là những điểm nhân dịp năm chuột sắp trở về, tìm hiểu cũng mang đến vài điều thú vị và bổ ích.

CHUỘT ĐẾN TỪ ĐÂU?

Chuột là con vật nhỏ bé, thân hình được bao phủ bởi lớp lông mịn màu đen xám, có mõ nhọn mọc lún phún vài sợi râu, mắt tròn đen luôn luôn đảo dắc kiếm tìm và đặc biệt hai vành tai tròn, lớn cũng nào cũng động đậy để nghe ngóng tình hình. Đuôi chuột nhỏ nhưng lại dài, gần bằng chiều dài của thân chuột. Chuột được xếp vào loài gặm nhấm (Rodents) và nằm trong bộ động vật có vú, là loài có vú nhỏ nhất trong thế giới loài vật.

Chuột có mặt trên quả địa cầu trước loài người rất lâu hàng 200 triệu năm về trước trong khi loài người thông minh nhất hành tinh thì lại xuất hiện muộn màng chỉ độ vài triệu năm gần đây mà thôi. Chuột sinh sống khắp mọi nơi trên địa cầu từ nơi hoang vu vắng vẻ cho đến thành thị đông đúc loài người. Từ sa mạc khô khan cằn cỗi cho đến những vùng đầm lầy ngập nước. Từ núi cao hiểm hóc xuống đến rừng sâu hoang dã. Nơi nào cũng có chuột vì chúng dễ thích nghi với mọi môi trường. Hoàn cảnh sinh sống, môi trường thiên nhiên đã thay đổi chuột thành rất nhiều loại khác nhau.



NÓI VỀ CHUỘT NHÀ

Loài chuột mà chúng ta thường thấy nhất là chuột nhà. Chuột nhà về ở chung với loài người từ thuở mới có loài người. Thức ăn loài người vứt bỏ đã nuôi sống chuột, nơi loài người ở là chốn dung thân an toàn mà các loài thú dữ khác không dám bén mảng tới. Từ chỗ ăn thức ăn loài người vứt bỏ, chuột lòn mạt ăn dần cả những thực phẩm loài người dự trữ để dành. Chữ chuột tiếng Anh “mouse” xuất phát từ cổ ngữ Sanskrit có nghĩa là “tên trộm”. Sanskrit là thứ tiếng ngày xưa được dùng ở một miền thuộc Châu Á là nơi mà các nhà khoa học cho rằng là nơi đầu tiên chuột xuất xứ. Từ Á Châu chuột lan dần sang Âu Châu, rồi Mỹ Châu. Thủy tổ của loài chuột nhà hiện đang sinh sống ở Bắc và Nam Mỹ được “di dân” du nhập qua đây theo những con thuyền của người Anh, Pháp, Tây Ban Nha vào những năm 1500. Chuột nhà thường có vẻ bận rộn, sinh hoạt cả ngày lẫn đêm không mệt mỏi nhưng chuột đồng sống nơi thôn dã chỉ thường ra khỏi hang vào ban đêm mà thôi. Chúng leo trèo giỏi, có thể đi trên những dây điện và nhảy từ nhà này sang nhà khác như làm xiếc.



Chuột nhà chúng ta thường thấy ở Mỹ có tên khoa học là *Mus musculus*, nhỏ hơn chuột lắt tít chuột nhà ở Việt Nam. Chuột nhà có thân mình dài từ 2.5 cho đến 3.5 inches (6.4 đến 8.9 cm) không kể đuôi. Thân chúng nhẹ nhàng nặng từ nửa cho tới một ounce (14 đến 28 grams). Lông mịn màng bao phủ khắp thân mình, có màu xám nâu trên lưng nhưng dưới bụng màu trắng vàng. Đuôi dài bằng thân mình, không có lông nhưng được bao bởi một lớp da

có vảy nhỏ. Chuột nhà có đầu nhỏ và dài, mõ nhọn có những sợi râu nhỏ và thẳng ở hai bên mép. Giống như mèo, những sợi râu “antenna” này giúp chuột nhận biết đường đi trong đêm tối. Chúng có hai tai tròn và lớn so với cái đầu nhỏ và hai mắt tròn, sáng trông giống như hai viên ngọc đen. Chuột nghe rõ nhưng mắt rất kém nhiều khi chúng “vô tư” đi vào những căn phòng sáng có người trong đó mà chúng không hay!

Như những loài gặm nhấm khác, chuột có những chiếc răng cửa khỏe mạnh, sắc bén và mọc ra mãi trong suốt cuộc đời của chúng. Với những chiếc răng giống như những cây đục, chuột có thể khoét lỗ xuyên qua gỗ, xé những bao bì tìm thức ăn đựng bên trong, cắn nát quần áo, sách vở, đồ dùng bằng da, vải trong nhà. Ở Sài Gòn ngày trước, một hôm tôi vận nhạc lên nghe, thấy âm thanh rè rè khác lạ, giọng ca mượt mà tôi hằng thích sao hôm nay dường như bị cảm cúm. Tháo chiếc loa ra xem thì hóa ra nơi màng rung một con chuột nào đó đã cắn thủng một lỗ! Loa thời đó đắt lắm chứ không như bây giờ!

Về đồ ăn của chuột thì chúng ăn tất cả mọi thứ mà người ăn, từ cá thịt, rau quả cho đến ngũ cốc. Chuột còn ăn luôn những thứ mà loài người không ăn như đồ làm bằng da thú, keo dùng để dán, phấn son của các người đẹp, kem đánh răng và ăn luôn cả...xà phòng để tắm rửa. Chuột ở đồng ăn côn trùng, lá cây, củ rễ, hoa trái...Chuột lúc nào cũng có vẻ bận rộn để tìm thức ăn nhưng thực ra chúng không ăn bao nhiêu mà phá cho hư thì nhiều!

Về chỗ ở của chuột thì nơi nào tối tăm, vắng vẻ, ẩm áp và quan trọng hơn hết là tìm được thức ăn thì chuột làm nơi sinh sống, xây dựng cuộc đời. Chuột có thể làm ổ ở một góc trong nhà kho, dưới một cây đòn trên trần nhà xe hay trong những thùng cát tông chứa đồ trên gác lửng hay dưới hầm nhà. Chuột hay cắn quần áo, chăn màn, xé gói lấy bông gòn để lót ổ. Chuột ở ngoài đồng thì đào lỗ dưới đất rồi đi nhặt lông chim hay cỏ khô để lót ổ.

Chuột là loài vật sinh sản nhiều nhất, một con chuột cái cứ mỗi từ 20 đến 30 ngày là đẻ một lần. Thời gian mang thai chỉ từ 18 đến 21 ngày và mỗi lứa chuột cái sinh được từ 4

đến 7 con. Chuột con có da màu hồng và không có lông, mắt nhắm nghiền chưa mở được, chỉ rọ rại trong ổ và bú sữa mẹ. Lông bắt đầu mọc khi chúng được 10 ngày và 4 ngày sau thì mở mắt. Chuột con quanh quẩn gần ổ cho đến khi được 3 tuần thì được coi như trưởng thành và bắt đầu thoát ly để sống cuộc đời tự lập. Chuột cái bắt đầu sinh con khi được khoảng 45 ngày.



Sinh sản nhiều nhưng chuột bị sát hại không phải là ít. Loài người có lẽ là kẻ thù số một của chuột. Người ta giết chuột bằng cách đặt bẫy, để thuốc độc ở những nơi chuột hay bén mảng. Còn nhớ chiến dịch diệt chuột ở Việt Nam năm 1977 là một điển hình vì lúc ấy là thời “bao cấp” còn áp dụng chế độ phân phối lương thực, nhà nào cũng dự trữ gạo, bột mì, khoai sắn, bo bo nên chuột sinh sản rất nhiều, nhà nào cũng có chuột đủ mọi loại: chuột lắt, chuột chù (chuột xạ), chuột cống, tới mèo còn ngán không dám bắt chuột! Nhà nước phải huy động lực lượng công an vào tận bếp để đặt thuốc chuột. Ở Ấn Độ cũng nạn chuột quá nhiều, thành phố New Delhi phải tuyển dụng 500 nhân viên diệt chuột. Những người tân tuyển trong tháng đầu thử thách mỗi ngày phải nộp 30 đuôi chuột thì sau đó mới được vào “biên chế” nhà nước. Họ giết chuột không đủ số nên phải đi mua đuôi chuột từ trẻ con. Vụ này được báo chí làm phóng sự nên tòa thị chính New Delhi xem lại hồ sơ tuyển các nhân viên diệt chuột thì đa số đều có bằng...cử nhân (bachelor) hay cao hơn nữa! Trí thức thặng dư vì Ấn Độ có quá nhiều trường đại học mà sinh viên sau khi tốt nghiệp không có việc làm nên phải làm đỡ nghề...giết chuột!

Trong nhà kẻ thù thứ nhì của chuột là mèo và chó. Ngoài đồng chuột cũng là nạn

nhân của các loài thú ăn thịt sống như chó sói, chồn cáo, trăn rắn, quạ điều. Đồng thời những giống chuột lớn hơn như chuột cống, chuột đồng cũng không nghĩ tình đồng loại mà tha mạng cho chuột nhà! Chuột nhà nếu may mắn hay giỏi trốn tránh thì cuộc đời có thể kéo dài được một năm nhưng vì có quá nhiều kẻ thù trong lẫn giặc ngoài nên đa số giống chuột chỉ thọ được đôi ba tháng là nhiều.

NHỮNG GIỐNG CHUỘT ĐẶC BIỆT

Những loại chuột có thành tích hay đạt được những kỷ lục đặc biệt mà các nhà khoa học ghi nhận được, có thể kể ra như sau:

Chuột nhỏ nhất: là loại Savi's Pygmy Shrew (*Suncus etruscus*) thân chỉ dài có 1.4 inches tức 35 mm, đoạt giải quán quân là loại động vật có vú, không bay được, nhỏ nhất thế giới (the smallest non-flying mammal in the world). Chúng nguyên quán từ vùng Địa Trung Hải lần lần Đông tiến về Á Châu tới tận Mã Lai và Nam tiến xuống Phi Châu tới tận mũi Cape. Chúng ăn côn trùng và vì mình nhỏ nên có thể chui trong hang của trùng đất để ăn những con này.

Chuột Savi's Pygmy Shrew



Chuột săn mồi lớn hơn nó: là chuột châu chấu ở Úc Ingram's planigale (*planigale ingrami*) thân chỉ dài từ 2.3 đến 3.5 inches, nặng cỡ 5 grams nhưng có thể xoi châu chấu lớn bằng thân nó. Với đầu nhọn chúng có thể đút đầu vào những kẽ nứt để bắt mồi. Mỗi ngày chúng xoi từ 6 đến 8 con châu chấu.

Chuột có nọc độc: là chuột cụt đuôi Short-tailed shrew (*blarina brevicauda*) là động vật có vú duy nhất có nọc độc. Chúng chỉ sinh sống ở Bắc Mỹ, thường trú ngụ dưới hang nhưng Đông đến chúng đục tuyết ngoi lên đi tìm thức ăn. Những con thú dù lớn bằng người bị nó cắn, phải chịu đau nhức mấy ngày liền vì trong nước miếng chúng có nọc độc.

Chuột sinh sản nhiều nhất: mang danh hiệu đẻ nhiều nhất là chuột Multimammate Rat (*praomys natalensis*) gần giống như chuột lắt VN ta, chúng sinh sống trên những vùng núi cao Phi Châu. Nó có thể sinh 10 con trong một tháng và 120 con trong một năm với điều kiện thuận tiện.

Chuột đào đất giỏi nhất: là loài chuột ở miền Nam nước Nga có tên European Mole Rat (*spalax microphthalmus*). Chúng dùng những chiếc răng cửa nhô ra để đào đất và cái đầu lớn hơn thân mình khá cứng để ép đất qua hai bên. Vì đầu lớn che mất cặp mắt rất nhỏ nên chúng hoàn toàn mù không thấy đường!

Chuột không có lông: là loại chuột duy nhất không có lông nên được gọi là chuột trần trụi Naked Mole Rat (*heterocephalus glaber*). Suốt cuộc đời sống dưới hang trong lòng đất lạnh. Chúng chỉ lên mặt đất khi nào hang chúng bị loài thú khác đào xới lên. Chúng sống tập thể thành từng đàn từ 50 đến 100 con dưới quyền chỉ huy của một nữ chúa như xã hội loài ong. Trong đàn chúng được phân công đẳng hoàng: những con nhỏ và trẻ nhất có nhiệm vụ đào hang và chuyển tải lương thực từ hang ngoài vào trung tâm bộ chỉ huy nơi nữ chúa ngự trị.

Những con lớn hơn thì tuần tra hệ thống địa đạo, kiểm soát những kẻ lạ mặt xâm nhập và tu bổ những phần hầm sụp lở. Phần nhân sự còn lại đông nhất không phải lao động vất vả mà chỉ có nhiệm vụ duy nhất là...phục vụ cho nữ chúa. Trong đàn bao giờ cũng có vài chuột cái sẵn sàng lên thay thế khi nữ chúa chết hoặc rời đàn để lập một “vương quốc” mới. Loài chuột này sống ở miền Đông Phi Châu, chúng ăn củ rễ, thân cây nên hệ thống địa đạo của chúng thường xây dưới một vùng đất có những rễ cây chúng thích.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA CHUỘT VỚI LOÀI NGƯỜI

Người ta không ưa chuột vì chuột hay phá hoại như cắn rách quần áo, vật dụng, đục khoét những nơi chứa lương thực. Chúng ăn thì ít mà cắn phá, làm dơ bẩn đồ ăn thì nhiều. Ngoài đồng chúng phá hoại mùa màng như cắn lúa non, đào xới khoai sắn, đậu vừng. Thân thể chúng chứa nhiều vi trùng (như chuột cống) gây những bệnh truyền nhiễm đưa đến tử vong rất cao nhất là ở những nơi dân cư đông đúc, thiếu vệ sinh như các bệnh dịch tả, dịch hạch v.v... Tại Hoa Kỳ mặc dù tiện nghi và vệ sinh công cộng khá tốt nhưng vẫn phải đề phòng các bệnh dịch do chuột đưa đến và lây lan. Muốn chuột không có nơi sinh sản, chúng ta nên giữ gìn nhà cửa vệ sinh, không chứa những món không cần thiết. Những đồ đạc không cần dùng nên cho các hội từ thiện hoặc bán “garage sale”. Các lỗ thông hơi trong vách tường phải được chặn bằng lưới để chuột ra vào không được. Thùng rác phải có nắp đậy kín. Ngoài sân đồ ăn cho chó mèo không nên để dư, trái cây chín rơi rụng phải nhặt bỏ và cây cối, hoa kiểng không nên để um tùm.



Tuy bị mang tiếng là phá hoại nhưng chuột cũng đóng góp khá quan trọng cho y học. Chúng được nuôi để nghiên cứu sự tiến triển của một căn bệnh như ung thư, để thí nghiệm những loại thuốc mới, để quan sát về phản ứng tâm lý. Chuột cũng được nuôi như thú vật nhà ngang với chó, mèo, cá kiểng đó là những con chuột bạch trắng nõn nà được nuôi trong lồng để làm cảnh. Chúng hoạt động liên tục: leo lên thang, chun vào lồng quay, xem rất vui mắt. Cũng như khỉ và chó, chuột cũng được đưa lên màn ảnh để tạo những cảnh dơ dáy, ghê tởm

với hàng ngàn con chuột cống bò lổm ngổm trong những đường cống tối tăm như trong phim “Indiana Jones, The Last Crusade”. Những con chuột này đã được hăng phim bỏ tiền ra gây giống và nuôi cho lớn trong một nơi sạch sẽ để đem lên màn ảnh đóng chung với người.

Chuột cũng còn là một...món ăn ngon! Ở nước ta khi hết Tết ra Giêng, lúa gặt xong, ruộng đồng khô ráo là lúc chuột đồng mập tròn, no nê vì ăn lúa. Đó là mùa bắt chuột rất vui và hấp dẫn. Người ta đốt rơm rạ, ung khói rồi quạt khói vào các hang chuột. Chuột cay ngộp vì khói đành phải bỏ hang mà trồi lên mặt đất. Bên trên người ta đã mai phục với gậy, thúng và đàn chó. Chuột ngơ ngác ngoi lên khỏi hang là bị thộp đầu bỏ vào rọ tre. Chuột đồng sau khi lột da, chặt bỏ đầu đuôi, chân cẳng, bộ lòng được ướp gia vị, chế biến theo thịt rừng như xào lăn với nghệ, củ hành, um với lá cách, nướng sả ớt hay khía với nước dừa. Món nào cũng thơm ngon và lạ miệng, đưa cay với rượu đế thì tuyệt vời, khỏi chê! Viết đến đây mà tôi không khỏi thèm món thịt chuột mà hồi nhỏ đã từng ăn. Không phải chỉ có nước ta mới ăn thịt chuột mà nhiều xứ khác cũng biết thưởng thức món ngon này. Chuột cũng là nguồn cung cấp chất đạm (protein) cho những nơi thiếu thịt thà. Nhiều cựu tù nhân cải tạo hiện sinh sống ở Mỹ cho biết trong những năm lao động khổ sai rất thèm thịt thà, lâu lâu bắt được một con rắn mối hay con chuột, nướng lên còn ngon hơn sơn hào hải vị của các nhà hàng tiệc cưới bây giờ!

CHUỘT TRONG CA DAO TỤC NGŨ

Chuột gần gũi với loài người nên cũng thường được nhắc đến trong ca dao, tục ngữ. Chuyện “Đầu voi đuôi chuột” là chuyện bắt đầu nghe rất xôm tụ, làm chiến sĩ nức lòng nhưng kết thúc không kèn không trống, mạnh ai nấy tan hàng, đi ăn...thịt bò bảy món! “Cháy nhà mới ra mặt chuột” chuột thường ngày trốn tránh, chỉ thấy chuột khi nhà bị cháy. Câu này ám chỉ những kẻ “theo đám ăn tàn”, “theo voi hít bã mía”, “phù thịnh không phù suy”, thấy ai đang “phát” thì theo, tới khi phá sản trở cờ...làm ngơ!

Đôi vợ chồng mới cưới còn nghèo phải ở chung với cha mẹ, đêm đêm muốn gặp nhau, anh chồng căn dặn cô vợ rằng:

*Chuột kêu chít chít trong rương
Em đi cho khéo đừng giương mẹ hay!*

Trong kho tàng văn chương truyền khẩu, có truyện ngụ ngôn được kể như sau: Một hôm nọ, một con chuột chẳng may bị con mèo vồ phải. Chú chuột khản khoản nài xin chú mèo: “Thưa bác mèo, tôi đang trên đường ra chợ để mua thịt cá làm giỗ cha tôi. Xin bác tha cho! Ngày mai cúng giỗ, tôi xin mời bác tới ăn giỗ”. Mèo nghe nói tới thịt cá thì thèm rỏ dãi bèn tha cho chú chuột để chuột đi chợ mua thức ăn làm giỗ, ngày mai tới cũng không muộn?” Hôm sau mèo tới nhà chuột trên ngọn cau thì chẳng thấy bóng dáng một ai, giỗ không có mà chuột cũng bắt tằm! Mèo lớn con nhưng rất vô tư, quá ngây thơ nên bị chuột lừa:

*Con mèo trèo lên cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?
Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm, mua muối giỗ cha chú mèo!*



Hình ảnh đàn chuột cũng được dân gian ngày xưa đưa vào tranh mộc bản làng Đông Hồ để treo trong những ngày Tết. Qua bức tranh “Đám Cưới Chuột” ta thấy cô dâu và chú rể chuột khăn áo chỉnh tề đi dưới lọng che được các cô dâu chuột khác cầm. Quan viên họ hàng nhà chuột theo sau đầu đội khăn, tay cầm quạt, quần áo lượt là vừa trông ngộ nghĩnh, vừa trông buồn cười. Mong năm chuột sắp đến, tất cả mọi người trong chúng ta cũng hạnh phúc, đề huề như trong tranh “Đám Cưới Chuột”.

TRỊNH HẢO TÂM.



Bèo Dạt Mây Trôi (3)

(Tiếp theo)

U Tà

Sông Nile chảy qua thành phố Cairo với nhiều đảo và 2 đảo chính là Zamalek và Roda. Tôi cư ngụ ở đảo Zamalek, trong một chung cư 10 tầng lầu. Tôi ở tầng 10 và mỗi thứ Sáu (theo Hồi giáo thứ Sáu là ngày cuối tuần) lại có dịp xem hàng trăm cặp trai gái Cairo vai kề vai ngồi cặp này cách cặp kia chừng 10m nhìn ra bờ sông (họ nói gì thì không nghe nhưng không có cảnh hôn hít). Có một điều lạ là sông tuy nước chảy hiền hòa nhưng không hề thấy một người nào lội trong nước, ngay cả những đứa con nít mà chúng ta thường thấy ở sông ngòi VN. Sợ cá sấu chăng? Làm gì có!.

Đơn vị tiền ở Ai Cập là Livre (Pound). Một Livre ăn 100 đồng (piastres) và 1 đồng ăn 100 xu nhưng vào thời kỳ tôi đến làm việc (1985) đồng piastre gần như không mua được cái gì đáng giá trừ Bánh Mì vì nhu yếu phẩm này được chính phủ tài trợ giữ giá cho người nghèo được mua¹.



¹ Sau này hình như World Bank và the USA làm áp lực bắt Ai Cập phải thôi tài trợ giá Bánh Mì và dân Ai Cập nổi giận biểu tình khiến chính phủ phải rút lui quyết định thả nổi giá ô Bánh Mì.

Ai Cập lúc đó cũng còn giữ hai chế độ mật dịch. Chế độ Hợp Tác Xã (HTX) giá cả do chính phủ ấn định mà ‘mua cái đình cũng sắp hàng!’, và chế độ buôn bán tự do. Cửa hàng HTX thì tối tăm, tường quét nước vôi từ thời kỳ vua Farouk lưu vong chưa hề quét lại. Đèn điện thì mù mờ và hỏi mua gì cũng nói hết nhất là Gạo, Trà và Đường. Sáng mặt trời chưa mọc đã có các bà nội trợ mặc áo đen trùm kín mít từ đầu đến chân ngồi sắp hàng chờ mua. Mà mua gì? Rau cải và cà chua!! Các nhà hàng loại mua bán tự do thì lẽ tất nhiên giá đắt gấp mấy lần nhưng có hàng để bán, nhà cửa khang trang, đèn đuốc sáng trưng và rất nhiều tiệm được gắn máy lạnh! Tôi nhớ lần đầu mới đến ở Cairo tôi đi cùng ông tài xế mua Gạo, Trà, Đường và thịt Bò. Ông ta nói để ông ta đi mua ở HTX cho rẻ. Ông ta đi về và chỉ mua được Gạo và thịt mà thôi, không có đường và trà. Chiều đến tôi lấy gạo ra nấu cơm.. Vì là dân Việt cho nên tôi cũng biết trước khi nấu nên coi lại để lượng sắn. Trời đất khi đổ gạo ra đĩa tôi thấy rợn người, may mà tôi có ý định coi lại nếu không thì tôi phải đi nha sĩ rồi. Gạo đâu mà toàn là sạn!! người ta thường nói Gạo 10% Tầm đây là Gạo trên 10% Sạn, thôi đem cho chim ăn cho rồi. Dân Cairo nuôi rất nhiều chim bồ câu (như chuồng bồ câu nơi Chùa Chà ngoài vòng thành Bộ CC) cho nên các con chim này rất welcome gạo HTX. Tôi lười miếng thịt Bò ra định làm steak ăn. Thịt chi mà toàn là bạng nặng và mỡ ri nì?. Lạng lui lạng tới gần hơn ½ giờ mới xong và 1 kg thịt chừ còn lại 0.5 kg. Chưa hết chắc con Bò này trước khi hoá kiếp đã cày hàng ngàn mẫu ruộng cho nên thịt nó dai/đéo như cao-su Labé. Thôi đi ra ăn tiệm vậy, còn thịt thì đem hầm lấy nước làm súp và tôi giã từ thức ăn mua ở HTX từ đó. Sau đó tôi mua thịt ở nhà hàng thịt. Ở đây người ta bán thịt Bò bằng cách treo lủng lẳng con Bò (lẽ tất nhiên

thấp được cũng không có thịt Heo). Muốn ăn miếng thịt nào cứ chỉ miếng đó để cho anh hàng thịt cắt cho và nhớ phải có một chút boa (pourboire) để lần sau anh ta phục vụ chu đáo. Muốn mua filet thì phải hỏi để anh ta vào tủ lạnh lấy ra. Có một lần tôi hỏi mua filet anh ta trả lời Insh Sha Allah rồi đi vào trong một lúc lâu không thấy ra, té ra đến giờ cầu kinh nên anh ta trải thảm lạy cái tủ vì cái tủ này hướng về hướng La Mecca!!

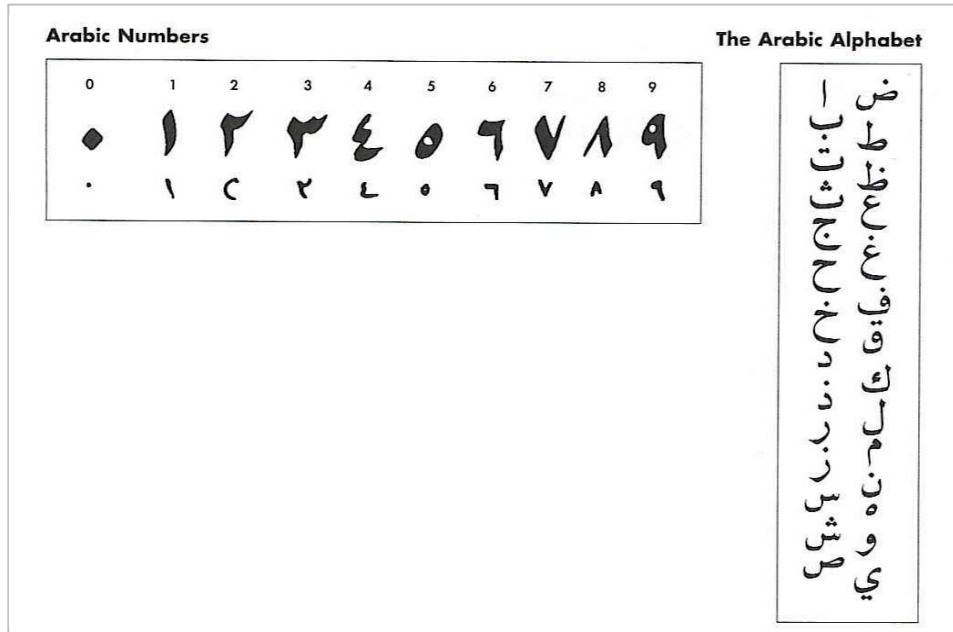
Dân ở đây ăn cà chua theo lối purée nên họ không lo lắng về việc cà chua bị dập, tôi ăn cà chua theo lối xắt lát, nhưng nhờ có lì xì nên lần nào đến mua cà chua ông chủ tiệm cũng vào nhà sau lựa những trái cà mới ửng hồng không dập. Cách ăn Xoài ở đây cũng vậy. Dân địa phương mua xoài chín lấy tay bóp cho mềm nhũn ra, cắn vỏ ở phía đầu nhọn rồi nút thịt xoài đã được bóp nhũn

ra! Chúng ta thì ăn xoài gọt vỏ hoặc cắt lát vì vậy xoài phải là trái không bị dập nát nhưng tôi luôn luôn được ăn xoài tuyển lựa nhờ có lì xì. Đúng là ‘đa kim ngân phá luật lệ’. Tưởng cũng nên nói thêm là xoài ở Ai Cập ngon như xoài Thanh Ca và xoài Cát bên nhà. Thịt ngọt nhiều nước và tuyệt đối không có xơ như xoài chúng ta thường gặp phải ở Mỹ.

Cái khó nhất của dân học chữ viết theo chữ La Tinh là tuy biết chữ mà cũng như mù vì chữ Ai Cập viết ngoằn nghèo như rắn bò. Khi Mỹ bắt đầu đổ tiền ồ ạt vào Ai Cập như đã từng làm ở Việt Nam thì chuyện phải làm là các bảng/biển chỉ dẫn trên xa lộ do Mỹ viện trợ đều có hai kiểu viết: chữ Ai Cập ngoằn nghèo và chữ La Tinh quen thuộc. Các con số lại treo căng ngổng. Các chữ số chúng ta thường viết được gọi là Số Ả Rập (Arabic numerals) nhưng người Ai Cập lại dùng cách viết số của các nước khối Ba Tư (Farsi). Muốn nhớ các dạng

số này tôi bèn tự chế ra một bài hát lạc vận như sau:

Zero (0) là Chấm bụi ▪, Một (1) chống gậy, Hai (2) là Rờ² ngược, Ba (3) như hai cái ngực đàn bà!, Bốn (4) là Epsilon, Năm (5) là chữ O, Sáu (6) là 7, Bảy (7) là V và Tám (8) là V ngược đầu, Chín (9) là 9 rồi Mười (10) là Gậy chấm đất !!



Người Ai Cập ăn những đặc sản gì? Bánh Mi loại tròn như một cái đĩa cỡ 15 cm mà các siêu thị ở Mỹ gọi là Pita Bread. Không biết họ



làm cách nào mà khi nướng chín thì bánh có thể tách làm hai mảnh như một cái túi (danh từ thông dụng

của Pita Bread là Pocket Bread) trong đó có thể nhét bất cứ những món nào mình thích như cá hộp, thịt xá xiu, xiu mại v.v. Người Ai Cập thì nhét Foul hoặc Falafel. ‘Foul’ một thứ đậu nấu có thêm một chút dầu olive và nước chanh vắt. Falafel làm bằng đậu xanh (chick peas) xay nhuyễn trộn với một ít rau và gia vị. Bánh

² Chữ ‘r’ viết theo lối Mỹ

Falafel nhỏ bằng chiếc nem nướng được chiên lên vàng rộm trông rất bắt mắt và ăn rất ngon mà lại rẻ tiền! Theo thống kê, mỗi người Ai Cập trung bình mỗi ngày ngốn hết 1.4 kg bánh mì (và bao nhiêu grams bụi thì không thấy thống kê nói tới) nhiều đến nỗi là Ai Cập phải nhập cảng thêm lúa mì để cung ứng nhu cầu và Chính phủ phải tài trợ để giá bánh được bán rẻ cho dân dùng. Tôi nhớ hình như là mỗi cái giá 1đ. World Bank làm áp lực bắt chính phủ Ai Cập phải bỏ tài trợ bột mì làm bánh mì để cho giá bánh mì tăng lên và kết quả là dân chúng xuống đường biểu tình phản đối khiến chính phủ phải cấp tốc thu hồi quyết định tăng giá bánh mì như đã nói trước đây. Một món khoái



BREAD Bánh Mì nóng bụi nēē.e...

A man on his rounds delivering bread. The

khẩu khác là khoai ngọt nướng than củi. Khoai vừa thơm, ngon mà giá lại quá bèo. Người bán khoai nướng dùng một thùng phuy, gắn thêm ống khói vì đốt củi. Khoai thì lúi tro ăn không chê vào đâu được. Kể đến là món thịt nướng shauwarma. Từng lớp thịt Cừu hoặc Gà xắt mỏng có ướp gia vị được sắp lớp trên một cây thép thẳng đứng và cây thép này quay vòng quanh một lò đốt. Máy này gọi là shauwarma. Lửa đốt thịt chín thơm phức như nem nướng hoặc sườn nướng ở bên VN. Khi khách gọi thì người bán lấy dao gọt phần thịt bị cháy rồi bỏ nhét vào bánh mì pita hoặc bánh mì sandwich, vừa rẻ vừa ngon không ngày nào tôi không ăn món này và falafel. Tới đây tôi xin kể một

chuyện vui liên quan đến thịt nướng shauwarma.

Một chú bé con mua một ổ bánh mì pita rồi lết đến gần chỗ nướng thịt shauwarma. Chú ta cứ cắn một miếng bánh mì rồi lại hít hơi thơm của thịt nướng và cứ như rửa cho đến khi hết ổ bánh mì. Anh bán hàng thịt nướng chờ chú bé ăn xong rồi đòi tiền. Chú bé hỏi:

Tại rằng Chú đòi tiền con? Con đâu có mua thịt nướng của Chú mô?

Mày hít hơi thịt nướng của nhà hàng thì mày phải trả tiền chứ, anh hàng thịt nướng đáp. Ai hơi đâu mà nướng thịt cho mày ngửi để ăn bánh?.

Chú bé con lanh trí bèn lấy mấy đồng xu bỏ vào trong một cái lon sữa bò rồi nói với anh bán thịt nướng: ‘Chú lắng tai nghe đây, con lắc mấy đồng xu cho Chú nghe’. ‘Tiếng kêu của mấy đồng xu cũng kể như con trả tiền cho mùi thịt nướng mà con hít, Chú chịu chưa?’ Anh hàng thịt nướng chịu thua thằng bé, chỉ biết gỡ gạc bằng cách quát: ‘Ranh con, xéo đi chỗ khác cho ông nhờ!!’

Có một món khoái khẩu khác mà chỉ có người bản xứ mới thích đó là món Mỡ Đuôi Trừu. Đằng sau đuôi Con Trừu có một túi mỡ mà dân ở đây rất thích. Nói cho

ngay thì cũng giống như chúng ta thích Phao Câu Gà vậy thôi. Mỗi dân tộc có một vài đặc sản khác nhau mà thôi!. Cục mỡ này vừa béo vừa hôi mùi Trừu, thịt còn ăn không nổi huống chi là mỡ ; may mà tôi đã được mấy người cộng sự viên Ai Cập báo hiệu trước nên không bị cái cảnh ‘Nuốt Vô không được Nhả Ra bất lịch sự, bất kính với chủ nhà!'

Nói về Cairo nhiều quá vậy chừ nói tới công việc mà tôi được giao phó. Tôi là Trưởng Đoàn (Team Leader) của một đoàn sáu người được USAID ký hợp đồng qua Cty tôi phục vụ để Huấn Luyện, Điều Hành và Bảo Trì (TOM: Training, Operation & Maintenance) một nhà

máy nước tại Cairo. Nhà máy nước này với công suất 350 000 m³/d do một công ty Mỹ thiết kế và giám sát công tác xây cất. Trong thời gian làm việc ở chức vụ này có 3 sự kiện đáng ghi nhớ: Mỹ da vàng, Đụng chạm với Sếp nhà máy và Đụng chạm với Cty Thiết Kế.

Mỹ Da Vàng: TT TGD Thủy Cục Cairo (TCC) mở hội chợ giới thiệu TCC với quần chúng. Đây cũng là một cách moi tiền của TCC bằng cách ‘khuyến khích’ các nhà thầu xây cất, các nhà sản xuất dụng cụ và sản phẩm liên quan đến ngành nước và Cty Cổ vắn triển lãm những món hàng của mình. Diện tích các gian hàng được cho thuê với giá cắt cổ! Đến ngày khai mạc đoàn của chúng tôi, cũng như những đơn

vị triển lãm khác, đứng sắp hàng trước gian hàng của mình để đón chào Trung Tướng Tổng Trấn Cairo, người được mời khai mạc hội chợ. Tôi với tư cách trưởng đoàn đứng trước gian hàng và kẻ đó là 5 người còn lại. Khi đi đến trước gian hàng thì TT

Trần tay bắt mặt mừng trước nhất người Mỹ trắng đẹp trai cao ráo đứng kế tôi. Tôi đoán là ông TT tưởng người này là Trưởng đoàn vì chưa ai thấy một ông da vàng làm trưởng đoàn hết!! (Về sau ông ta nhún lời xin lỗi nhưng chuyện thiên hạ thấy trước mắt là ông ta bắt tay một người Mỹ da trắng!!)

Sếp Nhà Máy Nước mất Chức. Trong chương trình huấn luyện tôi có mua một nhu liệu ‘Học Đánh Máy’. Đây là một loại ‘vui để học’ Thật vậy khi đánh đúng mẫu tự thì phi đạn phóng ra và khi đánh trúng một chữ thì nhạc Đoàn Ky

Binh (Light Cavalry trong bản nhạc nổi tiếng Aida) trỗi lên. Sếp Nhà Máy khoái quá và chiếm luôn phòng học cùng máy computer để chơi game này. Ông ta khoá cửa phòng lại và nhân viên điều hành và tu bổ than trời như bộng vì không có chữ ký của Sếp là không làm chi được mà Sếp thì mãi chơi game không chịu cho gặp mặt. Nhân viên bèn nhờ tôi can thiệp nhưng vì Sếp mê game quá nên nói như nước đổ lá môn!! Chuyện gì phải tới sẽ tới, chuyện Sếp Nhà Máy không chịu làm việc mà chỉ chơi game bay thâu tai TT TGD. Rứa là một Sự Vụ Lệnh hoá tốc thuyền chuyển Sếp Nhà Máy đi khỏi nhà máy trong 24giờ!. Trước khi đi Sếp trách tôi tại sao lại can thiệp vào chuyện của



(Sông Nile, Cairo)

ông ta. Đúng là oan ông địa vì tôi đâu có hề được TT TGD hỏi gì đâu!! Rứa là tôi bị mang tai tiếng và bị ảnh hưởng xấu về sau này với Thủy Cục Cairo (TCC) khi tôi được cử trở về TCC hơn 5 năm sau, khi mà TT TGD không còn tại chức nữa!!

Đụng chạm với Cty Cổ Vắn Thiết Kế (Design Engineer). Trong lúc điều hành nhà máy nước 350 000 m³/d này đoàn chúng tôi gặp nhiều trở ngại mà phần lớn là do thiếu sót trong thiết kế.

Tôi ghi những thiếu sót này trong tờ trình hàng tháng cho USAID. Cty Thiết Kế, bằng cách nào tôi không biết, nghe được những báo cáo không mấy hay ho này và họ tức tởm cho ông Phó Chủ Tịch đặc trách Ngoại Vụ (PCT NV) qua Cairo gặp tôi. Sau đây tôi ghi ra theo hình thức đối thoại vui câu chuyện giữa ông PCT NV.

- Chú mày làm chi mà chỉ trích cty tau quá trời vậy?
- Tôi chỉ viết ra sự thật mà thôi vì đó là nhiệm vụ của cty tôi khi ký khế ước với USAID.
- Đồng ý nhưng Chú viết nhẹ tay một chút được không?
- OK tôi sẽ ráng nhưng lương tâm chức nghiệp không cho phép tôi bỏ qua những sơ sót trong thiết kế được
- Cty tau thông cảm vị trí khó xử của Chú mày nhưng nhớ nhẹ tay ghen. Thôi cụng ly!.³

Thấm thoát mà đã hơn 18 tháng phục vụ tại TCC. Khế ước được gia hạn thêm một năm nữa nhưng tôi vì sống vò vớ có một mình nên đã xin rời nhiệm vụ để về Mỹ sống gần gia đình hơn.

Đúng là thân bèo dạt mây trôi vì chỉ một năm sau tôi lại khăn gói lên đường đi làm việc cũng với tư cách Trưởng Đoàn ở Indonesia trong gần 3 năm, rồi Việt Nam, nhưng đó là hạ hồi phân giải!.

Kỳ tới: Tôi đi Ai Cập Cairo lần thứ 4 và bị kẹt ở đó vì Chiến Tranh vùng Vịnh.

³ Về sau Cty này thuê tôi đại diện cho cty về làm việc tại VN. Đúng là người Mỹ chỉ coi business là quan trọng hề có lợi là họ làm không cảm giận quá khứ!

Thu Vàng

*Lá vàng lão-đào rơi rơi gấp
Trong gió đầu mùa lành lạnh dâng.
Sương thu trắng tỏa mờ mờ lắng.
Nhớ nước buồn dâng ngập ngập lòng*

(Thảo Anh)



Thu Khúc 1

*Mùa thu rồi đã tới
Lá vàng bắt đầu rơi
Ngọn gió thu hiu hắt
Buồn mênh mông cuối trời*

*Trả lại ai mịt mù
Trả lại ai sương rơi
Trả lại ai thương nhớ
Tôi giữ lại sầu thôi...*

(Thiên Hương)



Thu Khúc 2

*Sợi nắng nghiêng nghiêng lá nhạt màu hiu hắt.
Gió khẽ thổi dài, muôn giọt nắng lao xao
Trời sáng nay êm, mây trôi từng dải bạc,
Sông Yarra vẫn buồn, vẫn giòng nước cuốn quanh
Nhẹ bước chân đi, nghe tiếng lá rì rào...
Mùa thu nhẹ hát bài tình ca cho lá ...*

(Thiên Hương)

Du Ngoạn Tasmania

(PHẦN 2)

Thọ Ân

Chúng tôi tới Port Arthur, thắng tích nổi tiếng nhất của đảo Tasmania vào xế trưa. Đây là một công viên rộng 40 hectare, cỏ xanh, vườn đẹp, có nhiều cây English oak (cây sồi) cao, to, tỏa bóng mát trên lối bộ hành. Trời trong, mây trắng, gió mát, biển xanh, địa điểm du lịch này sẽ hữu tình, thơ mộng biết bao nếu nó không lưu lại những di tích biểu trưng cho thời điểm đau buồn nhất trong lịch sử di dân của người Úc.

George Arthur (1784-1854) đến trấn nhậm Van Diemen Island vào năm 1824 và rời đảo vào năm 1836. Ông là người tài giỏi, có công phát triển hòn đảo này về nhiều mặt mà quan trọng nhất là tranh đấu thành công cho Van Diemen Island thoát khỏi sự lệ thuộc với New South Wales để ông trở thành vị Toàn quyền đầu tiên của đảo. Ông cũng nổi tiếng là tàn ác trong cách cai trị Thổ dân và cách đối xử với tù nhân từ bên Anh liên tục đưa qua.

Năm 1830 Port Arthur là một trạm chứa gỗ nhưng chỉ ba năm sau, năm 1833, nó đã nhanh chóng biến thành địa ngục trần gian, vì Toàn Quyền Arthur cho xây cất tại đây một nhà tù rất qui mô, kiên cố và khắc nghiệt, có thể giam giữ được 1172 tội phạm.

Nói là “tội phạm” nhưng thật ra họ là nạn nhân của chánh sách thuộc địa của triều đình Anh. Nếu ở các thuộc địa đông dân như Ấn Độ hay Miến Điện họ dùng người bản xứ cai trị người bản xứ để thủ lợi, thì ở Úc Đại Lợi họ cho là đất không người (terra nullius), bắt buộc họ phải đưa người tới chiếm giữ. Nhưng lúc đó ai mà chịu tình nguyện rời bỏ quê quán quen thuộc để di cư đến nơi hoang dã xa xôi này. Vì vậy một công dân Anh, Ái Nhĩ Lan hay Tô Cách Lan, nếu xui xẻo, có thể bị lưu đày sang đây vì tội ăn cắp một con cừu hay một tội vớ vẩn nào đó. Án chồng án, người “tội phạm” bị trừng phạt theo nhiều mức độ khác nhau tùy theo sự tuân phục của họ đối với cai tù. Họ có

thể được tự do ngay sau khi đến đảo, hoặc bị khổ sai trong các công việc nặng nhọc, hoặc bị xiềng xích, hành hạ trong nhà tù, hoặc bị treo cổ. Nhưng dù bị trừng phạt ở mức độ nào, khi bị đầy đến đây thì dường như được trở lại cố hương, vì nhu cầu nhân lực trên thuộc địa này được coi là quan trọng nhất.

Ngoài nhà tù, mảnh đất này đã từng là khu thổ cư phân thịnh với nhà ở, giáo đường, bệnh xá, xưởng thợ v.v... Vào năm 1877 tù nhân được dời đi, và những năm sau đó các trận cháy rừng đã thiêu hủy hầu như toàn bộ khu vực.

Ngày nay, như trên đã nói, nơi đây trở thành một tụ điểm du lịch nổi tiếng. Năm 2002 có 205,000 du khách đến tham quan. Ngoài vườn cảnh xinh đẹp mà người ta tái tạo sau này, di tích còn lại là những tấm tường vững chắc của một phần nhà tù cũ, những phòng giam nhỏ bé, những khoen sắt xiềng xích tội nhân v.v... Có những ngôi nhà cũ vốn là nhà nguyện, bệnh xá, tư dinh quan toàn quyền, nhà trưởng trại, nhà của Bác sĩ v.v... đến nay vẫn còn.

Trại giam xây cạnh mé biển, ngoài khơi không xa, có một hòn đảo nhỏ ngày nay người ta gọi là Đảo Chết. Đã có khoảng 1,000 thân người bị vùi dập sơ sài nơi đây. Một chiếc tàu khá lớn và sang trọng, đưa khách chạy vòng vòng quanh đảo. Khách có thể lên thăm viếng đảo nếu có nhân viên du lịch đi kèm. Anh Tony Thạch, giám đốc công ty Triumph Tours, là người tổ chức và hướng dẫn chuyến đi của chúng tôi, khuyên rằng không nên khuấy động các oan hồn đang còn vất vưởng trên đảo này. Anh là một Phật tử thuần thành, anh tin thuyết nhà Phật, có luân hồi, và những ai chết oan thì khó được siêu thoát. Lý lẽ của anh càng được nhiều người tin khi nghe kể lại một sự kiện vừa mới xảy ra ít năm nay, cũng tại tụ điểm du lịch này.

Ngày Chủ nhật 28-4-1996, Martin Bryant, một thanh niên 28 tuổi, tóc dài vàng chói, dáng cao mảnh mai, bước vào quán Broad Arrow ăn trưa. Xong hắn mở xách tay lấy ra

một khẩu tiểu liên AR 15 của Mỹ và một khẩu SK 46 của Trung Cộng. Thành linh hấn khai hoả vào đám đông du khách đang vui vẻ ăn uống chung quanh. Hàng chục người ngã xuống. Bên ngoài một xe buýt đang xuống khách, hấn bước ra bắn chết thêm 4 người nữa rồi cướp một chiếc xe chạy về nhà trọ Seascap Cottage gần đó. Trên đường đi hấn tàn sát thêm 8 người, trong đó có một bà mẹ dắt hai đứa con 3 và 6 tuổi. Bé gái 6 tuổi này thấy mẹ và em bị bắn, chạy núp sau bụi cây, cũng bị hấn rượt theo bắn chết. Rồi hấn bắt theo một con tin và chạy vào cổ thủ trong nhà trọ, nơi có sẵn hai ông bà chủ nhà cũng là bạn của cha hấn. Khoảng 200 cảnh sát vây quanh, nhà trọ bốc cháy, 3 con tin thành than, hấn bị phỏng nặng chạy lao ra và bị bắt. Tổng cộng có 35 người chết, 20 người bị thương

Có người tự hỏi, tại sao một chuyện dữ dần như thế lại xảy ra tại một nơi mà cuộc sống của người dân rất êm đềm ? Dĩ nhiên có nhiều giả thuyết nhưng đáng chú ý nhất là trên một tờ báo Việt ngữ, một nhà văn nữ lại cho đó là sự báo oán của những oan hồn của Thổ dân và tù nhân bị chết oan cách nay hàng trăm năm. Cũng cần biết thêm là người mẹ bị bắn chết cùng với hai con nhỏ là nhân viên của ghost tours, chuyên hướng dẫn du khách đi xem ma vào ban đêm. Tin hay không là tùy độc giả.

Ngày nay, quán ăn Broad Arrow đã bị phá hủy chỉ còn lại mấy bức tường, bãi đậu xe năm nào đã biến thành vườn hoa, nơi đó người ta đặt một cây thánh giá và một tấm bia tưởng niệm có khắc tên các nạn nhân. Còn thủ phạm Martin Bryant đang thi hành bản án chung thân cấm cố.

Du lịch là đi tìm sự vui thú nhưng đôi khi du khách không tránh khỏi băng khuâng suy nghĩ lúc đứng trước những di tích làm nặng trĩu lòng người. Kinh nghiệm của người Việt Nam, khi một trang sử lật qua, kẻ thắng và kẻ thua, hoặc viết sách làm thơ, hoặc vẽ hình triền lẫm, hoặc dựng bia tạc tượng, để vinh danh phe mình và kẻ tội phe địch. Còn tại Port Arthur, hay trong sách vở, người ta lưu lại vết tích tội ác của một thời đã qua, ngay của ông cha mình, bằng tấm lòng thanh thản, coi đó là một kinh nghiệm sống và cố tránh. Người Úc da trắng

không thường tụng niệm “tam độc tham sân si là gốc của phiền não” nhưng xem ra họ ít bị phiền não hơn chúng ta.

* * *

Trước khi đến Port Arthur chúng tôi có ghé thăm mấy địa điểm bên đường. Nhân sự viếng thăm này người viết có đôi điều suy nghĩ về mấy chữ Siprit of Tasmania là tên 3 chiếc phà không lồ nối liền đảo với lục địa. Phà Spirit of Tasmania I và II đã hạ thủy từ lâu, hàng ngày khởi hành tại Melbourne lúc 7PM và đến Devonport vào lúc 7AM hôm sau. Ngày 13-1-2004 sẽ có thêm chiếc Spirit of Tasmania III sẽ đi vào hoạt động và hàng tuần có ba chuyến nối liền Sydney và Devonport vào các ngày Chúa Nhật, Thứ Ba và Thứ Sáu, khởi hành lúc 3PM và đến bến lúc 11.30 AM hôm sau. Ngày nay chuyến phà Sydney- Devonport đã ngưng hoạt động.

Thế nào là tinh thần Tasmania? Xin mở một dấu ngoặc ở đây để dông dài một chút về sự võ đoán của mình.

Các tours du lịch thường có chương trình thăm viếng các khu nông trại và các xưởng biến chế nông sản. Đảo bang này nằm trong vùng ôn đới có bốn mùa rõ rệt và hàng năm hứng một lượng nước mưa khá lớn nên canh nông và chăn nuôi đều phát triển. Khách thường được mời vào thăm các các hãng biến chế pho-mát, chocolat, rượu nho... và các vườn trồng Apple, Strawberry, Cherry, Blackberry, nông trại hoa Lavender và xưởng sản xuất dầu thơm.... và cả ghé xem các khu đất trồng cây á phiện. Nghe đâu đảo này có trồng hàng chục ngàn mẫu á phiện dùng để bào chế thuốc.

Khi khách đến, chủ nhân vui vẻ mời khách nếm thử một chút sản phẩm của mình và nếu ai thích có thể mua về dùng hay làm quà cho thân nhân, bằng hữu. Thú vị hơn hết là du khách được sắp đặt ghé thăm các thị trấn nhỏ (towns) nằm rải rác bên đường.

Chuyến đi năm 1996 người viết có ghé thị trấn Ross cách Hobart 119km và nằm ở cao độ 182m. Khu gia cư này chỉ có 300 dân nhưng phong cảnh rất đẹp, tọa lạc trên vùng đồi thấp, có nhiều cây cao bóng mát và có không khí rất trong lành. Nét văn minh của người dân có thể

nhận thấy qua đường sá sạch sẽ, vườn tược ngăn nắp, nhà cửa khang trang, con người ăn mặc, đi đứng, nói năng lịch sự và có nhiều xe hơi đời mới bóng loáng, nhưng đặc biệt là họ có vẻ trân trọng các giá trị của thời quá khứ. Không biết bên trong phòng ốc biến đổi như thế nào chớ bên ngoài, từ hàng hiên đến mái nhà, những nét của thời cũ vẫn còn nguyên vẹn. Năm 1821 Toàn quyền Macquarie của NSW kinh lý nơi này và khởi đầu cho việc phát triển với việc xây các đập nước Toom Kake và Long Marsh, xây cầu Ross ba nhịp vào năm 1836, xây khách sạn Scotch Thistle năm 1840, xây nhà thờ Anh Giáo năm 1869... Những công trình kiến trúc này phần lớn được xây bằng sa thạch (sandstone), do công sức của tội phạm, vẫn được bảo trì nguyên vẹn đến ngày nay và hiện trông rất mỹ thuật.



Một nhà thờ cổ

Năm 1996 người viết cũng có ghé thăm thị trấn Sheffield có khoảng 1,000 dân. Chỗ này có thể được gọi là phòng triển lãm nghệ thuật lộ thiên vì đâu đâu ta cũng thấy những bức tranh sơn dầu khổng lồ. Tranh vẽ trên vách nhà, trên hàng rào, trên vách nhà vệ sinh công cộng, và nhứt là trên những tấm tường xây rất đẹp ở công viên, dùng trưng bày những bức tranh đặc sắc nhứt. Ngoài ra cũng có ghé các thị trấn Swansea và St Helen sát bờ biển, thị trấn Scottdale 2,000 dân trên cao nguyên v.v...

Chuyến đi năm 2003 này người viết được viếng thị trấn Richmond nơi có một cây cầu và một nhà thờ cổ nhứt xây vào năm 1823, và có nhiều ngôi nhà khác cũng xây bằng sa thạch và cũng do công sức của tội phạm. Đặc biệt có đi ngang qua một thị trấn gọi là Doo Town nơi trước cửa mỗi nhà đều có tấm bảng gỗ ghi tên nhà mình luôn luôn có chữ Doo thí dụ Doo-Little, Doo-Mee, Doo-Wee, Just-Doo-It v.v...

Tuy mỗi nơi có sắc thái riêng nhưng nhìn kỹ ta có thể thấy cái nét chung trong cách sống của cư dân trên đảo.

1. Người Tasmanian yêu thiên nhiên, muốn gìn giữ nếp sống êm đềm và môi trường sinh sống tốt đẹp của mình. Với dân số chỉ có 450,000 cư ngụ trên một diện tích đất 68,000km², tài nguyên phong phú, rõ ràng đất rộng người thưa, nhưng về kinh tế, Tasmania chậm phát triển hơn các tiểu bang khác. Nếu so với đảo Đài Loan giàu có, dân số 21 triệu người, diện tích 32,000 km², ta thấy rằng yếu tố dân số đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế. Vậy mà năm này qua năm khác, thập niên này qua thập niên khác, dân số đảo không thay đổi là bao. Nên nhớ, Tasmania là tiểu bang có ít người di dân nhứt trong liên bang Úc Đại Lợi. Có lẽ chánh quyền và cư dân ở đây chọn nếp sống thoải mái hơn là bon chen làm giàu. Cũng xin nói thêm là 1/3 diện tích của tiểu bang là khu bảo tồn thiên nhiên và Đảng Xanh (Green Party) có thể lực rất mạnh trên đảo này.

2. Người Tasmanian rất bảo thủ, họ trân trọng giá trị của quá khứ hơn là chạy theo thời trang. Xã hội có thay đổi, khoa học, kỹ thuật có tiến bộ, nhưng những phở của họ vẫn giữ những đường nét, những khuôn mẫu của hàng trăm năm trước.

3. Người Tasmanian yêu chuộng sự sạch sẽ và ngăn nắp. Trong những phở của họ từ công viên, đường sá, nhà cửa, vườn tược... đều được chú trọng làm đẹp. Cách buôn bán, đi đứng, nói năng của họ chậm rãi, thân thiện và lịch sự.

4. Người Tasmanian có tâm hồn nghệ sĩ. Phai có nhiều người “thân tâm an lạc” không bận trí bon chen danh lợi mới thanh thản

mà “sáng tạo” và thuyết phục cộng đồng làm được những việc rất dễ thương như vẽ tranh khắp thị trấn tại Sheffield hay viết chữ Doo trước cửa nhà mình như tại Doo Town. Ông chủ vườn táo Avro Park đi khắp năm châu bốn biển thu thập giống lạ đem về ghép thành một cây táo (apple) có hàng trăm loại trái khác nhau, cũng như việc thiết lập Làng Thụy Sĩ, tuy là nỗ lực của một cá nhân nhưng xem ra có giá trị nghệ thuật hơn là lợi nhuận.

Có phải “những nét chung” ấy người dân đảo bang này hãnh diện gọi là “tinh thần Tasmania” (Spirit of Tasmania)?

* * *

Ngày thứ ba của chuyến đi, chúng tôi tham quan thủ phủ Hobart. Từ năm 1788 người Anh đã lui tới nơi này, nhưng họ chính thức đến định cư từ năm 1803, địa điểm thứ nhì sau Sydney. Cũng giống như các thành phố kiểu Tây Phương khác, Hobart có các kiến trúc cổ như công thự, giáo đường, tượng đài bên cạnh các tiện nghi tân thời như cao ốc, đường nhựa, phi trường, bến cảng, nhà ga v.v... nhưng ở qui mô nhỏ vì diện tích thành phố chỉ có khoảng 115Km² và dân số khoảng 130,000 người. Hobart nằm trên bờ sông Derwent (thật ra là một cái vịnh của biển ăn sâu vào đất liền), một bên có núi cao với mây mù che đỉnh, một bên là biển xanh lơ, tàu thuyền tấp nập, nhấp nhô trên sóng. Cây cầu Tasman 19 nhịp, cao 45m, dài 1km, bắc qua sông, đường nét tân kỳ càng làm cho thành phố thêm vẻ duyên dáng. Vào dịp cuối năm, thành phố càng thêm rộn rịp vì hàng năm vào ngày Boxing Day, 26 tháng 12, có cuộc đua thuyền buồm quốc tế, khởi hành từ Sydney và mức đến là Hobart.

Đến Hobart mà không lên đỉnh núi Wellington cao 1271m là một thiếu sót rất lớn. Trong chương trình các tours du lịch, bao giờ cũng có ghi mục thăm viếng núi này. Nhưng theo sự tiết lộ của anh tài xế, mười lần lên núi là có tám lần đỉnh núi bị mây mù che phủ, lên đến nơi không nhìn ngắm được gì mà còn nguy hiểm. Các hướng dẫn viên thường có giải pháp thay thế là lên núi Nelson kế cận, chỉ cao 340m.

Sáng sớm lên xe, nhìn thấy bầu trời âm u, ai cũng nghĩ rằng chương trình hôm nay sẽ bị trở ngại vì mưa. Nhưng anh Tony Thạch, một người rất tin Phật, có những ý nghĩ ngộ nghĩnh. Anh bảo, đừng lo, vì hàng đêm anh đã cầu nguyện, và trong xe bus này đây, nguyện vọng của 50 người cộng lại thành 3,000 tuổi, sẽ được hoàng thiên phù hộ và mọi việc sẽ tốt lành. Anh thay đổi chương trình một chút, thay vì lên núi trước, anh đề nghị đi Mt Field National Park, cách Hobart khoảng 30 Km về hướng Tây Bắc.

Như trên đã viết, người Tasmanian rất yêu thiên nhiên. Có đến 1/3 diện tích của đảo được sắp vào khu vực bảo tồn thiên nhiên và 17 Công Viên Quốc Gia (National Parks) với 2,000 km đường bộ hành đi luôn trong rừng núi để cung ứng cho khách nhàn du.



Mt. Field National Park là một trong các công viên nói trên. Chúng tôi có hơn một giờ đồng hồ đi bộ trong rừng. Đường đi thật tiện nghi, có nơi tráng nhựa, có vài chiếc cầu xinh xắn bắc qua suối. Có nhiều loại cây trong rừng nhưng nhiều nhất là cây khuynh diệp (Tasmanian Blue Gum). Đây là loại thực vật biểu tượng cho đảo bang, có thân sông đuột, rất cao lớn, một ít cây có đường kính cỡ hai thước. Một cái thác con đổ xuống một hồ nước nhỏ nhưng những tia nắng vàng chiếu xuyên qua khoảng trống đã biến nơi này thành một thắng cảnh để du khách chụp hình.

Không biết có phải Trời Phật chứng giám cho lòng thành của Tony Thạch hay không mà lúc này trời nắng tốt, không khí trong rừng mát dịu, mọi người cảm thấy khoan khoái

và tiếng nói tiếng cười vang lên trong rừng vắng. Nationl Park này rất rộng, có nhiều khu vực, nhiều loại hình giải trí khác nhau, nhưng thì giờ giới hạn, chúng tôi phải lên xe trở lại Hobart.



Mây mù vẫn che phủ đỉnh núi nhưng anh Tony vẫn tin là đoàn chúng tôi sẽ lên núi bình an. Sau bữa ăn trưa mà thức ăn căn bản là hải sản nấu theo kiểu Úc, bán trên những quán là chiếc thuyền con đậu sát vào bờ, chúng tôi được đưa đi thăm thị trấn Richmond gần đó. Như trên đã đề cập, đây là nơi người định cư rất sớm, ngày nay còn lại là một khu phố khang trang, sạch sẽ và những kiến trúc bằng sa thạch do công sức của tù nhân thuở nào.

Quay trở lại chân núi Wellington thì thấy mây lơ lửng bay đi. Khi chúng tôi lên tới đỉnh núi thì bầu trời trở nên quang đãng. Từ trên cao nhìn xuống, quả nhiên phong cảnh thật tuyệt vời. Thành phố, dòng sông, chiếc cầu, rừng xanh trải dài xa xa, và “cận ảnh” là hàng ngàn tảng đá hình thể khác nhau, kích thước khác nhau, chồng chất ngồn ngàng, phủ đầy phần phẳng của đỉnh núi. Màu sắc tương phản,

đường nét tương phản, và trong một dịp may hãn hữu của một đời người, khách được đứng giữa không gian lồng lộng, xem mãn nhãn một bức tranh thiên nhiên thật hùng vĩ. Xuống núi thì trời đã về chiều, ngó lên đỉnh thấy mây lại tụ về. Đường như lời Tony Thạch có ứng nghiệm.

Trở lại Hobart ăn bữa cơm Tàu ngon miệng, tắm thoải mái trong phòng ngủ tiện nghi, rồi tà tà mấy bước vào casino giải trí lành mạnh. Có người trong đoàn được Wrest Point Hotel Casino, sòng bạc hợp pháp đầu tiên trên xứ Úc, xây năm 1973, ưu ái tặng cho vài trăm bạc. Ôi khỏe khoắn làm sao!



Ngày thứ tư, lên xe trở lại Launceston. Ghé thăm bên cảng Devonport có 2,000 dân, là nơi đến của các chiếc phà Spirit Of Tasmanian; thăm các nông trại và xưởng biến chế nông phẩm bên đường. Hôm sau là ngày chót, định đi xem thêm vài thắng cảnh, nhưng vào công ty buôn bán hải sản, bà con chiếu cố quá nhiều, làm nhân viên bán hàng lúng túng, và anh Tony Thạch phải lăn xảng phụ cân đo, gói hàng và hỏi thăm thủ tục đem tôm hùm và bào ngư về Sydney.

* * *

Chuyến đi được đánh giá là thành công với hai đặc điểm thân tình và vui vẻ. Trước tiên là nhờ Phật Trời phù hộ, giúp chúng tôi có 5 ngày nắng đẹp ngay trong mùa mưa, và tạo duyên lành cho chúng tôi gặp được anh tài xế lịch sự và chiếc xe buýt mới tinh. Thứ đến là nhờ anh Tony Thạch, giám đốc công ty Triumph Tours, là người có khả năng, nhiệt tình và nhiều kinh nghiệm, đã chuẩn bị chuyến

đi thật tốt qua việc đặt bàn trong những nhà hàng Trung Hoa nấu ăn ngon miệng, đặt phòng trong những khách sạn tiện nghi, sắp đặt chương trình du ngoạn hứng thú và có cách nói chuyện làm vui lòng người. Bên cạnh Tony Thạch có Nguyễn văn Thiệu, Lê Tấn Tài và Kim Yên, ba nhà tổ chức của Tây Ninh Đồng Hương Hội và Hội Ái Hữu Cựu Nữ Sinh Trường Gia Long, đã bỏ nhiều công sức chăm lo cho mọi người thật chu đáo, như là họ có

“nghệ thuật tấu hài” cao làm cho trên xe luôn luôn vang dội tiếng cười./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

-The Concise Encyclopedia of Australia & NZL

-Tasmania của S.W. Jackman.

-Black war, The Extermination of Tasmanian Aborigines của Clive Turnbull.

-Những lời dẫn giải của hướng dẫn viên.

-Tasmania State Map

Không Đề 3

Thiên Hương

Có những cánh tay già nua đưa ra giữa chợ
Chờ đợi những đồng tiền từ những
thương hại rớt rơi
Những ánh mắt thâm u, không thấy một
nét cười
Đời vô vọng, nên người không hi vọng ...

Trên những nẻo đường tôi đã đi qua,
Trên những phố chợ dập dìu người qua
lại

Tôi đã bao lần, thấy những cánh tay
như thế
Tôi đã bao lần, thấy những cuộc đời
như thế

Tại sao ... trong cuộc sống tạm này

Có những con người no say phê phỡn
Cũng có những người thiếu cơm áo
hàng ngày
Có những người đi tìm hoài những cơn
mơ ảo ảnh
Cũng có những người chỉ thêm khát
chiếu, cơm

Tại sao ... tôi vẫn đi tìm hoài những điều
cao vọng

Vẫn đi tìm hoài những hư ảnh phù du
Vẫn đưa tay níu kéo những mộng ước
điên rồ

Quên cuộc đời vẫn còn những người
đơn sơ thêm sống

Tôi đang đi giữa lòng cuộc đời
Tôi đang lặn mò trong thế gian mù mịt
Tôi đang kiếm tìm những hi vọng
và những hạnh phúc nhỏ nhoi
Tôi đang cố tìm một ánh đuốc thấp
sáng cho sự sống mình

Có phải, khi mình quá dư thừa
Là lúc, mình cảm thấy mình quá nhiều
thiếu thốn

Có phải, khi mình quá bon chen
Là khi, mình cảm thấy rã rời thực sự

Vậy thì, tại sao ...

Không nhìn thẳng vào cặp mắt đang
long lanh trong gương
Không tự nhận mình còn nhỏ nhoi ích kỷ
Không quên đi những buồn bã giận hờn
Không cố nén những ưu tư vô bổ

Để tự nói với mình
để được nói với người
là cuộc sống này không đáng chán lắm
đâu.....



Thiên Hương

Tôi mới về thăm Sài Gòn, mới trở về một khung trời thân thương nhưng sao nhiều lúc thấy mình lạc lõng trước những đổi thay và có những lúc thấy mình hoang mang. Dù không có dịp đi nhiều, gặp gỡ nhiều, chỉ nhìn những gì đang diễn ra trước mắt với tầm nhìn rất hạn hẹp nhưng cũng đủ để có những câu hỏi và những suy tư.

Tiền nhà đất ở Sài Gòn mất khủng khiếp, mới vài năm giá đã vọt lên gấp mấy lần. Thiên hạ đổ xô mua những căn nhà với giá bạc tỷ ở những khu cao cấp, những căn nhà ở Phú Mỹ Hưng¹ giá lên đến vài triệu đô là chuyện thường tình.. Mấy tháng gần đây, thiên hạ trúng cổ phần nên lại càng chen nhau mua nhà và đẩy giá nhà đất ở những khu cao cấp lên cao gấp năm bảy lần so với vài năm trước đây. Có gan làm giàu, nên một số người cầm cổ



¹ Phú Mỹ Hưng là khu đô thị mới thành lập thường gọi là Saigon Nam, nằm phía Nam vùng Khánh Hội. Trước đây là một vùng sinh lầy chằng chịt kênh rạch nay đã được lấp cát cao ráo có trục lộ lớn từ Phú Lâm qua Thủ Thiêm với cầu Phú Mỹ đang được xây cất băng qua sông Saigon, phía Nam Tân Thuận, và nối vào đường đi Vũng Tàu tại Long Thành.

nhà cửa mua chứng khoán, trúng đậm và đẩy giá nhà đất tăng vọt. Nhưng cũng có nhiều người tán gia bại sản vì giá chứng khoán đi xuống.

Có căn nhà đường Đồng Khởi rao bán với giá 1 tỉ đồng cho 1m² (khoảng hơn 60 ngàn đô Mỹ một mét vuông). Nhìn vào giá nhà đất cao hơn New York và Tokyo ắt hẳn thấy dân Việt Nam mình là dân giàu ... nhất thế giới.

Có vẻ như là ai dính vào nhà đất cũng giàu, vì thế quý vị quan viên chia nhau mua đất ở những vùng xa xôi rồi vẽ lên một bản đồ qui hoạch, đưa đất của mình vào những vùng trọng điểm, thế là thắng to, tiền lại để ra tiền.

Nhưng cũng có những người mua nhà đất ở Thủ Thiêm, quận 2, khu sẽ xây dựng trung tâm mới cho thành phố, hay mua đất ở quận 7, quận 9 ở SG hiện nay dở khóc dở cười vì không được phép bán mà cũng không được phép xây dựng, cứ để đó để chờ ... qui hoạch treo.

Nhịp độ xây dựng trong thành phố nhanh đến chóng mặt, các khu cao ốc mọc lên khắp nơi với giá vài trăm ngàn đô một căn khá phổ biến.

Nhưng cũng có những cao ốc xây dựng đã lâu vẫn đìu hiu buồn tênh. Ba căn cao ốc ở đường Thuận Kiều, Quận 5, cao ngất ngưỡng nhưng đến đêm đèn đóm tối thui vì không có người ở. Người dân ở đây ví khu cao ốc này như ba cây nhang, vì bị một cái huông nào đó nên chẳng có ai mua hay thuê. Có lẽ vì đời sống quá chộn rộn bấp bênh nên người dân bây giờ dựa

vào bói toán và mê tín trong mọi việc. Bởi vậy, với nhà đất, ai nổi thì cứ nổi, ai chìm cũng cứ chìm, ba chìm bảy nổi chín cái lênh đênh

Các nơi ăn uống mọc lên tứ tung ở Sài Gòn. Nhiều khu ăn uống lớn như một khu công nghiệp. Các khu ăn uống như Làng Nướng, trong khu Bình Quới, Thanh Đa, trải khắp nơi trong thành phố. Các tiệm café quanh hồ con Rùa luôn đầy ứ người. Các tiệm café sân vườn, các quán ca nhạc mở khắp nơi. Các tiệm thẩm mỹ và massages phục vụ khách nước ngoài và Việt kiều. v.v... ngày càng nhiều. Nhìn các dãy phố sầm uất quá, tưởng dân mình bây giờ giàu quá thể. Nhưng nếu nghĩ mỗi cửa tiệm như vậy chỉ có một ông chủ là giàu còn bao nhiêu là nhân viên phục vụ với mức sống dưới trung bình. Mà đó còn là những người may mắn nhờ có thu nhập thường xuyên còn khá, còn biết bao nhiêu người bán rong ngoài đường, ngoài chợ, người lao động chân chính trong các nhà gia công đều nghèo, và rất nghèo, và còn rất nhiều người nghèo thật. Trên các con đường vẫn còn cảnh các người bán rong chạy tọt tả khi công an dẹp lòng lề đường. Những cô bé bụng những thau xôi nhỏ, những người bán bún, bán trái cây vội vã chạy trốn khi thấy bóng công an từ xa. Nếu bị giam hàng, họ mất vài trăm ngàn tiền phạt, phải vay nóng, số nợ cứ

tăng lên, lãi mẹ đẻ lãi con. Một bà bán trái cây than, bà muốn mua vé số may ra trúng để được đổi đời chứ khổ quá, mà vé số cũng mất nên không dám mua.



Lúc mới 75, trong các lớp tập huấn chính trị, các giảng viên chỉ trích chế độ cũ cho tổ chức cờ bạc công khai trá hình dưới hình thức xổ số kiến thiết quốc gia vào

thứ ba mỗi tuần. Bây giờ thì hình như không tỉnh thành nào không có xổ số. Một ngày xổ số không biết đến mấy lần nữa. Nhưng nhờ vậy mà cũng giúp được một lực lượng đông đảo những người bán vé số. Trong số này có cả cả những cụ già lòm khòm, những người ngồi trên xe lăn, chồng nặng và rất nhiều những đứa bé chỉ trên dưới mười tuổi...

Số lượng taxi ở Sài Gòn cũng gia tăng rất nhanh. Cả chục hãng taxi cạnh tranh nhau cùng với các taxi ngoài luồng. Thường người ta vẫn thích đi taxi của các hãng vì đồng hồ chạy giờ được tin tưởng hơn. Rất nhiều người lái taxi từ các tỉnh nhỏ và vùng quê đến. Nhân viên trong các nhà hàng, các tiệm buôn cũng vậy. Thanh niên và các lao động chính trong gia đình có khuynh hướng rời thôn quê đổ về các thành phố lớn nơi có nhiều cơ hội kiếm sống hơn. Họ sống chung thành nhóm trong những phòng nhỏ, thiếu tiện nghi trong các hẻm và dành dụm tiền gửi về quê nuôi gia đình, có người cả mấy năm không thể về thăm nhà. Như thế, cuộc sống kinh tế gia đình họ khá hơn, nhưng về tinh thần sẽ ra sao khi gia đình chẳng được niềm vui sum họp.

Có những nông dân giàu lên nhờ cú cắt đất ra mà bán dần, tiêu xài thoải mái, xây nhà, mua

xe, mua máy móc, chum điện, v.v... Nhưng rồi họ sẽ tiến tới đâu khi không còn đất để bán và các món tiền này cũng hết đi.

Tôi có dịp về thăm một người bạn có một lô đất ở vùng ven Sài Gòn, và mừng vì những mái nhà nhỏ trong vùng đã có vẻ bớt rách nát. Những người sống ở đó giờ đây ăn mặc khá tươm tất, đã có da có thịt không gầy gò như vài năm trước. Nhưng hỏi ra mới biết lao động chính trong gia đình là những đứa bé 5, 7 tuổi. Tối tối các cô cậu bé tí này đi trộm mủ cao su ở những rừng cao su gần đó đem về cho cha mẹ bán. Đời sống gia đình nhờ thế mà khá lên. Căn bản không có, cái gốc không có, cái ngọn sẽ tươi được bao lâu?

Rất nhiều cửa hàng ở Sài Gòn mở cửa cả ngày mà số lượng bán buôn thật ít ỏi. Giá thuê mặt bằng cao, cộng thêm nhiều chi phí khác không biết các chủ cửa hàng này cầm cự được bao lâu. Thế mà chẳng có căn nhà mặt tiền nào bỏ không.

Hiện nay các siêu thị, các cửa hàng tổng hợp bắt đầu mọc lên như nấm. Vào các cửa hàng này không sợ mua hớ, chất lượng cũng đảm bảo hơn nên sẽ là một mối đe dọa



lớn cho các tay buôn và cửa hiệu nhỏ. Có lẽ vì thế nên dạo này giá nhà mặt tiền đã hơi chùng xuống. Vào các quán cà phê, một vài quán đông khách, nhưng cũng có những quán vào các tối trong tuần số khách loe hoe đếm trên

đầu ngón tay, tiền sở hụi nặng quá các người chủ sẽ chống chọi được bao lâu.

Có những người đang giàu và sẽ giàu mãi lên nhưng với đa số dân, đời sống kinh tế chật vật, bảo hiểm y tế không có, nếu gặp một biến cố nào, hoặc đau ốm cuộc sống gia đình sẽ ra sao?. Vào một tiệm gội đầu, nhìn các cô gái gội đầu và massage cho khách mà thấy ngậm ngùi. Gương mặt các cô cúi xuống, những ngón tay nhỏ bé nắn bóp những cánh tay to lớn của khách ngoại quốc, cam chịu đến nỗi lòng.

Thành phố càng ngày càng đông, sức sống ngằn ngặt nhưng có vẻ như quá tải. Nhịp độ tăng trưởng quá nhanh nhưng không cân xứng. Các cửa hàng dịch vụ, nhà hàng, các khu ăn chơi mọc lên như nấm nhưng con số các trường công lập, các nhà thương công hình như không nhiều thay đổi. Một thiểu số đại gia quá giàu nhưng vẫn còn rất nhiều người còn quá nghèo. Cái giàu lộ rõ, cái nghèo chìm hơn nhưng mênh

mang như những tiếng thở dài.

Sài Gòn bây giờ càng ngày càng muôn mặt, nhưng buổi sáng vẫn rộn rã với hình ảnh các học sinh, sinh viên mắt sáng trong tươi vui đến lớp, hàng đoàn người xe tập nập, và những chùm phượng

đỏ đã bắt đầu nở trên cao, những cảnh hoa điệp vẫn còn vàng óng và một số đường phố vẫn rợp bóng lá me xanh. Cuộc sống vẫn còn đầy niềm tin và hy vọng, có đúng không ?...

20 điều bạn không biết về Cái “Không”

(Xin xem chú thích)

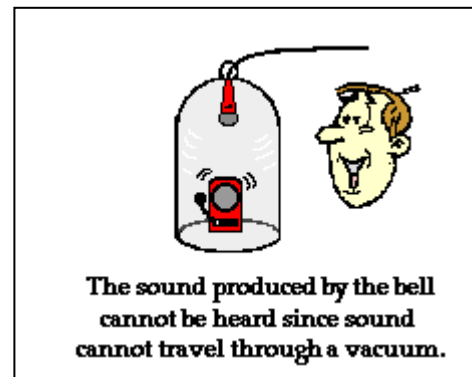
LeeAundra Temescu

1. Có rất nhiều Không hơn là Có. Khoảng 74% vũ trụ là Không hay cái mà vật lý gia gọi là năng lượng ẩn hình (dark energy); 22% là vật chất tàng hình (dark matter), các phần tử ta không thấy được. Chỉ có 4% là vật chất hữu hình có trọng lượng.
2. Ngay cả phần lớn của vật chất cũng là Không. Thành phần chính của Nguyên tử là không gian trống rỗng. Vật chất trông như đặc là do ảo giác tạo bởi điện trường của vi nguyên tử.

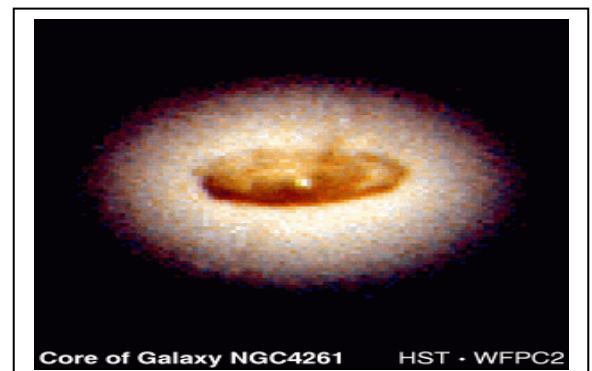


3. Càng lúc càng có thêm cái Không trong mỗi giây thời gian. Đo độ bành trướng của vũ trụ, năm 1998 các nhà thiên văn tìm thấy năng lượng ẩn hình đã đẩy vũ trụ to thêm với một tốc độ càng ngày càng tăng. Khám phá ra cái Không - và ảnh hưởng của nó vào vũ trụ - được coi là tìm kiếm quan trọng nhất trong thập niên vừa qua.
4. Nhưng cái Không có một trọng lượng. Năng lượng trong vật chất tàng hình tương đương với một khối lượng rất nhỏ; có khoảng một pound năng lượng ẩn hình trong một khoảng trống không gian mỗi chiều 250,000 miles.

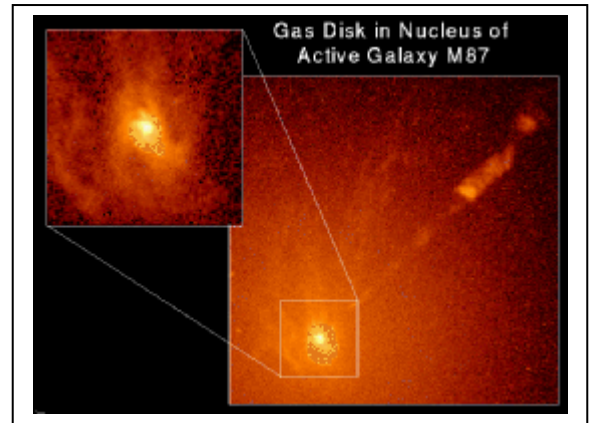
5. Trong không gian, không ai nghe thấy tiếng bạn kêu: tiếng động là một làn sóng cơ động, không thể truyền trong chân không được. Không có vật chất rung động, nên chỉ có lặng thinh.



6. Vậy nếu như Kramer ngã ở trong rừng? May thay, những làn sóng điện từ kể cả sóng ánh sáng và vô tuyến, không cần môi trường vật chất để truyền đi, đã cho phép các đài truyền hình phát đi phát lại chương trình Seinfeld, một chương trình nói những chuyện không đâu.
7. Ánh sáng có thể truyền qua chân không, nhưng không có gì để khúc xạ nó. Không may cho những người tình không gian, các vì sao không nhấp nháy ở ngoại tầng không gian.
8. Lỗ đen không phải là lỗ hay sự trống rỗng; nó là nơi tập trung dày đặc nhất của khối vật chất trong vũ trụ ngược hẳn với cái Không.

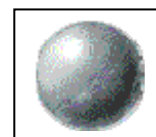


9. “Zero” được tìm thấy trên các bản chữ hình xương của người Babylon, vào khoảng 300 năm trước Tây lịch, đã dùng để chêm vào các số (thí dụ để phân biệt 36 với 306 hay 360). Khái niệm về “Zero” đã được khai triển trong toán học ở Ấn Độ vào thế kỷ thứ năm.
10. Bất cứ số nào chia cho zero thành...không, cũng không phải là zero. Không có phương trình toán học cho trường hợp này.
11. Người ta truyền rằng Abdulhamid II, vua Hồi giáo đế quốc Ottoman vào khoảng đầu thập niên 1900, đã kiểm duyệt loại bỏ những chỗ có chữ H₂O ra khỏi sách hóa học vì cho rằng nó có nghĩa “Hamid thứ Hai là Không”
12. Nghệ thuật Trung cổ phần lớn là phẳng và hai chiều cho đến thế kỷ 15, kiến trúc sư Filippo Brunelleschi người Florence tìm được điểm biến, nơi các đường song song quy tụ vào cái không. Từ đó môn họa hình được đưa vào trong nghệ thuật.
13. Aristotle đã có lần viết, “Tạo hóa thù ghét chân không”, và ông ta cũng vậy. Sự chối bỏ toàn bộ về chân không và sự trống rỗng cùng với ảnh hưởng của ông trong nền giáo dục đã cấm đoán thế giới tây phương trong nhiều thế kỷ không được chấp nhận khái niệm “Zero”, cho mãi đến thế kỷ 13 các ngân hàng Ý thấy zero rất thuận tiện trong kinh doanh tài chính.
14. Chân không không hút vật chất, nhưng tạo ra không gian để không khí đẩy vật chất vào.
15. Creatio ex nihilo, lòng tin là thế giới được tạo ra từ cái Không, đó là chủ đề thông dụng nhất trong thần thoại cổ và tôn giáo.
16. Lý thuyết đương thời cho rằng vũ trụ được tạo ra từ trạng thái chân không của năng lượng, có nghĩa là cái Không.
17. Nhưng đối với một vật lý gia thì không có cái gì là Không cả. Không gian trống rỗng được chiếm cứ hoàn toàn bởi từng cặp phân tử và đối phân tử, được gọi là ảo phân tử, chúng nhanh chóng hợp lại rồi theo luật bảo toàn năng lượng hủy hoại lẫn nhau trong khoảng 10^{-25} giây.
18. Như vậy Aristotle hoàn toàn đúng.
19. Những ảo phân tử này hiện ra rồi biến mất đã tạo ra năng lượng. Thực ra, theo thuyết cơ lượng tử (quantum mechanics), năng lượng chứa trong tất cả các nhà máy năng lượng và khí giới nguyên tử trên thế giới không bằng năng lượng, trên lý thuyết, chứa trong khoảng trống giữa các chữ này.



20. Tóm lại, cái Không có thể là chìa khóa cho lý thuyết của vạn vật

Chú thích: Nguyễn Đức Chí dịch từ bài ‘20 things you didn’t know about Nothing’, tác giả LeeAundra Temescu, đăng trong tạp chí Discover trang 88, tháng Sáu 2007.



Viếng thăm cung điện hoàng gia Hàn Quốc

Gyeongbokgung

Từ Minh Tâm

Sau một chuyến đi khá mạo hiểm, vì không biết rõ đường sá mà cứ ham vui đi đại, chúng tôi đã tới trung tâm Hán Thành lúc 11 giờ trưa ngày 8/11/2007 để chuẩn bị vào thăm Gyeongbokgung (Cung Cảnh Phúc).

Từ trạm xe điện Quang Hoá Môn ở phía Nam, chúng tôi đi khoảng 400 mét, sau đó qua một đường hầm ngầm dưới đường thì đến góc phía Đông Nam của cung điện nơi có phế tích là một tháp canh tên là Dongsibjagak. Đây là tháp canh góc Đông Nam. Phía Tây Nam cung điện hồi xưa cũng có một tháp canh tên là Seosibjagak nhưng tháp này đã bị cháy do chiến tranh với người Nhật. Toàn cung điện được bao bọc bởi tường thành hình chữ nhật có 4 cửa ra vào. Cửa Đông là Geonchunmun, cửa Tây là Yeongchumun, cửa Bắc là Sinmumun và cửa Nam là Gwanghwamun (Quang Hoá Môn). Cửa Quang Hoá là cửa lớn nhất và có ba lối vào. Đây là một kiến trúc tiêu biểu của Hán Thành. Cửa cổng hồi xưa chỉ mở ra trong những dịp lễ lớn mà thôi. Quan lại và sứ thần phải đi vào bằng cửa hông.

Nhưng có lẽ vì xây cất trùng ngày xui xẻo nên cổng Quang Hoá bị di chuyển liên miên. Cổng nguyên thủy được xây vào năm 1395 để đánh dấu sự ra đời của triều đại họ Lý. Năm 1592, nó bị người Nhật phá huỷ toàn bộ khi quân Nhật chiếm Triều Tiên trong thời gian đó. Năm 1867 vua Lý Cao Tông cho xây lại hoàn toàn. Đến năm 1926, khi người Nhật xâm chiếm Triều Tiên lần thứ hai thì cổng này bị họ dời lên phía Bắc. Nó nằm đó 150 năm không được sửa chữa cho tới năm 1963, dưới thời tổng thống Phác Chánh Hy, thì được dời về trước toà nhà làm Phủ Toàn Quyền của người

Nhật. Cuối tháng 12 năm 2006, công trình phục hồi cổng này lại được tiến hành một lần nữa. Trong tương lai nó sẽ được dời về phía Nam của vị trí hiện nay 14.5 mét đúng vị trí mà nó đã được xây cất lúc ban đầu. Dự trù dự án này sẽ kéo dài tới cuối năm 2009 mới hoàn tất. Do đó hôm nay, người ta rào chắn lung tung khiến cho tôi không biết ngã nào để đi.

Bà xã tôi lanh trí thấy phía tay phải có nhiều xe buýt loại chở khách tua du lịch đậu khá nhiều thì nghĩ là lối vào ở phía đó. Đúng vậy. Chúng tôi đi vài chục mét thì lấy lối vào cung điện ở phía Đông. Từ đây phải đi khoảng 50 mét để tới chỗ mua vé. Giá vé là 3000 won (khoảng 2,5 đô la). Đi thêm một chút nữa thì tới cổng Hưng Lễ. Đây cổng phía trong sau cổng Quang Hoá để vào cung điện. Trước cổng này có rất nhiều diễn viên mặc trang phục các thị vệ đang canh gác hoàng cung. Có cả một cái trống thật lớn. Cứ mỗi giờ, họ làm lễ đổi gác rất long trọng.

Cung Cảnh Phúc xưa kia là cung điện chánh của đất nước Triều Tiên. Lịch sử xây cất và “tái xây cất” cung điện này liên hệ tới lịch sử của Triều Tiên vì nơi đây thể hiện quyền lực tối cao của đất nước.

Sơ lược lịch sử xây cất:

Khi tướng quân Yi Seong-gye (Lý Thành Quế, sau này là vua Taejo (Thái Tông) lập nên triều đại Chosun (hay Joseon - Triều Tiên) năm 1394, ông muốn dời đô về Hán Thành vì thủ đô cũ Gaeseong (Khai Thành Thị) không phát triển được. Ông nhờ kiến trúc sư Jeong Dojeon (Trịnh Đạo Truyện) chủ trì công việc này.

Cung điện mới được xây ở trung tâm Hán Thành giữa hai ngọn núi lớn là Namsan (Nam Sơn) ở phía Nam và Bagaksan (Bắc Hán) ở phía Bắc. Kiến trúc lúc đó gồm trên 500 căn nhà lớn nhỏ nhưng quan trọng nhất là Điện Càn Chánh nơi đặt ngai vàng và tiếp triều, sau đó là phòng tiếp khách, chỗ ở của hoàng gia ...

Khi quân Nhật xâm lăng và chiếm đóng Triều Tiên năm 1592-1598 toàn bộ cung điện đã bị tàn phá nên hoàng gia phải dời về cung điện phụ là Changdeokgung (Cung Xương Đức) để làm việc.

Khu vực này để hoang vắng trong 250 năm. Đến năm 1865 dưới thời vua Gogong (Cao Tông), việc trùng tu cung điện này được bắt đầu trở lại. Ba năm sau thì công việc hoàn tất và nhà vua đã có thể trở về đây làm việc. Khi đó toàn khu vực rộng 410.000^{m2} (41 mẫu) gồm có 330 kiến trúc lớn nhỏ với 5792 phòng đã tạo nên một thành phố nhỏ tượng trưng cho chủ quyền của dân tộc Triều Tiên và là nơi cư ngụ của hoàng gia.

Năm 1895, người Nhật phái một toán lính đặc biệt đến ám sát hoàng hậu Myeongseong (Minh Thành) vì bà này hơi chống họ.

Chồng bà là vua Gojong (Cao Tông) đã sợ hãi và cùng hoàng tử chạy vào sứ quán Nga để trốn. Sau này ông ở trong một cung điện khác và không được trở lại cung điện này vì Nhật đã chiếm đóng Triều Tiên và bắt đầu một chánh sách đồng hoá. Họ phá huỷ 85% kiến trúc trong hoàng cung. Họ xây một toà nhà to lớn để làm trụ sở của Toàn Quyền Nhật tại Triều Tiên ở

ngay trước Điện Càn Chánh của nước này lúc đó.

Sau năm 1945 Nhật đầu hàng đồng minh nhưng Triều Tiên chia hai, Hàn Quốc ở phía Nam và Bắc Triều Tiên ở phía Bắc. Tuy vậy việc phục hồi và xây dựng Cung Cảnh Phúc đã được bắt đầu và tiếp tục trong hàng chục năm.

Năm 1954, hoàng cung bắt đầu mở cửa cho công chúng vào xem.

Năm 1968 cổng Gwanghwamun (Cổng Quang Hoá) được phục hồi.

Dần dần tới năm 2005, công việc xây cất và phục chế dần dần được tiến hành (nhưng chắc chắn sẽ không được như xưa). Toà nhà Phủ Toàn Quyền của Nhật đã bị phá bỏ, cổng Hưng Lễ được xây lại, cung điện của các hoàng tử ở phía Đông đã được phục hồi ...



Toán thị vệ đang gác trước cổng Hưng Lễ

Những kiến trúc bên trong Cung Cảnh Phúc:

Chúng tôi qua cổng Hưng Lễ từ phía Nam để vào trong. Các cổng thành của cung điện giống tương tự như kiến trúc của người Trung Hoa. Ngay cả chữ viết trên cổng cũng dùng chữ Hán. Tuy nhiên, màu sơn thì ngoài màu đỏ còn

có màu xanh lá cây và xanh dương cũng được sử dụng rất nhiều. Các kiến trúc ở đây đa số đều mới phục chế nên màu sắc còn rất tươi đẹp.

Sau Hưng Lễ Môn, qua một cây cầu đá là Càn Chánh Môn (Cổng Càn Chánh Geunjeongmun - chữ mun có nghĩa là môn : cổng). Qua khỏi cổng chúng tôi bước vào khu vực dành riêng cho nhà vua, có tường ngăn bao bọc. Kinh thành này có nhiều lớp tường, từ đây



Điện Càn Chánh

vào trong là Tử Cấm Thành.

Ngày xưa, cổng Càn Chánh chỉ dành cho vua và các đại thần đi vào. Thần dân hay sứ thần các nước khác phải đi các cửa phụ bên trái hay phải. Ngày nay chúng tôi đi thẳng qua cổng này để tới sân chầu và sau đó là Điện Càn Chánh.

Sân chầu là nơi các quan văn võ đứng nghe huấn thị của nhà vua hay các dịp lễ lạc quan trọng. Hai bên lối vào có những bia đá trên có ghi cấp bậc của các quan (giống như ở Đại Nội Huế). Trong sân điện chỉ lát đá và không thấy trồng cây cối gì hết

Điện Càn Chánh (Geunjeongjeon - chữ jeon có nghĩa là Điện): Đây là một kiến trúc một tầng làm bằng gỗ. Diện tích điện rất lớn và nó được đặt nằm trên nền đá cao. Cột được sơn đỏ, vách sơn xanh lá cây. Kèo được trang trí

lộng lẫy nhưng hơi hoa hòe. Trần nhà được vẽ lưỡng long tranh châu. Mái lợp ngói đen. Quanh điện có hành lang rộng rãi với những lan can bằng đá. Ngoài ra, còn có các tượng thú trong 12 con giáp làm bằng đá.. Nơi đây đặt ngai vàng để nhà vua hội kiến quần thần hay tiếp kiến các sứ bộ ngoại giao. Đứng ra là ngai đỏ vì ghế ngồi trên cao được sơn màu đỏ. Phía sau lưng nhà vua là bức tranh vẽ cảnh năm

ngọn núi, mặt trời và mặt trăng. Bên trong điện không thấy bàn ghế mà chỉ có các gối nệm để các quan đại thần ngồi. (Người Hàn thích ngồi bệt dưới đất để nói chuyện, xem phim Hàn Quốc bạn sẽ thấy như vậy).

Điện Càn Chánh cũng là nơi các vua làm lễ đăng quang. Có 7 vị vua làm lễ lên ngôi ở đây là Jeongjong (Định Tông),

Sejong (Thế Tông), Danjong (Đoan Tông), Sejo (Thế Tổ), Seongjong (Thành Tông), Jungjong (Trung Tông), và Myeongjong (Minh Tông).

Điện Càn Chánh là nơi đẹp để và có tính dân tộc nên ngày nay thường được các cặp vợ chồng sắp cưới tới chụp hình kỷ niệm. Ngoài ra, tôi thấy có rất nhiều đoàn học sinh thiếu nhi được các cô giáo hướng dẫn đến xem một công trình tượng trưng cho tinh thần dân tộc, một kiến trúc tượng trưng cho quyền độc lập và tự chủ của Triều Tiên.

Sau Điện Càn Chánh, chúng tôi tiếp tục ra phía sau để xem các kiến trúc nhỏ hơn và có tính cách riêng tư hơn của nhà vua là:

Điện Tư Chánh (Sajeongjeon): Nơi làm việc của nhà vua. Sau khi hội họp xong với

quần thần thì nhà vua về đây để suy nghĩ chuyện quốc gia đại sự. Trong điện phía trên ngai vàng có bức tranh vẽ hình lưỡng long tranh châu.

Đền Thiên Thu (Cheonchujeon): nằm ở phía Tây Điện Tư Chánh: nơi thảo luận về các công trình văn hoá.

Đền Vạn Xuân (Manchujeon): nằm ở phía Đông Điện Tư Chánh.

Chúng tôi theo một cổng nhỏ ở phía Tây để ra khỏi khu Tử Cấm Thành và xem một kiến trúc khá rất xinh đẹp nằm ở giữa một cái hồ là:

Lầu Khánh Hội (Gyeonghoeju : Đây là nơi nhà vua chiêu đãi ngoại giao đoàn hay các lễ lạc khác như yến tiệc mừng những người thi đậu. Toà nhà khá lớn, các cột được đặt trên những chân bằng đá (sau này sửa lại bằng bê tông). Quanh hồ có nhiều cây cối như tùng, thông ... Có cả những cây liễu đang rũ lá làm cho cảnh trí thêm đẹp để trữ tình.

Phía trước Lầu Khánh Hội là Điện Tư

Khánh (Sujeongjeon): nơi dùng làm văn phòng nội các.

Do không có nhiều thì giờ, nên chúng tôi phải trở ra mà không đi tiếp ra phía sau để xem các kiến trúc nhỏ có tính cách riêng tư của gia đình nhà vua như Điện Giao Thái, Điện Hợp Nguyên và vườn ngự uyển Amisan. Ngoài ra, ở đó cũng có các phòng ngủ của hoàng gia như Điện Khang Ninh nơi ngủ của nhà vua. Còn nếu tiếp tục lên phía Bắc thì có một nơi ngắm cảnh rất đẹp nằm trên một hồ nhỏ là Hương Viễn Đình (Hwangwonji). Đây là một toà nhà bát giác, có mái ngói với độ dốc phù hợp với

ngọn núi Bắc Hán ở phía sau. Chung quanh hồ có trồng cây kiềng rất đẹp.

Từ trong sân sau của Cung Cảnh Phúc có thể nhìn thấy Viện bảo tàng văn hoá và dân tộc Hàn Quốc là nơi mà chúng tôi đã ghé thăm mấy năm trước. Còn ở phía xa xa chính là Lầu Xanh (Blue House) tức là Phủ Tổng Thống hay là cơ quan quyền lực cao nhất Hàn Quốc hiện nay.

Cung Cảnh Phúc thể hiện chủ quyền của nhà vua trên đất nước Triều Tiên. Qua dòng lịch sử, cung này bị tàn phá nhiều lần nên ngày nay không còn lại bao nhiêu kiến trúc. So với



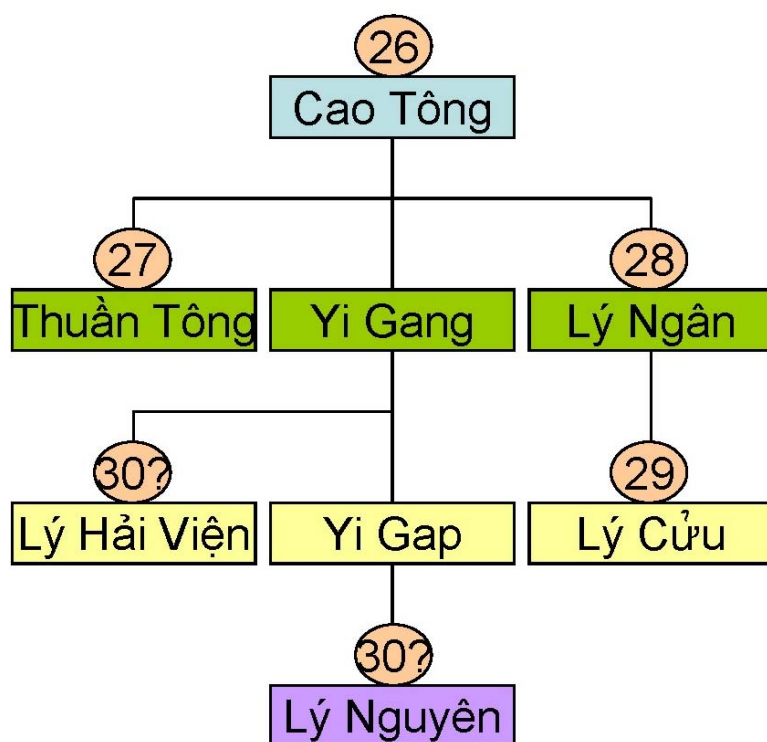
Lầu Khánh Hội nơi đãi tiệc của hoàng gia

cung điện triều đình Huế thì nơi đây không to lớn bằng. Dù vậy đây cũng là nơi đáng tới xem để hiểu biết thêm về dân tộc Triều Tiên. Ở Hán Thành còn có 4 cung điện khác nữa của hoàng gia. Trong số đó có cung điện được con cháu của hoàng tộc sinh sống và giữ gìn cẩn thận là Cung Xương Đức (Changdokkung). Cung này nằm ở phía Đông của Cung Cảnh Phúc khoảng 1,5 km. Sau này nếu có điều kiện trở lại Hán Thành, chúng tôi sẽ đi thăm những nơi đó.

Số phận của hoàng gia Hàn Quốc:

Đến xem cung điện hoàng gia Hàn Quốc, chúng ta tự hỏi những chủ nhân của nơi đây bây giờ ra sao. Họ có cuộc sống như thế nào và chánh phủ Hàn Quốc đã đối xử với họ ra sao ? Dưới đây là vài thông tin về hoàng gia Hàn Quốc:

Cuối thế kỷ thứ 19, nước Hàn Quốc có tên là Triều Tiên và được lãnh đạo bởi vua Gojong (Cao Tông) vị vua đời thứ 26 của triều đại



Sơ đồ gia phả hoàng gia Hàn Quốc

Chosun (hay Joseon – chữ này cũng được dịch là Triều Tiên). Triều đại này được lập nên bởi tướng Yi Seonggye (Ly Thành Quế) năm 1392 hơn 500 năm trước. Họ Yi dịch sang từ Hán Việt là Lý, nhưng ở đây tôi cũng dùng nguyên gốc để dễ tìm hiểu. Về đối ngoại, Triều Tiên lúc đó nằm giữa ba thế lực: Trung Quốc, Nga và Nhật. Nhờ những cải cách thời Minh Trị Thiên Hoàng mà nước Nhật rất hùng mạnh. Họ muốn bành trướng lãnh thổ và Triều Tiên chính là nơi họ muốn chiếm lấy đầu tiên. Làm vua của một đất nước vào thời điểm có nhiều biến động quốc tế và lúc đất nước của mình yếu

kém là một điều không may. Sau vụ ám sát hoàng hậu Minh Thành và chiến thắng hải quân Nga trong trận Đồi Mã, Nhật đã bắt đầu bảo hộ Triều Tiên. Vua Cao Tông lúc này chỉ còn hư vị mà thôi. Ông có bảy người con. Năm 1907, vua Gojong truyền ngôi lại cho hoàng tử thứ tư tên là Yi Cheok lấy hiệu là Sunjong (Thuần Tông).

Vua Thuần Tông, còn gọi là vua Yungheui (Long Hi), là vị vua thứ 27 của dòng họ Yi.

Đây là vua cuối cùng của Triều Tiên. Ông chỉ kế vị được có 3 năm từ năm 1907 đến năm 1910 thì mất chức. Theo hiệp ước năm 1910, nước Triều Tiên bị nước Nhật sát nhập. Từ đây tới năm 1945, Triều Tiên bị mất tên trên bản đồ thế giới nên không còn vua. Vua của Triều Tiên lúc đó là vua ... Nhật tức là Minh Trị Thiên Hoàng. Cung Cảnh Phúc bị Nhật chiếm rồi xây Phủ Toàn Quyền ở ngay phía trước. Vua Sunjong phải dời về ở cung điện nhỏ hơn là Cung Xương Đức (Changdeokgung) ở phía Đông cung Cảnh Phúc.

Năm 1910, sau khi vua Thuần Tông bị truất ngôi, em của ông là hoàng tử thứ bảy của vua Cao Tông là Yi Eun (Ly Ngân) được coi là người có vai vế cao nhất trong

hoàng tộc. Do đó ông này coi như kế truyền đời thứ 28 của hoàng gia. Ông này đã qua Nhật học từ năm 1907 và cưới công chúa Nashimoto Morimasa của Nhật năm 1920. Trong thế chiến thứ hai, ông tham gia quân đội Nhật trong binh chủng không quân.

Sau này, khi Triều Tiên được độc lập năm 1945, ông xin Tổng Thống Lý Thừa Vãn để hồi hương cùng với gia đình nhưng không được chấp thuận. Mười tám năm sau tức là năm 1963, ông cùng với vợ mới được hồi hương sau 56 năm, lúc đó ông đã 66 tuổi. Vừa tới phi trường ông bị bệnh nặng đến nỗi bất tỉnh và

được đưa vào bệnh viện để cứu chữa. Nhưng bệnh tình trầm trọng, ông chỉ được cứu sống nhưng phải nằm trên giường. Bảy năm sau ông chết tại Cung Xương Đức ở Hán Thành.

Con trai trưởng của ông chết từ nhỏ nên đời thứ 29 của hoàng gia Triều Tiên bây giờ truyền lại cho con trai thứ hai của ông tức là cháu nội của vua Cao Tông tên là Yi Gu (Lý Cữu). Lý Cữu là đứa con hai dòng máu giữa hoàng tử Hàn Quốc Lý Ngân và công chúa Nhật Nashimoto. Ông này sinh năm 1931 ở Tokyo, Nhật Bản nhưng đã đi du học về ngành kiến trúc ở Mỹ nhiều năm và có quốc tịch Mỹ năm 1959. Năm 1963, ông về Hàn Quốc cùng với gia đình và trở lại quốc tịch Hàn Quốc năm 1964. Ông được cư ngụ trong cung Xương Đức ở Hán Thành và dạy về kiến trúc tại Đại Học Quốc Gia Hán Thành. Ông có công ty hàng không riêng tên là Shinhan nhưng làm ăn thất bại. Đến năm 1979 ông trở lại Nhật để kinh doanh sau đó thì đi lại giữa Hàn Quốc và Nhật Bản. Ông mất vì bệnh nhồi máu cơ tim ở Nhật năm 2005.

Đời thứ 30 của hoàng gia Triều Tiên còn ở trong vòng tranh cãi giữa hai phe. Một phe chọn cháu cố của vua Cao Tông là Yi Won (Lý Nguyên) một phe khác chọn cháu nội của vua Cao Tông là Yi Haewon (Lý Hải Viên). Bà này là cô của Lý Nguyên và hiện là người lớn tuổi nhất trong hoàng tộc. Lý Nguyên được nhiều người trong hoàng tộc ủng hộ hơn. Ông này sinh năm 1962, có du học tại Mỹ về ngành truyền thông và hiện sống tại Wondang, Hàn Quốc.

Đó là nói về dòng chính, còn con cháu dòng họ Lý rất đông. Họ sống rải rác khắp nơi. Có người sinh sống ở nước ngoài như Mỹ và Nhật. Có người khá giả nhưng cũng có người rất nghèo khổ và phải sinh sống bằng nghề lao động. Khi bạn xem phim Chuyện Tình của Hoàng Tử thì tưởng rằng hoàng gia Hàn Quốc sống rất sung sướng, suốt ngày vui chơi mà không làm gì. Thật ra, đó chỉ là giả tưởng và số phận những hậu duệ của hoàng gia Jeseon thật ra không may mắn lắm như đã trình bày.

Câu chuyện về hoàng tử Lý Long Tường:

Nhân nói về hoàng gia họ Lý của Hàn Quốc, tưởng cũng nên nói thêm về chuyện một gia đình họ Lý của nước ta lưu lạc đến Hàn Quốc. Đó là gia đình hoàng tử Lý Long Tường. Nhớ lại trong lịch sử nước ta, cuối triều Lý, Trần Thủ Độ lập công chúa Lý Chiêu Hoàng lên làm vua, sau đó bắt buộc bà ta nhường ngôi lại cho chồng là Trần Cảnh, bắt đầu triều đại nhà Trần. Trong dòng họ Lý có nhiều người không bằng lòng. Trần Thủ Độ cố ý bắt hết những người chống đối như Lý Long Tường để xử. Trong hoàn cảnh khó khăn đó, Lý Long Tường cùng gia đình đã lên thuyền trốn khỏi nước. Lúc đầu ông tính qua Trung Hoa nhưng nghĩ lại người Hoa đã công nhận họ Trần và có thể bắt ông trả lại Việt Nam nên ông lưu lạc tại Hàn Quốc, lúc bấy giờ là nước Cao Ly. Ở đó ông được người Cao Ly chấp nhận và ngược lại ông cũng có công trong việc giúp người Cao Ly chống lại quân xâm lược Mông Cổ. Ông cùng tướng sĩ đã đánh thắng quân Mông Cổ nhiều trận. Chiến công của ông đã được triều thần Cao Ly công nhận và lập bia kỷ niệm.

Ngày nay, con cháu họ Lý có rất đông, nhưng qua nhiều thế hệ, họ đã trở nên người Hàn chính cống. Nhiều người trong số này rất giàu và làm chủ một công ty lớn ở Hàn Quốc. Họ đã trở về quê của tổ tiên mình ở miền Bắc để thăm viếng. Hiện giờ ở Hàn Quốc có hội của những người họ Lý có gốc gác Việt Nam. Họ chính là cháu chắt của hoàng tử Lý Long Tường ./.

(10/2007)

(Trích ký sự du lịch Á Châu quyền rũ - tập 2. ACQR - tập 1 đã xuất bản năm 2007)



Học và Hành thời Hán Học

Đặng vũ Nhuế

(tiếp theo)

Thi Hội Thi Đình

Thi Hội là cuộc thi triều-đình tổ-chức cho dân toàn quốc (bởi thế có chữ Hội), tổ-chức ở kinh-đô, tức ở Hà Nội, và dưới triều Nguyễn, ở Huế. Ai muốn đi thi cũng phải vào Huế. Đường cái quan Hà Nội Huế dài khoảng 650 cây số, Sài-gòn-Huế dài hơn 1.000 cây số. Ngày xưa không có ô-tô, xe lửa và tàu bay, người đi thi đi bộ hay đi thuyền, cả tháng mới tới nơi. Lệ là 3 năm có một khoa, năm trước thi Hương thì năm sau thi Hội thi Đình. Tuy vậy, cũng như thi Hương, lệ 3 năm một khoa không giữ đều, vì có những khoa đặc-biệt, gọi là ân-khoa, mở ra khi vua mới lên ngôi, hay trong họ hàng nhà vua có điều vui mừng gì. Thi Hội cũng là thi loại, người đủ điểm không được phát bằng cấp gì, nhưng được vào trong cung vua để thi (cho nên gọi là thi Đình), lấy chức tiến-sĩ, phó-bảng. Cấp phó-bảng được đặt ra dưới triều Minh-Mạng, trước kia không có. Muốn được thi Hội phải có cử - nhân, hoặc chỉ đậu tú-tài nhưng có đủ một số điều-kiện khác về tuổi tác, chức tước, phẩm hàm và thành-phần của ông cha (Tôn Thất ...) Đặc-điểm của thi Đình là chỉ thi trong một ngày, viết bài trả lời độ 20 câu hỏi về việc nước. Thời giờ ít, cho nên được phép viết thảo, không cần nắn nót cho chữ được đẹp, được vuông vắn, các nét được ngang bằng số ngay. Thi Đình như là thi vắn đáp của người Pháp, nhưng xưa ta không thi vắn đáp, vì người chấm bài cho điểm không được biết mặt người đi thi, để tránh nạn thiên vị. Tiến-sĩ có thể coi là tương-đương với người tốt-nghiệp trường "Quốc-Gia Hành-Chánh" ở Pháp ngày nay. Tại Pháp, đại-đa-số các công-chức cao cấp, các đồng-lý văn-phòng, cố-vấn các bộ, các tổng-

trưởng, bộ-trưởng, tỉnh-trưởng (préfet) quận-trưởng (sous-préfet) đều ở trường này mà ra. Khác với tiến-sĩ của ta chỉ là về phương-diện "khoa-học chính-trị", gồm cả kinh-tế tài-chính, ngày nay tinh-vi hơn ngày xưa, bất cứ ở nước nào. Muốn đậu phải biết nhiều hiểu rộng, khôn ngoan tháo vác, và biện luận giỏi.

Bao Nhiêu Cử-Nhân, Bao Nhiêu Tiến-Sĩ Mỗi Khoa?



Lều chõng đi thi- En route vers le champ de concours

Lều chõng đi thi

Thi Hương là thi ở các địa-phương. Chữ "huương" có nghĩa là nơi quê hương của người đi thi. Dưới triều Nguyễn, khi Nam Bắc đã thống-nhất, vào giữa triều Tự-Đức và trước khi nước Pháp chiếm miền Nam, tại Việt Nam có 7 trường thi: Hà Nội và Nam-Định ở ngoài Bắc Thanh-hóa, Nghệ-an, Thừa-thiên, Bình-định ở miền Trung; và trường Gia-định ở trong Nam. Những năm 1852, 1855, 1858, cộng 7 trường thi, mỗi khoa triều-đình lấy 118 hay 119 cử-nhân.

Năm 1836, triều Minh-Mạng, lập xong sổ đình, sổ điền từ Bắc vào Nam, nước Việt Nam tổng cộng có 970 ngàn dân đình (đàn ông từ 18

đến 60 tuổi). Nhân với 5, thành độ 5 triệu đầu dân, kể cả nam nữ già trẻ. Nếu 20 năm sau tăng lên 20 phần trăm, dân số toàn quốc có lẽ là 6 triệu người. Chia cho số cử nhân mỗi khoa thi là khoảng 120 người, thì thấy rằng cứ 3 năm triều-đình lại lấy 1 cử-nhân cho 50 ngàn đầu dân, hay 10 ngàn dân đình (số tú-tài thì gấp 2, sau này gấp 3 số cử-nhân, lẽ là vậy). Số tiến-sĩ lại còn ít hơn nữa:

- Trong 94 năm cuối cùng của triều Lê (1694-1787) tất cả chỉ có 373 tiến-sĩ, trung bình mỗi năm có 4 tiến-sĩ (373 chia cho 94 là 4, tính tròn). Tính theo số năm chứ không tính theo số khoa vì có các ân khoa.

- Triều Nguyễn, thời Gia-Long không thi tiến-sĩ (thi Hương thì 6 năm mới có 1 khoa).

- Từ năm 1822 (triều Minh-Mạng) cho đến năm 1919 (khoa thi Đình cuối cùng khi đã bị Pháp thuộc), trong 97 năm, tất cả triều Nguyễn chỉ có 292 tiến-sĩ và 262 phó-bảng, trung bình mỗi năm có: 3,0 tiến-sĩ và 2,7 phó bảng, cộng là 5,7 tính tròn 6 đại khoa mỗi năm (đậu thi Đình gọi là đại khoa). So với triều Lê, (4 đại khoa mỗi năm), như vậy là ít, vì lãnh-thổ nay đã thống nhất, từ Lạng-Sơn vào đến Cà-Mâu, tức dân đông hơn. Nhà Nguyễn không lấy Trạng-nguyên, mà cũng không muốn lấy nhiều tiến-sĩ nên đặt ra cấp Phó-bảng. Phải chăng vì ngại uy tín của kẻ mang danh tiến-sĩ, tựa như Hán Cao Tổ nói trên?

Còn số người đi thi so với số người đậu? Hiếm tài-liệu để trả lời câu hỏi này. Chỉ biết rằng năm 1897, ở trường thi Nam-định dành cho tất cả dân miền Bắc từ Ninh-bình trở ra (trường thi Hà Nội đã dẹp bỏ vì Hà Nội là nhượng-địa), có 12.000 người đi thi Hương, triều-đình lấy 80 cử nhân (2). Nghĩa là 150 người vác lều chõng đi thi, chỉ có 1 người đậu cử-nhân được mũ áo vua ban, 3 người đậu tú-tài, 146 người kia không được bằng cấp gì khác, ngoài dăm ba người được cái danh nhất, nhị, hay tam trường, buồn bã đi về làng, về nhà chẳng dám nhìn mặt bà hiền thê (thoát được vòng đầu được vào thi kỳ 2 gọi là nhất trường, thoát được thêm 1 vòng được vào thi kỳ 3 gọi là nhị trường v.v.) Dù sao những con số kê trên giúp ta hiểu tại sao những danh-từ cử -nhân, tiến-sĩ được dân Việt Nam trọng, và ngày nay

chính-quyền Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa vẫn giữ, tuy chính quyền này ưa dùng các danh hiệu mới, có thể là vì muốn tăng-gia uy-tín của những người du học ở Liên Xô về. Nghe nói rằng phần nhiều những người này được du học chỉ vì đã có công trong cuộc cách mạng, hoặc là con cháu của các đảng-viên cao cấp, du học kiếm mảnh bằng "hữu nghị", rồi về nước làm quan to, có mảnh bằng để cho "danh chính ngôn thuận"?

Thi Cử Và Óc Địa-Phương

Một điều đáng để ý là tuy miền Bắc đông dân hơn miền Trung, nhà Nguyễn lấy nhiều cử nhân ở miền Trung hơn ở miền Bắc. Quả vậy, tổng-cộng số cử-nhân được lấy tại các trường thi ở 3 miền Bắc, Trung và Nam qua các triều vua nhà Nguyễn như dưới đây (4):

Thời gian		Số khoa	số cử nhân được tuyển		
			Bắc	Trung	Nam
Gia Long	1807-1819	3	142	87	12
Minh Mạng	1819-1864*	18	857	1060	234
	1864-1885#	11	460	735	10
Các triều kể	1887-1918**	6	962	1462	0
Cộng			2421	3344	252
Không kể miền Nam			42%	58%	

*Mất Nam kỳ, # mất Bắc kỳ, **khoa chót

Khi thi Hương, người quê ở miền nào thi ở miền ấy. Người quê ở Nam-định hay ở Ninh-bình thi ở trường thi Nam-định (xưa gọi là Sơn-nam), người quê ở Thanh-hóa thi ở trường thi Thanh-hóa v.v. Nếu người quê ở Nam-định đi thi ở Thanh-hóa mà đậu, thì dân Thanh-hóa sẽ mất một chỗ cử -nhân, tức mất một người được ra làm quan cai trị-dân (5).

Theo bảng trên, miền Nam có ít cử-nhân, vì có ít dân và có ít khoa thi: khoa đầu tiên là vào năm 1819, cuối triều Gia Long, ở trường thi

Gia Định. Năm 1861 không có khoa thi, vì có chiến tranh với Pháp. Khoa cuối cùng năm 1864, tổ chức ở An-giang vì Gia-định có loạn, Pháp tấn công muốn chiếm thêm 3 tỉnh miền Nam.

So sánh miền Bắc và miền Trung, thấy rằng thời Gia-Long, triều-đình lấy nhiều cử-nhân ở miền Bắc hơn ở miền Trung. Nhưng bắt đầu từ triều Minh-Mạng thì ngược lại, số cử-nhân được tuyển ở miền Trung nhiều hơn ở miền Bắc, tính tròn và không kể miền Nam, cứ 10 cử-nhân thì 6 ở miền Trung, chỉ có 4 ở miền Bắc.

Số người đậu tiến-sĩ cũng vậy. Thời Minh-Mạng, người Bắc đậu nhiều hơn người Trung, nhưng bắt đầu từ thời Thiệu-Trị trở đi thì ngược lại: 10 người đậu tiến-sĩ thì 6 người là miền Trung, 4 người là miền Bắc. Dùng tài liệu thấy trong cuốn Quốc Triều Đăng Khoa Lục (6), ghi tên và quê quán người đậu tiến-sĩ từng khoa một, tính theo phần trăm dưới mỗi triều vua, ra bảng tiếp đây:

Nguyên quán	Nguyên quán các TS triều Nguyễn (%)		
	Minh Mạng	Thiệu Trị	Tự Đức
	1822-41	1842-47	1848-62
Bắc	58	40	43
Trung	40	60	53
Nam	2 (1 người*)	0	4 (2 người)
Cộng	100%	100%	100%

* Đậu tiến-sĩ đầu tiên ở miền Nam là cụ Phan Thanh Giản, năm 1826. Miền Nam, có tất cả 3 tiến-sĩ..

Người miền Trung đậu nhiều hơn người miền Bắc. Như vậy, người Trung làm quan ra cai trị dân sẽ đông hơn người Bắc; và ở triều-đình, người Trung sẽ đông hơn người Bắc. Tại sao người miền Trung lại đậu nhiều hơn người miền Bắc?

Năm 1936, thời Pháp thuộc, có cuộc kiểm điểm dân số ở Việt Nam. Miền Bắc có 8,3 triệu dân, miền Trung có 6,0 triệu, miền Nam 4,7 triệu. Nghĩa là thời ấy miền Bắc đông dân hơn

miền Trung. Trước kia có lẽ cũng thế. Vậy lấy nhiều lấy ít cử nhân, tiến-sĩ ở mỗi miền không phải là vì dân số. Phải có lý do khác, bởi không lẽ dân miền Bắc dốt cả hay sao, hay dân miền Bắc không có truyền-thống đi học đi thi, mặc dù thi cử ở ngoài Bắc có từ triều Lý? Phải chăng bởi các lý do sau đây:

- Quốc-Tử -Giám (có nhiều sách và người dạy giỏi) đặt ở Huế?

- Số người không đậu cử -nhân mà cũng được phép đi thi Hội thi Đình ở Trung đông hơn ở Bắc?

- Vì miền Trung gần triều-đình hơn, vậy người miền này hiểu rõ tư-tưởng và đường lối chính-trị của triều-đình hơn, để trả lời các câu hỏi sao cho hợp ý người chấm bài? Tỷ-dụ đường lối của triều-đình khi có nạn ngoại xâm là hòa hơn chiến, mà từ Bắc vào thi không biết, lơ ngơ viết rằng chiến hơn hòa, thì chắc chắn là sẽ không được cười ngựa vinh quy bái tổ, mà trái lại sẽ lùi thúi cuộc bộ 600 cây số về làng?



50. Trường thi - Champ de concours (le petit journal 1895)

Trường thi ngày xưa

- Vì nhà vua không tin người Bắc, bởi chúa Nguyễn xưa lập nghiệp ở miền Trung và không quên 200 năm Nam Bắc phân tranh?

Trên đây chỉ là những câu hỏi, luận con số suy sự-kiện. Nêu vấn-đề lên vì nghĩ đến tình trạng nước Việt Nam sau tháng 4 năm 1975: chính quyền có tin người Việt miền Nam hay không, cả những người thuộc Mặt-Trận-Giải-Phóng miền Nam, và những dân "Ngụy", mà cho phép đi học rồi đi làm ăn lương Nhà Nước? Về phần con cháu "Ngụy", nếu về lý do "thành-phần" mà không được học đại học, không được tiến thân bằng công học hỏi thì đi học làm chi?

*Văn chương "giống" Ngụy chẳng hay,
Làm nghề vá lớp chữa giày cho xong...*

Không "về làng cũ học cây cho xong" vì ruộng vườn nay của "Nhà Nước" rồi. Không muốn vá lớp chữa giày, bán thúng bán mẹt thì chỉ còn có giải-pháp là liều mạng vượt biên, trôi dạt đến đâu thì đến... Khi nói về học hành ở Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa, sẽ bàn thêm về sự chênh-lệch giữa các địa phương.

Trong Xã Hội Việt Nam Ngày Xưa, Giới Sĩ Chỉ Biết Đi Làm Quan

Nhà vua tổ chức thi cử để tuyển người ra làm quan cai trị dân, hay dạy học cho dân, bảo trì văn hóa và các giá trị của xã hội Việt Nam:

- Tiến-sĩ được sơ bổ tri-phủ, tức quan hành-chính cai trị một địa hạt lớn, hay giữ một chức (to) nào đó ở triều đình (sơ bổ: ban chức đầu tiên khi bắt đầu đi làm).
- Phó-bảng được sơ bổ giáo-thụ (chức học quan).
- Cử-nhân được sơ bổ huân-đạo, chức học quan bậc thấp hơn giáo-thụ. Dần dần lên chức, được bổ giáo-thụ, hoặc hơn nữa, được bổ tri-huyện, quan hành-chính cai trị một huyện, địa-hạt bé hơn và ít dân hơn địa hạt một phủ (có thời, phủ là một địa hạt gồm nhiều huyện, nhưng thật ra, người giữ chức tri-phủ không có quyền gì đối với người giữ chức tri-huyện, về sau này phủ chỉ là một địa hạt lớn hơn huyện, không có huyện nào thuộc một phủ cả).
- Tú-tài không được bổ ra làm quan, trừ trường hợp đặc-biệt (40 tuổi v.v.) Tú-tài chỉ được giữ chức nha lại dưới quyền một vị quan nào đó. Nhưng cũng như cử-nhân, tú-tài được miễn sưu dịch, không phải đóng thuế đinh, và không phải đi làm phu đắp đường đắp đê như thường dân.

Nguyên-tắc là thế, nhưng có nhiều người tuy đậu cử-nhân vẫn không được bổ vì triều đình chưa cần đến. Hoặc ngược lại, được bổ nhưng từ chối, không muốn đi làm quan, viện cớ cha mẹ già nua yếu đau, xin ở nhà để phụng dưỡng cho có hiếu. Sinh nhai bằng cách này cách khác: dạy học, chép sách, làm lang y, viết câu đối câu liễn cho ai cần khi có ma chay đình đám v.v. Hoặc nhà có ruộng, và có bà hiền thê tần tảo buôn bán ngược xuôi. Vì đã đỗ đạt, tuy không làm quan, không có phẩm tước gì, vẫn được làng xóm xã hội nể vì. Xã hội Việt Nam khinh người "trọc-phú", giàu nhưng không có chữ, nhưng bao giờ cũng trọng người đã đỗ đạt. Xã-hội Hán học trọng người có chữ, không những vì người ta đọc được sách, không phải làm việc nặng nhọc chân lấm tay bùn, mà cũng vì người ta biết thế nào là phải trái, biết lễ nghi, biết hưởng những vui thú của trí tuệ, biết thưởng thức cái hay cái đẹp, vì họ là người quân-tử, cũng như xã-hội Anh-cát-lợi trọng người "Gentleman" vậy.

Giới Sĩ Ít Tham Dự Vào Việc Công Thương.

Có một số kẻ sĩ bỏ công bỏ của ra khăn hoang, tăng gia diện tích đất để canh tác, nhưng xem ra cũng không đông lắm, mặc dầu đất hoang ở miền Nam xưa kia có rất nhiều. Triều Minh-Mạng, sau khi Nguyễn-Công-Trứ tổ-chức xong việc khăn hoang ở Thái-Bình và ở Ninh-Bình tại đồng bằng sông Hồng, không thấy nêu lên việc di dân vào khăn hoang ở đồng bằng sông Cửu-Long. Miền Nam có rất nhiều đất màu mỡ mà dân cư xưa lại không đông, cho nên người Pháp mới chiếm miền Nam làm thuộc-địa, còn miền Trung và miền Bắc chỉ là xứ bảo-hộ, vì tại hai miền này người đông của hiếm. Tại sao không có ông tú ông cử ông nghè nào bỏ công bỏ của vào miền Nam lập đồn điền để thành đại điền-chủ, như người nhà Minh sau khi thua nhà Thanh, từ bên Tàu sang lập nghiệp ở nước ta vào thế kỷ thứ 17, tỷ dụ Mạc-Cửu lập nghiệp ở Hà-Tiên? Sau này, khi chiếm xong sáu tỉnh miền Nam, người Pháp đào kênh, khăn hoang, kết quả là đại điền-chủ ở miền Nam có rất nhiều. Học Hán sử, chắc chắn các cụ khoa bảng khi xưa đều biết chuyện Phạm-Lãi giúp

vua nước Việt là Câu-Tiền trả thù giết được Phù-Sai vua nước Ngô, xong bỏ ra đi về miền biển ở Sơn-Đông, khẩn hoang, bán nông-sản làm giàu, xong rồi lại bỏ đi, cùng Tây-Thi ngao du ở nơi núi hồ tại tỉnh Vân-Nam (?!). Tại sao không có cụ Nghè Việt Nam nào nổi danh về việc làm tương tự?



Giám khảo

Công-nghệ, thương-mại cũng không thấy nói đến kẻ sĩ nào kinh doanh tham dự. Khi trong nước không có luật pháp che chở người kinh doanh, người có sáng-kiến về công-nghệ thương-mại dễ bị người có chức có quyền bắt nạt hà hiếp. Muốn được yên ổn làm ăn, thường phải cộng-tác với người có địa-vị cao trong xã-hội. Ngay ở bên Âu-châu, nước Anh-Cát-Lợi xưa có một người tên là Royce, giỏi máy móc cơ khí, nhưng chỉ là con một người làm nghề xay lúa mì thành bột, không có vốn không có vây cánh, cộng-tác với một hầu-tước tên là Rolls, chế ra ô-tô Rolls-Royce là loại ô-tô rất tốt rất đắt tiền. Chắc chắn rằng Việt Nam cũng có nhiều người có tài về công-nghệ thương mại mà không có vốn có thế, tại sao không có một bậc khoa bảng nào nổi danh vì đã cộng-tác với những người có tài loại ấy để cùng nhau làm to buôn lớn?

Ngoài việc theo lệnh vua đi sứ sang Tàu, cũng không thấy sử sách nào nói đến các ông cử ông nghè tự mình đi ra ngoài nước, tò mò xem cái mới cái lạ, cái hay cái dở của người khác, rồi về nhà viết Tây du ký, Đông du ký, Nam du ký v.v. Nguyễn Trường Tộ (1827-1871), người làng Bùi-Chu (Nghệ-An), theo đạo Công-giáo, được dịp sang thăm các nước Âu-Tây, trở về nước viết nhiều bản điều trình dâng vua và các đại thần, bàn định chương trình cải cách nước nhà. Vua Tự Đức thấy cũng hay, nhưng các quan to ở triều đình có óc giữ cái cũ, bãi bỏ tất cả. Trong khi ấy, vua Xiêm (Thái-Lan) đón một bà người Anh-quốc dạy con vua tiếng Anh, đón một người Mỹ dạy con vua khoa-học. Các cụ Hán-học chỉ biết đến Trung-Hoa, cũng như Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa cách nay mấy năm chỉ biết đến Liên-Xô mà thôi?

Tạm Kết Luận Về Học và Hành Thời Hán Học.

Những Ưu Điểm:

- Học đạo làm người, trọng nhân nghĩa lễ trí tín, nghĩa là trọng cái tốt.
- Trọng cái đẹp, như câu thơ hay, lời văn nhịp nhàng, tư tưởng tế nhị.
- Trọng sự bình đẳng, triều đình không mở trường học vì không muốn đánh thuế nặng cho dân, nhưng ai cũng có quyền mở trường dạy học, ai cũng có quyền đi thi trừ trong một vài trường hợp (khai tam đại), có chí có tài thì có hy vọng đậu rồi tiến thân. Không có chuyện cha truyền con nối ngoại trừ con quan to thì được chức âm-sinh: âm-sinh có thể được bổ ra làm quan tuy không đậu ông Cử ông Nghè, nhưng con âm-sinh nếu không đỗ đạt lại chỉ là bạch đình.
- Thầy dạy học được xã hội kính trọng, người học giỏi được xã hội nể vì. Do đó toàn dân đều hiếu học. Trẻ nhỏ coi được đi học là may, hiểu rằng cha mẹ đã phải hy-sinh để mình được ngày ngày cắp sách đến trường. Thái-độ đó ngày nay vẫn còn: riêng ở Pháp, sau năm 1975 có đông người Việt Nam, đầu năm học báo chí ghi rằng các giáo chức tranh nhau muốn

có học sinh Việt Nam vào lớp mình, đến nỗi bà hiệu trưởng phải cố ý chia cho đều, mỗi lớp có vài ba người. Học sinh Việt Nam lễ phép đối với thầy, chăm chỉ, trọng kỷ luật nhà trường, không phá học cụ của trường. Bên Mỹ cũng thế. Các nơi có dân Việt Nam cư ngụ đều thấy trình-độ học-vấn ở các trường học cao hẳn lên (7).

- Nhờ sự trọng đạo làm người, nhờ sự hiểu thấu tâm tâm nhân loại, không những ta có những áng văn chương tuyệt tác như Truyện Kiều, Chinh Phụ Ngâm Khúc, không kể bao nhiêu tác phẩm khác mà thể hệ nọ qua thể hệ kia, giàu nghèo ai cũng biết cũng thuộc. Và cũng nhờ thế mà có thể nói rằng, so sánh với nhiều xã hội khác, xã hội Việt Nam ôn hòa lịch thiệp, ít có những cuộc giết người tàn bạo dã man...

Những Khuyết Điểm:

- Giới nữ không được đi thi mà cũng ít khi được đi học. Như vậy là phí mất một nửa số người tài giỏi ở trong nước.

- Giới nam được đi học, nhưng có lẽ những người biết viết biết đọc có rất ít, tuy không có tài liệu chính xác về sự kiện này. 100 thiếu-niên bao nhiêu người được đi học? Học được bao nhiêu năm? Biết được bao nhiêu chữ? Đọc được những sách gì? Chữ Hán không như chữ quốc-ngữ, biết hơn hai chục chữ cái và biết đánh vần là có thể bập bẹ đọc được sách rồi, đọc mà hiểu hay không hiểu là tùy trí thông minh của mỗi trẻ. Chữ Hán phải học từng chữ một. Phải biết khoảng 3.000 hay 4.000 chữ mới đọc được sách, đọc và hiểu, vì văn-phạm Tàu không được rõ ràng cho lắm.

- Giấy đắt, sách hiếm vì khắc bản gỗ in sách rất tốn công tốn của. Biết đọc cũng chẳng có nhiều sách mà đọc. Báo chí ngày xưa không có, vì kỹ thuật in thô sơ và giao thông chậm trễ.

- Nội-dung những điều được học cũng như nội-dung các sách hướng về quá khứ, ít hướng về hiện tại và tương lai. Trong tư-tưởng Hán học, cái tuyệt-hảo thuộc về đời xưa: thơ cổ, văn cổ, vua Nghiêu vua Thuấn... Người Âu-Tây,

đặc-biệt người Do-Thái, trái lại cho rằng cái tuyệt-hảo chưa đạt được, nghĩa là còn phải cố gắng đi tìm: tỷ-dụ như trong tôn-giáo tín-ngưỡng, đối với người theo đạo Thiên-Chúa, vị Chúa cứu thế là Giê-Su đã hiện ra rồi, nhưng đối với người Do -Thái, vị Chúa cứu thế ấy (Messiah, messie) vẫn chưa đến. Phải chăng vì thế người ta lạc-quan hơn, tin tưởng vào tương-



Những thí sinh thi đậu tại trường thi Nam Định

lai hơn, và sáng chế cái mới nhiều hơn?

- Hán học không có sách kỹ thuật và khoa học, vì Trung-Hoa cổ điển không có hai môn này. Dạy hai môn này cần nhiều học-cụ dụng-cụ, tốn tiền hơn dạy chữ, các phòng thực tập, phòng thử nghiệm đều rất đắt tiền.

- Ngoài quan-trường, nghề dạy học hay nghề lang-y, người có học cũng chẳng làm được việc gì khác. Nước chỉ có từng này địa-hạt, triều-đình chỉ có từng này chức-vụ, cho nên số cử nhân tiến-sĩ bắt buộc phải có hạn: 3 năm mới có một khoa thi, mỗi khoa chỉ lấy từng này người. Học hành thi cử không hướng về ngành hoạt-động khác như công-nghệ thương-mại tài-chính, nghĩa là những hoạt-động kinh-tế, thì phạm-vi hành sự của người có học bắt buộc phải nhỏ hẹp.

- Đi thi không có hạn tuổi, cao tuổi cũng vẫn được đi thi, cho nên đã đi học thì chỉ biết đi thi, hồng khoa này thi khoa khác, con đường khoa bảng lấy hết năm tháng, lấy hết nghị-lực của kẻ sĩ. Rất nhiều kẻ sĩ khi có được tên trên bảng vàng thì tinh-thần cũng đã kiệt-quệ, không còn sức, không thích làm gì khác nữa, chỉ muốn

ngồi ghế cao để người ta tôn trọng mình mà thôi... Nếu có hạn tuổi, hay nếu mỗi người chỉ được phép đi thi bằng này khoa, tỷ dụ 2 hay 3 khoa (3 năm mới có 1 khoa), xã-hội Việt Nam có thể chuyển sang một hướng khác, và tiến nhanh hơn về nhiều phương diện, có lẽ vậy chăng (8)?

Trên đây là nói chuyện ngày xưa. Ngày nay thì ra sao?

Ghi Chú

(1) Trần Trọng Kim, "Nho Giáo", Nhà xuất bản Tân Việt

(2) Đặng Hữu Thụ, "Làng Hành Thiện Và Các Nhà Nho Hành-Thiện Triều Nguyễn", Paris 1992, Tác giả tự xuất bản.

(3) Trong tiểu thuyết "Lều Chõng", tác-giả Ngô Tất Tố kể chuyện 1 khoa thi hương ở Hà Nội, nhưng không nói vào thời nào. Tác-giả kể rằng kỳ đầu thi Kinh Nghĩa, kỳ 2 thi Thi Phú, kỳ 3 thi Văn Sách, kỳ 4 là Phúc Hạch. Theo bảng 1, trang 8, khoa ấy phải là vào những năm Pháp thuộc (1886-1906). Nhưng trường thi Hà Nội khi ấy đã dẹp rồi, vì từ khi nước ta thành Pháp thuộc, Hà Nội là nhượng địa. Ở Hà Nội, Phố Trường Thi, Viện Radium, Thư Viện Trung Ương xây trên đất trường thi cũ. Vậy nơi thi không thể ở Hà Nội, mà phải là ở Nam-Định...

(4) Đặng Hữu Thụ, sách đã dẫn. Nguồn các con số người đậu cử nhân: Cao-Xuân-Dục, "Quốc Triều Hương Khoa Lục"

(5) Trong tiểu thuyết "Lều Chõng", trường thi là Hà Nội, nhưng có 1 người quê ở làng Đồng-Xâm (phủ Kiến Xương) và 1 người quê ở làng Hành-Thiện (huyện Giao Thủy) cũng đi thi ở đây. Đúng ra, cả 2 đều phải thi ở Nam Định.

(6) "Quốc Triều Đăng Khoa Lục", Trung Tâm Học Liệu, Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, Sài Gòn, 1968

(7) Đã lâu lắm, vào khoảng 1961, báo chí Mỹ có nói đến cuộc đo lường trình-độ học hiểu và trí tuệ của học sinh ở thành-phố New York bên Mỹ, do một giáo sư đại học nào đấy làm. Đại lược kết quả cuộc tìm tòi nhớ mang máng như sau: thời đó, người Á -Đông (tức người Trung Hoa, vì ở New York chưa có đông người Nhật-

Bản, Đài -Loan, Nam-Hàn, Việt Nam v.v.) trung bình có chỉ-số thông-minh (IQ, Intelligence Quotient) cao, lên đến 108 chỉ số (chỉ số trung bình của người da trắng là 100), cao hơn cả của người Do Thái (106). Bài báo tường-thuật chuyện đó, và việc làm của giáo-sư nói trên, đều bị công-kích nặng, vì đưa đến sự "kỳ thị chủng tộc". Mới đây lại có một cuốn sách xuất bản ở Mỹ (Charles Murray & Richard Herstein, "The Bell Curve", The Free Press, 845 trang) , cũng lại nói rằng chỉ-số thông minh mỗi chủng tộc một khác, tỷ dụ người da vàng hơn nhiều người... Cuốn sách này cũng bị công-kích nặng.

(8) Đọc tên tuổi 80 người đậu cử nhân ở Bắc-kỳ năm 1897 tại trường thi Nam-Định (nguồn: Đặng Hữu Thụ, sách đã dẫn) thấy có 6 người tức 8 phần trăm dưới 25 tuổi, và 17 người (20 phần trăm) 40 tuổi hay già hơn nữa. Tuổi trung bình : 33 tuổi. Theo sách Quốc Triều Đăng Khoa Lục (sách đã dẫn) trong 48 khoa thi tiến sĩ từ năm 1694 (triều Lê) đến năm 1862 (triều Tự Đức), gần như không có ai trên 50 tuổi mà đậu tiến-sĩ. Tuổi trung bình khi đậu tiến sĩ là 33 tuổi rưỡi. Tuổi trung bình người đậu cao nhất mỗi khoa là 32 tuổi; của người già nhất là 43 tuổi; của người trẻ nhất là 24 tuổi. Vẫn biết rằng: 1/ tuổi đây là tuổi ta; 2/ ngày xưa các cụ thường khai thêm 1 hay 2 hay 3 tuổi khi đi thi, vì nếu có 2 người có số điểm bằng nhau, thì người nhiều tuổi hơn được xếp hàng trên, người ít tuổi hơn xếp hàng dưới. Nhưng dù sao, những con số trên chứng minh rằng thời Hán học, dân ta quá đề cao và tôn trọng khoa bảng, trên 40 tuổi vẫn cố đi thi, 2 phần 3 cuộc đời là để đi học đi thi. Học xong thì còn độ 15-20 năm nữa là đời tàn rồi, vì thời xưa ít người sống được nhiều năm... Nếu triều Nguyễn định rằng thi hương dành cho những người từ 20 đến 32 tuổi, thi hội thi đình cho những người từ 20 đến 36 tuổi, và không ai được thi quá 3 lần, đại khái như vậy, thì có lẽ xã-hội Việt Nam cũng đã đổi thay chút ít rồi chăng?

Trà dư Tửu Hậu



Sáng ra xem thùng thơ, thấy một bì dây cộm. Mở ra thì LTAHCC số 89. Mừng quá!. Về hưu rảnh rồi mà có báo hay để đọc thì còn gì bằng?. Đa số các bài rất súc tích nên tôi thích đọc. Tuy nhiên có 2 bài liên hệ với tôi nên tôi nhân cơ hội nói chuyện với anh em cho vui. Đó là:

1. Chuyện bão lụt tại Louisiana của bạn Lê Thành Trinh.
2. Cầu mới trên sông Hương của bạn Hồ Đăng Lễ.

1. CHUYỆN BÃO LỤT Ở LOUISIANA

Anh Trinh viết bài thường dựa lên tài liệu nên chính xác nhưng dầu sao trên quan niệm kỹ thuật mỗi người đều có cái nhìn riêng. Tôi không biết anh bạn nào đó đi tránh bão lên Baton Rouge mà đổ thừa chuyện vỡ đê qua cho anh Bùi đức Hợp??!. Anh Hợp làm một sở với tôi lo chuyện đường sá cầu cống. Còn đê điều thuộc Orleans Levee District (viết tắt là OLD) và Công Binh. Họ đưa cho chúng tôi xem để cho biết có kẹt gì với đường xá không?. Thật ra tôi không rành về đê điều lắm. Chỉ biết đại khái là làm đê để chặn nước, chống bão lụt. Chuyện bão lụt là chuyện của trời, kỹ sư nào mà dám chắc là sẽ chống với trời cho đến cùng. Họ nói người Hòa Lan giỏi về chống lụt vì nước của họ dưới mặt biển đã lâu, họ phải có nhiều kinh nghiệm để sống. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng trên Bắc Hải (Mer du Nord) chắc là ít bão hơn là vịnh Mexico.

Làm đê để chống lụt, chứ có ai nghĩ làm đê để ngăn nước mặn từ biển lên sông bao giờ?!. Vậy mà lúc nhỏ tôi nghe nói có kỹ sư Pháp thấy nước sông Hương, sông Bồ về mùa hè hay bị nước mặn ở biển lên nên có ý kiến làm đập để chặn nước mặn!. Khi mùa hè qua mùa mưa đến bị bão lụt lớn nên chính quyền phải dùng súng đại bác bắn nát cái đập chặn nước mặn cho nước chảy ra biển !.

Muốn chống với bão (gió) và lụt (nước) người ta chỉ theo thống kê và thí nghiệm để làm những luật lệ cho kỹ sư theo đó mà thiết kế. Minh làm đúng thì không có trách nhiệm dù công trình có bị tàn phá thì "chỉ Ông Trời", Mỹ gọi là "Fact of God"

Tôi nhớ trong lúc làm việc tôi từng gặp nhiều trường hợp khó xử chỉ có cách là tìm ngõ thoát khác!. Trong lúc tôi mua nhà (1982) thì bản đồ ghi cao độ của con đường Parkwood Ct South trước mặt nhà tôi là -6 feet (6 feet dưới mặt nước biển trung bình). Sở dĩ nhà tôi còn khô ráo là nhờ mấy bức đê của OLD. Tôi hỏi Ông Giám Đốc Department of Streets tại sao New Orleans lại ở chỗ thấp quá vậy?. Ông ta cười bảo tôi: "Sao anh lại hỏi tôi, anh phải hỏi hai anh em ông Bienville và Iberville là người đặt New Orleans vào đây !". Vì vậy mà tôi phải mua hai bảo hiểm nhà: Flood Insurance và Home Owner Insurance. Flood Insurance tuy do hãng Insurance bán nhưng số tiền đền thì lại do FEMA (Federal Emergency Management Agency) trả. Còn Home Owner Insurance thì hãng Insurance lo. Hồi đó tôi mua bảo hiểm nhà và xe ở hãng State Farm. Sau đó vì bị một vài tai nạn xe hãng State Farm bỏ khế ước xe và hỏi tôi có tiếp tục mua bảo hiểm nhà không?. Tôi biết hãng State Farm tốt mà rẻ nên xin tiếp tục và mua bảo hiểm xe của GEICO. Khi bị bão Katrina khu nhà tôi vào chỗ xanh là ngập tới đa nên bảo hiểm đền cho tôi tới đa: nhà cửa và đồ đạc. Biết bao nhiêu lần chạy bão mà không bị gì, năm 2005 lại bị. Số trời. May cho tôi, khi nghe bão Katrina sắp đến, tôi đưa người bà con lấy máy bay về Maryland rồi lái xe tản cư qua Houston TX. May thay đi ngày 28 tháng 8 thì ngày 29 bão Katrina vào New Orleans và làm vỡ đê ở nhiều nơi. New Orleans gặp nạn Hồng Thủy!. Tai vạ trời giáng mà đổ vạ cho ai thì cũng không công bằng. Muốn đổ vạ chỉ có cách là nhìn vào các dự án xây dựng đê, xem có nhà thầu hay kỹ sư đồ án nào làm sai luật lệ xây cất không, tuy rằng luật lệ xây

cát là do người đặt ra đâu phải của trời. Nhưng chỉ có cách đó là đưa họ ra tòa được thôi !.

Vào khoảng 1963 lịch sử bão lụt tại New Orleans có ghi lại chuyện "trời đánh": Trước khi mưa sấm sét đánh trúng ngay nhà máy bơm nước ra sông hồ, rồi sau đó mưa tầm tã luôn 10 hôm. Nạn hồng thủy không tránh được. Trong trường hợp đó thì đổ vạ cho ai, vì khi làm nhà máy bơm có luật chống sấm sét đâu?!

Hồi còn làm việc ở Paris, Ông Giám Đốc tin tôi thuộc lòng các luật lệ xây cất nên giao cho giải quyết các vấn đề liên hệ đến luật lệ xây cất. Hôm đó Ông giao cho tôi một trường hợp một xưởng máy đang xây cất thì một đêm nọ gió lớn thổi làm sập cả xưởng. Chủ nhân, hãng kỹ sư đồ án, nhà thầu không đưa nhau ra tòa kiện vì sợ tốn tiền tòa, luật sư, nên ký với nhau một thỏa ước đưa cho sở tôi làm xét. Xét sao thì họ chịu vậy. Khi Ông Giám Đốc đưa cho tôi hồ sơ, tôi đến vị trí của xưởng xem thì thấy cả xưởng đổ nát nằm dưới đất đâu có thể nói là vì đâu?. Tôi thấy chỉ có cách là nhìn lại bản đồ tính toán xem có đúng luật xây cất không. Ông bạn cùng phòng với tôi cũng học một trường một khóa với Ông Cựu Bộ Trưởng Công Chánh Trần ngọc Oánh giúp tôi kiểm soát hồ sơ.

Anh ta và tôi đồng ý là không có gì sai ngoài sức gió!. Trong luật Gió và Tuyết 1946 (Règles des Neiges et Vents 1946) vùng đó phải tính với gió 100 cây số/giờ mà hãng kỹ sư chỉ tính với gió 60 cây số/giờ. Tôi nhờ anh bạn kêu điện thoại cho hãng kỹ sư vì Ông Kỹ Sư Trưởng ở hãng đó đồng khóa với anh ta. Đang nghe nửa chừng thì anh ta đưa cho tôi. Tôi nghe giọng ông bên kia giận dữ nói: " Tao tưởng tụi bay bạn bè giúp nhau ai ngờ chúng bây lại muốn hại tao, đâm sau lưng tao !". Tôi vội bỏ điện thoại xuống. Anh bạn cũng buồn lắm bàn với tôi nên vào trình Ông Giám Đốc giải quyết, anh nói: "Bọn mình không nên trường mặt ra!". Ông Giám Đốc cũng hiểu nên đi hội một mình. Sau đó tôi thấy họ thỏa thuận với nhau như vậy:

Chủ nhân không lỗi nhưng tự nguyện trả 20% thiệt hại, nhà thầu không lỗi nhưng tự nguyện trả 30% thiệt hại, hãng kỹ sư thiết kế phải đền phần còn lại là 50%.

Thật ra không ai biết nguyên nhân của tai nạn, có khi bị gió lốc, bị gió xoáy lúc ban đêm nhưng lỗi thấy rõ nhất là kỹ sư tính gió không đúng luật lệ.

Thật ra chẳng ai biết được chắc chắn tại sao đê ở New Orleans bị vỡ nhiều nơi như vậy. Có ai đo gió lúc đó mà biết được!. Chỉ có tại Công Binh tính ra phải chôn bản thép giữ đê xuống 12.5 feet mà họ chỉ chôn có 10 feet. Giống như ông bạn tôi tính gió 60 cây số giờ!. Anh Trinh nói là đất ở New Orleans đã xấu mà lại lún nhiều thì làm sao mà dám chắc là ở chỗ đó chôn xuống 12.5 feet thì không sập. Trong lúc đó thì không biết các cừ lá thép (sheet piles) có bị sét ăn hay không?!. Nói về quản trị lỏng lẻo tôi nhận thấy có phần đúng nhưng tôi không nghĩ như vậy mà đê vỡ !.

Đất ở New Orleans lún ghê lắm!. Có một nơi kiện City vì bị lụt. Ra tòa tôi phải lấy tài liệu cho họ xem đất vùng đó lún mau lắm. Một cái mốc đo cao độ cứ phải xuống hoài căn cứ theo sự đo đạc của liên bang. Khi làm đường ở khu đó cách đây 40 năm mực đường cao hơn mực nước ở sông đào là 2 feet, nay vì lún thành ra thấp hơn mực nước và bị lụt. Họ xin OLD làm thêm hai đoạn đê hai bên sông đào để chống lụt.

Tôi còn nhớ ở Pháp có một Đức Cha đến hỏi tôi làm sao mà sửa cái Nhà Thờ, vì khi đánh chuông thì bị rung, cái đồng hồ để trên chóp Nhà Thờ cứ đứng hoài. Đang nói chuyện thì có ông bạn đi qua. Anh ta nói: "Muốn sửa thì phải phá Nhà Thờ và làm lại. Tôi có biết một trường hợp tương tự, họ giải quyết bằng cách đánh chuông ở dưới đất rồi cho tiếng chuông lên trên tháp bằng máy phát thanh". Cha nghe nói chịu lắm, cảm ơn chúng tôi rồi ra về. Lâu lắm tôi không thấy Cha trở lại nên điện thoại hỏi thăm. Cha tươi cười nói hai anh cho tôi ý kiến hay quá. Tôi làm theo, nay không

còn vấn đề nữa!. Như vậy là Cha đã tìm một giải pháp khác hơn, tránh phải thiết kế lại nhà thờ.

Tôi lại nhớ lại lúc ở Paris tôi được giao xét hồ sơ làm Nhà Thờ Lourdes ở dưới đất, dưới nhà thờ hiện hữu. Người trách nhiệm dự án đó là giáo sư Albert Freyssinet dạy môn " bê tông tiền áp" ở trường Cầu Cống, lại là người phát minh ra bê tông tiền áp nên tôi chẳng lo gì hết. Hồ sơ đến, tôi thấy chữ ký của giáo sư, xem qua rồi chấp thuận trình cho Giám Đốc. Giám Đốc hăng tôi lại là chuyên viên về đất đai, nền móng, đại diện cho Hội "Mécanique des Soils" của Pháp. Ông ta nói với tôi: "Nước dưới đất chỗ nhà thờ có rất nhiều chất Sulfure (Lưu huỳnh) nên đã chữa cho các người bại lành khỏi phải chống nạn. Chất ấy sẽ ăn chất thép của các cừ lá thép (sheet pilings) rất mau. Ta phải bảo họ dùng 'protection cathodique' bằng cách chôn xuống nhiều tấn magnesium. Chất này âm (negative) hơn thép nên dòng điện sẽ ăn magnesium trước khi ăn thép. Vài năm hết magnesium ta phải chôn thêm nữa". Sau đó Ông nói với hãng kỹ sư, họ chịu là đúng, nhưng họ nói: "nhờ ông nói với Đức Cha Théas, chủ nhân của dự án". Ông Giám Đốc cầm điện thoại nói với Cha Théas thì hình như Đức Cha thấy đất quá không chịu, nên Ông nổi nóng nói: "Nếu Cha không làm thì cái nhà thờ sẽ thành một bể nước!", rồi bỏ điện thoại xuống. Sau đó Đức Cha Théas đòi bỏ khế ước với hãng tôi, làm Ông Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải lên xin lại và bị bớt đi một phần tiền khế ước. Không thể nào đoán ý trời được!. Trong trường hợp của tôi thì chỉ nên mua bảo hiểm cho đầy đủ.

2. CẦU MỚI TRÊN SÔNG HƯƠNG

Bây giờ đọc bài của anh Hồ đăng Lễ tôi mới thấy người ta chê cái cầu làm sông Hương bên Ngự mát vẻ đẹp. Lần cuối cùng tôi nghe người phê bình cây cầu ấy là năm 1978 lúc một cán bộ đến trại Phú Sơn 4 Bắc Thái phỏng vấn tôi để cho tôi về Thành Phố Hồ Chí Minh đoàn

tụ với gia đình. Cán bộ hỏi: "Cây cầu mới qua sông Hương ai làm vậy?". Tôi nói: "Cái cầu đó do viện trợ Mỹ đài thọ và nhà thầu Eiffel Pháp xây cất". Anh ta nói: "Cầu ấy trông cũng được đó chứ !".

Hồi đó Tổng Cuộc Kiều Lộ do Công Binh Mỹ cố vấn. Họ có chương trình làm các cầu trên Quốc Lộ để chuyển vận dân và quân sự. Đến Huế họ nói, cầu Trường Tiền (Pháp gọi là Pont Clemenceau, một cựu Toàn Quyền và cũng là cựu Thủ Tướng Pháp) để dùng cho xe cộ trong thành phố Huế. Ta phải làm cầu mới để xe đi Quốc Lộ số 1 thẳng từ Đà Nẵng ra Quảng Trị mà không phải vòng quanh thành phố. Họ nói tôi nên đặt cầu ở gần nhà thương Huế gần bến đò Thừa Phủ rồi đi vòng ra Vân Xá, Quảng Trị. Họ nghiên cứu rất nhanh lựa loại cầu rẻ, dễ làm và dễ tu bổ. Đó là loại cầu bằng bê tông tiền áp các vãi đều giống nhau dài 80 feet (hay 24 m). Chưa ai thấy cầu ra sao nên không ai chê đẹp hay xấu. Chỉ có một số người tâu với Tổng Thống Thiệu là cầu đó đâm vào núi Ngự Bình nên sẽ xui. Tôi nói với vị Tướng Cố Vấn Phủ Tổng Thống là trẻ quá rồi. Nếu không làm thì Mỹ rút tiền đi. Mỹ cũng xác nhận như vậy, nên TT Thiệu cho đấu thầu và hãng Eiffel được.

Bây giờ ai chê xấu thì cũng đưa lưng ra chịu!. Nhưng mình cần có cầu mau, có người trả tiền, sau này tu bổ rẻ. Đó là cái nhìn của kỹ sư. Nhưng đối với con mắt của quần chúng thì 2 cộng 2 chưa chắc là đã 4!. Qua Mỹ đây, một nước giàu mà cũng lắm lúc bị kẹt vì vấn đề mỹ thuật. Khi làm cây cầu thứ hai qua sông Mississippi ở thành phố New Orleans, họ muốn làm giống cầu cũ nên mất gần 25 năm mới xong đồ án và thiết kế. Khi xong họ làm một kỳ thi để đặt tên cho cầu. Một đám sinh viên được giải đặt tên cho cầu là " CCC (Crescent City Connection)". Phải hiểu là cây cầu mới còn cây cầu cũ vẫn giữ tên Mississippi River Bridge mà Việt Nam mình hay gọi là "Cầu Con Cò (CCC)" vì trên cầu có treo con chim Bò Nồng tượng trưng cho tiểu bang Louisiana

"The Pelican State". Bây giờ phải lấy tiền qua cầu dài dài để trả nợ. Cầu đó khi phải sơn lại cũng mệt lắm.

Tôi còn nhớ hồi đi học ông Thầy nói cái cầu bên Sydney (Úc Châu) phải sơn 5 năm mới sơn hết, xong rồi phải sơn lại liên!!!. Mình nghèo không nên chơi sang!. Đang viết đến đây thì nghe TV nói là cầu Cần Thơ bên Việt Nam bị sập chết nhiều người!.

Theo quan niệm cá nhân của tôi thì ta phải theo thời thế. Nếu cứ thiết kế cầu đường theo như thời thượng cổ cho có vẻ đẹp xưa thì chịu sao được. Có một lần cô TT Ngô đình Diệm có sai tôi và anh Ngô viết Thụ ra Huế tìm một chỗ đặt một xưởng xây cất theo kiểu xưa. TT nói: "Chúng mình có thợ rất giỏi làm mái nhà có con rồng mặt trời rất đẹp, tôi sợ nay mai họ không có nghề sinh sống thì ta sẽ mất các tài năng quý giá, nên tôi muốn đặt cái xưởng đó để chính phủ nuôi họ sống!". Tôi nghe cũng có lý. Nhưng ra đó thì ông Ngô đình Cần không chịu nên cũng êm luôn.

Tôi hay lái xe đi thăm các plantation houses ở Louisiana, qua các cầu treo kiểu giầy xéo ở Luling, các bạn và bà xã tôi đều khen đẹp. Tôi cũng đồng ý là đẹp hơn cái cầu 24 miles đi qua hồ Pontchartrain nổi miền Nam hồ và miền Bắc theo đường Causeway Blvd, giống y đúc cầu sông Hương. Tôi lại tán thêm: "Nhưng nếu quý vị nghe anh bạn tôi làm Bridge Inspector cho Bộ Giao Thông Louisiana thì hiểu rõ tình trạng người đẹp Luling hơn!. Anh ta than rằng, người đẹp Luling cứ bị bệnh này qua bệnh khác, các bác sỹ thẩm mỹ công chánh phải chữa mãi mà không lành. Cái sàn cầu bị gió uốn qua uốn lại, làm bằng bê tông cũng nứt, bằng nhựa cũng tróc, cứ phải bôi đắp da mặt từng năm một. Mấy sợi tóc vàng treo cầu, muốn giữ cho khỏi sét, phải bọc bằng nhựa. Nhưng nhựa ấy cứ nứt ra và rơi đi nên mỗi năm lại phải tô sơn điểm phần lại!. Tôi xin bạn muốn cho New Orleans khỏi phải chịu cảnh ấy, nên thiết kế cầu giống như cầu Causeway thì không phải lo gì hết!"

Không phải là tôi tìm cách chạy tội, nhưng ý kiến của tôi là như thế thì tôi cứ nói ra cho anh em nghe .

LÁ ÚA

Thơ Jacques Prévert , Nhạc Joseph Kosma

Nguyên tác : LES FEUILLES MORTES

Nguyễn Đắc Khoa phỏng dịch

Anh vẫn mong em hồi tưởng lại

Chuỗi ngày xưa hạ nh phúc đôi ta

Nhớ một thời tươi đẹp gắm hoa

Khung trời cũ tràn đầy nắng ấm

Anh đi gom lá vàng tan tác

Em thấy chẳng anh chẳng hề quên

Gom lá vàng rơi rụng trên miền

Gom đi văng và bao nuôi tiếc

Ngon bực phong đã mang đi hết

Trong đêm thâu giá lạnh mộng mê

Em thấy chẳng anh chẳng hề quên

Bài em hát cho anh nghe đó

Là khúc hát như đôi ta đó

Em yêu anh , anh cũng yêu em

Cho đôi ta chung sống êm đềm

Và giữ mãi tình yêu đôi lứa

Nhưng đông đời cắt chia đôi lứa

Rất nhẹ nhàng chẳng có tiếng vang

Biển xóa đi trên bãi cát vàng

Những dấu gót tình nhân tan vỡ

Anh đi gom lá vàng trước ngõ

Gom dấu xưa và nuôi tiếc xưa

Nhưng tình anh thấm lũng đời chờ

Cười hờn hờ cảm ơn cuộc sống

Anh yêu em điểm kiêu thơ mộng

Anh làm sao có thể quên em

Nhớ một thời tươi đẹp ấm êm

Khung trời cũ tràn đầy nắng ấm

Em người yêu dịu dàng tươi thắm

Mà lòng anh tiếc nhớ băng khuâng

Khúc ca xưa em hát bao lần

Anh mãi mãi lắng nghe vương vấn!

Tản Mạn Đầu Năm

Nguyễn văn Sang – Sài Gòn

Trước Tết Mậu Tý tôi đã hứa với bạn Chí viết một bài cho LTCC nên phải cố gắng giữ lời! Những bạn trang lứa tuổi của tôi có lẽ khi đọc LTCC chắc không còn thích thú tìm những đề tài khoa học kỹ thuật, những phát minh mới, mà là mong tìm lại một vài kỷ niệm xưa, những hình bóng cũ, những người đồng sở thích thuở vang bóng một thời! Do vậy tôi, với cái tuổi “thất thập cổ lai hi”, sẽ tản mạn một tí về triết lý nhân sinh mong được các bạn AHCC cùng trang lứa chia sẻ đôi điều!!

Đã nói là tản mạn thì nghĩ đến đâu viết đến đấy! Cái tuổi già cứ tuần tự đến và không ai tránh khỏi cơ thể bị lão hoá, mang đến các bệnh già như mất dần trí nhớ dẫn đến Alzheimer, bệnh Parkinson v...v làm cho phẩm chất cuộc sống giảm hẳn đi nên dù có sống lâu trăm tuổi như con cháu vẫn chúc ngày Tết thì đúng là đa thừa mà thôi!!

Theo thói thường con người sống theo bản năng, như nhu cầu ăn ngon mặc đẹp, gia đình hạnh phúc, kinh tế khá giả để có thể vui chơi thoải mái... xem như là mình đã thoả mãn một cuộc sống lý tưởng lắm rồi! Nhưng rồi cũng có lúc ta sẽ suy tư: nếu cuộc sống chỉ được sinh ra, lớn lên lo ăn học, tạo sự nghiệp, lập gia đình, rồi cũng sẽ già đi và chết thì ý nghĩa của cuộc sống là gì?. Nếu may mắn cuộc đời ta suông sẻ như ý, chắc ta được sung sướng, nhưng nếu gặp nghịch cảnh thất bại, chắc hẳn ta sẽ khổ sở lắm: vậy thì ai, cái gì quyết định sự sướng khổ của một kiếp người? Có một định mệnh hay không? Hay chỉ là một rủi may bất định? Và để có hạnh phúc, ta có nên tranh danh đoạt lợi, chiếm hữu bằng bất cứ cách nào để đạt cho

được cái hạnh phúc vật chất đó, bất chấp sự khổ đau của người khác, như vậy có xứng đáng không, có bất công không? Một số người lại cho rằng vì cuộc sống phù du và vô thường, nên muốn tránh đi mọi phiền toái của kiếp nhân sinh, mong tìm một con đường giải thoát, tìm sự an lạc trong tâm hồn. Cũng có người nghiệt ngã hơn dần thân vào con đường thoát tục, cắt ái ly gia đi tu để mong thoát khỏi kiếp luân hồi!



Vậy đâu là chân lý, là cứu cánh của cuộc sống? Tìm về tâm linh có phải là một lối thoát cho sự bế tắc của kiếp người, một lời giải đáp cho câu hỏi rối rắm “ta từ đâu đến, đến đây để làm gì, và sẽ đi về đâu” hay chăng? Có linh hồn hay không? Có cuộc sống bên kia cửa tử hay không? Cái gì sẽ xảy ra sau khi ta chết, hay chết là hết?

Ta mất bao nhiêu sức lực và tâm trí để lo cho thể xác vật chất rồi cũng phải trở về với cát bụi

thì tại sao ta không bỏ ra một ít “quỹ thời gian” để lo cho linh hồn?

Chắc là phải tầm đạo thôi!! Đạo chỉ là CON ĐƯỜNG, con đường già từ thế giới nhị-nguyên với đối-lực chánh tà, thiện ác, tốt xấu để tìm về sự thuần chơn, vô ngã của chân lý nhất nguyên, là con đường hợp nhất với Thượng Đế, trở về với Khôi Sáng?



Minh triết và giác ngộ, những đề tài của những người phát tâm tầm đạo, nhìn từ một góc độ, cũng như hình với bóng. Giác ngộ phải chăng là giải thoát khỏi sự nô lệ vào cái TRÍ luôn luôn tư duy không ngừng nghỉ, là chấm dứt sự xung đột nội tâm, là sự tận diệt mọi nguồn gốc đau khổ!

Trí óc chúng ta sẽ là một công cụ tuyệt vời nếu được chúng ta sử dụng đúng cách; trái lại nó sẽ gây tác hại và có thể mang đến cho ta bệnh hoạn cả về vật chất lẫn tinh thần. Dùng trí không đúng cách có nghĩa là bạn không dùng nó mà bạn để nó dùng bạn! Triết gia Pascal

định nghĩa rằng “*con người là một cây sậy có tư duy*”; điều này ám chỉ rằng con người thường xem trí óc — cái nôi của tư duy — là chính mình; đó là một ảo tưởng, một ngộ nhận tai hại cho đời sống tâm linh, vì công cụ không thể là sở hữu chủ; bạn và trí óc của bạn là hai thực thể khác nhau! Bạn là chủ nhân ông, bạn phải tách rời khỏi cái Trí loạn động, không để nó tiếm quyền leo lên vị trí chủ nhân điều khiển ta theo cái nhìn luôn luôn chứa đầy thông tin trong quá khứ (là căn nguyên của mọi đau khổ) rồi từ đó nó liên tục dự phóng và tuần tự suy diễn trong tương lai (là nguồn gốc của sợ hãi, lo âu). Bạn phải thoát ra khỏi sự khống chế của cái Trí, phải đóng vai “người quan sát”, phải nhìn mọi tư tưởng do cái Trí mang lại một cách độc lập — tức là không nhập vai, không xét đoán, không lên án — thì bạn sẽ đạt được một tâm thức không có trí dù trong phút giây thật ngắn ngủi. Trạng thái này sẽ mang đến cho bạn một hiện tại trống không, một trạng thái an vui mà trước đây cái “tâm viên, ý mã” hằng che khuất, không cho bạn có thì giờ định tâm để cảm nhận được sự thanh thản trong tâm hồn.

Dần dần, với sự miệt mài luyện tập, cái “Hiện Tại trống không” này sẽ kéo dài thêm, sẽ có mặt trong mỗi động tác hằng ngày của ta; đó là bước khởi đầu cho bạn cảm nhận sự an nhiên tự tại, không còn bị ảnh hưởng bởi các cảm xúc tiêu cực dấy lên từ kho tàng thông tin trong quá khứ nữa. Việc tâm bạn trụ được trong Hiện Tại chính là chìa khóa của tự do thật sự, là cứu cánh cốt lõi của mọi hành giả trên đường tu tập để đạt sự định tâm cần thiết cho mọi hoạt động tâm linh!

Bài này chỉ là chút dư hương từ quê nhà gọi là góp nhặt một chút gì để còn có nhau như tôn chỉ của LTCC, mong các bạn AHCC đã thật sự đi theo con đường tu hành thoát tục không cho là tôi mùa riu qua mắt thợ, lắm cảm về triết lý nhân sinh những lúc trà dư tửu hậu!.

Từ Đồi Đũa đến Bánh Mì Ba ghét

(Để thương nhớ các trưởng lão và đệ tử
Cái bang ATNP)

There are no facts, only interpretations.
(Nietzsche's *Nachlaß*)

Không có sự thật mà chỉ có trình giải (1), Vừa trình bày vừa giải thích tức là Ăn Tục Nói Phét chứ còn gì nữa! Thật là cảm ơn Cụ Triết nhân này quá xá. Nhờ cụ mà kẻ hậu sinh có kẻ sinh nhai. Cụ thương còn nói thêm: *Tin tưởng là kẻ thù lợi hại của sự thật, nguy hiểm hơn là Nói Phét!* (Convictions are more dangerous enemies of truth than lies. Nietzsche's *Menschliches, Allzumenschliches*) dặn dò kỹ lưỡng: *Sự thật, đơn thuần chỉ là những lỗi lầm không biện bác được!* (What are man's truths ultimately? Merely his *irrefutable* errors!).

Thánh nhân ôi, sao mà thánh nhân đi guốc lộp bộp trong tâm can con dzậy? Lẽ sống đời con lúc nì, *tuy xé chiều mà trời vẫn còn sáng* (2), chỉ còn có một thỏa thích là ATNP đó thôi! Mà thánh nhân lại dạy con ATNP tức là nói thật, thế thì quý hóa lắm lắm... Tôi kể lể đến Cụ Nietzsche, không phải là không có lý do, bởi Cụ phát ngôn nhiều câu chí lý làm tôi sượng ran cả người, mà hơn nữa cụ lại là đồng hương với bà vợ của ông em họ con dì con già với tôi, tên Eva-Maria, cùng công dân nước xưa kia có tên là Đức Quốc Xã. Cũng vì bà này nên lại có thêm chuyện vớ vẩn dính dáng đến Đồi Đũa.

Dân Ba Chệt có cách gọi anh em bà con rất thuần túy, ngắn ngủi và đầy tôn ti trật tự. Anh em họ thì biểu ca 表哥, biểu đệ 表弟, bà xã mấy ông nì thì gọi là biểu tẩu 表嫂. Chị em họ gọi biểu thư 表姐, biểu muội 表妹, chồng mấy bà nì kêu là biểu thư phu 表姐夫, biểu muội phu 表妹夫. Khỏi phải dài dòng văn tự: Eva-Maria là bà vợ của ông em họ con dì con già với tôi.

Nguyễn Quốc Bảo

Thuở nay, ông chồng bà, tức em họ tôi, có đọc hai bài làm nhảm tôi viết về đồi đũa, mới kể vợ nghe: Anh Bê nói phét về ba ghét (*baguettes*); khổ quá, biểu tẩu tui lại hiểu là bánh mì Tây ba ghét (*baguette*)! (3). Tôi chưng hửng, bởi bà chất vấn, và nói nếu phiếm luận về bánh mì ba ghét, thì cho bà tham dự. Thế là từ đồi đũa mà cả không phải nhảy qua chuyện bánh mì ba ghét là thế.

Lúc xưa ở ngoài Bắc hay xứ Thanh, tôi chỉ nghe nói bánh Tây, tức là bánh mì bây giờ. Lúc mà nước ta bị Tây đô hộ cho đến cả văn hóa, thì cái chi đẹp đẽ và quý báu cũng là Tây cả, nào khoai tây, hành tây, cần tây, dẫu tây, bánh tây... giường lò xo Hồng Kông cũng thành giường Tây. Thế nhưng dân ta đôi khi lại kỳ thị chủng tộc, nhiều chuyện hắc búa lại để dành cho Lào, tỷ như gió Lào (gió nóng thổi từ Lào qua!), hắc Lào (ghê Lào), thuốc Lào,...Ca dao lại còn độc địa châm biếm, *Đi xứ Lào ăn mắm ngóe hay Việc Ngó Ngó biết, việc Lào Lào hay*. Hoặc:

*Nhớ ai như nhớ thuốc Lào
Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên*

*Khó khăn ở quán ở lều
Bà con ông cậu chẳng điều hỏi sao*

*Giàu sang ở bên nước Lào
Hùm tha rắn cắn, tìm vào cho mau*

Trong khi ở tỉnh, người thành thị kính nể ông Tây, dân quê ta chả thèm để ý đến *khía cạnh tích cực của nền đô hộ Pháp* (4) mà gần đây xứ Pha Lãng Sa xôn xao bàn cãi, mà cứ thích gọi Tây là *thằng Tây*:

*Bao giờ nước ngọt đường cay
Gánh vừa lon gạo thăng Tây ở tù*

*Con cò mà đậu cành tre
Thăng Tây bắn súng cò què một chân
Hôm sau ra chợ Đồng Xuân
Chủ khách mới hỏi: sao chân cò què?
Cò rằng: cò đứng bụi tre
Thăng Tây bắn súng, cò què một chân!*

*Thấy anh hay chữ em hỏi thử đôi lời
Thăng Tây nó giăng giây thép giữa trời làm
chi?*

Rồi thì theo văn hóa ăn nhậu Tây, và ông Tây tới rồi ông Tây lại đi,

*Cút xê đồng móng xe pơ tí,
Mảnh tờ nằng phí nỉ pa pa, (5)*

nhưng bánh mì vẫn tồn tại, dân ta trở nên nghiện nặng ăn bánh Tây, bánh mì, nhất là bánh mì ba ghét. Bánh mì ba ghét cũng là mới đây, trước đó ở Việt Nam, chỉ thấy bánh mì hình tròn và dài, dáng dấp bầu dục giống tựa tái banh của Football Mỹ mà bên Anh bên Tây giải vô địch *Tournoi des cinq nations* kêu là Ruby. Bánh này có lẽ nhập vào nước Sài Gòn trước, và bánh Tây Ba Ghét Bắc Kỳ tự nhiên trở nên *Bánh mì Ba Gót* trong Nam. Chẳng dzậy, mà cô nữ sinh khả ái của Hòn Ngọc Viễn Đông đã trả lời khi bị phỏng vấn: *Em học trường Yển yzăng Phê, sáng làm táng, chiều làm lặn, túi eng bánh mì ba gót!* (6)

Bánh mì ba gót biểu hiện và tượng trưng vẻ vang cho văn minh và văn hóa xứ Tây, năm châu bốn bể đều biết tên, và ba gót là dạng thông dụng nhất, thêm thường nhất của bánh mì. Giá ở ba gót bây giờ làm tiêu chuẩn cho bản vị đo lường kinh tế của nước Pháp, ta có thể xác định được đời sống Pháp cao thấp, giá cả leo thang hay không, là tùy theo giá ở bánh mì này! Ba gót sinh nở và trưởng thành nơi đô thị, dân không cần đi xa, có thể đi mua bánh mì một ngày hai lần ở tiệm đầu đường. Ba gót đáng nhỏ

nhăn, vỏ dòn và ít ruột thường để ăn trong ngày nên giữ không lâu, trong khi bánh mì đông què (*pain de campagne*), ổ bự nhiều ruột có thể để lâu hơn.



Hình thể ba gót, dài khoảng 60-70cm, đường kính khoảng 6cm, cân nặng 250-300g; mỗi 100g chứa 225-270 Kcal, thành phần nước 29%, xơ (fibres) 3.5%. Ba gót ngon có hình dáng đều đặn nảy nở mà lại xéch xi, vỏ vàng rộm và dòn, thường thường có 4-5 khía (*grignes*) trên vỏ. Như muốn tỏ ra mình là dân thổ công, đi mua bánh mì ở Ba lê phải nói rõ ý, muốn mua bánh thật chín (*bien cuit*) hay đừng chín quá (*pas trop cuit*), vì mỗi người mỗi gu mà tiệm sành điệu thì lúc nào cũng có nhiều bánh cỡ chín nhiều chín ít. Ngoài ba gót xít tăng đa, còn có ba gót cổ truyền, bột mầm (*au levain*), Vi ê noa, bánh có bỏ thêm ngũ cốc (*céréales*), tóp mỡ (*lardons*) hoặc quả ô liu, v v...

Nghệ thuật làm ba gót bột mầm cũng có căn bản đơn giản. Muốn làm bột mầm (*levain*) chỉ cần giữ cục bột nhào hôm trước, hôm sau cục bột biến thành bột mầm “xếp”. Lấy cục bột xếp, nhồi với các bột khác cho kỹ lưỡng để kéo dài các phân tử *glui ten* với nhau rồi thành cục

bột nhồi (*pâton*), rồi để nghỉ xả hơi; nhất là khi dùng men (*levure*) cao độ, khi nhồi, bột có nhiều bọt hơi khí các bọt ních nên sẽ làm ruột có nhiều lỗ hồng. Ba gót nướng trong lò khoảng 320 độ C, rồi để nguội từ từ xuống 180 độ, trong lò phải có chén nước để làm hơi (*buées*) thì bánh mì mới vàng rộm (dân chuyên nghề gọi là *phản ứng Maillard*). Tất nhiên các nguyên liệu làm bánh mì không được để trong tủ lạnh, lúc kéo bột phải khéo tay để ba gót có hình dáng thô sơ (*rustique*), vỏ không khác nhiều màu khi bỏ lò, và nhất là không được có vị chua (*acidité*). Ba gót phải thơm và nhiều gu, gần đây vài bác học nhậu nhẹt Pháp rảnh rang ngồi *đếm ra 150 vị khác nhau trong ba gót*, khởi sự từ vị cháy cháy (*brulé*) cho đến mùi thoang thoang của hoa hồng!



Phẩm chất ba ghét sản xuất ở Pháp cũng lộn xộn lắm, nên gần đây ông Thủ Tướng *phản thầy gạt bạn* Ba la đũa (7) gốc người Thổ Nhĩ kỳ ký sắc lệnh số 93-1074 năm 1993, để phân loại rõ ràng bánh mì làm tại gia (*pain maison*) hay bánh mì cổ truyền Tây (*pain traditionnel de France*) với các bánh mì hồ lớn bán ở các siêu thị. Sắc lệnh định nghĩa là các loại bánh mì này không được có một xử lí (*traitement*) đông lạnh (*surgélation*) nào, chỉ được dùng bột làm bánh mì (*farines panifiables de blé*), men đặc biệt cho bột mì phải là *Saccharomyces cerevisiae*, không được chứa nhiều bột đậu (*Fèves*) phải dưới 2%, bột sô-ya phải dưới 0.5%, bột mạch nha (*malt*) mì phải dưới 0.3%; trong khi ở VN dân ta trộn bột gạo với bột mì *à gô gô*...

Dân ăn kiêng thì phải nhớ số lượng Kcal trong ba gót, người bị bệnh *tiểu đường loại 2* hay bệnh tim mạch (*cardiovasculaire*) phải để ý đến độ glucoza-huyết (IG, *Index glycémique*) trong bánh mì. Độ này nhiều quá cơ thể sinh nhiều đường *triglycérides*, *protéine C-réactive* và giảm cô lét tê rôn *tốt* (HDL)!

Bánh ba gót được làm bằng 3 cách khác nhau: dùng men (*sur levure*), dùng bột mầm (*sur levain*) và *sur poolish*! Dùng men là trộn thẳng men với bột mì theo tỷ lệ trọng lượng 1/50, có thể dùng men tươi hay men khô (*déshydraté*). Trộn bột, men, nước và muối, nhào rồi để bột dậy (*lever*), men nhiều thì bột dậy mau, mà bánh lại hơi chua. Dùng bột mầm thì khó hơn, bột mầm làm từ 3 nguyên liệu: bột, nước và đường, trộn lẫn rồi đợi phồng và nở ra rồi *lên men*, rồi phải nuôi bột mầm như nuôi dấm, nuôi mẻ, nghĩa là phải cho ăn nước và bột, chăm nuôi mỗi ngày như một sinh vật (*vivant*). Có thể dùng bột mầm này thay thế men làm ba gót, bột mầm nếu nuôi kỹ có thể giữ lâu dài. Phương thức thứ ba *sur poolish* là cách làm bánh mì lấy nguồn gốc từ Ba Lan nhập vào Pháp từ thời nữ hoàng Marie-Antoinette. Trong khoảng thời gian 1840-1920, cả nước Pháp hầu như chỉ dùng có phương pháp này. *Poolish* là một vật liệu làm bằng cách trộn bột và nước 2 phần ngang nhau cộng với 1 số lượng men rất ít theo tỷ lệ trọng lượng khoảng 1/250. Sau đó, để *poolish* nghỉ xả hơi chừng 10-15 giờ làm tăng thể tích và sủi bọt, đến thời điểm tối ưu thì dùng polish trộn và nhồi thêm với bột khác và nước mà làm bánh mì. Dùng polish tiết kiệm men, bánh mì lại *xốp* và *dẻo*. Chỉ một chữ Việt *xốp* mà có thể hình dung được cả một câu dài lòng thòng Pháp ngữ: bánh mì mềm dẻo có cấu trúc thông và thoáng như tổ ong (*pain moelleux, avec structure avéolée et aérée*). Thế mới biết tiếng Việt ta thật là tài tình, bánh mì ba gót ngon hay dở cũng chỉ vì hai chữ, ngoài dòn trong *xốp*!

Ngoài Ba gót rất trứ danh, ở Pháp còn có: Bánh mì đồng quê (*le Campagne*), ổ lớn dáng hơi thô kệch, nhiều ruột, có thể để lâu 4-5 ngày, nhiều khoáng chất (*phosphore*,

magnésium, fer, zinc, cuivre et manganèse) và vi ta min (A, B và E). Bánh mì Còm lê (*le Complet*), dùng bột có trấu (*le son*) và nhiều hạt (*amande farineuse*). Bánh này trét bơ rồi ăn với cá cua sò ốc là số sách! Bánh mì dùng bột mầm (*le Levain*) vị hơi chua (*acide*) dùng ăn với đồ nguội heo (*charcuterie*), phó mách (*fromage*), thịt. Chữ Levain từ tự La tinh *levare*, có nghĩa *dựng lên*, tiếng Việt cũng nói *bột dựng* khi trộn bột với men (hoặc bột mầm) và nước. Bánh mì Vi ê noa (*le Viennois*), nguồn gốc Áo, vị hơi ngọt, do một sinh viên phổ biến tại Pháp khoảng năm 1840. Bánh này ruột (mie) dẻo giống như bánh mì ruột (*pain de mie*). Ông sinh viên dùng bột bánh mì Hung gia Lợi và thợ làm bánh gốc Áo, nguyên nước áo rất nổi tiếng với bánh ngọt (*patisserie*).



Bánh mì Levain



Bánh mì Campagne.



Bánh mì Viennois



Bánh mì Complet

Người Tây ăn bánh mì như người mình ăn cơm, ăn mà không có chút bánh mì thì cả đêm xót dạ. Trong các làng, thuở xưa, nôm bờ won là ông Cha *Le curé*, nôm bờ tu là ông Bánh mì *Le boulanger*, thứ ba mới tới bà Thầy giáo *L'institutrice*! Nhiều khi Mơ xi ở *Le curé* bỏ Chúa bỏ nhà thờ ôm bà *L'institutrice* về nhà kết thành đôi vợ chồng rồi xin dân làng bỏ phiếu trở thành xã trưởng, Mơ xi ở *Le maire*, trong làng hết *Curé*, cũng chẳng có chi đáng lo! Nhưng nếu *Le boulanger* đến lúc phải tính chuyện hậu vận mà không có thừa tự, thì thật là cả đại vấn đề!

Lịch trình bánh mì xứ Pháp kể trên đây, qua tới Việt nam rồi cũng lộn tung phèo. Thờ Pháp thuộc, chắc còn dùng *bột bánh mì* nhập cảng từ Pháp, thế nhưng khi trở thành bánh Tây, thì vừa khác bột lạ nước vừa không cùng phong

thổ, thể nhưng người mình ưa chuộng bánh Tây, vì hợp gu và ăn bánh Tây dưới nhiều dạng mà Cụ Tổ *Lord Sandwich*, người phát minh ra *bánh mì cặp Sandwich* — vì ham đánh bài không có thì giờ ăn cơm dọn trên bàn —, nếu biết cũng phải giật mình. Nào bánh mì sandwich thịt nguội, ba tê, cá mòi, giò chả,... Bà Cụ Ngoại tôi từ thuở nhỏ đã cho tôi hưởng Bánh Tây cặp thịt lợn sữa quay, ngon đáo để. Mỡ lợn sữa và chất béo thấm vào ruột bánh Tây, cắn vào ngập răng, ngoài dòn trong xốp, ruột mì ngấm mỡ béo ngậy, nuốt vào thực quả ôi ngon ơ là ngon! Kỷ niệm đậm đà đó sau này khi trưởng thành vào Nam càng trở nên thấm thiết, phải chí khám phá ra một đồng tình đồng điệu, tức đưa con tinh thần của cụ Nguyễn Đình Chiểu:

*Vân Tiên ngồi dựa gốc dừa
Tay cầm chai rượu miệng nhai bánh mì
Nguyệt Nga mới hỏi ăn gì
Vân Tiên mới nói bánh mì thịt quay!*

Văn hóa Sandwich ở Tây cũng cực thịnh, thể nhưng người Tây hay kiêng gọi và không dùng những chữ diễn tả cái gì tốt đẹp mà phát sinh ra từ bờ bên kia Biển Manche. Ở các đô thị lớn như Ba lê, những quán Cà phê nhan nhản, gọi là *bistrot*, sáng trưa chiều đều bán nhiều thứ sandwich ba gót, mà chỉ có tên tắt: *Un jambon, un paté, une rillette, un campagne (paté de campagne), un saussisson sec*, v v... Dân nghiện, lúc đẹp trời dzô bistrot kêu *Un saussisson sec*, một ly dờ mì (la de), hay trúng mùa thì một ly *Beaujolais nouveau* mát lạnh... Rồi ca bài La vi e Bênh (8)...

Năm 1932 ông Pierre Poilâne mở một tiệm bánh mì, số 8, đường du Cherche Midi trong khu Saint Germain des Prés. Ông chỉ dùng bột mì xay bằng cối đá (*meule de pierre*), làm bánh bằng bột mầm, nướng bánh bằng lò than củi. Lúa mì làm bột không dùng hóa học trừ sâu bọ hay ni tở rất, ít phân a dốt. Xay bột bằng cối đá để giữ lại ít nhất 15% trấu (*le son*, vỏ lúa), dùng khoảng 30% lúa mì nâu (*épeautre*) rất nhiều khoáng chất, vì ta mịn và chất xơ (*fibres*). Lúc dậy bột không dùng men, chỉ dùng

bột mầm tự nhiên, nên bánh để lâu được. Bánh không có vị chua (*acide*), mà lại đầy đủ hương vị đồng quê vì bột mầm sinh vi khuẩn lên men sữa tự nhiên (*bactéries lactiques*), giữ được nguyên chất sự phong phú dồi dào và màu mỡ của thực phẩm bột mì!



Cụ François Rabelais cũng sành dzu Tam vị nhất thể của thuyết Nhị nguyên Tam bôi trong triết lý Âm Dương Đôi Đũa. Cụ nói « Tam Thánh » (*La Sainte Trinité*) của bàn ăn là Bánh mì, Rượu và Phó mách, nhưng bánh mì là Đức Chúa Cha, gia dĩ bánh mì không ngon, thì Tam vị ni cũng sụp bệ luôn! Mà Đức Chúa Cha không thể là ổ bánh mì ba gót tầm thường buồn tẻ, ổ bánh Poilâne mới thật là đúng điệu. Ổ bánh mì ni hình tròn, vỏ dày và vàng, ruột mì hơi đặc và xám nâu (*bise*), có cấu tạo 66% bột bánh mì Poilâne, 32.5% nước và 1.5% muối biển, trọng lượng khoảng 1.9Kg. Ngoài ra Poilâne cũng có làm bánh mì quả hồ đào (*noix*) và bánh mì với bột lúa mạch đen (*seigle*). Lúc tôi còn sinh sống tại Ba Lê, gần nhà có tiệm Poilâne (chỉ có 2 tiệm cho cả thành phố), buổi sáng, trời hơi lạnh, thanh thoi đi bộ ra tiệm ni mua bánh mì, rồi trên đường về, nhồm nhoàm thưởng thức bánh nóng hổi, đầy hương vị.



Văn hóa và kỹ nghệ bánh mì và ba gót ở quận Cam bên Cali cũng thịnh hành lắm. Tôi không tưởng tận lịch sử mở mang của món hảo nhậu này với nhiều thế hệ Việt Kiều ở thành phố Little Saigon, chỉ biết đã lâu rồi có Bánh mì Ba Lê, *mua hai biếu một*, ăn tạm cho đỡ ghiền. Mấy năm sau nì, có Ông Lee Sandwich, mở nhiều tiệm lắm, thiên hạ ăn đông, các tiệm mở cửa 24/24. Tôi thử một lần không hợp khẩu vị nên tránh luôn. Phải chi ông lấy tên John hay James Sandwich chi đó, có lẽ thiên hạ tưởng lầm ông là cháu chít cụ Tiên tổ Lord Sandwich!

Nguyễn Quốc Bảo

(Còn tiếp)

Chú thích:



<i>Thu về</i>	<i>Mắt màu mắt xưa</i>
<i>Chiếc lá nhuộm vàng</i>	<i>Mắt con đường cũ đón đưa</i>
<i>Còn ta,</i>	<i>Người tình hiu quạnh</i>
<i>Ta cũng ứa tàn vào thu</i>	<i>Sớm trưa một mình</i>
<i>Ngồi bên góc quán sương mù</i>	<i>Chiều nay</i>
<i>Nhấp cà phê đắng</i>	<i>Sương xuống mộng mênh</i>
<i>Hoang vu cuộc đời</i>	<i>Dáng mùa thu chết</i>
<i>Ngắm từng chiếc lá rơi rơi</i>	<i>Sầu lên ngập hồn.</i>
<i>Nhớ từng kỷ niệm bờ bờ lòng đau</i>	
<i>Một lần để lỡ mất nhau</i>	
<i>Mất hương xuôi tóc</i>	

(1) Nietzsche's *Nachlaß* bản dịch của A. Danto và

Menschliches, Allzumenschliches bản dịch của R.J Hollingdale.

(2) Bạn thân nổi khổ mà cũng là niên trưởng ở Thiên Hựu ngoài Huế, trưởng lão nì, trước khi dzô nhà thương giải phẫu ung thư ruột kết, viết thư ngỏ cho Cái bang, nói "*Giờ đây tuy đã xế chiều, mà trời còn sáng!*". Mới đây, được tin Trưởng lão đã từ từ bình phục.

(3) Chuyện ngộ nhận, vì đôi đũa là *Les baguettes* (chopstick) mà bánh mì ba gót là *La baguette* !

(4) Xin đọc tạp luận « Ăn sáng ăn trưa ». Tại Pháp mấy bữa rày (tháng 12 dương lịch 2005), xôn xao chuyện nghị viện bỏ phiếu biểu quyết dự luật « khía cạnh thiết thực (tích cực) của nền thuộc địa – *le rôle positif de la colonisation* ». Dự luật này sẽ cho phép sách giáo khoa phổ thông khía cạnh tốt đẹp của chính sách thuộc địa, như ở Nhật, trẻ con học xứ Mặt Trời vác lính đi đánh nhau để khai hóa Á châu.

(5) Tiếng Tây bồi: *Coucher donc mon cher petit, maintenant fini papa.*

(6) Em học trường Nguyễn Văn Khuê, sáng làm toán, chiều làm luận, tối ăn bánh mì ba gót!

(7) Xừ Ba la đũa nì bạn thân của xừ Xi rắc trên 20 năm, nhưng rồi năm 1995 cũng phản Xi rắc để ra ủng cử Tổng thống, nhưng bị thua.

(8) La Vie est Belle. Một trưởng lão của cái bang ATNP và cũng có tên hiệu La Vi Bênh.



Nguyễn thái Hai

Qua công việc tôi đã có dịp đặt chân đến gần khắp mọi miền Nam Việt Nam, từ vùng núi thâm sâu của vùng cao nguyên đến các đồng ruộng mênh mông sinh lầy của Đồng Tháp, U Minh Thượng, kể cả một số đảo, với nhiều kỷ niệm vui buồn, lo âu và run sợ. Nhưng chuyến đi công tác cuối cùng tại đảo Phú Quý đã để lại nhiều dấu ấn sâu đậm nhất. Nhưng vì thời gian đi công tác đã quá lâu và quá ngắn ngủi lại bị say sóng hành hạ nên có một số số liệu ghi lại đây không được chính xác mong được hỷ xả.

Đảo Phú Quý, thời Pháp thuộc gọi là Poulo Cecir de Mer, nằm ngoài khơi tỉnh Bình Thuận, cách Phan Thiết độ 150 km về hướng Đông - Đông Nam. Đảo còn được gọi là Hòn Thu vì có hình dáng giống cá thu và trước kia có nhiều cá thu. Đảo rộng 16,4 km², dân số 21000 người, mật độ dân số rất cao 1280 người/km² trong khi Phan Thiết chỉ có 920 người/km²¹. Trước kia dân chúng chuyên sống về nghề đánh tôm cá và một số tiểu công nghệ như trồng bông vải và dệt một loại vải rất thô màu trắng ngà ngà, khổ rộng chừng 4 tấc, người Phan Thiết gọi là vải Hòn. Hòn cũng là một tên của đảo. Họ cũng trồng cây dừa để chắn gió và lấy sợi dùng làm giấy thường cần thiết cho nghề đánh cá.

Tôi chỉ nhớ khoảng đầu thập niên 70, ông Giám Đốc gọi tôi lên bảo chuẩn bị tài liệu để đi khảo sát địa điểm làm phi trường tại đảo Phú Quý. Vừa mỉm cười vừa dặn thêm

- Anh cần tìm hiểu trước những gì có thể biết trước được. Đây là một cuộc khảo sát rất

quan trọng vì là liên bộ, liên ngành cả dân sự lẫn quân sự mà mục đích không được rõ. Công tác này do vị Tỉnh Trưởng Bình Thuận làm trưởng đoàn. Các thành viên đi công tác phải tập hợp tại Phan Thiết ngày(không nhớ) để sáng hôm sau có tàu chiến của Hải Quân chở ra đảo. Hy vọng anh đủ kinh nghiệm và khả năng để xoay sở. Rất tiếc là tôi không giúp anh được gì thêm.

Trở về phòng tìm tài liệu vồn vện chỉ có tám bản đồ địa hình tỉnh Bình Thuận có ghi đảo Phú quý. Thượng cấp trực tiếp của tôi cũng không biết gì hơn.

Tại phòng họp tỉnh, (tôi quên tên và cấp bậc ông tỉnh trưởng, xin tạm gọi là Trung tá Tỉnh Trưởng (TTTT) sau lời chào đón phái đoàn, cho biết:

Đảo PQ nằm cách Phan Thiết độ 150km. Dân chúng trên đảo này liên lạc với đất liền bằng đường thủy mà mùa biển động kéo dài trong nhiều tháng, nên sự liên lạc rất là nguy hiểm và khó khăn. Về hành chánh và quân sự thỉnh thoảng chúng tôi phải dùng trực thăng, nhưng khôn nổi với cự ly đó, trực thăng chỉ đủ xăng quay về khi thời tiết tốt và máy móc an toàn, nếu gặp chuyện không may là phải đáp đầu đó xuống biển và ...vì không tài nào cấp cứu được. Các anh chắc đều đã nhận chỉ thị riêng của mỗi ban ngành, nên cũng đã hiểu nội dung công tác của mình, tôi không đủ khả năng tìm hiểu công việc của các anh mà chỉ phối hợp và trợ giúp phần nào những gì các anh cần. Bản thân chúng tôi cũng chưa biết rõ mục đích chính của công tác, nhưng tôi nghĩ mục đích gần là cần thiết lập một phi trường tại đảo Phú Quý để trước là cải thiện sự giao thông và sau đó mới là triển khai hoạt động của các ban

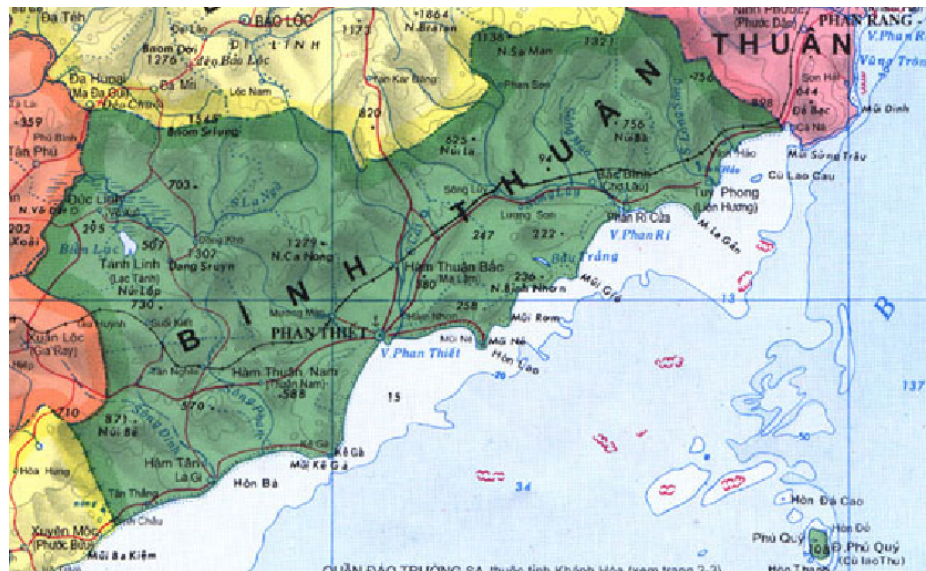
¹ Theo tập bản đồ hành chánh Việt Nam năm 2004

ngành khác. Phương tiện ở đảo rất là thiếu thốn và eo hẹp. Phương tiện đi lại trên đảo chỉ có một chiếc xe Jeep cả tầng nên chúng tôi sẽ dành ưu tiên cho ông kỹ sư Nguyễn Thái Hai đại diện ngành xây dựng phi trường sử dụng. Mọi người và bản thân tôi đều phải dùng lô ca chân thoi. Xin các anh thông cảm. Xin ông KS Hai đứng lên. Nếu không có phi trường mới thì không thể làm gì được cả, nên xin các ban ngành quân sự cũng như dân sự vui lòng hỗ trợ cho ông KS Hai khi cần. Sáng mai chúng ta tập trung tại đây trước 8 giờ sẽ có ca nô đưa các anh ra tàu Hải Quân đậu ngoài khơi. Độ 2 giờ chiều chúng ta đến đảo. Vì phái đoàn quá đông Ủy Ban Xã tại địa phương không thể chu toàn mọi việc cho các anh được, nhưng dân chúng trên đảo đã được thông báo và hiểu rõ mục đích của phái đoàn nên mọi người đều hân hoan đón mời các anh về tạm trú tại nhà. Xin các anh cứ tự tiện liên lạc và thu xếp nơi ăn chốn ở. Năm giờ chiều sẽ tập họp tại văn phòng hành chánh xã để kiểm điểm lại nhu cầu cần giúp đỡ và sẽ thông báo thêm những tin tức mới và chương trình hoạt động ngày hôm sau. Chúc các anh một chuyến du ngoạn và hải hành vui thú.

Lên đến tàu tôi không quan tâm đến loại và tên chiến thuyền, nhưng thấy là khá lớn với nhiều khẩu trung và đại bác, dàn ra đa v...v...mà lo đi hỏi các binh sĩ thủy thủ nên tìm phòng dưới thấp hay trên cao để khỏi say sóng điều mà tôi lo ngay ngáy từ hôm nhận lệnh đi công tác, mặc dầu đã thủ thuốc say sóng. Họ đều cười và trấn an đừng lo mọi việc đâu rồi sẽ vào đó. Tôi lấy một phòng dưới sâu nghĩ rằng nó ít lắc và nằm nghỉ. Lát sau có loa gọi tên tôi đến gặp TTTT. Thấy gương mặt bơ phờ xanh lét của tôi ông hỏi han vài câu rồi hỏi xem công việc khảo sát có khó khăn không, cần những gì để thông báo ra đảo chuẩn bị trước, hứa sẽ cung

cấp đầy đủ những gì cần thiết và mong tôi cố gắng chu toàn công tác. Có được một phi trường tại đảo này thì quý quá.

Tôi phác họa sơ công việc cần làm và nghĩ rằng có lẽ không khó khăn gì đâu. Tôi chỉ xin một người hướng dẫn rành địa hình, địa thế đảo, và thêm 3-4 thanh niên lành lợi với một



Đảo Phú Quý (Cù Lao Thu)
trên bản đồ du lịch Bình Thuận (góc phải, bên dưới)

cái rựa để chặt cây, một cái cuốc và vài bao cát. Biết vậy TTTT mừng ra mặt và để tôi về nghỉ. Vừa nằm xuống là bắt đầu mưa, rồi mặt xanh mặt vàng đua nhau trào ra lênh láng. Ruột quần lên khi phải cố rặn cố tìm cho có cái gì để phun ra. Một là người mà không biết gọi ai, lấy chân đạp vào vách phòng cũng chẳng thấy ai tới giúp mình. Có lẽ người kế bên cũng như mình. Một quá nằm im không biết bao lâu. Đến khi loa phóng thanh kêu mọi người mang hành lý lên, cũng không ngồi dậy nổi. Lát sau có hai người lính vào dìu tôi lên boong, chuyển xuống ca nô và đưa về bến trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê loáng thoáng nghe tiếng nói tiếng cười và tiếng máy nổ. Khi tỉnh dậy thấy mình nằm trong một căn buồng le lói ánh sáng từ một cây đèn dầu hôi và có một người đàn ông đứng tuổi, ông Năm, ngồi trên chiếc ghế gần đầu giường.

- À ông tỉnh lại rồi hả. Trung Tá lo quá khi không thấy ông ra họp, bảo tôi rằng sẵn sóc ông làm sao cho khỏe mạnh để mai lo công việc và báo TT biết khi ông tỉnh dậy.

Tôi cố ngồi dậy và xin nước súc miệng. Một mùi vị chua đắng hồi từ miệng và toàn thân tôi toả ra mà chưa bao giờ tôi cảm nhận. Người đàn ông đi một lát thì bà Năm vào đề nghị tôi xông hơi rồi đi tắm cho hết mùi mưa thì mới khoẻ được. Ngại quá tôi phân vân chưa biết làm sao để từ chối.

- Trung tá bảo ông Kỹ Sư đây là người quan trọng nhất phái đoàn, giao cho tôi tìm cách săn sóc ông sao cho sớm mạnh để sáng mai có sức đi tìm nơi làm sân bay. Không có ông, mọi việc đều không thành. Ông đừng ngại, dân chúng trên đảo cần ông nhiều.

Sau khi xông và tắm xong người khoẻ hơn nhiều, tôi muốn đi gặp TTTT, nhưng ông Năm cho biết TT đi ra xóm rồi. Tôi nhờ ông Năm tìm ông Chủ Tịch Xã và cho gọi 5 người đàn ông mà tôi nhờ TTTT giúp cho tôi ngày mai để dẫn dò công việc trước. Đang nằm suy nghĩ lo lắng về trọng trách của mình, sự săn sóc của ông bà Năm và sự lo âu của TTTT thì có tiếng người con gái vọng vào

- Mời chú dậy ăn cháo, cháu bung vào nghe chú. Màn cửa hé mở một bé gái độ 14-15 tuổi bung một nồi cháo vào, múc ra tô và mời tôi ăn cho mau khoẻ. Cháu liền thoảng nói không ngớt. Cháo cháu nấu ngon không? Chú hên lắm đó. Cá (tên gì tôi không nhớ) này hiếm lắm đó, lâu lâu mới đánh được, chủ nhà thường để ăn không bán, hôm nay nghe má cháu đi mua cá nấu cháo cho chú, bà Tám cho không đó. Chú biết không người trên đảo rất muốn đến xem mặt ông kỹ sư mà TTTT lưu tâm nhiều thế. Chú là kỹ sư? Kỹ sư là gì hả chú? Nó lại tiếp: má cháu đưa cá cho cháu để nấu cháo, rồi tắt tưới đi ra xóm để khoe cảnh “rồng đã đến nhà tôm” của bà và cháu rất sung sướng được nói chuyện với chú. Chú làm sân bay hả chú? Trên đảo ai ai cũng thương chú hết, sợ

chú đau, mai không làm được đảo mất nhờ. Kỹ sư là gì chú? nó hỏi rất nhiều lần câu này v.v.... Con bé hỏi liên tu bất tận, hỏi mà không chờ trả lời, tôi cũng không nhớ hết, nhưng vẫn nhớ là nồi cháo hôm đó ngon thiệt có lẽ vừa đói, mệt và biết là cần phải ăn vào ngày mai mới đủ sức làm việc.

- Út, má đâu cháu, người đàn ông trung niên (sau đó tôi mới biết là Chủ Tịch Xã,



Phú Quý đảo xa

(CTX) vừa vào lớn tiếng hỏi.

- À ông kỹ sư khoẻ rồi hả, tốt quá, TTTT vào theo sau. Hồi chiều ông không ra họp được tôi lo quá. Lúc đến đảo tụi nó diu ông đi không muốn nổi trông như...

- lá rau lang luộc, bé Út vọt miệng tiếp lời.

- Xin Trung tá yên tâm, Nhờ gia đình ông bà Năm giúp đỡ tận tình tôi ngủ một đêm là khoẻ thôi.

Ba người cùng trò chuyện một hồi, TTTT nhắc CTX bảo đưa xe jeep cho tôi sử dụng trước khi ra về. Tôi nhờ ông CTX đưa mấy người nhân công đến gặp tôi. Tôi yên tâm vì cả mấy người đều biết rõ địa hình địa thế đảo. Tôi xin họ sáng mai cùng tài xế đến đây lúc mặt trời mọc để bắt đầu công việc và nhớ đem rửa cuốc và 2-3 bao cát không để lấy mầu đất.

Sau khi điểm tâm, tôi bảo anh tài xế cho xe chạy một vòng khắp đảo, dùng la bàn xác định hướng Đông Tây và hỏi nhóm nhân công vị trí những gò cát dài theo hướng đó. Sơ khởi họ cho biết có 3 vị trí, nhưng cuối cùng tôi miễn cưỡng khảo sát 2 địa điểm thôi vì vừa không đủ chiều dài vừa dốc và hầu như là đất đã được trồng trọt. Nếu là ở trong đất liền cuộc khảo sát xem như hoàn tất và phúc trình lên không có địa điểm nào đủ điều kiện. Nhưng trong trường hợp này tôi hiểu là nhu cầu có tính chất mật hoặc đặc biệt có thể là quân sự hay chính trị, mà không quan tâm đến kinh tế hay xã hội. Tôi ra bờ biển tìm nơi làm bãi đáp cho tàu chở dụng cụ cơ giới. Toàn là san hô. Về nước sinh hoạt phải đào giếng bơm sâu thay vì giếng cạn như cư dân địa phương. Vì ảnh hưởng say sóng và trời nắng quá nên thấm mệt. Cũng chẳng cần gì thêm nữa tôi về lại nhà ông Năm nghỉ trưa và dặn bà Năm thức tôi trước 2 giờ chiều để đi họp báo cáo nếu tôi lơ ngơ quên. Nhiều cư dân đứng ngoài sân chờ nghe báo

cáo. Trước đại hội tôi cũng sợ dân chúng thất vọng nên cũng rào trước đón sau và nhập đề là thông thường với địa hình ở đảo chỉ đủ làm phi trường cho loại phi cơ L19 và như vậy sẽ không ích lợi gì vì phi cơ này không chở được nhiều hành khách và hàng hoá và cũng không hoạt động được khi thời tiết xấu. Tuy nhiên tôi nhấn mạnh khi về Saigon phúc trình lên nếu thượng cấp thấy cần đáp ứng một nhu cầu mới và quan trọng thì trên phương diện lý thuyết và kỹ thuật mọi sự đều có thể làm được như lập biển cho đủ chiều dài như phi trường Hồng Kông chẳng hạn. Lúc đó chúng tôi cần sự giúp đỡ của quân đội như Hải quân chuyên chở dụng cụ cơ giới, Công Binh dùng mìn phá san hô để

làm bãi đáp cho cơ giới và nhiên liệu, Truyền Tin cung cấp phương tiện để liên lạc trực tiếp với Saigon. Địa điểm thực hiện sẽ được xác định lại cho phù hợp với nhu cầu của loại phi cơ, nhưng cơ bản là khu vực phía Bắc của đảo để giảm thiểu sự xáo trộn sinh hoạt của dân cư và việc bảo vệ an ninh được dễ dàng hơn. Cả 3 đơn vị quân sự đều nghĩ rằng với tầm quan trọng của công tác đó chắc chắn là sẽ được trợ giúp. Các thành viên khác cho biết là phải chờ khi có quyết định cụ thể mới nghiên cứu nhu



Một góc đảo Phú Quý

cầu được chứ hiện đương thời không biết cần phải làm gì. TTTT chấm dứt buổi họp và quyết định trở về đất liền nửa giờ sau đó. Trước khi ra về tôi phân vân không biết làm sao cảm ơn gia đình ông bà Năm. Tôi nghĩ là khi vào đến đất liền tôi sẽ bết bát lắm, mọi việc đều cần tiền chứ đâu có ai giúp đỡ như ở đảo. Đành phải dày mặt, biểu cháu Út một số tiền nhỏ để mua sách vở. Điều lạ lùng là tôi ít bị say sóng hơn chuyến đi và ngày hôm sau đáp máy bay về đến Saigon, đi đứng nằm ngồi đều cảm thấy mình lắc lư như đang ở trên biển.

Mặc dầu tất cả mọi người đều nghĩ là có thể chánh phủ đã tìm thấy mỏ dầu gần đó, nhưng

kết quả của chuyến đi khảo sát vô tiền khoáng hậu này chìm dần theo thời gian.

Khi thấy mật độ dân số đảo Phú Quý cao như vậy, tôi liền nghĩ là có thể hiện nay VN đã tìm thấy mỏ dầu gần đây vì chỉ có dầu hoả thì đảo mới phát triển được như vậy. Nhờ một bạn thời trung học Yersin, gốc Phan Thiết, giới thiệu những người Mỹ gốc Việt, sinh quán Phú Quý, để tôi tìm hiểu thêm. Kết quả là dân Phú Quý như tên đảo đã tiên định là giàu có sang trọng, không phải nhờ dầu khí mà nhờ có một môi trường thủy sản trù phú, nhiều người vượt biên gởi tiền về giúp gia đình bà con trang bị những tàu đánh cá hiện đại và nhờ chánh quyền

VC đổi mới. Đảo Phú Quý nay là một trung tâm nuôi và xuất cảng thủy sản lớn. Để thu hút đầu tư ngoại quốc, từ năm 1997, chánh quyền cho làm đê chắn sóng, xây dựng đường sá, ngư cảng khá tối tân, hệ thống điện nước, bệnh viện, trường học v.v.. Đảo Phú Quý nay có nhiều tàu đánh cá đường xa với hệ thống định vị, hệ thống đông lạnh, ướp, muối cá ngay trên biển; vài chục xí nghiệp chế biến các loại hải sản; sửa chữa tàu bè tại chỗ không cần vào đất liền; có tàu vận tải lớn và tàu hành khách liên lạc thường xuyên với thị xã Phan Thiết. Dân chúng nuôi các loại hải sản có giá cao như cá mú đen, tôm hùm, ốc hương, ba ba qua các lồng bè và ao chắn ven bờ.

Đảo Phú Quý còn được gọi là Đảo Mực vì mực không phải chỉ là nguồn lợi chính mà là phương pháp đánh bắt mực. Ngư trường Phú Quý có nhiều loại mực như mực nang nặng trên 5kg, mực đỏ nhỏ hơn, mực ống, mực thước rất ngon và cao giá, mực lá nhỏ con, com mỏng, ít râu, thịt ngọt. Mùa mực chính tại Phú Quý từ tháng 6-9 âm lịch. Nghề này bắt đầu từ khoảng 1960. Các địa phương khác dọc theo bờ biển VN dùng thuyền thúng lớn trét chai chở được

vài người. Muốn ra biển một thuyền lớn chở được lối 10 thuyền thúng. Ra đến nơi những thúng nhỏ tách ra rải rác để câu mực. Tới giờ về ghe lớn tới vớt họ về đất liền Họ dùng đèn



Xóm dân cư trên đảo Phú Quý, nhìn từ trên núi

khí đá tạo ánh sáng ban đêm trên biển để gom mực lại và bắt. Sau đó khoảng đầu thập niên 70 họ thay bằng đèn manchon năng suất cao hơn nhưng vẫn chưa cao. Từ năm 1980 ngư dân Phú Quý dùng đèn néon do máy phát điện nhỏ riêng của mỗi ghe hoặc thả đèn điện dưới nước, công việc vừa nhẹ nhàn mà năng suất lại cao. Hiện nay không phải chỉ có ngư dân Phú Quý mà cả ngư dân Phan Rang, Long Hương Phan Thiết cũng tới hành nghề nên ban đêm từ xa nhìn giống như một thành phố trên biển cả.

Nhưng cơn bão Xangsane (Hanoi gọi là bão số 6) năm 2006 đã tàn phá nặng nề đảo Phú Quý không biết lúc nào mới phục hồi được, nên tự nhiên tôi nhớ tới cháu Út nay cũng khoảng 50, có thể đã thành bà ngoại bà nội rồi, không biết phiêu bạt nơi nào có được may mắn tới miền đất tự do không? Và nghĩ rằng dù cháu vẫn còn ở Phú Quý chắc nay cháu cũng đã hiểu phần nào công việc của một kỹ sư cũng chẳng có gì lạ mà có lúc đã từng thắc mắc, đã liên tục xin tôi cho tháp tùng theo để biết./.

Thăm viếng bạn bè tại Washington, DC

Mục đích chính là thăm viếng chị Trí, bạn thân xa cách từ 75, đang ở Đức mà chúng tôi mới liên lạc được khoảng 6 tháng nay. Oái oăm hơn nữa là người bạn trung gian có nguồn tin đã cùng chúng tôi sinh hoạt Phật sự chung hơn 16 năm tại Minnesota mà không biết. Qua bức thư đầu tiên chị Trí cho biết sẽ qua Virginia thăm con gái vào tháng 9, chúng tôi đã để dành trọn tháng để có thể gặp chị ấy bất cứ lúc nào. Thế mà rốt cuộc vốn vẹn chỉ có được 2 ngày. Bao nhiêu chuyện về vượt biên, gia cảnh, cuộc sống ở Đức, bạn bè cũ v...v... kể hoài mà không hết. Biết chị đang tập khí công và chăm cứu miễn phí cho Phật tử tại Đức và đang thi lấy bằng Đông Y, nên trước khi lên DC tôi xin anh Chí tạo dịp cho vợ chồng chúng tôi gặp các AH trong BBT LT và hỏi anh Chí và chị Trí xem có muốn trao đổi hiểu biết về khí công với nhau không? Cả hai người đều hoan hỷ. Sau vài phút nói chuyện xã giao, anh Chí hỏi chị ở Đức có viết anh C. có người con gái là BS nha khoa ở Mỹ.....— chúng tôi và chị Trí cố nín cười vì chị chính là vợ anh C. — trong khi anh Chí tiếp tục kể những sự quen biết xa xưa và hiện tại của gia đình anh C. vì anh Chí chưa hề gặp chị C. Đúng là quả đất tròn và bắt các anh chị chờ chúng tôi hơn nửa giờ tại tiệm ăn.

Buổi họp mặt bỏ túi với một số AH đã quen biết trước và các AH đã một thời lừng danh và nay vẫn là những trụ cột của BBT LT— mà bản thân chúng tôi chỉ mới nghe danh và từng ngưỡng mộ — cùng các phu nhân đã dành cho vợ chồng chúng tôi những thân tình khó quên. Tôi nghe những tràng cười thật vui nhộn bên bàn các chị. Để diễn tả tâm trạng của tôi

lúc đó, xin dùng câu nói của cháu Tuấn, con trai của cô AH TDT, khi trú ngụ tại nhà chúng tôi tại Minnesota, để hoàn tất chương trình post doc.” Cháu không hiểu hết ý nghĩa những gì các anh chị nói nhưng qua những tràng cười cháu biết là rất hay rất vui” Hy vọng độc giả còn nhận được những niềm vui của buổi họp còn đây dựa trên các nét mặt trong tấm hình của AH Ân chụp sau buổi tiệc.

Đặc biệt hơn nữa là chúng tôi và anh TD Trúc, đồng khóa, sau 49 năm xa cách, trong một buổi sáng đã ôn lại những kỷ niệm Đà Lạt xưa, bạn bè cũ của Lycée Yersin, và chấp nối những chi tiết của một cô AH Công Chánh đã cho Lê Duẩn nấu nầu trong vườn trồng rau cải Dalat, tiếp giáp với vườn rau của chúng tôi.

Chúng tôi cũng được cháu gái AH NDS tiếp đón nồng hậu và cho biết tin tức của một số con cái các đồng sự một thời chung sống trong cư xá Căn Cứ Hàng Không tại Tân Sơn Nhất

Để đáp ứng chuyển đi chơi tràn đầy kỷ niệm và thích thú chúng tôi đã gia nhập vào nhóm AH vùng Hoa Thịnh đốn. Chúng tôi xin lỗi hơi dài giòng về chuyện chị Trí để phần nào phân trần việc đến trễ và xin quý anh chị tham dự buổi họp nhận nơi đây lòng tri ân của vợ chồng chúng tôi.

North Carolina, ngày 8 tháng 10, năm 2007.
Nguyễn Thái Hai



Anh Dương, chị Trí, các anh chị Hai, Ân, chị Năm, anh chị Chí, Đôn, & anh Năm



Từ trái sang phải: Các chị HN Ân, chị Hai, chị BV Ân, các anh N Năm, NT Hai, BV Ân, Dư Thích, HN Ân, Bửu Đôn, BT Dương, các chị Trí, NĐ Chí, N Năm & B Đôn (anh Chí chụp ảnh)

Ái Hữu CC / ĐĐ Washington, DC

Tiếp Đón AH Nguyễn Hữu Nghi tại Falls Church, VA

Được biết tin AH Nguyễn Hữu Nghi được tháp tùng chị Nghi tham dự Đại Hội Trường Nữ Sinh Trưng Vương tổ chức vào tháng 10/2007 tại Washington, DC. Các AHCC/ĐĐ vùng HTĐ đã tổ chức một buổi họp mặt tại nhà hàng Việt Royal, Falls Church, VA vào ngày chủ nhật 10/21/2007, lúc 12 giờ để tiếp đón AH Nguyễn Hữu Nghi và chị đến từ CALI viếng thăm Washington DC.

Buổi họp mặt gồm có : Các anh chị Oanh, Trúc , Nghi, Thích & Dược.





Khi nói đến Halloween, người ta nghĩ ngay đến những gói kẹo, những bộ đồ hóa trang ma quái, hay những quả bí thật lớn với ngọn đèn cây leo lét tỏa ra từ khuôn mặt được cắt đục trên quả bí. Trong đêm Halloween, nếu các bạn không đi theo đám trẻ để xin kẹo, tôi nghĩ chắc các bạn phải ngồi canh tiếng chuông reo hay gõ cửa để trao kẹo ... cho đến khi hết sạch kẹo hay đến lúc bạn quyết định tắt đèn đóng cửa kín mít để khỏi phải tiếp xúc với "ma quỷ". Tục lệ đi xin kẹo của các em trong đêm Halloween thường được nhắc đến với những chữ "Trick or treat". Nguồn gốc của những chữ ấy thật xa xưa, nhưng đại ý là nếu khi có người gõ cửa trong đêm Halloween mà không có quà (treat) thì sẽ bị phá (trick). Tuy những chữ ấy hàm ý "hăm dọa", nhưng các em thường la lớn "Trick or treat" khi gõ cửa rồi nhả răng cười và xè tay ra chờ lấy kẹo.

Tôi rất lấy làm vui khi phải ngồi canh cửa để trao từng cây kẹo cho các em. Nhìn khuôn mặt ngây thơ và hớn hờ của các em, những bộ đồ hóa trang đủ loại ma quỷ hay thần tiên, có khi là hình ảnh của các nhân vật được các em ưa thích trong các phim ... tôi thậm nghĩ tuổi thơ ở xứ người sao mà hạnh phúc thế, rồi lòng tôi không khỏi bùi ngùi khi nghĩ đến các em nơi quê nhà.

Halloween không phải là một tục lệ đơn giản như trình bày ở trên. Ngày lễ Halloween đã có cách đây 2000 năm, từ khi dân Celts sống ở vùng mà bây giờ là Ái Nhĩ Lan (Ireland). Họ đón mừng năm mới vào ngày 1 tháng 11. Đối với họ ngày ấy đánh dấu sự kết thúc của mùa hè và mùa gặt và khởi đầu của những ngày tối tăm lạnh buốt của mùa đông. Họ tin rằng vào đêm giao thừa, tức là đêm 31 tháng 10, ranh

giới giữa hai cõi âm dương không rõ rệt, vong linh của những người khuất mặt trở về trần thế. Vì sợ hãi những hồn ma quấy phá, họ tụ họp lại, đốt lửa và bày những lễ vật để cúng thần linh. Trong khi làm lễ họ mặc những bộ đồ làm bằng da thú, một hình thức nguy trang để ma quỷ không nhận diện được và nhập vào thân xác họ.



Quả Bí (Pumpkin) và nghệ thuật cắt đục (carving) trong dịp Halloween.

Vào thế kỷ thứ 7, ảnh hưởng của Thiên Chúa Giáo lan tràn đến vùng đất của dân Celts. Đức Giáo Hoàng Boniface IV quyết định lấy ngày 1 tháng 11 là ngày Lễ Các Thánh (All Saints' Day hay Toussaint), để tưởng nhớ các thánh và tử đạo. Ngày này được gọi là All-hallows (hay All-hallowsmas), ngày trước đó

được gọi là All-hallows Eve, sau này được gọi ngắn gọn là Halloween. Tại Âu Châu, vào ngày 2 tháng 11, còn được gọi là Ngày Các Vong Linh (All Souls' Day), những người hành khất thường đi từng nhà gõ cửa xin bánh và để tạ ơn họ cầu nguyện cho những người đã qua đời trong mỗi căn nhà. Do đó mà sau này có tục lệ "Trick or treat" trong đêm Halloween. Còn quả bí được để trước nhà là để đánh dấu sự kết thúc của mùa gặt vào cuối hè theo tục lệ của người Celts. Sau này người ta đã có sáng kiến đeo gọt quả bí thành khuôn mặt hay đèn lồng thấp trong đêm Halloween. Những quả bí với ánh nến chập chờn trong đêm khuya vắng lặng vẫn luôn gây một cảm giác ma quái và rờn rợn.

Ở Việt Nam, vào ngày lễ Vu Lan, ngoài việc đi chùa cầu nguyện cho thân nhân, ông bà, cha mẹ đã quá vãng, người ta cũng có tục lệ Cúng Cô Hồn, vào ngày Rằm tháng Bảy âm lịch. Cúng Cô Hồn là ngày bố thí cho những vong hồn không ai thờ cúng hay còn lạc lõng chưa siêu thoát (wandering souls). Hình như dân tộc nào trên thế giới cũng có những tục lệ riêng khi giao tiếp với thế giới vô hình.

Khi nói đến Halloween, chúng ta không thể quên nhắc đến những chuyện ma. Cứ gần đến ngày Halloween, các tiệm sách bày bán vô số những sách hay truyện phim về ma quỷ hay những ngôi nhà ma (haunted houses). Các phim Halloween với nhân vật kinh khiếp Michael Myers đã trở thành quá quen thuộc đối với những người thích loại phim kinh dị (horror) trong dịp Halloween. Ở Việt Nam, tại thành phố Dalat, người ta kể lại rằng có những ngôi biệt thự hiện nay bị bỏ hoang vì có ma. Một trong những ngôi biệt thự ấy nằm trên đường lên thác Cam Ly. Ngôi biệt thự này do người Pháp xây dựng từ những năm đầu của thập niên 1930, một thời bỏ hoang, mái ngói xiêu vẹo, cửa tan hoang. Phía trước ngôi biệt thự có cây thông cổ thụ. Vào những đêm rằm thường có một ma nữ mặc áo trắng treo mình trên cây thông chải tóc, mái tóc đen nhánh chảy dài xuống tận mặt đường. Hồn ma này liên quan đến cái chết của một cô gái trẻ đẹp, bị một gã sở khanh lừa tình nên treo cổ tự vẫn và hồn ma cứ quanh quẩn bên cây thông, những đêm

thanh vắng thường hiện hình để chải tóc dưới trăng và chọc ghẹo người đi đường (theo tài liệu của tintuc.timnhanh.com). Nếu các bạn muốn tìm hiểu thêm về những ngôi biệt thự ma này, các bạn có thể xem một dvd mới được phát hành, với cái tựa "Ma Đà Lạt", của AV Production thực hiện và do Thanh Toàn diễn đọc.

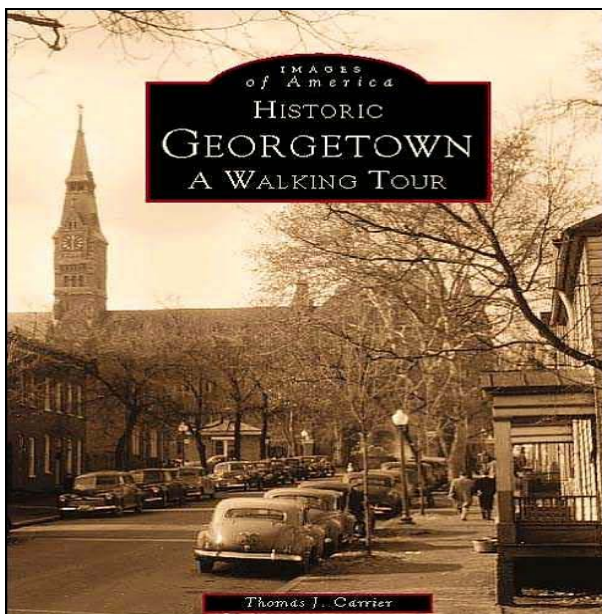


Một biệt thự ma tại Dalat

Nước Mỹ văn minh hiện đại, nhưng những phim ảnh cũng như sách báo không ngừng đề cập đến những chuyện ma. Trong dịp Halloween, họ thường tổ chức đi thăm các nhà ma (haunted houses).

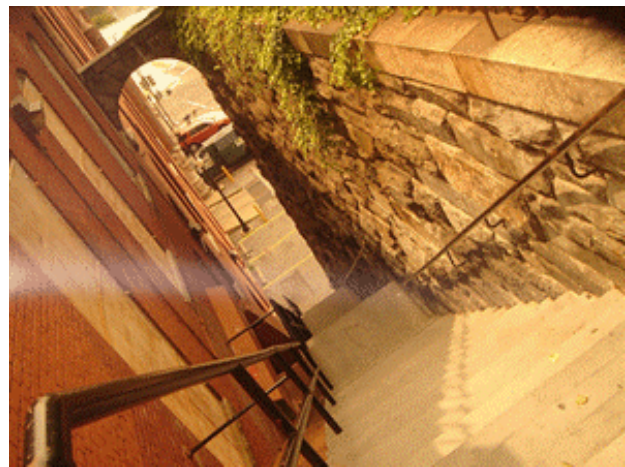
Ngay tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn (Washington DC), người ta kể lại rằng trong Tòa Bạch Ốc (White House) cũng có nhiều hồn ma, đặc biệt là hồn ma của Tổng Thống Abraham Lincoln. Những thượng khách ngủ tại phòng của Lincoln, còn được gọi là "Lincoln Room", nghe những bước chân đi trong hành lang, có người thì thấy Lincoln ngồi trên giường để mang đôi giày ống. Hoàng Hậu Wilhelmina của xứ Netherlands (Hà Lan) cũng đã ngủ tại Phòng Lincoln trong dịp viếng thăm Tổng Thống Franklin D. Roosevelt. Có một đêm, bà ta nghe bước chân đi và tiếng gõ cửa. Khi bà mở cửa xem thì thấy Abraham Lincoln đứng trước mặt, trên người khoác áo choàng đen và đội nón cao. Bà ta quá sợ nên ngất xỉu. Trong nhiệm kỳ của Tổng Thống Ronald Reagan, cô con gái của Tổng Thống là Maureen cũng đã thấy hồn ma của Lincoln.

Chuyện lạ lùng hơn chính là câu chuyện do Tổng Thống Lincoln kể khi ông còn sống. Ông ta kể lại giấc mơ thật kinh hoàng. Ông thấy ông đi xuống cầu thang, về hướng Phòng Phía Đông (East Room) trong Tòa Bạch Ốc, khi nghe có tiếng khóc. Ở phòng ấy, có nhiều người đang vây quanh một quan tài. Khi ông hỏi một người đàn bà là ai đã từ trần vậy, thì được trả lời, "Đó là vị Tổng Thống bị ám sát". Lincoln đi ngang qua quan tài thì thấy chính ông nằm trong ấy. Sau đó không bao lâu thì Tổng Thống Lincoln bị ám sát.



Về hướng tây bắc Hoa Thịnh Đốn là vùng Georgetown cổ kính nhất của thủ đô. Vùng này rất nổi tiếng vì có những nhân vật như John và Jacqueline Kennedy từng cư ngụ tại đây, và cũng là nơi có Georgetown University, tọa lạc trên đỉnh đồi cao, với lối kiến trúc thật huy hoàng của thế kỷ thứ 18. Tôi vừa có dịp ghé thăm vùng này. Lối kiến trúc xưa, những con đường dốc và hẹp có lát đá, những quán cà phê bên đường, đã làm cho tôi liên tưởng đến những đường phố ở Paris, Lyon hay Dalat. Tôi muốn đưa các bạn đến nơi rất đặc biệt này trong đêm Halloween. Rất nhiều người muốn đến Georgetown để dự dạ vũ hóa trang trong đêm Halloween vì vùng này rất thích hợp cho dịp này. Ngoài khung cảnh cổ kính, những đường phố hẹp mờ ảo trong đêm, còn có những ngôi nhà ma rất nổi tiếng. Đạo diễn William

Friedkin đã chọn khung cảnh Georgetown để dựng phim *The Exorcist* (Quỷ Ám) rất nổi tiếng vào năm 1973. Tác giả viết cuốn truyện *The Exorcist*, tên là William Peter Blatty, cũng là một sinh viên của Georgetown University. Nữ tài tử Linda Blair, trong vai cô Regan bị quỷ ám trong phim, đã làm cho khán giả kinh sợ. Nhưng màn khủng khiếp nhất ở đoạn cuối của phim là lúc Cha Damian Karras tìm cái chết thật thê thảm khi phóng mình qua cửa sổ và nhào xuống những bậc thang đá. Cha Damian đã hy sinh để con quỷ thoát khỏi cô Regan và nhập vào thân xác cha.

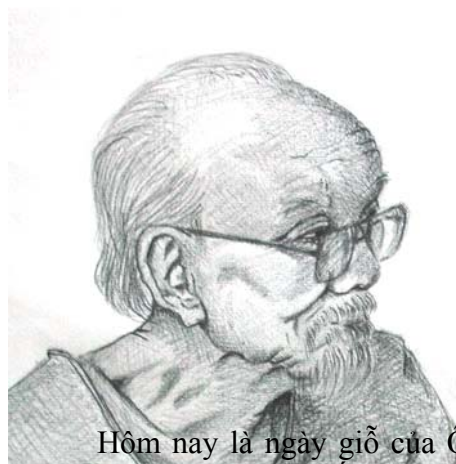


Những bậc thang đá *Exorcist Steps* ở Georgetown

Để tìm lại cái cảm giác "lạnh người" của đêm Halloween, tôi đã dừng chân ở căn nhà bị quỷ ám trong phim *The Exorcist*. Căn nhà này tọa lạc tại số 3600 Prospect Street NW, Georgetown. Tôi cũng đã bước xuống 97 bậc thang đá bên hông của ngôi nhà. Những bậc thang đá này đã nổi tiếng nhờ cuốn phim trên và đã được đặt tên *Exorcist Steps*. Từ trên cao nhìn xuống những bậc thang đá, các bạn sẽ cảm thấy chóng mặt, và khi nghe chuông nhà thờ gõ 12 tiếng nửa khuya, bạn sẽ cảm nhận luồng âm khí lạnh và sự hiện diện của những bóng ma trong đêm Halloween.

Viết tại Georgetown Washington, DC 10/2007.

Thu Phong (Lê Nhựt Thăng)



NG GIÀ CHỒNG TÔI

Bưu Điện

Hôm nay là ngày giỗ của Ông Nội các cháu, tự nhiên tôi nhớ đến ông và cảm hứng viết bài này, đã mười mấy năm rồi mà mỗi lần đến ngày giỗ của Ông, đứng trước bàn thờ nước mắt tôi lại tuôn trào, nhớ lại những kỷ niệm xa xưa, nhứt là những lời khuyên bảo của Ông mà tôi vẫn còn nhớ mãi cho đến ngày hôm nay. Một người mà tôi vừa kính lại vừa thương, để lại trong lòng tôi nhiều kỷ niệm khó quên.

Ngày đầu tiên theo Ông xã về gặp gia đình của anh, tôi cũng như bao nhiêu người con gái khác, lo lo ngại ngại, mặc dầu anh ta đã phác họa sơ sơ về gia đình của anh ấy cho tôi biết trước rồi.

Ngay phút đầu gặp mặt, người mà tôi ngại vẫn là cha mẹ của anh ta, không biết mặt mày thế nào đây, hiền hay dữ, nhìn người cũng đoán được phần nào? Một ông già tóc đã phai màu, vóc người tầm thước, gương mặt nghiêm trang nhưng điểm nét nhân từ, nói xa hơn là nhìn vào thấy có cảm tình, điều này giúp tôi an tâm và bớt rụt rè đi, ái ngại khi hầu chuyện cùng hai ông bà...

Một thời gian sau, khi chúng tôi làm lễ đính hôn, khi nào có dịp vào Nam (lúc đó ông làm việc ở Huế) ông thường ghé thăm tôi và dẫn chúng tôi đi ăn và chuyện trò với ông, ông rất thành thật và cởi mở. Mười lần như một, có dịp vào Saigon là chúng tôi cùng ông đi ăn uống, trò chuyện, nói chuyện với ông tôi cảm thấy dễ dàng và thoải mái mặc dầu tôi “vâng, dạ” nhiều hơn nói. Sự kính mến và cảm tình của tôi đối với ông có tự bao giờ tôi cũng không hay, tới tự nhiên hơn và xem ông như ông già ruột tôi vậy!

Mấy mươi năm lập gia đình, những người bên chồng, ông là người tôi kính và yêu thương hơn hết. Những lần ông đi công tác ở

ngoại quốc về là tôi có quà của ông cho, đối với ông không có phân biệt “dâu” hay “rể” gì cả, tất cả đều là con. Nhớ những lúc nhà tôi đi công tác, chỉ có mẹ con tôi ở nhà, có dịp vào Nam là Ông ghé thăm tôi và không quên căn dặn “Vú Xám” chăm sóc mẹ con tôi đàng hoàng, chu đáo, ông lo cho mẹ con tôi rất nhiều, không trực tiếp nhưng bằng tình thương, đức tánh cao quý nhứt trên đời, trời đã phú cho ông mà tôi coi quý hơn tất cả những gì quý giá trên đời này! Nói đến tình thương mà “Đấng Thượng Đế” đã ban cho tất cả mọi người trong chúng ta, nếu ai ai cũng nghĩ đến tình thương thì thế giới sẽ không còn hận thù, oán ghét, chém giết lẫn nhau, chiến tranh, giặc giã nữa! và hạ giới sẽ là một Thiên Đàng? thôi thì cứ hy vọng, hy vọng ... mặc dù đây chỉ là một ảo ảnh!

Có lần ông kể cho các con ông nghe, lúc ông bốn năm tuổi, ba mẹ ông ly dị, ba ông cưới vợ khác, ông ở với cha, chị ông ở với mẹ, có lẽ còn nhỏ mà ở trong hoàn cảnh khá trở trêu, nên ông ít cười, ít nói, chuyện gì cũng vậy khi ông bị rầy la, là ông chui xuống dưới bàn mà trốn, ba ông thường mắng ông đồ “imbécile” thế là tiếng “imbécile” gắn liền với ông mà ông chỉ hiểu “imbécile” là trốn dưới bàn! thật tội nghiệp tuổi trẻ ngây thơ! câu này là ông thuật lại cho các con ông nghe!

Khi lớn, ba ông gởi ông vào nội trú học, cái hay của ba ông là đi đến đâu đều khen mẹ sau của ông hiền lương, phúc hậu, coi con chồng như con ruột (mà thật thế, bà nội sau hiền hậu, thật thà) thế là ông được bà mẹ sau nuông chiều thêm hơn cho xứng đáng với cái danh từ mà chồng mình đã tặng!

Xa gia đình từ khi còn nhỏ, nên ông tự lo lấy thân, chịu đựng và nhẫn nhục, có lẽ tình đời ông hiểu nhiều hơn các người đồng tuổi, nhân sinh quan của ông cũng rất hiếm người có được, nhìn những khía cạnh tốt của con người nhiều hơn là xấu!

Có những lúc mẹ chồng tôi trách móc hay phiền hà gì đám con cái, câu mà tôi thường

nghe ông nói, chuyện gì có giận, có hờn thì phải có hai người mới làm nên chuyện, chớ không bao giờ một người mà sanh ra chuyện được, châm chể, bao dung, độ lượng là hơn! Trước một sự việc không tốt, thường tình, người đời thường hay phán xét, trước tiên là “buộc tội” cái đã, vì buộc tội người khác thì rất dễ, hầu như ai ai cũng có thể làm được, trái lại “biện hộ” cần phải có một trình độ nào đó? cần sự thông minh? hiểu biết? đăc đo? suy nghĩ? có tình thương, lòng vị tha và rất dễ dàng đi đến sự “tha thứ” mấy câu nói này của ông đã in sâu đậm nét trong lòng tôi và cũng là kim chỉ nam cho cả cuộc đời của tôi sau này!

Cây sâu, cuộc bầm để nuôi một đàn con mười mấy người, tôi ít thấy ông cau có, quạu quọ, hay lớn tiếng với vợ con, các anh, các chị, các chú cùng các cô ai cũng đều thương ông và kính mến ông hết mực.

Ông buồn nhiều sau ngày Saigon đổi mới, con cái khổ sở, gia đình sa sút, chỉ có vài năm sau là mẹ chồng tôi qua đời, sự phiền não đối với ông lại càng sâu đậm hơn! Ông ít nói, ít cười, âm thầm đau khổ. Tôi nghĩ mẹ chồng tôi có phước quá, được một ông chồng như vậy, thương vợ, thương con, nuông chiều đúng mức, vào thời đó, phần đông trong gia đình là “chồng chúa, vợ tôi” hoặc vợ chồng sống không hạnh phúc vẫn phải sống với nhau vì nghĩa hơn vì tình! vì lễ giáo của người phương Đông vẫn còn tồn tại ?

Sau này nhà tôi ở Canada, tôi vẫn còn ở lại V.N, tôi cũng thường dắt con đến thăm viếng ông, đưa tin tức, thư từ của nhà tôi viết về thăm gia đình, báo cáo cuộc sống của cha con anh ta ở hải ngoại, quà cáp cho ông vui, và cho các cháu thăm ông nội, tôi biết là ông thương tôi lắm qua những cử chỉ và lời ăn, tiếng nói của ông, cho đến ngày hôm nay khi dậy dỗ con cái lúc nào tôi cũng nói đến ông nội chúng là tấm gương sáng để chúng noi theo! nhưng không phải dễ dàng vì xã hội ngày nay quá khác biệt với ngày xưa!

Trước ngày đi đoàn tụ gia đình, mẹ con tôi lại từ giã ông, ông bảo mừng cho con và hai đứa nhỏ, kẻ gặp chồng, người gặp cha không gì hạnh phúc bằng! Ngày từ giã ông tôi không cầm được nước mắt, tôi thương ông và thương

ông quá và tưởng chừng như tôi đang sắp mất một cái gì đáng quý, đáng yêu vậy!

Mọi thủ tục xong xuôi, tôi vào Air V.N lấy vé máy bay, quang cảnh khác hẳn ngày xưa, không khí đượm vẻ buồn bã, không còn tiếng cười nói vui vẻ như ngày nào, có cảm giác gần như khó thở, xem giấy tờ của tôi, cô tiếp viên nhìn tôi giây lát rồi bật hỏi, xin lỗi chị, nếu tôi không lầm phải chị là người nhà của bác C..?, tên ông già chồng tôi, tôi gật đầu, tôi là dâu của ông ấy! thế là chị kêu lên, con bác C nè bà con ơi! các anh chị khác lại bu quanh tôi, hỏi thăm sức khỏe của ba tôi, người hỏi ông lúc này sinh hoạt thế nào và con cái ra sao! nhìn gương mặt của các người ấy tôi cảm động quá, nhìn thấy những hình ảnh như vậy, tôi cũng đoán ra, ngày xưa khi ông làm giám đốc, ông đối xử với nhân viên, thuộc hạ của ông ra sao rồi!

Ở Canada, nhà tôi đã làm giấy tờ bảo lãnh cho ông để qua đây đoàn tụ cùng con cái, sống nốt những ngày cuối đời được thoải mái hơn, vì sau khi mẹ chồng tôi qua đời ông buồn nhiều!

Giấy tờ kể như gần xong thì được điện tín báo tin ông qua đời, được tin này tôi mất ngủ mấy ngày liền, thương ông và thương quá, tôi khóc và khóc mỗi khi nghĩ đến ông, một người mà cả cuộc đời chỉ “biết cho hơn là nhận”! một người mà tôi lúc nào cũng kính yêu và ngưỡng mộ!

Trong suốt cuộc đời của tôi, những người bề trên mà tôi yêu kính ngoài cha mẹ tôi còn có ông nữa! Lòng vị tha, tánh bao dung quảng đại, tình thương là những đức tánh quý giá nhứt trên đời ông đều có cả! Đối với tôi, những lời khuyên dạy của ông, tôi vẫn còn nhớ mãi cho đến ngày hôm nay.

Khi ông nhắm mắt lìa đời cũng là một giấc ngủ an lành, bình yên, một giấc ngủ nghìn thu êm ái mà mỗi người trong chúng ta khi tuổi xế chiều đều mơ ước! Tôi nghĩ đây là một món quà vô cùng quý báu mà trời đất đã ban thưởng cho ông chẳng ? Tôi tin là đúng..

Buru Điện, mùa thu 2007.

Điều Kỳ Diệu Đến Với Ái Hữu Châu Thành Phước

Người viết: Tràm Cà Mau

Trước đây, trên Lá Thư Ái Hữu Công Chánh, anh Bùi Đức Hợp và tôi, có viết tin về Ái Hữu Châu Thành Phước bị bại liệt. Nay tôi viết thêm về những điều kỳ diệu đã đến với anh trong các năm qua.

Anh Phước bị tai biến mạch máu não, bại liệt toàn thân trong nhiều năm. Hơn 7 năm nay, anh Phước ở trong một trung tâm phục hồi tại đường Haster, thành phố Westminster, California.

Mỗi khi về miền Nam Cali, tôi đều có ghé thăm anh Phước. Lần đầu tiên gặp anh Phước, tôi thấy tình trạng sức khỏe của anh rất bi đát. Toàn thân bại liệt, tay chân không cử động được, chỉ có một ngón tay trở nhúc nhích yếu ớt, mà cũng rất khó khăn, vụng về, để chỉ ngón tay vào một cái bảng có ghi mẫu tự abc, mà “bút đàm” với người khác. Cổ anh bị liệt không nâng đỡ được cái đầu nên cái đầu quẹo qua một bên, trông rất tội nghiệp. Miệng thì méo xẹo nước dãi chảy ra lòng thông, phải lau hoài. Anh không nói được, không ăn uống được, chỉ ú ớ trong họng như em bé. Anh được đặt nằm quẹo người trên một chiếc xe lăn. Mới gặp anh lần đầu, thấy thảm thương lắm. Nhưng trí óc anh vẫn minh mẫn, mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe và trí nhớ còn rất tốt. Điều tôi phục nhất, là anh rất vui vẻ, yêu đời, và còn biết tiểu lâm khi bút đàm. Lần gặp này, tôi nghĩ là anh không thể sống lâu, may mắn lắm là chỉ đếm bằng tuần, bằng tháng mà thôi.

Những năm sau, tôi đi thăm anh nhiều lần, mỗi lần đến thăm, thấy sức khỏe anh càng ngày càng khả quan hơn. Cái ngón tay trở vụng về chỉ vào bảng chữ, càng nhanh nhẹn và chính xác hơn, da dẻ càng hồng hào, mặt càng láng lẩy, và tóc anh đen nhánh như thời như 30 tuổi. Có lần tôi trêu anh rằng, anh nhuộm tóc làm

chỉ cho một thế. Anh cười khục khặc trong họng.

Dù trong hoàn cảnh đó, anh Phước rất lạc quan, yêu đời, vui vẻ. Dường như trong viện phục hồi này, ai cũng biết anh, vì cái đức tin ở Chúa. Mỗi ngày anh đọc hơn 20 chục trang Thánh Kinh. Anh tuyệt đối giao tất cả mọi sự cho Chúa quyết định về đời anh. Mỗi ngày anh thành tâm cầu nguyện nhiều lần, và tìm được nguồn an ủi vô biên khi anh nói chuyện với Đức Chúa Trời. Nhờ vậy mà anh sống vui, sống không tủi hờn thân phận, không kêu than.



Máy trợ giúp bệnh nhân nói chuyện với nút bấm

Trước đây, khi anh chưa bị hoàn toàn bại liệt, anh cũng đã nương nhờ cửa Phật, cũng kinh kệ chuyên cần. Nhờ vậy, anh cũng đã tìm được bình an, làm nhẹ được những ưu tư phiền muộn của hoàn cảnh riêng tư. Khi vào trong viện phục hồi, anh đã được Chúa kêu gọi. Theo lời anh nói. Đó cũng là một cái duyên may.

Đầu tháng 11 năm 2007, tôi lại đến thăm anh Phước trong viện phục hồi này. Anh ở đây đã hơn 7 năm. Tôi ngạc nhiên thấy anh mập mạp, hồng hào hơn. Tóc vẫn rậm rì, cứng, đen nhánh, cắt ngắn, tia tia chĩa thẳng ra như bọn thanh niên mới lớn cắt tóc theo một tân thời, dù anh đã hơn 70 tuổi.

Tôi thấy dường như anh trẻ ra. Tôi nghĩ, nếu mang bộ răng giả vào cho hết móm, thì có thể tưởng anh mới ngoài 50 mà thôi. Anh nằm trên giường, vì buổi chiều là thời gian “bơm xăng”, nghĩa là người ta cho thức ăn lỏng vào dạ dày của anh qua một cái ống nối liền với bụng. Bụng anh có một cái lỗ với nút đẩy, để gắn ống chuyên thức ăn lỏng treo từ trên cao, thức ăn chảy dần vào dạ dày nuôi anh sống. Với cái lối bơm xăng chậm này, hình như mỗi lần bơm xăng tốn đến 5 giờ đồng hồ.

Tôi vào thăm, anh vui vẻ lắm. Lần này tôi thấy cánh tay trái của anh có thể co vào duỗi ra được, không còn quá khó khăn như trước đây. Cánh tay mặt, trước kia hoàn toàn bất động, nay đã có thể điều khiển được chút chút nhưng có vẻ rất khó khăn. Lại nhất, là cái đầu của anh, đã có thể đứng thẳng trên cổ, không còn xiêu vẹo qua một bên. Miệng anh cũng đã ngậm được, tuy rất móm vì không mang răng giả, và không còn nước miếng nhỏ thành giòng. Anh “bút đàm” với tôi rất nhanh. Anh viết bằng cách chỉ vào bảng chữ abc:

“Tôi có thể ăn được rồi”.

Tôi tưởng “ăn” là theo lối “đổ xăng” nên nhìn vào cái bình thức ăn lỏng treo trên cái giá bên cạnh giường. Anh biết tôi hiểu lầm, nên viết cho tôi là “ăn cơm”. Tôi ngạc nhiên, tưởng anh nói đùa. Nhưng sau đó, tôi biết là tình trạng sức khỏe của anh nay được khá hơn, nên anh đã có thể ăn rất “tượng trưng”, ăn bằng miệng. Anh còn cho biết có thể uống nước được. Người ta cho anh uống nước “ice cream”. Anh viết tiếp:

“Tôi đã có thể nói được”.

“Thật không?”, tôi ngạc nhiên hết sức “Anh nói thử cho tôi nghe đi”

Anh nói một tiếng gì đó, một tiếng thôi, trong cổ họng, tôi nghe không rõ lắm. Nhưng để cho anh lên tinh thần. Tôi khen:

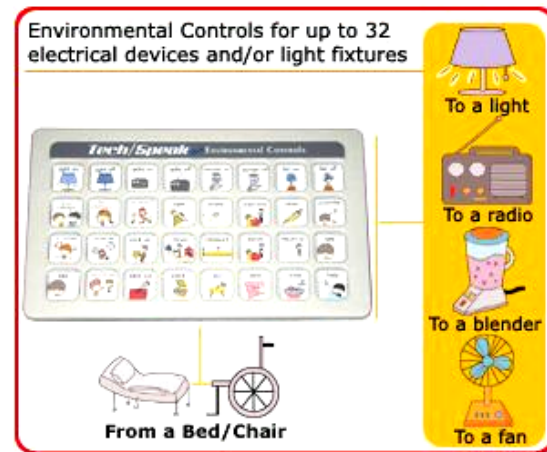
“Anh giỏi quá. Làm sao mà anh nói được? Hay quá vậy?”

“Người ta tập cho tôi” Anh viết.

Tôi tin, là một ngày kia, anh sẽ nói được rõ ràng hơn, và nói được nhiều tiếng hơn cùng một lúc. Thật là khó tin, nhưng có thực. Hơn 70 tuổi rồi, mới tập nói.

Anh viết thêm là mỗi tháng, anh được đi nhà thờ bốn lần. Lâu lâu, anh trả tiền để được đưa lên xe buýt, đi chơi trong thành phố, và có đi ra biển, chụp hình. Chữ “đi” của anh dùng, nghĩa là nằm ngửa trên xe lăn cho người ta đẩy đi. Như thế cũng đã là quý hoá lắm rồi.

Sức sống trong anh mãnh liệt, với đức tin vô biên, và niềm lạc quan, đã giúp anh sống vui vẻ, yêu đời. Tôi thấy có lẽ cuộc sống của anh cũng còn có giá trị như những người bình thường, và cũng có lẽ còn ý nghĩa hơn nhiều người khoẻ mạnh mà bi quan, yếm thế, than vãn, nhăn nhó, khổ đau.



Một loại máy trợ giúp nói chuyện khác

Tôi nói với anh:

“Sức khỏe của anh đã phục hồi một cách huyền nhiệm. Thật khó tin”.

Anh viết:

“Anh biết tại sao không?”

Tôi nói đùa cho vui:

“Vì biết yêu”

Anh cười khục khặc, và lắc đầu lia lịa để phủ nhận. Tôi sực nhớ ra, nói liền:

“Đó là tình yêu Thiên Chúa”

Anh gật đầu tán thành và tỏ vẻ vui sướng lắm, vì tôi đã nói đúng ý của anh. Anh chỉ vào bảng chữ:

“Đúng. Nhờ tình yêu Thiên Chúa. Nhờ ơn phước”.

Phúc đức cho anh, có được niềm tin thiêng liêng ở tôn giáo, để an ủi khi hoạn nạn, cầu xin khi khó khăn, và khi chết cũng sẽ được an bình không sợ hãi. Tôi kính trọng niềm tin của người khác và nghĩ rằng, tôn giáo nào cũng

tốt cả. Tôi có duyên được đọc nhiều kinh Phật, kinh Chúa, ngay từ thời còn nhỏ cho đến bây giờ, nhưng vẫn không có được phước, vì thiếu cái niềm tin thiêng liêng. Tôi kính trọng giáo lý, nhưng không tin vào thiêng liêng. Và cứ nghĩ Phật, Chúa, các Ngài chỉ là những đấng hiền triết, dạy nhân gian sống hiền hòa, sống phải đạo, và tránh làm điều ác, phát huy điều thiện. Rất nhiều bạn bè tôi được an bình sung sướng nhờ “*biết giao tất cả lo lắng cho Chúa, nếu tốt thì là ân sủng Chúa ban, nếu xấu, thì đó là Chúa muốn thử thách*” Có lẽ, anh Phước, với niềm tin đặt nơi Chúa, còn cao hơn một bậc so với các bạn tôi. Tôi nói với anh Phước là tôi rất mừng, thấy anh càng ngày càng được khoẻ mạnh hơn, nếu mai mốt, anh đi được khá hơn, ăn uống được dễ dàng hơn, tôi sẽ đến mời anh đi ăn phở, nói chuyện dóc cho vui. Tôi nói cho vui thôi, chứ biết chắc chắn có ngày nào anh đi ăn cùng tôi được. Bỗng tôi thấy cái miệng anh méo xẹo, run run, hai mắt lim dim, tôi chưa hiểu tại sao. Rồi thấy mắt anh rơm rớm ướt. Có lẽ anh cảm động vì nghe lời tôi nói, vì biết có người còn quan tâm đến anh. Tôi nắm chặt tay anh. Tôi nói đùa:

“Tôi có quen với một bà đẹp lắm, mai mốt tôi làm mai cho anh. Có chịu không?”

Anh cũng nói đùa lại vài lời khôi hài cho vui. Anh viết tiếp rằng, có anh Bửu Hiệp ghé thăm anh. Tôi thấy trên chiếc bàn kê ngang qua bụng, có tập Lá Thư Ái Hữu Công Chánh cũ, số trước, mà tập này đã hoen ố, đổi màu, sờn rách. Có lẽ anh đã chuyển tay, cho nhiều người trong khu này mượn xem. Tôi nói:

“Sao anh chưa có Lá Thư Ái Hữu Công Chánh số mới ra? Số này cũ rồi”

Anh chỉ lên bảng mẫu tự abc:

“Xin anh cho tôi một tập. Tôi thích đọc Lá Thư lắm”

“Lá thư AHCC mới của tôi để ở nhà, tại miền Bắc Cali, không mang theo. Nhưng tôi sẽ email cho anh Chí, để xin gởi lá thư mới cho anh. Chừng một hai tuần anh sẽ nhận được”.

Anh Phước cười gật gật cái đầu, tỏ vẻ vui lắm. Bỗng như sực nhớ điều gì, anh Phước dùng ngón tay khều khều trên bàn, rồi chỉ cho tôi một lá thư viết tay, bảo tôi đọc. Lá thư gởi từ Việt Nam, viết như sau:

“Sài Gòn 01-08-2007

Bác Phước kính quý trong Chúa,

Gia đình Tín Hữu Khiêm Thị Khuyết Tật ở Việt Nam kính gửi đến Bác Phước lời chào trong tình yêu cứu rỗi của Chúa Giê-xu.

Thưa bác, chúng cháu được biết hiện nay bác đang ở trong viện dưỡng lão, mọi sinh hoạt của Bác rất là khó khăn. Nhưng tấm lòng của Bác nghĩ đến những người mù, tật ở Việt Nam làm chúng cháu thật xúc động. Chỉ có tình yêu của Chúa Giê-xu ngự trị trong lòng mới được sự bình an, tươi vui và quan tâm đến người khác phải không Bác? Qua cô Huệ, chúng cháu đã nhận quà của Bác gởi về là ba chục đô-la. Thay mặt cho gia đình Tín Hữu Khiêm Thị, Khuyết Tật ở Việt Nam, chúng cháu chân thành cảm ơn bác Phước thật nhiều. Chúng cháu kính xin phép bác được dùng số tiền 30 đô trên giúp cho chú Long, đang sinh hoạt tại hội Thánh Tin Lành đường Trần Hưng Đạo. Chú bị cụt hai chân, mắt đã mù, không có người thân. Hiện nay, chú Long đang phải điều trị vết miểng bom còn nằm trong lồng ngực, bị trước 1975. Mỗi tháng tốn 1 triệu 2 trăm ngàn đồng tiền thuốc. Hàng ngày, chú đi bằng hai tay để bán vé số kiếm tiền.

Bác Phước ơi, Chúng cháu không tưởng tượng được hết những khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày của của Bác. Không tự ăn uống được, không nói được, cũng như tay chân bác không hoạt động được. Nhưng Chúa cho Bác còn có cặp mắt để nhìn thấy tất cả mọi sự vật, mọi điều mà Chúa đang tế trị, chăm lo cho con cái Ngài. Chúng cháu nguyện cầu xin Chúa luôn yên ủi, nâng đỡ Bác, cho bác thấy những điều kỳ diệu, tươi đẹp mà chính Chúa đã và đang dành cho Bác.

Kính Thư.

Gia Đình Tín Hữu Khiêm Thị Khuyết Tật”.

Lá thư viết tay, chữ xiên của phái nữ, chữ khá đẹp và rõ ràng. Tôi cảm động. Anh Phước nằm đây, cô đơn, khó khăn cùng cực, mà còn nghĩ đến những người tàn tật nghèo khó nơi quê nhà. Anh chưa đủ khổ hay sao?

Đứng bên giường anh Phước nói chuyện vui về một hồi sau tôi cáo từ. Tôi hẹn khi nào về lại miền này, sẽ ghé thăm anh. Anh

Phước nằm đây, cô đơn, xem như không vợ, con thì ở xa, không bà con thân thích đến thăm viếng. Các Ái Hữu Công Chánh nào có biết anh Phước, khi nào về quận Cam chơi, đề ra chừng một tiếng đồng hồ, ghé thăm, an ủi anh Phước, cho anh bớt thấy cô đơn.

Trước 1975, tôi có nghe tên anh Phước qua một người bạn, và có gặp anh một lần năm 1972 khi anh định chuyển vào làm việc tại Tổng Cuộc Phát Triển Gia Cư. Sau đó, đến Mỹ mới gặp lại trong một buổi họp mặt Công Chánh, khi đó anh còn chống gậy đi lại được. Tôi nghe bà chủ nhà, trước kia cho anh thuê phòng, nói rằng anh Phước rất tốt, đàng hoàng, anh chăm sóc cái vườn của nhà bà rất kỹ, trồng nhiều hoa đẹp, chăm bón tưới nước đều đều.



Hôm đó, bà này dẫn một đám anh em Công Chánh chúng tôi đến thăm anh Phước tại viện phục hồi vì chúng tôi không biết đường, mà bà ấy chỉ biết vị trí, mà không biết địa chỉ. Hôm đó, khi gặp nhau, tôi “pha chế” nói với anh Phước:

“Anh Phước ơi, chị này nói anh tốt lắm, chị nói thêm, hôm nào anh cũng quét dọn, tưới nước cái “giường” của chị rất kỹ. Có không?” (Cái vườn, nói theo giọng người Diệc)

Chị chủ nhà của anh Phước đỏ mặt, cười vui vẻ cùng chúng tôi.

Sau khi cáo từ anh Phước, ra ngoài hành lang, tôi thấy một đoàn xe lăn, chừng năm bảy chiếc đi thành hàng. Trên xe lăn, toàn cả những cụ già da vàng mũi xẹp. Tôi chào hỏi đại, bằng tiếng Việt:

“Bác khỏe không Bác?”

Tôi thầm cầu nguyện đừng bị sống lâu. Nếu còn sống, thì được khỏe mạnh cho đến ngày chết. Chết già hay trẻ, không quan trọng./.

“Yếu lắm. Đau nhức hoài”.

“Chúc bác được mau mạnh lại, hết đau đớn”.

“Cám ơn” - Giọng ông cụ thều thào.

Tôi quay qua một bà cụ đang tằm tằm nhai trầu lia lia, giống như mấy anh cầu thủ bóng rổ nhai kẹo cao su:

“Bác khỏe không?”

“Tôi khỏe lắm. Không đau ốm chi cả. Tôi cũng còn mạnh lắm. Chỉ có vì ngã nên đau đầu gối, không đứng được, phải ngồi xe lăn. Cháu tôi đưa tôi vào đây”.

“Bác bao nhiêu tuổi rồi mà còn nhai được trầu?”

“101 tuổi. Khi vào đây, không ai tin. Chỉ khi đưa giấy tờ ra, người ta mới biết thật”.

Tôi giật mình, ôm lấy bà cụ và nói:

“Cháu tưởng Bác chưa được tám mươi.

Làm sao mà bác giữ được trẻ và khỏe mạnh như thế này? Bác có uống thuốc tiên không? Cháu rất hân hạnh được gặp bác, một người đã trên 100 tuổi. Thế thì Bác ở trong này lâu chưa?”

Bà cụ nghe vậy, nhướn miệng cười sung sướng. Mắt nhìn tôi thân thiện.

“Làm chi có thuốc tiên mà uống. Bác mới vào đây mấy tháng thôi. Trước đây, bác ở với một đứa cháu. Mỗi ngày còn nấu ăn cho gia đình nó, và nấu thêm cho hai gia đình của hai đứa cháu khác, buổi chiều đi làm việc về, nó ghé lại lấy cơm”.

“Ồi trời!” - Tôi than - “Sao mấy đứa cháu của Bác bất hiếu thế? Bác trên trăm tuổi rồi, mà còn phải nấu ăn cho chúng, đáng ra, chúng phải nấu cho Bác ăn chứ?”

“Mình còn khỏe mạnh, còn làm được, thì giúp cho con cháu, chúng nó cũng bận lắm, sáng đi làm khi trời còn chưa sáng, tối về cũng đã tối mịt. Có việc mà làm thì cũng vui”

Trên đường về, tôi kể cho vợ nghe chuyện bà cụ 101 tuổi. Vợ tôi nói, có gặp một bà cụ Việt Nam bên đây kia, cụ đã 108 tuổi, cụ bị lẫn rồi, nhưng dễ thương và hiền lành lắm. Cụ nắm lấy tay vợ tôi, áp lên tim bà, để cảm ơn vợ tôi đã thăm hỏi tử tế.

Phở ở San Diego

Trần Đức Hợp

Lời nói đầu :

Phở là món ăn thông dụng và phổ biến hàng ngày của người Việt tại San Diego. Vì thế, có rất nhiều Restaurants đã bán chuyên trị món Phở là chính. Bài viết này sẽ không nói đến các món ăn khác như Bún Bò Huế, Mì Quảng, Hủ Tiếu Nam Vang, Mì Triều Châu, Bún Tôm Cua...

Mỗi dân tộc trên thế giới đều có những món ăn đặc trưng nổi tiếng của họ. Thí dụ như người Mexico có món Taco, người Nhật Bản có món Sushi, người Ý đại lợi có món Spagetti, người Pháp có bánh mì Baguette, người Peru / Chile có món đậu hầm, người Hoa Kỳ có món Hamburger, người Balan có món Khoai tây nghiền, người Tàu có món Mì, người Đại Hàn có món Kim Chi, người Thái Lan có món Tom-Yung-Kung, người Ấn Độ có món Cà ri ...còn người Việt Nam có món Phở...



Angela bên quầy Cashier, Phở King San Diego.

Lựa chọn một tiệm phở :

Đây là tiêu chuẩn chung cho khắp mọi nơi, không giới hạn chỉ riêng cho vùng San Diego mà thôi :

1. Chất lượng của bát Phở: tô phở phải thơm ngon, trong trẻo, không bị đục, lắng cặn, xứng đáng đồng tiền bát gạo.
2. Sự phục vụ của nhà hàng: nhanh, gọn, chính xác, lịch sự, vui vẻ, và đầy đủ.
3. Khung cảnh của nhà hàng : Chỗ đậu xe rộng rãi, an toàn, đầy đủ cho mọi người đậu xe, không phải di chuyển quá xa, hay chờ đợi quá lâu, dễ bị va chạm, trầy xước, đụng chạm xe khác. Bên trong nhà hàng thì chỗ ngồi thoải mái, sạch sẽ, phân trang trí trong nhà hàng có mỹ thuật, không luộm thuộm, bừa bãi, cẩu thả, tả pí lù...Ngoài ra ...
4. Phòng vệ sinh phải sạch sẽ, thoáng mát, không phải là nhà kho chứa đồ hoặc dụng cụ của nhà bếp, và được dọn dẹp thường xuyên
5. Giá cả : phải chăng (giao động từ \$4.5 USD đến \$6.65 USD cho mỗi tô phở loại to ở San Diego), không quá cao, đại đa số quần chúng lao động đều có thể tham dự dễ dàng và thoải mái. Thường thì những nơi phải trả tiền thuê mướn nhà cao sẽ phải trả giá tô phở cao hơn bình thường, nhưng bù lại nơi đó sang trọng hơn, đẹp đẽ hơn, và an toàn hơn.

Bí quyết để thưởng thức được một tô phở ngon lành :

1. Bánh phở: từ bánh phở khô, ta ngâm nước lạnh, và trụng trong nồi nước đang sôi, dùng đũa đánh toí ra, cho đến khi bánh phở chín đều, thì đổ ra rổ, và xả bằng vòi nước lạnh cho bánh phở săn chắc lại, không bị dính cục lại.
2. Chuẩn bị các loại rau thơm như húng quế, ngò gai, giá sống, tương đen ăn phở, ớt tươi, và chanh tươi.
3. Nước phở: phải thơm ngon, trong trẻo, béo vừa, nhưng không được quá béo, có

sức hấp dẫn khẩu vị, và tỷ lệ khách tiêu thụ khi bát phở đem ra từ trong nhà bếp.

4. Các loại thịt trên tô phở như: tái, chín, nạm, vè, dòn, gân, sách, bò viên và các loại hành ngò, rau răm trên mặt tạo màu sắc và sự hấp dẫn hơn của tô phở.



Bên trong tiệm Phở 79-Hazard, Orange County, California.

Cách nấu nôi phở :

Dùng nôi nấu cao để nước phở không bị tràn ra khi quá sôi. Xương đuôi bò và xương ống (chân bò) được lựa chọn tươi, không quá cũ, thịt có màu đỏ tươi, không phải đỏ bầm, hay tái xám mà sẽ làm cho nước phở không thơm ngon và nhiều cặn đục ...

Mở lửa lớn, cho đến khi nước sôi và khi những váng bọt đen, nâu nổi lên thì ta hớt bọt ra liên tục, cho đến hết thì thôi. Kế đó vặn lửa nhỏ lại, và bắt đầu đổ bột nêm phở (đựng trong hộp có đục nhiều lỗ nhỏ, bằng chất thép không rỉ sét) vào nôi nấu phở đã pha trộn và nghiền nhỏ sẵn (thành phần gồm có: đại hồi, tiểu hồi, quế chi, đinh hương...), gừng nướng, và hành tây nướng để cho thêm phần thơm ngon hơn. Muối ăn cũng được nêm nêm cho tăng độ mặn, cho vừa miệng, nhưng không được quá mặn, rất khó chữa. Ở các tiệm phở, vì đa số nấu bằng xương ống bò, nên thời gian nấu khá lâu, từ 8-10 tiếng liên tục cho rục những chất tủy trong ống xương. Nấu phở ở nhà, ta có thể nấu bằng đuôi bò, tuy khá mắc tiền (\$3 USD / lb) nhưng bảo đảm sẽ ngon ngọt hơn và có chất lượng

cao hơn ở tiệm, vì độ ngọt là do hỗn hợp của nồng độ đậm đặc của amino acids, các chất béo từ trong tủy xương, chất calcium từ xương, và từ các gia vị của bột nấu phở, các chất tinh dầu từ các loại rau thơm, gia vị, hành ngò, tạo ra tô phở hấp dẫn, thơm ngon và bổ dưỡng. Một miếng chanh tươi vắt vào tô phở sẽ có mục đích làm dịu bớt độ mặn của nước phở. Nước “Soup” của một tô phở ngon khi đưa vào miệng sẽ được những tế bào vị giác của lưỡi cảm nhận nhanh chóng và nước bọt từ tuyến nước bọt sẽ tự động trào ra với phản xạ tự nhiên. Sự đậm đà của nước phở là do nồng độ đậm đặc của hỗn hợp những loại amino acid khác nhau mà ra (trong Sinh-Hóa người ta phân loại và biết có khoảng 19 loại amino acids khác nhau), ta không nên dùng bột ngọt / MSG (Mono Sodium Glutamat) làm cho vị của nước phở có sự ngọt lợ lợ, không phải ngọt dịu, các bạn cứ nếm thử vài lần để so sánh và cảm nhận được sự khác biệt của một tô phở ngon hay không ngon rất dễ dàng, và đơn giản.

Sau khi nôi phở nấu để nguội, các nhà hàng sẽ để nguyên thùng phở này trong tủ lạnh và để qua đêm, và họ sẽ vớt hết các váng mỡ trắng-vàng nổi lên mặt của thùng phở, cho bớt chất béo làm tăng sự tích tụ của Cholesterol, gây ra sự béo phì của cơ thể.

Ngoài ra, để tăng vị đậm đà của nước phở (tăng nồng độ của amino acids) ta có thể dùng thịt bò nạc, giá cả rẻ hơn so với đuôi bò, cho dù nấu bằng xương đuôi bò là ngon nhất, bỏ thêm trực



Bên trong một tiệm ăn VN ở Nice, Cote d'azur, Nam nước Pháp, 6-2007.

tiếp trong nồi phở, và nêm nếm thêm bằng những loại nước mắm ngon để tăng thêm độ đậm từ chất cá trong nước mắm.

Nhà văn Nguyễn Tuân đã viết một bài độc đáo về phở trước thời tiền chiến 1945. Ông đã ca ngợi hết mình về phở, và bài viết này đã đi vào văn học dân gian về văn hóa ẩm thực của dân Việt từ ngày đó.

Giá trị kinh tế khi mở tiệm phở :

Để nấu một nồi phở ngon thì không khó lắm nhưng để đạt được hiệu quả Kinh Tế cao, và giữ được những khách hàng sành ăn phở trở lại thường xuyên là điều cần phải tính toán và cân nhắc kỹ lưỡng. Bằng phương pháp Hóa Phân Tích (Phương pháp Kjendall) ta có thể biết được nồng độ đậm / Protein trong nước phở (được tính bằng Gram N / Lít) như tác giả đã phân chất hàng ngàn mẫu nước mắm tại phòng Sinh Hóa thuộc Viện Pasteur Sài Gòn với Bác Sĩ Ngô Bá Thành (1928-1996) trong việc nghiên cứu, phân chất, và thử nghiệm “Chế Biến Nước Mắm Ngăn Ngày”.

Nếu đạt được phẩm chất cao nhất (lượng đậm và độ béo đã bão hòa / saturated fat), nhưng giá bán mỗi tô không cao hơn \$6.65 USD thì phải có giao điểm của đường biểu diễn như đã được nghiên cứu và phân chất về lượng đậm và lợi nhuận. Người ta có thể tìm được một công thức để dung hòa cho khách hàng cũng như nhà đầu tư (chủ tiệm phở) để hai bên đều có lợi (win-win situation). Người ăn được thưởng thức một tô phở thơm ngon với giá cả phải chăng, và người chủ tiệm cũng được hưởng lợi nhuận do công sức đầu tư bỏ ra để điều hành tiệm phở, và sự yêu mến của khách hàng khi thưởng thức một tô phở ngon.

Mẹ tôi thường có một câu dí dỏm mà các anh, chị, em trong gia đình tôi thường hay nhắc đến: “Bà già này thả ăn đồ ngon, còn hơn ăn đồ dở “

Qua kinh nghiệm sống và ăn uống , người ta thường vào những quán ăn đang đông khách vì khách hàng đã biết tiếng và trở lại. Không nên

vào những tiệm đang ế ẩm vì khách sành ăn không trở lại và nhà hàng hay sử dụng lại những thức ăn đã cũ, để lâu, còn dư của những ngày hôm trước, do đó thức ăn sẽ kém phẩm chất và dễ bị trúng độc do sự phân hủy hay thoái hoá của thịt, cá để lâu.

Tuy nhiên, khách hàng nên có sự hiểu biết và thông cảm cho những nhà hàng có giá cả khá cao hơn bình thường vì chất lượng của sản phẩm nơi đây cao hơn những nơi khác. Người ta thường nói “của rẻ là của ôi” hay là câu “tiền nào của ấy”, ta không nên chỉ muốn ăn ngon, nhưng lại không bằng lòng trả tiền hợp lý (không logical).



Anh Nguyễn Tiến Dũng, Phở 79 Hazard

Các tiệm phở chính ở San Diego :

Tuy không cách xa Little Saigon lắm, nhưng San Diego đã có rất nhiều tiệm phở rải rác khắp nơi.

Vùng East San Diego: các tiệm phở đã tập trung hầu hết trên đường El Cajon, như phở Vân, phở King, phở Hòa, phở Ca dao 01, phở Cali (Mission Valley), phở Vinh (Chula Vista), phở Vạn Hòa (đường 54 và University), phở Saigon ...

Vùng Mira Mesa: phở Hòa Cali 01, phở Lucky, phở Tự do (Clairemont Mesa), phở Bolsa, phở Ca Dao 02, phở Việt ...

Vùng Linda Vista: phở Hòa Linda Vista, phở Hòa Hiệp ...

Vùng Escondido: phở Hồng Cali, phở Hòa Cali 02 (Bernado), phở Saigon Express, phở Van Lang (East Vista Way), Mr Pho (Oceanside) ...

Lời kết:

Phở là món ăn thông dụng và phổ biến, giá cả phải chăng, giàu chất dinh dưỡng, có đủ tổng hợp cả chất đạm (Protein) từ thịt bò, chất đường bột (Carbon-Hydrat) từ bánh phở, chất béo (Lipids) từ tủy xương, rau, chất xơ (Cellulose) từ rau, giá sống, chất khoáng như Calcium, Kalium từ xương, Vitamin C từ chanh, và đầy đủ những gia vị kích thích vị khác.

Ngày nay các dân tộc khác như Mexico, Tàu, Đại Hàn, Phi Luật Tân, cũng đã thăm viếng các tiệm phở của Việt Nam thường xuyên và đều đặn. Người dân Mỹ trắng vẫn còn khá ngại ngùng trong việc ăn phở nếu không có các bạn gốc Việt đi chung trong việc ăn trưa mà thôi.

Ngày xưa ông bà ta đã có câu: “Sống là một nghệ thuật, ăn cũng là một nghệ thuật, thưởng thức một tô phở đúng cách cũng là một nghệ thuật...”

Đây là một thú vị trong cuộc sống mà rất nhiều người coi thường hay không biết đến. Chỉ có những người có kinh nghiệm sống cao, hay đã từng trải qua những thử thách khắc nghiệt trong cuộc sống, họ sẽ nhận ra dễ dàng, và yêu mến cuộc sống hơn.

Ăn là đệ nhất khoái trong “Tứ khoái” của loài người ngoài sự ngủ, yêu, và xả xú bấp qua cửa đại tràng. Oh... Phở...Phở...Phở... !!!

Bài viết này có sự đóng góp và bổ xung của anh Nguyễn Tiến Dũng, Phở 79 Hazard, Orange County, Khóa 13 Thủy Lâm, Đại Học Nông Nghiệp Sài Gòn, và cô Nguyễn Kim Mai,

Kỹ sư Caltrans District 07, Los Angeles. Xin cảm ơn hai bạn.



Bên trong tiệm Phở King, San Diego 7-2007.



Bên ngoài một tiệm ăn Việt Nam ở London, United Kingdom (U K), tháng 6-2007.

Ghi chú: Hiện nay các loại hành, ngò, rau thơm, ngò om đều được trồng và phát triển to lớn về trọng lượng (lá to bản, mọc nhanh chóng trong những nhà kiếng / Green-house), nhưng ngược lại chất lượng (mùi thơm, sự nồng ngát của lượng tinh dầu nằm dưới lá) bị giảm sút và thoái hóa trầm trọng. Nhiều chuyên gia Nông Nghiệp cho biết sự tưới phun, tạo ẩm độ cao (Saturated) trong nhà kiếng và xử dụng các loại phân bón và chất kích thích giúp sự phát triển và tăng trưởng nhanh chóng đều ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm. Do đó, mùi thơm của các loại hành, ngò, rau thơm, ngò gai bị giảm sút trầm trọng. Đây là điều chúng ta phải nghiên cứu, và tìm hiểu tường tận để tăng thêm hương vị đậm đà cho một tô phở thơm ngon.

Một Chiều Trên Bến Phà ...

Thiên Hương

Tôi đến bến phà đã xế chiều. Trời không nắng, chút mây xám âm u. Người trên bến cũng không đông lắm, mười chiếc xe nối đuôi nhau đợi phà. Một đứa bé khoảng năm bảy tuổi chạy đến với chai nước trong tay... “Cô ơi, mua nước dùm cháu đi cô”. Tôi nhìn chai nước nhãn sòn rách, bám bụi khê lắc đầu. Thằng bé nài nỉ: “Cô, mua hộ cháu đi cô, mấy ngày rồi cháu chưa bán được chai nào”. Tôi ái ngại hỏi: “Cháu mấy tuổi rồi”... “Dạ, cháu mười hai ... Cô mua nước đi cô, cháu bán rẻ cho cô”, thằng bé lại nài nỉ, ánh mắt chờ đợi đến nao lòng, tuổi mười hai mà nó bé loét cha loét choắt.

Muốn cho nó ít tiền, nhưng tất cả hành lý, tiền bạc đã bỏ trong cốp xe. Lúc đón ở phi trường, anh lái xe đã cẩn thận sắp xếp hết đồ đạc vào cốp, lại bảo tôi bỏ tất cả giấy tờ, tiền bạc vào

va ly: “Tí nữa đi qua phà chị phải ra khỏi xe, cất mọi thứ vào trong cốp xe an toàn hơn”. Trong tay tôi chỉ có cái bánh mật mà anh lái xe vừa đưa cho lúc xuống xe với lời dặn dò: “Chị ăn chiếc bánh này đi, mua ở cửa hàng ngon nhất Hải Dương đó”. Nhìn chiếc bánh gói khéo thật, chắc là phải ngon rồi, Hải Dương lại là nơi

nổi tiếng. Tôi đưa cho đứa bé. Thằng bé nhìn chiếc bánh ngần ngại... Tôi giải thích: “Cô muốn mua nước cho cháu nhưng cô không có đồng nào, cháu ăn hộ cô cái bánh này vậy”. Nó sững sờ hỏi: “Bánh ngon vậy mà cô không ăn thật hả cô”. Tôi cười lắc đầu, nó mừng rỡ cầm chiếc bánh, nhảy chân sáo chạy biến. Phà vẫn chưa đến...

Tôi còn đang loay quanh trên bến thì thằng bé đã dắt lại một con bé khoảng 3, 4 tuổi ... Hai anh em vừa chạy xong, mặt đứa nào đứa nấy đỏ gay, thằng bé vừa thở vừa nói: “Em con đây cô”... “Em cảm ơn cô đi, cô cho bánh này”. Con bé vòng tay cảm ơn, tôi ngượng quá, chỉ có một cái bánh... Thằng bé bóc chiếc bánh cầm cho em cắn, con bé ăn ngon lành. Thằng

bé nhìn em như uống lấy từng miếng nhai và nuốt của con bé. Con bé ăn từ từ, chốc lại đẩy chiếc bánh về phía anh, thằng bé cắn một miếng rất nhỏ, rồi lại dứt cho em. Lúc con bé nhai, cái



© Miguel Cruz, <http://travel.u.nu>

miếng thằng bé cũng nhóp nhép như nó cũng đang nhai vậy, và lúc con bé nuốt miếng bánh, nó cũng nuốt theo. Chúng nó ăn từng miếng, từng miếng ... thật ngon lành ... thật chậm rãi cho đến lúc hết, còn cẩn thận chia nhau liếm sạch những miếng bột nhỏ dính trên lá, cảm ơn tôi rồi mới chạy đi. Nhìn cách thằng bé chăm

chút cho em, nhìn ánh mắt nó nhìn em, thương thức cái ngon của miếng bánh qua tiếng nhai của con bé, mới tí tuổi mà nó đã như một người anh cả nhịn ăn nhịn mặc lo cho đứa em bé bỏng. Hai đứa đã chạy đi, phà đến, tôi lên phà và thấy mọi người nhìn mình lạ lẫm. Thì ra khuôn mặt tôi đã ràn rụa nước mắt...

Tuần sau trở về, tôi tìm thằng bé không thấy. Bà cụ hàng nước hỏi: “Thằng Lâm bán nước phải không cô, hôm nay mẹ nó bệnh, nó ở nhà. Tội nghiệp, bỏ đi làm mỏ lấy vợ khác, bỏ ba mẹ con, nó phải phụ mẹ lo cho em”.

Tôi ngần ngại rồi đưa bà cụ món tiền nhỏ ... “Bác ơi, con nhờ bác đưa cho thằng bé ít tiền này hộ con”. Anh lái xe ngoắt tôi: “Chị đưa thế, biết bà ấy có chuyên không”.

Tôi nói nhỏ: “Không sao, nếu bà ấy chuyên được thì tốt, còn không thì coi như giúp bà cụ vậy”. Anh lái xe lắc đầu ... “Sao chị cứ hay tin người ta”. Tôi chỉ biết cười lồi vội anh đi ... “Anh nói khẽ chứ, bà cụ nghe thấy tội cụ ấy”.

Mấy tháng sau, tôi lại có dịp qua bến, vừa thấy tôi, bà cụ liền gửi hàng cho bà bên cạnh rồi tắt tả chạy đi. Một lúc sau, bà cụ và hai anh em thằng bé vội vã chạy ra... “Cám ơn cô đi, cô hôm trước cho tiền hai anh em đó”. Thế là ríu rít: “Cô, hôm đó có tiền cháu mua thuốc cho mẹ, mua gạo nấu cơm ăn... Cháu cám ơn cô”. Các bà hàng cũng mỗi bà một câu cám ơn, tất cả như một gia đình vậy và làm như món tiền đó lớn lắm vậy. Tôi ngại ngần nhận lời cám ơn, và nghĩ đến xứ sở nơi tôi đang ở, ở nơi ấy giàu có quá, nhưng ra đường, nhìn nhau sao ai nhìn nhau cũng như người lạ. Hàng xóm cả năm gặp nhau “hello” một tiếng, mặt lạnh tanh, đóng cửa, tắt đèn chẳng biết ai vào với ai. Hình như càng nghèo, cái tình hàng xóm lân bang càng ấm áp. Hình như càng nghèo người ta lại càng đùm bọc, cứu mang và yêu thương nhau hơn... Tiền của giàu lên, con người lại càng đối với nhau lợt lạt. Rung rung, tôi nhìn những người bán hàng lam lũ, hình như họ đã là những người thân quen từ lâu lắm, còn hai đứa

bé, chúng nó đang nắm lấy tay tôi, những ngón tay nhỏ, ấm áp và tin cậy.

Sau chuyến đi đó, con đường Hà Nội - Quảng Ninh đã làm xong, tôi không còn dịp nào qua bến phà ấy nữa, nhưng những con người ấy, những đứa bé ấy ... làm sao quên ...

Mười mấy năm qua, hai đứa bé ấy giờ ra sao... Và bà cụ hàng nước, những người bán hàng thuở ấy, họ đã ra sao... Cuộc sống của họ có may mắn hơn không khi bến phà chắc vắng khách đi nhiều lắm... Chỉ biết cầu mong... chỉ biết cầu mong những điều tốt đẹp đến cho những người đã sinh sống nhờ vào cái bến phà ấy... Tôi chỉ có thể cầu mong thế thôi.



Thu Khúc Mười Một

*Tôi gửi cho em chút mây hồng buổi sớm
Tôi gửi cho em chút giọt nắng thơm lan
Tôi gửi cho em một chút gió trưa hè
Và nhẹ nhẹ tiếng à ơi dịu ngọt*

*Ngủ đi em, ngủ đi đừng thao thức
Đừng vỗ vâng theo nhịp bước thời gian
Đừng lang thang trên cát biển chiều vàng
Và đừng bước một mình trong chiều vắng*

*Hãy hát với tôi trong mùa thu ít nắng
Hãy cứ yêu người như yêu cỏ yêu hoa
Hãy mở rộng trái tim đến với mọi người
Để cuộc sống luôn thơm mùi hoa lá*

(Thiên Hương)



Hành hương chiêm bái Tứ Đại Danh Sơn Trung Quốc

Minh Ngô Nguyễn thái Hai

Chúng tôi tháp tùng đoàn hành hương gồm 72 người trong đó có 9 từ Hoa Kỳ và 2 từ Việt Nam do Đại Đức Thích Nguyên Tạng, thuộc tu viện Quảng Đức, tại Melbourne, Úc Châu (www.quangduc.com) tổ chức từ 21/10 đến 8/11/2007 đi chiêm bái Tứ Đại Danh Sơn, một số chùa nổi tiếng khác và Bắc Kinh.

Theo thiện ý thì mục đích, hay rõ hơn là tinh thần, của việc đi du lịch và hành hương có phần khác nhau. Đi du lịch là để thưởng thức cái mới lạ và để mở rộng kiến thức. Ngoài các điều trên, ước nguyện của người đi hành hương là được đến chiêm bái, được tai nghe mắt thấy khung cảnh thánh địa để củng cố và phát huy thêm niềm tin, và biết đâu gặp thiện duyên được đón ngộ không chừng. Niềm tin là điều rất tế nhị và dễ bị xúc phạm khi ta bàn luận về quan niệm sống. Những ngỡ ngàng, xúc cảm, ngưỡng mộ khó quên, về đủ thứ trong mấy ngày đầu, giảm dần khi tôi biết rằng chính quyền Trung quốc đã nhúng tay vào khi trùng tu hoặc xây cất mới phần nào những thánh địa này để thu hút khách du lịch; sự hiểu biết của các hướng dẫn viên trẻ địa phương về lịch sử Phật giáo Trung Quốc đầy truyền thuyết có thể không phản ánh đầy đủ tinh thần tu tập của người xưa, v.v... Phần khác sự hiểu biết về Phật giáo của tôi rất nông cạn, thời gian chiêm bái một số nơi rất là hạn hẹp, sự ghi chép vội vàng, tiếng được tiếng mất do nặng tai nên sự ghi lại đề tài trở nên phức tạp và tế nhị hơn là tôi tưởng lúc ban đầu. Nhưng nhờ trong chuyến hành hương này tôi đã học được điều sau: sự hiểu biết của mọi người đều có giới hạn, đường tu tập gồm vạn nẻo và đầy gồ ghề chông gai, ta cứ nắm bắt lấy những gì thích hợp để tiếp tục hành trì và gạt bỏ hay tạm gác qua bên những gì không phù hợp — chứ không phải là sai. Do đó tôi nghĩ nếu không ghi lại sẽ quên mất, khi cần suy ngẫm lại thì không có nên cứ ghi lại

những gì theo cảm nghĩ của mình mặc dầu biết là có nhiều sai sót nhằm lẫn mong được quý vị hoan hỉ thông cảm

TỨ ĐẠI DANH SƠN.

PHỔ ĐÀ SƠN (PUTUOSHAN): đạo tràng của Quán Thế Âm Bồ Tát

Phổ Đà Sơn có rất nhiều chùa, nằm trên đảo lớn nhất trong quần thể đảo nằm trong vịnh phía Nam Thượng Hải và gần Hàng Châu. Từ thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, đến đảo phải dùng phà cao tốc khoảng một giờ hải hành nhưng biển thường lặng sóng. Đường lên đỉnh núi rất tốt, sạch sẽ, có nhiều đường rẽ nhỏ dẫn lên những chùa lớn nổi tiếng về nét kiến trúc thuộc các đời nhà Minh và Thanh, và rất nhiều chùa nhỏ rải rác xung quanh núi, phong cảnh hai bên đường đẹp đẽ, nhất là đoạn qua rừng Tử Trúc với loại trúc đen. Trên một sân rất rộng ta thấy một cổng tam quan — không giống như cổng ở Việt Nam — cao to đồ sộ bằng đá xanh chạm trổ công phu. Từ đó nhìn lên đỉnh



núi một tượng Quán Thế Âm Bồ Tát (QTÂBT) cao 18m bằng đồng màu vàng óng ánh sừng sững giữa nền trời trong xanh. Vì ngại gió biển làm hư hỏng lớp đồng nên tượng đã được tráng phủ một lớp vàng dày khoảng 4 mm với hy vọng giữ được màu vàng mãi mãi. Qua mấy tầng sân và bậc thang chúng tôi lên một thượng đài rộng lớn với đại lư nhang đồng đen tỏa đầy



hương khói trước một giàn sắt đầy sập đủ cỡ đang cháy dờ dang. Vì gió, sập chảy tùm lum và rớt xuống một bể chứa nước, gấn sấn vào giàn sắt, nên sập được vớt ra dùng lại dễ dàng và sạch sẽ. Lư nhang và giàn sập được dùng tại hầu hết các chùa tại Trung Quốc. Phía trước và hai bên thượng đài này là 4 bức tượng hộ pháp bằng đá cao lớn với mặt mũi, áo mào được chạm trổ sắc sảo tinh vi và từ đó lên đến đỉnh đầu tượng là 32m. Kích thước này tượng trưng cho 32 tướng hóa thân của QTÁBT cũng như chiều cao 18 m nói trên tượng trưng cho 18 A la hán. Hai bên hông đài là hai dãy hành lang, mặt trước trống, mặt sau là tường với những bức tranh bằng đá xanh chạm trổ những cảnh sinh hoạt và tiến trình tu tập của đức Phật Thích Ca. Có thể nói những bức tranh này đều là những tác phẩm điêu khắc tuyệt vời sống động không khác gì những họa phẩm, nơi thì những hình tượng Phật lớn gần bằng hình người, nơi thì hàng loạt các tăng sĩ lớn nhỏ diễn tả rõ ràng những động tác mà nghệ nhân muốn trình bày. Tiếc một điều là có nhiều phần đã bị các bàn tay của khách đã sờ mó làm đổi qua màu đen láng bóng. Nếu tập quán này không được chấn chỉnh những công trình nghệ thuật này sẽ ra sao? Sau lưng tượng QTÁBT là hai bức tường đá màu đen được khắc chữ sơn nhũ vàng, ghi danh sách những Phật tử mạnh thường quân đã cúng dường để xây dựng công trình này trước khi khởi công. Sau hai bức tường này là một tường khác cao hơn ghi danh sách Phật tử đóng góp từng năm và tường này còn một khoảng trống rất rộng dành cho danh sách tương lai. Trên thượng đài này còn có một

đài nhỏ hơn có gắn 4 chữ Hán bằng đồng lớn, trên đài đó là đài sen và tượng QTÁBT uy nghi, gương mặt dịu dàng vui tươi hướng ra biển, bàn tay mặt hướng lên trời, bàn tay trái để ngang trước ngực. Dưới tượng QTÁBT là điện thờ Phật Thích Ca đứng hướng ra phía trước sân thượng đài. Tượng Phật Thích Ca được đặt trong một vách vòng cung mặt trong chạm nổi, phần vách ngoài là những bức tranh bằng gỗ gắn vào vòng cung, chạm trổ những hình ảnh về cảnh Phật. Trần phòng được trang trí thật đẹp.

Giữa vòng cung và vách ngoài là một vòng 8 cột tròn lớn chống đỡ đài tượng QTÁBT ở trên. Công trình này mới được xây dựng 9 năm nay, và được UNESCO công nhận là di tích lịch sử thế giới vào năm 2005. Cũng từ ngày tượng được đặt tại đây ngư dân địa phương nhận thấy ngư trường này được sóng yên biển lặng không còn phải chịu cảnh giông tố bão táp như xưa nay.

Truyền thuyết kể rằng vào năm 915 Tây lịch có một chú tiểu Nhật Bản qua Trung Quốc tu tập. Trong bao năm tu tập chú tiểu để tâm và rất thích một tượng QTÁBT nhỏ. Lúc gần về Nhật, chú tiểu nay đã trở thành nhà sư Huệ Ngã xin đem pho tượng nhỏ này về, nhưng phương trượng từ chối không cho. Vì quá thích nhà sư quyết định trộm pho tượng quý này về Nhật mặc dầu biết đó là phạm giới luật. Sau mấy ngày thuận buồm xuôi gió khi đến vùng này chiếc ghe cứ luẩn quẩn đi xoay vòng trên biển không làm sao tiến ra khơi được. Nhà sư nghĩ đây là hậu quả của việc trộm tượng, liền quỳ xuống và khẩn nguyện QTÁBT nếu ngài không chấp thuận việc đem pho tượng về Nhật thì cứ giữ ghe lại và nếu cảm thông mong ước của người thì cho thuận buồm xuôi gió. Kết quả là ghe vẫn không vượt ra khỏi vùng biển này, nhà sư Huệ Ngã bèn lên bờ và thiết lập một am thờ pho tượng nhỏ này gần một cái hồ nhỏ khá sâu khi thủy triều lên sóng vỗ mạnh phát ra những âm vang dội mạnh mà dân địa phương rất sùng bái. Nơi cái am nhỏ xưa, nay đã được xây một điện khang trang thờ QTÁBT và pho tượng nhỏ quý đó đã bị đánh cắp từ lâu. Căn điện này có

nhiều tên như là Đại Trượng Phu Điện nói lên tượng hóa thân nam của Ngài, Phạm Âm Điện, kết hợp chữ phạm là dạy dỗ với âm vang của sóng, để khuyên răn Phật tử tránh những hành vi phạm giới. Ngay vách tường bên phải trước cửa điện có một bức điêu khắc rất sắc sảo bằng đá xanh với một chú tiểu cầm pho tượng nhỏ, một nhà sư chấp tay đứng bên bàn thờ QTÂBT, một chiếc thuyền với buồm căng gió và núi Phú sĩ với ý nghĩa gốc Nhật của nhà sư. Dọc theo đường ra là một hành lang trưng bày, sau vách kiếng, 32 bức điêu khắc bằng đá xanh các hình tượng hóa thân của QTÂBT. Trên đường đến Phở Đà Sơn có một đoạn ta có thể nhìn thấy. Đứng tại Phạm Âm Điện nhìn sẽ ngoài biển khơi có một dãy núi có hình dáng QTÂBT nằm trên mặt biển rõ hơn có thể thấy cả hàng lông mày và lông mi.



Nói về QTÂBT chúng ta cần biết Phở Tế Tự cũng tại Phở Đà Sơn, Chùa này có pho tượng thờ Đại Trượng Phu Quán Thế Âm Bồ Tát. Gọi là Đại Trượng Phu vì tượng có dạng nam trang. Vào thời ấy phụ nữ không muốn đề tượng Phật nam giới trong nhà nên sau đó mới đổi ra hình nữ. Một ngàn năm về trước tại đây chỉ có một am nhỏ bằng tranh của Phở Tế Đại Sư, tuy vậy vị đại sư đã tế độ được rất nhiều người. Tiếng lành đồn xa, mặc dầu phương tiện di chuyển lúc ấy rất khó khăn nhưng rất nhiều người đem lễ vật đến cúng kiến. Có một thương gia họ Mã, cùng với một đứa con trai, đem một cặp đèn sáp lớn đến cúng và cầu xin chư Phật phù hộ để kiếm được nhiều tiền. Bất ngờ không rõ lý do, cặp đèn sáp đó được đem cất trước khi cháy hết. Người thương gia buồn và nghĩ xấu rằng

chùa đã làm tiền bằng cách lấy đèn cất trước để bán lại cho những Phật tử khác, nên đã đem đứa bé ra về trước và đứa bé đã bị chết ở dọc đường. Người thương gia bèn mua quan tài để đem thi hài con về quê an táng. Nào ngờ khi về đến nhà thì đứa con trai đó lại chạy ra đón cha. Ông ta bèn cho cạy nắp quan tài ra thì thấy cặp đèn sáp cháy dở đang nằm gọn gàng trong quan tài. Hối hận về suy nghĩ bất tín của mình ông ta bèn cúng một số tiền lớn để xây cất một ngôi chùa lớn hơn với tên Pháp Giới Tràng Sanh. Ngôi chùa hiện nay là do vua Khang Hy xây dựng, và vua Càn Long đã cho in tập Đại Tạng Kinh. Mỗi di tích mà chúng tôi được chiêm bái đều có giá trị riêng, nhưng ngoài giá trị về tín ngưỡng, mỹ thuật và nghệ thuật tôi thích nhất là vật liệu kiến trúc tại Phở Đà Sơn. Tất cả từ tường vách, tượng thờ với những chạm trổ tinh vi, đến sân đài, lan can, lối đi với các hoa văn sơ sãi của những nhà điêu khắc, đều bằng một loại đá xanh một màu đơn giản. Điều này sẽ làm công trình giữ được nét sắc sảo lâu dài hơn và việc duy trì tu bổ dễ dàng hơn rất nhiều so với các sự tô vôi và sơn phết lòe loẹt như các chùa khác.

CỬU HOA SƠN (JIUHUASHAN): đạo tràng của Bồ Tát Địa Tạng Vương.

Cửu Hoa Sơn nằm về hướng Tây Bắc Thượng Hải, thuộc tỉnh An Huy. Ngọn núi này gồm có 9 đỉnh nhỏ bao quanh một vùng bằng phẳng: thị trấn Cửu Hoa Sơn với cao độ 600m. Thi sĩ Lý Bạch đời Đường đã đặt tên Cửu Hoa Sơn với ý nghĩa: thị trấn với những nhà tường trắng mái ngói đỏ là nhụy bông sen, 9 núi nhỏ có cái vách đứng, có cái hơi ngả ra ngoài là những cánh sen. Phong cảnh lên núi tuyệt đẹp với những rừng tre, rừng thông xanh tươi quanh năm. Đường lên núi rất tốt nhưng quanh co thật gắt vì núi nhỏ và vách thật dốc với nhiều thung lũng nhỏ dọc theo sườn núi, có thể nói là phần trên cao không có đoạn đường thẳng nào dài hơn 10m. Nhờ tre ở đây mọc rời rạc từng cây một, thẳng đứng với các nhánh nhỏ gần trên ngọn nên tôi đã nhìn thấy vài nơi 3 tầng đường, nói lên sự quanh co và khúc khuỷu của khoảng đường này. Tuy nhiên sự lưu thông được an toàn nhờ hệ thống gương vòm đặt tại những

khúc quanh gắt báo hiệu cho tài xế biết khi có xe ngược chiều.



Đứng trước khách sạn nhìn lên thấy trên cao có những vách đá lớn, thẳng đứng màu trắng xám phẳng phất vài đốm cây xanh, có những vách núi xanh ẩn hiện trong những tầng mây trắng lơ lững trôi, có những chùa sơn trắng, vàng, nâu nổi bật trên vách núi xanh rì, có chùa lấp ló dưới tàng cây, có vách đá cao vọt vọt gồm nhiều tầng đá đơn độc cao cả chục thước, có những hòn lớn và cao chông lên nhau, có những cây tùng cổ thụ thân thẳng đứng với tàn rộng lớn mọc cheo leo ngang vách đá, có cây sừng sững một mình độc chiếm mỏm đá, có chùa hiên ngang ngạo nghễ trên các đỉnh núi mà chúng tôi không thể viếng thăm. Có một vách núi thật đặc biệt trông tưởng như một vách thẳng đứng nếu không có hai chùa, một sơn xanh một vàng chen vào lưng chừng vách và một ngôi chùa trắng nằm giữa kệt hai vách đá trên đỉnh núi mà sau khi lên chiêm bái tôi mới biết chùa sơn xanh là Địa Tạng Tự và không thể hình dung được xưa kia làm sao mà họ xây cất được những chùa này. Cảnh trí này làm ta thán phục sự tu hành của các tăng sĩ Trung Hoa và xin sám hối khi nghĩ sự tu hành của giới tăng ni của ta ngày nay có vẻ quá thế tục. Vòm trời hơi có mây không được trong sáng nhưng không còn cảnh mù mịt ô nhiễm quá độ không phải chỉ tại các thành phố mà ngay cả tại các vùng ruộng nương. Thời tiết ẩm áp thoải mái. Cảnh trí uy nghi hùng vĩ của núi rừng, của chùa chiền nhưng yên bình, thoát tục của cư dân địa phương làm cho ta có cảm giác

như đã lạc vào tiên cảnh như Lưu Nguyễn ngày xưa. Chúng tôi chỉ chiêm bái được 3 chùa chính là chùa Hóa Thành, Bách Tuế Cung và Nhục Thân Điện.

Chùa Hóa Thành, còn được gọi là Địa Tạng Tự, nơi tu tập của Thánh Tăng Kim Kiều Giác, người Triều Tiên, thọ 99 tuổi, vốn được xem là hóa thân của Bồ Tát Địa Tạng tại Cửu Hoa Sơn. Phải dùng xe cáp treo đưa lên, mỗi xe 6 người. Gọi thế là vì xe được cáp treo kéo nhưng lại chạy trên đường rầy. Vì nhà tôi bị đau đầu gối mỗi khi lên cầu thang nên tôi rất lo sợ không biết có lên tới chùa không? Tôi vội lên trước và đếm được hơn 300 bậc thang khi lên khi xuống trên một khoảng đường khá dài, có đoạn sát vách đá cheo leo, nhưng bằng phẳng nhờ được lát với những tảng đá xanh dày được cưa với kích thước đồng nhất khoảng 1m x 0.25m, mặt trên có rãnh nhỏ nên không sợ vấp và trơn trượt.



Chùa nguyên thủy, cổ nhất của Cửu Hoa Sơn, được xây cất từ thế kỷ thứ 5 và chùa hiện hữu được xây dựng vào thế kỷ thứ 8, được tân trang nhiều lần và lấy tên Hóa Thành từ đó. Mặc dầu sườn núi cheo leo nhưng chùa có nhiều dãy nhà xây xung quanh dùng cho các Phật sự khác. Dọc đường chúng tôi thấy những người đàn ông gánh 2 bao nylon rất dày, tương tự loại đựng gạo, chứa đầy đá trông thật tội nghiệp nên nhiều người trong đoàn đã dúi vào tay họ chút ít tiền cảm thông sự cực nhọc. Tôi nhìn bao đá để ước lượng trọng lượng, nhưng khi thấy các hàng chữ ghi trên bao nên dừng lại đọc. Và tưởng mình hoa mắt đọc nhầm, vội nhìn kỹ lại rõ ràng là 50kg và chụp hình bao này làm vật chứng. Không biết vật dụng nguyên thủy đựng

trong bao là gì nhưng chắc là không nặng bằng đá nên mỗi người phải gánh trên 100kg trên những đường mòn dốc gỗ ghê lởm chởm từ hầm đá lên đến công trường quả thật là khó tin nếu không có hàng chữ ghi trên bao. Tôi chợt nghĩ công đức cúng dường trong chùa tại đây có nhiều công đức nhưng có thể chưa cao bằng chút quà nhỏ cho các người lao động này. Cũng trên lối đi này dọc theo lan can sắt có những ổ khóa đồng có khắc chữ Tàu được khóa chắc vào lan can, và có những gian hàng nhỏ bán và khắc chữ những nơi rộng ngang phía sát vách đá. Hỏi ra và được biết đó là những cặp nam nữ lên viếng chùa mua khóa khắc tên rồi khóa vào lan can sau khi đã khấn nguyện chư Phật và Bồ Tát phù hộ cho họ được trọn đời bên nhau.

Tôi không khỏi cười thầm về tập quán mê tín này vì khi đã lên gần chót vót đỉnh núi, trong không gian tu hành thanh thoát này để mong được thoát tục ra khỏi vòng luân hồi của thế giới ta bà lại có những người chỉ mong được buộc chặt với nhau trong chốn phàm trần này.

Bách Tuế Cung hoặc Vạn Niên Tự, nơi tu tập của Đại Sư Vô Hà (1497-1609). Bảy trăm năm sau khi ngài Kim Kiều Giác viên tịch, Đại sư Vô Hà, lúc 26 tuổi, đã đến đây để tìm dấu tích của ngài Kim Kiều Giác và xây một chùa nhỏ, tiền thân của Bách Tuế Cung. Đoàn hành hương chúng tôi có duyên may là được Hòa Thượng Trụ Trì Thích Trường Minh cho xem một pháp bảo của chùa: phẩm Kinh Đại Hạnh Phổ Hiền, mà Đại sư Vô Hà đã trích máu ở lưỡi chép lại bản kinh này trong 28 năm, và cho mỗi người một xâu chuỗi.

Nhục Thân Điện hoặc **Cổ Bái Kinh Đài**, nơi thờ phượng nhục thân của Thánh Tăng Kim Kiều Giác. Tại ngôi chùa này đoàn cũng được xem nhục thân, mào và đôi hài cỏ của ngài Kim Kiều Giác, được lưu giữ tại ngôi chùa cổ này

Thiên Đài, đỉnh cao nhất và đẹp nhất của Cửu Hoa Sơn. Cẩn xuống núi trước khi trời tối chúng tôi không đủ thì giờ leo thêm hơn 300 bậc thang trên triền núi thật dốc để viếng Thiên Đài. Thật tiếc. Tuy không lên được nhưng tôi có chụp được tấm hình quang cảnh Thiên Đài

qua bảng giới thiệu bên đường. Xin ghi lại đây để thấy được nét siêu phàm của nó và hiểu thêm câu châm ngôn dưới đây

“Những ai đã đến Cửu Hoa Sơn mà chưa lên Thiên Đài, được xem như chưa biết Cửu Hoa Sơn. Những ai đã đến Thiên Đài đều mong muốn được đến đây nữa”



NGŨ ĐÀI SON (WUTAISHAN), đạo tràng của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, nằm phía Tây Nam Bắc Kinh, thuộc tỉnh Sơn Tây. được đặt tên theo 5 ngọn núi có đỉnh dạng vung tròn và tương đối bằng. Đứng trên đỉnh Đông, nhìn về trước ta sẽ thấy đỉnh Tây nhưng khuất sau dãy núi, từ trái qua là các đỉnh Nam, Trung, Bắc. Thung lũng sâu trước mặt là Hoa Đài thị xã, thị trấn của Ngũ Đài Sơn. Chúng tôi đến gặp mùa lá cây đã rụng hết nên quang cảnh thật u buồn với cỏ khô màu cà phê nâu lạt như cảnh núi đồi trọc California chỉ khác là thỉnh thoảng có loang lổ những triền đồi đá, nhưng sách vở thường khen phong cảnh Ngũ Đài Sơn thật đẹp và nên thơ. Đỉnh Bắc, có tên Vọng Biển vì những buổi sáng mặt trời mọc khi mây còn phủ núi trông giống như cảnh thật trên biển cả. Đỉnh Nam là đỉnh Thâm Hoa vì có mùa đủ loại hoa bao phủ triền núi tạo thành những làn sóng hoa tuyệt đẹp khi gió thổi. Đỉnh Đông, đỉnh Thâm Xanh, tức Đại Lỏa Đỉnh, cao nhất, ở 3000m, nhờ có một hồ nước thiên nhiên nên cây cỏ xanh tươi trải dài. Đỉnh Tây là đỉnh Trắng Treo vì có những thung du khách nhìn thấy mặt trăng lấp ló trên các ngọn cây. Đỉnh Trung là đỉnh Đá Xanh vì có một loại rêu xanh phủ đá. Dưới ánh nắng mặt trời rêu rung rinh di chuyển nên còn có tên là Rừng Múa. Giao thông an toàn nhờ đường vào rộng rãi và tốt. Các lối đi bộ xung quanh chùa đều sạch sẽ,

phẳng phiu nhưng rất dốc được lát đá xanh. Đá lót tại các sân được chạm trổ hình bông và lá sen rất đẹp. Sơn Tây là xứ sản xuất than đá và điện lực nên mặc dầu ở trên núi cao vẫn bị ô nhiễm trầm trọng. Ngũ Đài Sơn là trung tâm Phật giáo cổ có lịch sử hơn 1200 năm với hàng mấy trăm chùa và hiện còn 124 ngôi chùa lớn nhỏ. Từ thế kỷ thứ 14, Ngũ Đài Sơn là trung tâm duy nhất tại Trung quốc có sự giao thoa hài hòa giữa hai nền Phật Giáo Hoa Tạng. Đứng trên bãi đậu xe nhìn lên các ngọn núi cao xám tro tôi thấy những quần thể chùa bao bọc bởi những vách tường cao màu đỏ nâu lạt như thành lũy với những đường bậc thang ngoằn ngoèo thật dốc. Dưới thung lũng có một tháp trắng với kiến trúc khác lạ giữa một quần thể chùa khác. Quang cảnh khác hẳn Cửu Hoa Sơn



Thù Tượng Tự hay Văn Thù Đỉnh. Sau khi được xe đưa lên gần chùa chúng tôi phải đi bộ một khoảng ngắn thì tới chùa. Tới gần mới biết các bức tường màu đỏ tường là thành lũy kia chỉ là hai

vách tường hai bên đường đi lên chùa với cao độ khác nhau vì triền núi dốc. Thù Tượng Tự là một thánh địa Phật giáo danh tiếng tại Ngũ Đài Sơn vì ngài Văn Thù đã từng sống và hoằng pháp tại đây. Ngôi chùa đầu tiên được xây cất vào đầu thế kỷ thứ 7, và vào đời nhà Minh (1368-1644) Phật giáo Tây Tạng bắt đầu hoạt động tại đây, và chùa được xây dựng lại dưới triều vua Khang Hy thứ 36 (1697) và được đổi tên là Văn Thù Tự.

Đây là ngôi chùa độc nhất tại Ngũ Đài Sơn với mái ngói men vàng, và đến năm 1702 vua Khang Hy lại ban cho chùa một sắc phong bằng lụa rộng 80cm, cao 44cm với hai chữ Hán do ngài tự thảo. Tượng tại chùa này được thực hiện theo phong tục Tây Tạng với tay mặt cầm

kiếm sắc bén với ý nghĩa dùng để chặt đứt phiền não, tay trái cầm cuốn kinh bát nhã tượng trưng cho trí huệ. Truyền thuyết kể rằng đầu tượng Bồ Tát được làm đi làm lại nhiều lần nhưng vẫn chưa được vừa ý. Một hôm người thợ này đang làm bánh bao chợt thấy ngài Văn Thù hiện rõ ràng trên đám mây. Ông ta bèn dùng bột làm bánh bao nặn mặt ngài làm mẫu và theo đó mà thực hiện, nên được xem đây là pho tượng Bồ Tát Văn Thù đẹp và chính xác nhất tại Trung Hoa. Tại đây nhiều áng văn thơ của vua Càn Long được khắc bằng 4 thứ tiếng Hoa, Tạng, Mông và Mãn trên những tháp bia đá 4 mặt. Chùa này còn giữ được 3 chảo nấu cơm lớn có đường kính 2m. Cách đây lối 100 năm, hằng năm vào ngày 14 tháng 6 âm lịch, sinh nhật Ngài Văn Thù, chùa nấu 6 lần, tổng cộng 18 nồi cháo đủ 8 loại đậu - số 8 tượng trưng cho bát chánh đạo - cho dân chúng ăn.

Tháp Viện Tự là cái tháp nổi bật nhất trong khu vực vì màu trắng cao 75m, đường kính 28m với nét kiến trúc Nepal, và hàng ống pháp luân quanh chùa, nhưng chúng tôi không có duyên vào chiêm bái phía trong.



Hiển Thông Tự là ngôi chùa lớn nhất tại Ngũ Đài Sơn. Chánh điện có 108 trụ cột mà không có trụ chính ở giữa đang đang được tu sửa nên không được vào xem. Mặt tiền có những hoa văn chạm trổ rất công phu. Trước sân chùa có 108 bậc thang thật dốc nhưng bậc thang bằng đá đặt hơi nghiêng về phía trước mà mặt trên không có rãnh nên khá trơn trượt khi trời mưa.

Đại Lỏa Đảnh nằm trên Đỉnh Đông, còn được gọi Ngũ Phương Văn Thù Điện, vì là nơi du khách có thể chiêm bái một lần cả 5 tượng Bồ

Tát Văn Thù được đúc giống như các tượng được thờ trên 5 ngọn núi của Ngũ Đài Sơn. Đại Lỗa Đảnh được gọi để diễn tả đỉnh ngọn núi có hình dáng xoắn ốc. Trước đây khách thập phương phải leo 1080 bậc thang khi lên thẳng đứng, khi lên xéo góc để lên chùa. Từ năm 1993 một hệ thống xe cáp treo, chở mỗi lần 2 người kiêu tại các nơi trượt tuyết, được thiết lập giúp cho sự lên xuống mau chóng và dễ dàng. Ngôi chánh điện 3 gian thờ 5 vị Bồ Tát Văn Thù với gian giữa thờ 3 vị, và mỗi bên một vị.



Truyền thuyết kể rằng vua Càn Long đã nhiều lần đến Ngũ Đài Sơn và muốn lên chiêm bái nơi Bồ Tát Văn Thù từng sống và tu tập, nhưng vì đường lên núi cheo leo hiểm trở nhà sư trụ trì sợ trách nhiệm khi có tai nạn xảy ra cho nhà vua mà không dám trình bày, cứ tìm cách tránh né việc này. Nhà vua liền ra lệnh cho nhà sư bằng mọi cách trong năm sau nhà vua có thể thực hiện mộng ước. Nhà sư ngày đêm suy nghĩ nhưng không tìm ra giải pháp. Một buổi trưa một chú tiểu trong chùa lấy trộm một trái chuối đem ra vườn sau ăn. Cũng hôm ấy nhà sư không nghĩ trưa được bèn ra vườn sau dạo chơi và bắt gặp chú tiểu đang ăn chuối. Đang bực mình, nhà sư liền phạt chú tiểu quỳ hương. Ngạc nhiên về sự trừng phạt quá nặng so với tội phạm chú bèn thưa

- Bạch Thầy con đã từng phạm nhiều lỗi nặng nhưng Thầy đã không phạt mà còn giảng dạy cho con. Nay với một trái chuối mà sao Thầy phạt con nặng vậy.
- Ta đang đau đầu chưa tìm ra giải pháp về việc vua chiêm bái Bồ Tát con không biết sao?
- Tưởng gì chớ việc đó có khó gì đâu. Thầy cứ chọn một địa điểm mà nhà vua có thể lên an toàn rồi xây một ngôi chùa thờ luôn cả 5

vị Bồ Tát Văn Thù tại một chỗ. Ta vừa dễ làm mà nhà vua cũng tiện chỉ một nơi mà chiêm bái được cả 5 vị.

Nhân thấy tại sân chùa có mấy cây cổ tùng mấy trăm năm mọc vươn lên thẳng tắp, Hòa Thượng Bảo Lạc, hòa thượng chứng minh của đoàn, đã lấy hình ảnh này làm mẫu mực khuyên Phật tử noi theo đó mà tu tập.

NGA MI SƠN (EMEISHAN) : Đạo tràng của Bồ Tát Phổ Hiền

Núi Nga Mi cao lồi 3000m, thuộc tỉnh Tứ Xuyên, giáp ranh miền đồng bằng Tây Trung Quốc, bản doanh của Lưu Bị thời Tam Quốc. Cách Thành Đô (Chendu) thủ đô Tứ Xuyên 150km, cách Lạc Dương (Leshan) chừng 50km. Chữ Nga Mi được dùng căn cứ vào hình ảnh 2 ngọn núi đối diện nhau có đôi lông mi đẹp như các mỹ nhân Trung Hoa. và tên 5 ngọn núi đều có chữ Nga. Núi Nga Mi khởi đầu là một trung tâm Lão giáo từ thế kỷ thứ nhất, được chuyển dần qua Phật giáo từ thế kỷ thứ 3 và phát triển mạnh vào triều nhà Minh. Hiện nay còn khoảng 70 chùa trong đó có 10 chùa nổi tiếng, và được UNESCO công nhận là di sản thế giới vào năm 1996. Ngoài lịch sử phong phú về Phật giáo, núi Nga Mi có nhiều loại thực vật quanh năm xanh tốt, với những cây tùng bách cỡ 1000 năm, nên phong cảnh rất ngoạn mục và hữu tình. Tuy đường sá lên núi dài 60km, rất tốt nhưng quanh co khúc khuỷu và thường xuyên có mây mù nên một công ty vận tải địa phương dùng các xe đồ nhỏ hơn với tài xế quen thuộc đường sá phụ trách việc đưa hành khách lên núi.

Hôm chúng tôi đến mây mù phủ kín cả bầu trời. Người hướng dẫn cho biết trời chỉ trong xanh trong vài tháng mùa hè nhưng nóng lắm nhất là dưới chân núi. Do đó dân chúng thích trời mùa thu mát mẻ hơn. Đường lên núi quanh co giữa những rừng núi xanh ngắt với vách thẳng đứng và khe sâu thăm thẳm, và những dãy núi trùng điệp mờ mờ ảo ảo trong sương mù thật lạ và đẹp. Đáy các khe suối nơi khô, nơi chảy róc rách gồm toàn là đá đủ kích thước có những tảng thật lớn nằm rải rác. Vào mùa mưa nước chảy mạnh văng dội trắng xóa đẹp lắm. Trên sườn núi xanh tươi có

một thác hai tầng cao trắng xóa, có thác lờ mờ ẩn hiện qua tàn lá xanh, thỉnh thoảng có vài giò nước rơi xuống. Rừng tre và thông mọc lẫn lộn. Những rừng thông ở đây có cảnh rù xéo xuống trông xa lú nhú như rừng người mặc áo choàng mùa đông. Có lần tôi thấy trên đỉnh một dãy núi một hàng thông dài thừa thớt và đều đặn nổi bật lên trên nền trời mù xám giống như đoàn chúng tôi đang đi kinh hành, chỉ khác có màu áo thôi. Khi đoàn xe ngừng cho khách đi vệ sinh nhiều người thắc mắc khi người hướng dẫn thu thẻ thông hành những người trên 60 tuổi. Hỏi ra mới biết nếu đoàn có tỷ lệ người già cao sẽ được xe chở lên bên trên và được mua vé cáp treo với giá hạ hơn. Hệ thống cáp treo tại đây đặc biệt hơn, dài 1164m, chỉ có hai trụ hai đầu và chở được 100 người/lần, mới hoạt động được hơn một năm. Lúc lên gần đến đỉnh trời trong quang đãng, mọi người reo mừng khi thấy tòa kim đỉnh óng ánh giữa bầu trời xanh lạt.

Kim Đỉnh Hoa Tạng Tự. (Jinding Golden Summit) Kim đỉnh, mới khánh thành được 2 năm thật là đẹp

đẽ hùng tráng, nhọn vút lên trời cao nhờ màu vàng chói mặt dầu là trời hơi mù làm nhiều người gần như nghẹt thở không phải vì lên cao thiếu dưỡng khí mà vì há hốc mồm kinh ngạc.

Dưới chân, kim đỉnh đài có hai dãy voi trắng 6 ngà — biểu tượng của Bồ Tát Phổ Hiền — mỗi bên 6 con, đứng trên bệ cao. Mỗi con voi với yên đai màu vàng mang trên lưng bánh xe luân hồi hoặc vòng tròn dựng đứng trên một đài sen với một cái gậy để xéo ngang (tôi không rõ ý nghĩa của hình thức này) trông thật uy nghi và trang nghiêm như đón chào quan khách. Sân đài rộng lớn như một sân banh được lát đá tảng xanh lớn



có rãnh cạn tránh trơn trượt. Giữa sân đài là bệ kim đỉnh với 6 bậc thang màu vàng và tượng đàn voi trắng nhỏ đứng vòng quanh. Trên bệ này là đế tròn chân kim đỉnh với 4 con voi vàng 6 ngà đứng ngoảnh ra bốn hướng. Từ sân đài, kim đỉnh tượng cao 20m, có 9 tượng Bồ Tát Phổ Hiền — 4 tượng nguyên thân ngồi trên voi ở tầng dưới, 3 và 2 tượng đầu ở hai tầng trên. Phía trước kim đỉnh là cửa vào Kim Đỉnh Hoa Tạng Tự, thờ Phật A Di Đà với trần vòm cung, trang trí với các hình tượng A La Hán, được chống đỡ bởi 10 cây cột tròn. Trong tường quanh vách điện là 8 tượng Phật khá lớn đứng trong vòm cung. Sau kim đỉnh còn có hai căn nhà lớn và một sân hẹp với lan can vững chắc. Đứng sát lan can nhìn xuống thấy, trên lớp mây mù dưới sâu, vách núi thẳng đứng như mô hình kiến trúc cho biết phía sau sân đài là vách núi thẳng đứng sâu cả mấy trăm thước.

Vạn niên tự (Wannian temple) hiện hữu, một trong 8 chùa chính của núi Nga Mi, được xây



cất dưới đời nhà Minh, là một kiến trúc đặc biệt độc đáo của Trung Hoa: một điện thờ bằng gạch không có đà ngang mà sau hơn 400 năm với 18 lần động đất vẫn vững chắc. Chánh điện là một mái nhà hình vòm cung trang trí đơn sơ. Phật đài cũng chỉ có một bàn dài với mâm đĩa chưng hoa quả, bộ lư đồng cho nhang

đền đặt trước một pho tượng Bồ Tát Phổ Hiền thật đẹp, bằng đồng thiếp vàng cỡi trên con voi trắng sáu ngà cao 7.3m nặng 62 tấn.

(Còn tiếp phần 2: các thắng tích khác)



Mấy hôm nay trăng tròn đẹp quá. Mảnh trăng sáng tươi vành vạnh trên cao làm người nhẹ đi và lòng mềm hẳn lại. Nhưng những đêm trăng, lại là những đêm trăng trọc. Nhất là những đêm như đêm nay... những đêm trăng rằm tháng tám, mùa Trung thu....

Những ngày Trung Thu ở đây bắt đầu bằng những chồng hộp bánh nướng, bánh dẻo xếp đầy ngoài các tiệm thực phẩm Á châu. Năm nay bánh nướng Trung quốc có vẻ bị tẩy chay vì chắc thiên hạ sợ hoá chất, nên các loại bánh sản xuất trong Úc bán rất chạy. Hôm qua ra chợ mua hộp bánh về, con trai đi làm về cau mặt: bánh ở đâu ra đây? ... Mẹ mua... Sao mẹ lại mua thứ này nữa, mẹ ăn đâu có tốt đâu, dầu mỡ không hà... Trung thu mà con, mua cho nó có vẻ Trung Thu một chút... Đứa con gật gù nhưng mẹ ăn một miếng nhỏ thôi nha... Buổi tối, cả nhà uống nước trà, ăn bánh, dưới đôi mắt giám sát của chồng và con trai... mẹ ăn ít bánh thôi nha mẹ... làm tôi bật cười, mảnh trăng vẫn lơ lửng ngoài cửa... Trung thu, Trung thu... Dù trong vòng tay ấm êm của gia đình nhỏ của tôi, cái Trung Thu cũng vẫn lạt lẽo qua vài miếng bánh Trung Thu, và vài tách nước trà thơm ngát ... Chỉ có mảnh trăng, mảnh trăng tròn ăm ắp gợi nhớ những buổi Trung Thu ngày xưa...

Ngày xưa... những ngày xưa cách mấy chục năm đã thành như cổ tích... Ngày xưa, từ đầu tháng tám, mẹ sửa soạn bày cỗ cho mấy anh em. Bố và các anh sửa soạn đóng kệ xếp bánh. Mẹ và các chị làm các chú thỏ từ những quả dừa, quả bưởi. Các chị lại làm thêm một lô các con thỏ nhỏ từ những quả trứng gà. Tôi và ông anh kể xúm xít xem mẹ và các chị lấy bông gòn, giấy bạc làm mắt làm tai thỏ, lấy viết kẻ miệng cho những chú thỏ con. Rồi lại loanh quanh theo bố và các anh treo lồng đèn, hồi hộp nhìn chiếc đèn kéo quân thành hình. Bố còn

cầu kỳ lên tận đường Minh Mạng tậu một chiếc đèn con rồng to tướng, râu ria rục rờ. Ngoài mâm cỗ chính ở phòng khách, trên mỗi bàn học, mẹ và các chị lại bày cho mỗi đứa một mâm cỗ nhỏ, với những con thỏ làm bằng trứng, và vài con heo bằng bánh nướng, bánh dẻo, vài quả hồng đỏ tươi. Khi nào ngồi học cũng háo hức nhìn bàn cỗ nhỏ, và thỉnh thoảng lại chạy xuống nhà ngắm mâm cỗ lớn, mà mỗi ngày lại đây thêm bánh trái. Mỗi ngày đi học về lại nao nức đợi đến nhà xem mâm cỗ và đếm từng ngày cho đến ngày rằm.

Các tối gần rằm, sau khi ăn cơm tối, Bố đã cho chạy các đĩa nhạc 45 tua của ban Việt nhi về các bản thiếu nhi Trung thu ... Tết Trung thu rước đèn đi chơi, em rước đèn đi khắp phố phường... nghe rất vui tai và làm mấy anh em lại nô nức đợi tới giờ rước đèn...

Khi đám rước đèn của đám trẻ con trong xóm đi từ phía nhà Địa dư xuống, là mấy anh em bắt đầu nhập bọn, mỗi đứa một cái đèn trong tay, ông anh thứ bảy thích đẩy chiếc đèn con bướm do anh tự làm lấy. Chiếc đèn này chỉ là một lon sữa đặc, cắt xén thành cánh bướm, gắn trên một quận chỉ, xoắn bởi vài cọng thun, một cây nến cắm trên một cái nắp keng. Khi đẩy kêu lanh canh, xơi thun xoắn qua lại thành những tia nến lóng lánh qua những mảnh nhôm. Mấy anh em theo đám rước đèn đi xuống gần khu đường đá rồi vòng về, đám rước đã thưa dần, mấy anh em theo về đến nhà và lại quây quần xem cái đèn kéo quân.

Trong nhà đèn tắt hết, chỉ có ánh nến chập chờn trong những cái đèn quây quanh mâm cỗ. Ánh nến lung linh, những chiếc hình quay tròn theo chiều quay của đèn. Mấy anh em say sưa nghe bố kể chuyện bát tiên, ngư tiều canh mục, v.v... lâu lâu lại hỏi, bố ơi, sao đầu ông sư cụ lác lư được... bố ơi, sao ông ngư này cái cần câu giật hoài mà không có cá. Bố

oi, giống truyện trong Văn hóa ngày nay[1] bố cho con đọc, dưới ánh nến, quả hồng hình vuông thật bổ a... Bố ơi, con nhìn thấy chị Hằng với chú Cuội rồi, Bố thấy không Bố... Bố lúc nào cũng cười và kiên nhẫn giải thích cho mấy anh em. Thỉnh thoảng mẹ lại chia cho vài miếng bánh nướng, bánh dẻo. Mấy anh em, người đòi ăn miếng có trứng, người đòi ăn miếng bánh thập cẩm, người lại đòi bánh dẻo chay. Bố mẹ chỉ cười dịu dàng bên mấy đứa con, bố bảo ăn bánh phải uống tí nước trà mới ngon... mà ngon thật, vị trà hoa cúc của mẹ thơm lừng, nước trong xanh làm dịu đi cái ngọt đậm của bánh... Ăn bánh xong, mấy anh em nhập vào đám trẻ gần nhà chơi trốn tìm, lúc chán lại rồng rắn lên mây, lúc nào mệt lại chạy về xin thêm bánh, uống nước rồi lại chạy ra chơi tiếp. Thỉnh thoảng lại đi, lại chạy, mỗi đứa một phía mà đứa nào cũng khoe ông trăng lúc nào cũng đi theo mình. Tới những chỗ tối, cây cỏ lù mù chân tay run lập cập, phải bám sát vào ông anh kế cho khỏi sợ. Hội họp nhưng vui, cứ vừa cười, vừa chạy như thế mà chơi đến khi đa số các nhà trong xóm đã đóng cửa.

Trung thu bố mẹ không bắt đi ngủ sớm, bài vở đã lo xong từ chiều nên mấy anh em chơi thoải mái. Đến khoảng hơn 9g về nhà, mệt nhoài, các chị vẫn đợi để rửa tay chân cho các em, bố đã đi nghỉ, nhưng mẹ vẫn thức để hỏi các con có ăn thêm bánh, những ngọn đèn, ngọn nến vẫn lung linh ... lung linh, mảnh trăng vẫn tròn vành vạnh. Những chú thỏ trên mâm cỗ mắt mở tròn nhìn mấy anh em, những cái miệng xinh xinh chúm chím cười tinh nghịch. Mấy anh em vào giường, niềm vui còn đầy trong lòng nên thỉnh thoảng lại cười khúc khích trong mơ, dưới ánh trăng mềm nhẹ nhàng chiếu qua khung cửa, và những chiếc lá trúc, lá thông đong đưa nhẹ nhàng ru giấc ngủ trẻ thơ...

Cứ những đêm như vậy mà những chồng bánh trên mâm cỗ thấp dần cho đến ngày rằm, nhưng vẫn còn nôn nao chờ đợi ngày phá

cổ. Nao nức mãi, sau ngày rằm mẹ cho phá cỗ, những con heo làm bằng bánh nướng, bánh dẻo được chia đều cho mấy anh em, mấy anh em ôm mấy con thỏ đem về bàn học, để được vài ngày những quả bưởi bắt đầu nhăn nhúm, mấy tai dứa bắt đầu khô, lúc ấy mới bỏ đi. Những chiếc bánh dẻo lúc khô hình như còn ngon hơn cả lúc mới, có lẽ vì lúc đó bánh còn ít nên mỗi anh em ăn dè chừng, cái ăn dè dặt có cái ngon của nó. Không như bây giờ, cái gì cũng thừa mứa nên mọi thứ như nhạt lách nhạt nhơ...

Ngày tết Trung Thu vậy cũng kéo được mấy tuần, niềm vui cũng kéo được mấy tuần. Có lẽ vì vậy mới gọi Trung Thu là ngày Tết, vì có đủ những háo hức, những đợi chờ và những nhộn nhịp của những ngày lễ hội, và những cái dịu dàng, đầm ấm của hội tụ gia đình. Những tiếng cười khúc khích, những giấc ngủ ngọt ngào, cái ánh sáng nhẹ nhàng trong vắt của những mảnh trăng ngày ấy, cái màu huyền ảo của những ánh

nến, và những nụ cười hiền hậu của bố mẹ, của anh chị cho đến bây giờ vẫn còn sáng ở một góc nào trong tâm trí. Để những đêm trăng như đêm nay, thức dậy, nhớ hoài một khung trời tuổi thơ. Đám trẻ ở đây có nhiều thứ quá, nhưng hình như lại có vẻ không có gì hết. Chúng không có những háo hức chờ đợi những ngày rằm, không có cái niềm vui cảm đền hòa với những đứa trẻ khác bước tung tăng dưới ánh trăng vừa đi vừa hát. Chúng không có cái niềm vui của những đêm mà thiên nhiên như hòa lẫn với con người, khi con người sống chỉ thuần túy với ánh trăng và tuổi thơ... Giàu có vật chất thật đấy nhưng lại thiếu thốn quá nhiều cái văn hóa truyền thống cổ xưa mà gia đình, thôn xóm là tâm điểm...

Trung thu... những đêm trung thu ngọt ngào ngày xưa ấy, biết tìm đâu bây giờ, có chăng chỉ còn một chút nền long lanh như những hạt lệ thăng hoa khi trăng tháng tám lại bắt đầu vành vạnh... Trung thu ... Lại Trung Thu....

Thiên Hương – Tháng tám Âm lịch năm 2007.



HAI CÂY ĐẠI THỤ VƯỜN CÔNG CHÁNH

Lê Khắc Thi

Trong Vườn Nhà Công Chánh của chúng ta hiện có hai cây ĐẠI THỤ hiếm quý sắp đạt được Một Trăm Năm “Cổ Thụ” hay là Một trăm năm tuổi thọ của Hai Ái Hữu niên trưởng:

- Cụ Nguyễn Văn Minh (1910) ở Cali – USA.
- Cụ Đào Trọng Cương (1911) ở Ottawa – Canada.

Chúng tôi đã xin hai Cụ vui lòng ghi lại vài dòng về cuộc đời của mình để giới thiệu với AH khắp năm châu trên Lá Thư mùa Xuân 2008 để mừng tuổi thọ của hai Cụ. Đề nghị trên được hai Cụ sốt sắng đáp ứng. Xin trích đăng lại sau đây thư của hai Cụ:

Cụ Nguyễn Văn Minh (99 tuổi)

“Tôi tuổi thật, sinh năm 1910 (Canh Tuất), nhưng khai sứt một tuổi để được thi vào trường Bưởi (1925 – 1929) rồi thi vào Trường Cao Đẳng Công Chánh Hà-Nội (1930 – 1933). Tôi

tốt nghiệp khoá 1933 – 34, cùng khoá với các ông Nguyễn Xuân Khương (Cựu Tổng Giám Đốc Điện Địa), cùng các ông Nguyễn Văn Trình, Nguyễn Mạnh Hoàn, Trương Thành Khán, Trần Công Thiện, Đào Trọng Cương, Lê Trọng Minh (ở Pháp) ... Nay chỉ còn lại ông Đào Trọng Cương và tôi.

Về công vụ, từ năm 1940 – 49 dưới thời bảo hộ Pháp, các công chức được điều động đi khắp ba xứ Đông Dương (Việt, Miên, Lào). Tôi được chuyển qua Cao Miên phục vụ tại các Sở Địa Chánh Nam Vang, Kampot, Kong Pong Cham, Xiêm Rệp, Kép v.v...

Đến năm 1949 thì được chuyển về Việt Nam làm việc tại Ty Công Chánh Nha-Trang (lúc đó chưa có Sở Địa Chánh).

Năm 1964 được về Tổng Nha Điện Địa tại Saigon và làm việc ở đấy cho đến ngày hưu trí.

Năm 1975 bị kẹt lại Việt Nam cho đến năm 1984 mới được các con bảo lãnh sang



Gia đình cụ Nguyễn văn Minh

định cư tại Mỹ, ngụ tại Irvine, Nam California.

Về gia cảnh, chúng tôi có 10 con, 3 trai, 7 gái, cháu lớn nhất năm nay 74 tuổi, cháu nhỏ nhất 36 tuổi, có tất cả 22 cháu nội ngoại và 36 chất. Nhà tôi mất năm 2002, hưởng thọ 89 tuổi.

Chúng tôi xin mượn bốn câu thơ sau đây của Giáo-Sư Bác-Sĩ Phạm Biểu Tâm để nói lên tâm trạng của mình:

**Trăm năm trước thì ta chưa có,
Trăm năm sau có cũng như không.
Cuộc đời sắc sắc không không,
Trăm năm chỉ có tấm lòng mà thôi.**

Xin cảm ơn Ban Biên tập LTAHCC đã bỏ công sức ra hoàn thành các tập san LTAHCC từ năm 1976 đến nay, trên 30 năm qua để bắc nhịp cầu nối liền các AHCC nơi đất khách quê người.

Xin cảm ơn AH Lê Khắc Thới, một đồng nghiệp mà gia đình chúng tôi được quen biết từ hơn nửa thế kỷ qua (từ năm 1951) và cũng là hàng xóm của chúng tôi tại cư xá Công Chánh ở số 2 đường Sông Cái trên bãi biển Nha Trang, cùng tắm biển, chơi tennis với nhau ngày còn trẻ. AH Thới luôn quan tâm và hỏi han sức khỏe của chúng tôi.

Xin gửi lời cảm ơn đến tất cả các AHCC trên thế giới và xin gửi lời hỏi thăm sức khỏe đến gia đình các AH.

**Thân kính,
Nguyễn Văn Minh”**

Cụ Đào Trọng Cương (98 tuổi)

“Bạn đồng sự với tôi nay đều quá vãng do tuổi tác, nay còn lại theo anh cho biết chỉ có 2 người: Anh kỹ sư Nguyễn Văn Minh sống bên Hoa Kỳ, và tôi sống tại Canada, anh cho là “hai cây đại thọ của gia đình Công Chánh, mà ít có tập thể nào có được”. Tôi rất cảm ơn anh, và sau đây tôi xin phúc đáp vắn tắt những điểm anh muốn biết:

1.- Quê nhà.- Quê tôi là làng Ngọc Bộ, thuộc Tổng Đa Ngưu, Huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh (Bắc Việt), một làng nhỏ và nghèo, khoa bảng không có một ai ngoại trừ theo bia đá hiện có tại Đền Quốc Tử Giám tại Hà Nội, làng tôi có một vị đồ đại-khoa, nhưng là một vị ngụ-cư.

2.- Gia đình.- Cụ Tổ tôi là con độc-đình (con một). Sinh được 3 con (2 trai, 1 gái). Anh và chị của thân sinh tôi đều mất sớm, nên thân sinh tôi lại thành độc-đình, có ba vợ, 4 con; tôi có một anh, một chị và một em gái; bà cả của thân sinh tôi quê làng Mễ Sơn, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông, con gái một Cụ Đồ (dạy học chữ Nho), bà hai là mẹ tôi, bà ba là con gái cụ Tú Tài làng Như Phụng Thượng, cách làng tôi độ 1 km. Sở dĩ Cụ có 3 bà là vì:

- a) bà cả có bốn phận trông nom mẹ chồng sống tại quê nhà.
- b) bà hai, thân mẫu tôi, theo thân sinh tôi sống nơi công vụ, vì là công chức trong ngạch ký-lục Toà Sứ (Lettré des Résidences).
- c) bà ba sống cạnh bà nội tôi và giúp bà cả trong mọi việc hầu hạ mẹ chồng.

3.- Công vụ.- Tôi đỗ vào học Ban Kiến Trúc trực thuộc Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương, khoá thi năm 1929, tốt nghiệp năm 1934. Lập gia đình vào cuối năm 1934, vì nạn kinh tế toàn thế giới còn hoành hành làm cho thời trắng mặt kéo hơi quá dài! Sau gần một năm trắng mặt, tôi được làm việc tại phòng Kỹ-Thuật của Sở Hoá-Xa Đông-Dương trong mấy tháng, và được bổ vào làm việc tại Toà Đốc-Lý Hà Nội cho tới năm 1945, Cộng Sản lên nắm chính quyền. Thị-Trưởng đầu tiên của chính quyền mới là Trần Duy Hưng, một bạn đồng khóa trong 4 năm Trường Bưởi, tỏ ý rất tiếc sự ra đi của tôi.

4.- Tư Vụ.- Không có hoạt động đáng kể ra. Nước Pháp đã bị ra đi vẫn muốn trở lại, tạo nên cảnh bất an trong xã hội, mọi công tác xây dựng công cũng như tư đều bị đình lại cả, cho nên cuộc sống của gia đình đều lệ thuộc vào dăm chục mẫu ruộng đã có tại hai quê nội và ngoại.

5.- Cuộc đời mới.- Cuộc đời mới bắt đầu từ sự chia đôi đất nước kể từ năm 1954, năm mà gia đình tôi đành phải tạm lìa bỏ quê hương. Nhờ số vốn kiếm được trong 5 năm trong trách nhiệm lập các hồ sơ kỹ thuật về các nhà của tư nhân có quốc tịch Pháp bị hư hại, kể cả gia cư của họ phải để lại sau khi họ về Pháp sinh sống. Khi tới miền Nam, tôi không thấy cần phải xin tái nhập ngạch Kiến Trúc Sư để sống. Tới năm 1957, đồng nghiệp Hoàng Hùng được Cụ Ngô Đình Diệm giao cho Bộ Kiến Thiết và Thiết Kế Đô Thị cần có một số đồng nghiệp giúp sức, vì nể lời bạn mời, tôi nhận làm Trưởng Liên Ty Kiến Thiết Định Tường, trụ sở đặt tại Mỹ Tho, kế tiếp làm Ủy Viên Khu Kiến Thiết cho tới năm 1970 là năm thân mẫu tôi từ trần, dưới quyền lần lượt các Kiến Trúc Sư Nguyễn Duy Đức, Lê Văn Lắm, Kỹ Sư Trần Văn Nam.

6.- Duyên số.- Gia đình tôi được thành lập là hoàn toàn theo số mạng cuộc đời mà các Đấng Cao Siêu đã dành cho. Những bạn thân nay không còn một ai ngoài anh Minh vì đồng tuế

và cùng do Trường Bưởi tạo nên. Duyên số của chúng tôi cho chúng tôi 10 con, 7 trai 3 gái, nay 10 gia đình này đều sống ở hai tỉnh bang Québec và Ontario và việc sinh sống đều được bình an, thoải mái, nếp sống Việt Nam vẫn giữ được như xưa. Gia đình anh Minh và tôi hai bên đều là công chức, có khi sống cùng một nơi, hai Bà đều cùng buôn bán, tới mùa thì mua, cuối mùa thì bán, cho nên có sự thân mật đặc biệt để “đổi con cho nhau”.

Tôi thấy rằng tới đây cũng tạm đủ theo=thơ yêu cầu của Anh. Cũng nên để anh biết thêm về sức khỏe hai chúng tôi: tôi và nhà tôi đều không có bệnh-não gì đe dọa, ngoại trừ nhà tôi bộ óc bắt đầu bị lão-hoá, cho nên việc “hầu hạ” nhà tôi, tôi cho là một bổn phận thiêng liêng mà tôi rất vui lòng.

Thân ái chúc Anh Chị và toàn thể Ái Hữu Công Chánh gặp mọi điều may mắn”.

**Thân mến,
Đào Trọng Cường**



Gia đình cụ Đào Trọng Cường

Bài viết đã gửi, nay tôi xin anh cho bài thơ của tôi sáng tác vào đoạn sau chót.

Tóm tắt cuộc đời

*Xuân tới Xuân đi kể những ngày,
Gia đình lạc thú cảnh vui vầy.
Xuân xưa nhớ lại bao màu sắc,
Tuổi lão Trời ban hạnh phúc đầy.
Tóc bạc bạc thêm, âu tốt lão,
Phúc hồng hồng nữa phúc thêm đầy.
Ta cứ vui qua năm tháng tiếp,
Hiếu thảo bao quanh bổ tháng ngày.*

Thiện Căn Đào Trọng Cương

Đọc những dòng thơ của hai Cụ Nguyễn Văn Minh và Cụ Đào Trọng Cương, chúng ta rất vui mừng và hãnh diện là gia đình Công Chánh có được hai đàn anh tuổi thọ đáng quý, 99 và 98 tuổi vào Tết năm nay (2008). Chúng tôi xin đề nghị là qua Tết năm 2009, chúng ta lập Bảng Tiên Thọ (100 tuổi) để mừng tuổi hai Cụ.

Có nhiều điểm tương đồng trong cuộc đời của hai Cụ:

- Cùng quê quán miền Bắc, cùng học chung Trường Bưởi (Trung học), cùng vào Trường Công Chánh, Kiến Trúc và cùng tốt nghiệp năm 1934.

- Về gia cảnh hai Cụ có số con như nhau (10 người), có khác là Cụ Minh có 3 trai 7 gái, Cụ Cương có 7 trai 3 gái. Hai gia đình đều là công chức, có khi sống cùng một nơi, hai Bà đều cùng buôn bán cho nên có sự thân mật đặc biệt để “đổi con cho nhau” (theo thư Cụ Cương ghi).

- Tuổi thọ hai bà Cụ cao, bà Cụ Minh thọ 89 tuổi, bà Cụ Cương cùng tuổi với Cụ ông (1911), còn khỏe mạnh, được Cụ ông chăm sóc chu đáo, thật là niềm hạnh phúc hiếm quý, sống bên nhau “bách niên giai lão”.

Luận bàn về tuổi thọ và về sức khỏe lúc tuổi già, nhiều sách vở, nhiều lý thuyết đã nói nhờ những yếu tố dinh dưỡng, thể thao, thể dục, đi bách bộ, thầy thuốc, giải trí, thoải mái về tinh thần ...

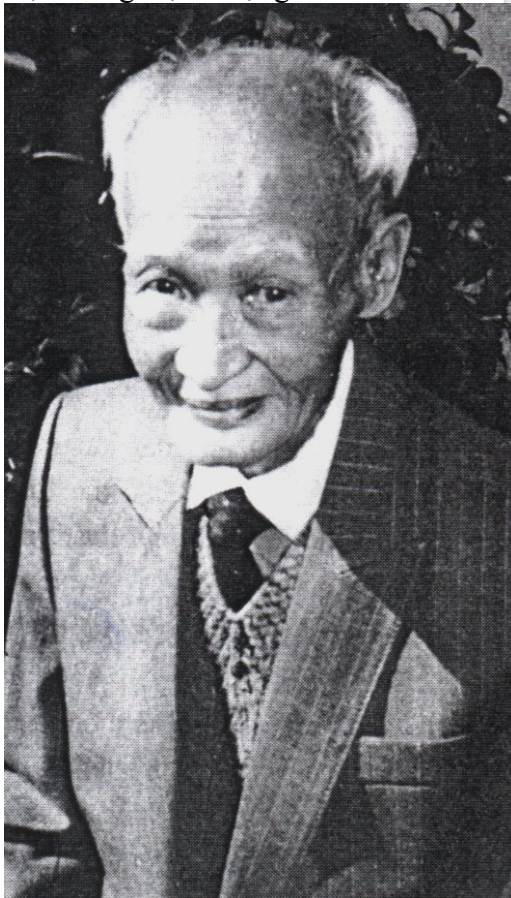
Thiết tưởng ngoài những yếu tố trên, quan trọng hơn hết là yếu tố di truyền thể chất (gene) và tâm linh, phước đức của tổ tiên mà chúng ta được thừa hưởng. Cụ AH Hoàng Đạo Lương, trong bài tựa quyển sách Cụ sưu tầm, ghi chép “**Ít bài thơ cũ, vài chuyện cổ**” mà AHCC phát hành năm 1995, Cụ có viết như sau: “Tôi năm nay 95 tuổi, sức khỏe đã suy yếu, may được đôi mắt chưa mờ, bàn tay chưa cứng chưa run nên chữ viết còn rõ. Thân kinh tuy mỗi một hay buồn ngủ, nhưng tinh thần còn tỉnh, chưa lẩn, chuyện xưa còn nhớ, đó chắc cũng là nhờ ơn Trời cho”.

“**Kính Lão Đắc Thọ**”, AHCC khắp năm châu xin gửi đến **Hai Cụ Nguyễn Văn Minh và Đào Trọng Cương** lời chúc thọ trân trọng nhất, trong dịp Xuân về, cầu chúc **Hai Cụ sống ngoài trăm tuổi**.



Viết về “Hai Cây Đại Thụ Vườn Công Chánh” chúng tôi nhớ đến cụ Hoàng Đạo Lượng, một AH tiền bối sinh năm 1901, thọ 97 tuổi. Chúng tôi xin in lại thư của cụ và một ít bài thơ cụ sưu tầm trong tập “Ít bài thơ cổ, vài chuyện cũ” của cụ để quý AH nhớ đến cụ, một đàn anh hiếm quý trong gia đình Công Chánh.

Cụ Hoàng Đạo Lượng



Thân gửi Di' hũu Lê Khắc Chí

Người Pháp có câu: "Le moi est haïssable" nghĩa là cái ta đáng thù ghét. Thường tình thế' gian, khi nói' đến chính mình, chỉ' "tốt đẹp bày ra, xấu xa đẩy lại", không bao giờ nói một cách vô tư, nên tôi muốn tránh cái tật ấy. Nhưng Di' hũu đã hỏi, tôi không thể' không theo lời, vậy xin kể' lược qua những sự việc trong đời tôi.

Tôi sinh năm 1901 tại Hà Nội, thi vào trường Công Chánh năm 1921, thi ra và đi làm tại Hà Nội năm 1924. Trong hơn mười năm, tôi đi nhiều nơi. Từ 1935 tôi làm việc tại khu Thủy Nông 2, khu này phụ trách về đề' điều là việc nặng nề nhất, và vài hệ thống dân thủy nhập diện nhỏ.

Trong mùa nước lớn, phòng kỹ thuật Thủy Nông 2 làm việc ngày đêm. Vì thế' khi ông Tổng Giám Đốc Nguyễn Dân lập ban phụ trách huấn luyện kỹ sư và gọi đến tôi, tôi trình bày hoàn cảnh và xin nhận môn không phải soạn bài: môn chữ viết.

Vào Saigon 1954, tôi được giao việc tổ chức lại khu Thủy Nông, đã ngưng hoạt động những năm trước vì thiếu an ninh. Tháng ba 1957 tôi được 56 tuổi và đủ 30 năm thâm niên, tôi xin về hưu trí. Ở nhà nửa năm rồi tôi vào làm hãng Mỹ. Đầu 1971 quân đội Mỹ rút về, chương trình sửa chữa cầu đường đình chỉ, tôi làm cho hai hãng Việt Nam, một hãng thầu việc tính kỹ thuật cho USAID. Tối 28-4-1975 người Mỹ được lệnh rút đi ngay, họ không kịp nghĩ đến lời hứa, nên ông chủ hãng và tôi bị kẹt lại.

Năm 1979 tôi chạy chọt được giấy xuất cảnh, rồi với năm sau cũng con gái út độc thân đáp phi cơ đi hap, nhờ giấy bảo lãnh của con trai ở Pháp.

Nhưng cha con không thể' ở' Pháp, vì con dâu là người Pháp, và con gái tôi lại chỉ' biết tiếng Anh không thể' kiêm được việc làm. Ra số' Di' Bui hỏi thì được trả lời rằng đã sang đây với con, lại xin đi Mỹ ở' với cháu thì không thể' được. Sau nhờ bà trưởng phòng người Pháp và bà phó trưởng phòng người Việt hiểu hoàn cảnh của tôi và hết lòng giúp, cha con tôi sang đây cuối năm 1981.

Bây giờ tôi 80 tuổi và yếu sức vì những năm lo lắng, tưởng không còn thọ lâu, không ngờ còn được đến ngày nay ngoài cửa tuấn. Tôi tin rằng đó là được nhờ ơn Trời Phật cho.

Hoàng Đạo Lượng

(Signature)

Chúc Mừng Năm Mới



Ban Phụ trách Lá Thư AHCC đã có lời chúc mừng năm mới, năm 2008 đến quý Ái Hữu, Thân Hữu. Nhân dịp này tôi xin tâm tình với quý anh chị em gia đình Công Chánh đôi lời để tỏ lòng vui mừng của tôi khi nhìn lại 32 năm qua Lá Thư Công Chánh đã trưởng thành tốt đẹp, song song với cuộc sống của quý AH khắp năm châu, càng ngày càng phát triển đẹp đẽ, càng gần gũi, đoàn kết theo truyền thống của ngành Công Chánh trên một thế kỷ qua. Thiết tưởng ít có tập thể nào duy trì được một nội san trên 30 năm ở hải ngoại và những sinh hoạt thường xuyên khắp nơi trên thế giới.

Chúng ta vui mừng được thấy trong gia đình Công Chánh, lớp đàn anh đạt được tuổi thọ hiếm có. Hai Cụ Nguyễn Văn Minh và Cụ Đào Trọng Cường sắp đạt tuổi Tiên thọ (100 tuổi). Ngoại cử tuần có mười Cụ, ngoại bát tuần thì khá đông vào khoảng 20 AH. Lớp thất tuần thì rất nhiều, không ước đoán được số lượng. Thật đáng mừng cho tập thể Ái Hữu Công Chánh !

Lớp AH trẻ: lục tuần, ngũ tuần, là tương lai gần của gia đình Công Chánh, lại thêm lớp mới vào ngành “Trường Tiền” ở hải ngoại, các bạn trẻ này cũng muốn gia nhập tập thể của chúng ta, thật là một tin đáng vui mừng, nối vòng tay lớn để khi lớp tre già tàn tạ, lớp măng non bồi đắp lũy tre Công Chánh xanh tươi dài lâu. Chúng ta hoan nghênh các bạn trẻ này.

Tôi thường liên lạc thư từ, điện đàm với AH khắp nơi, nhất là với quý AH cao niên để “thăm chừng” sức khỏe quý Cụ. Đối với lớp AH trẻ, khi đọc bài của họ hay có tin vui buồn, tôi đều liên lạc để chia sẻ với anh em, có lẽ nhờ vậy mà luôn luôn tôi có được niềm vui tuổi già, ăn ngon, ngủ nhiều, và tuổi thọ là do Trời cho như Cụ Hoàng Đạo Lượng đã nói.

Xin thân chúc quý Cụ, quý bạn một năm mới AN KHANG, HẠNH PHÚC.

Lê Khắc Thí

Sông Hương Núi Ngự Xứ Huế

Tôn Thất Tùng

Nước Việt Nam kéo dài từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau hình cong như chữ S, được chia thành ba miền Nam, Trung, Bắc. Sài Gòn là thủ đô miền Nam, Huế là thủ đô miền Trung, Hà Nội là thủ đô miền Bắc. Về diện tích lãnh thổ thì Nam và Bắc đều lớn, miền Trung thì nhỏ vì đoạn giữa của giải đất quá hẹp. Hàng năm thường bị lũ lụt nhiều lần vào mùa Đông nên người dân miền Trung quá thiếu thốn trong đời sống. Nhưng vùng đất Huế thì nhờ phong cảnh thơ mộng, nên đã quyến rũ nhiều du khách đến tham quan, vì vậy đã giúp cho đời sống của người dân xứ Huế.

Chính nhờ phong cảnh thiên nhiên của Huế êm dịu nên lúc Pháp chiếm nước Việt thì các quan chức Pháp của Tòa Khâm Sứ Huế đã xuất bản Tập San BULLETIN DES AMIS DU VIEUX HUE viết nhiều bài ca ngợi khung cảnh của Kinh Đô Huế rồi đến tháng 12 năm 1993 Liên Hiệp Quốc đã công nhận "Huế là di sản văn hóa của thế giới".

Để độc giả ở hải ngoại hình dung được nét đẹp yêu kiều của Huế, hôm nay kẻ viết bài này xin tường thuật những vẻ đẹp của sông Hương Giang, núi Ngự Bình như thi sĩ Bùi Giáng đã phát biểu bằng hai câu thơ:

"Dạ thừa xứ Huế bây giờ,
Vẫn còn Núi Ngự bên bờ Sông Hương"

Nói cho đúng thì nước Việt Nam có đến 3 con sông mang tên: sông Cửu Long, sông Hồng Hà, và sông Hương. Nếu so sánh bề dài, chiều sâu, bề ngang thì sông Hương thua Cửu Long và

Hồng Hà quá xa, cũng như núi Ngự, đâu có cao to hùng vĩ như những ngọn núi khác trong đất nước của mình. Nhưng núi Ngự cũng như sông Hương đã thu hút nhiều người dân xứ Huế và du khách xa đến tham quan:

1. SÔNG HƯƠNG:

Tuy nhỏ bé hơn sông Cửu Long, sông Hồng nhưng nói về cái êm ả, trong xanh thơ mộng thì Hương Giang đã vượt xa anh chị. Giòng sông xanh biếc, lai láng vô biên đã lôi cuốn hồn thơ



của tao nhân mặc khách. Đưa họ vào cảnh gió trăng của khung trời tĩnh lặng, hướng dẫn du khách đến những kỷ niệm êm đềm. Chính vì cảm được vẻ đẹp, nét duyên dáng của dòng sông xanh mà vua Thiệu Trị đã sáng tác bài thơ "Hương Giang Hiếu Phiếm" và xếp Hương Giang vào loại thắng cảnh.

Những du khách ngồi trên chiếc thuyền nhỏ lênh đênh trên sông Hương vào buổi sáng mùa Xuân mới thấy được nét đẹp huyền ảo của sông Hương qua hai câu thơ của vua Thiệu Trị:

"Sóng lặng nước Xuân sắc lồng khói,
Thuyền xuôi gió sớm gợi tim lòng"

Sông Hương là một tập hợp của hàng trăm con suối nhỏ phát xuất từ dãy Trường Sơn hùng vĩ trùng điệp theo nhau chảy xuôi rồi hợp lại thành một giòng, uốn lượn quanh co giữa vùng rừng núi bạt ngàn từ hướng Nam đổi về hướng Đông, lững lờ vượt ngang kinh thành Huế. Tên cũ của sông Hương là sông Lô Dung nhưng sau đổi thành sông Hương là vì nguyên do thượng nguồn sông này có một giòng cỏ xanh tên gọi là Thạch Xương Bồ, cứ mỗi khi đi ngang đầm cỏ Thạch Xương Bồ ai cũng ngửi thấy mùi hoa thơm ngát nên người ta đề nghị với vua Thiệu Trị đổi tên Lô Dung thành Hương Giang.

Sau khi Pháp đến chiếm Việt Nam và đã làm xong cầu Trường Tiền 6 Vây 12 nhịp, cầu sơn màu trắng bạc. Vào những ngày trời nắng, các cô gái Huế học sinh đi trên cầu với chiếc áo dài màu tím hoa Sim, màu trắng tinh khiết dưới chiếc nón bài thơ xinh xắn, trông vô cùng dễ thương. Buổi chiều đò chèo giữa sông Hương Giang, bên bờ thì có những chàng trai ngồi câu cá trước bến Vân Lâu mà cụ Ứng Bình Thúc Giạ đã làm mấy câu thơ:

“Chiều chiều trước bến Vân Lâu,
Ai ngồi ai câu, ai sầu ai thảm?
Ai thương ai cảm ai nhớ ai trông?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông?
Đưa câu mái đẩy, chạnh lòng nước non!”

2. NÚI NGỰ BÌNH:

Từ khi dời Phủ từ làng Kim Long xuống Phú Xuân và xây dựng Kinh Đô tại Phú Xuân, cổng Ngọ Môn hướng về phương Nam, cách khoảng năm cây số thì có một hòn núi đỉnh bằng giống

như bức Bình Phong chận gió tên là núi Bằng Sơn. Từ chân núi lên đỉnh, các Chứa cho trồng cây thông, quanh năm rất xanh tốt, giống như con Phượng Hoàng đang dùng cánh che chở cho Đế Thành, lúc nào cũng nghe tiếng "Thông reo Đỉnh Ngự". Núi không cao và đường từ dưới lên đỉnh không cheo leo gập ghềnh nên cũng là nơi dập diu lui tới của những tài tử giai nhân. Đứng trên đỉnh núi Ngự lắng nghe tiếng thông reo, phóng tầm mắt nhìn xuống Kinh Thành ẩn hiện, nhìn giòng nước xanh của sông Hương.

Nét đẹp của núi Ngự không phải là về mặt phong thủy che chở cho Kinh Thành Huế mà vì nó gần gũi với người dân Huế, núi Ngự trở thành như một cái đài có những bậc cấp nhân tạo để giúp cho họ đi lên dễ dàng, không mệt nhọc nhờ bóng thông che ánh nắng mặt trời. Sau ngày 30-4-1975 những cây thông trên núi Ngự Bình đã bị chính quyền xã An Cựu chặt hết nhưng mấy năm sau này thì những cây thông nhỏ đã sống lên như cũ.

Từ xa nhìn thấy màu xanh, đến gần thì đã nghe tiếng thông reo réo rất. Nét văn hóa cổ đô đã trở lại vào những ngày Tết Nguyên Đán. Cái sinh khí đã trở lại, hứa hẹn cho Huế một tương lai sáng lạng. Hy vọng chính quyền địa phương cũng biết núi Ngự Bình là nơi tụ hội của khách du lịch để tránh việc đốn những cây thông trên đỉnh núi, làm mất vẻ đẹp của núi Ngự Bình.

Vì các vua chúa đều du ngoạn lên đỉnh núi, nên núi Bằng Sơn đã được Vua đổi tên thành núi Ngự Bình.



**Phạm Hữu Bình**

Washington, DC, một ngày Chủ Nhật đẹp trời giữa tháng 9 năm 1977. Du khách lũ lượt đi chơi trong công viên The Mall, nơi có những viện bảo tàng nổi tiếng như Bảo Tàng Viện Không Gian và Phi Hành, Bảo Tàng Viện Lịch Sử Thiên Nhiên, v.v...

Chi đưa chiếc máy ảnh lên nhắm vào người chồng đang bồng đứa con trai đứng gần một pho tượng lớn và bấm lia lịa. Những tia sáng lóe ra từ flash của máy ảnh làm đứa nhỏ khoái trí cười lên khanh khách. Người chồng cũng cười theo. Một lúc sau, người chồng đưa đứa nhỏ cho Chi và nói: “Em bế con đứng vào chỗ bụi hoa kia để anh chụp cho.”

Bỗng có tiếng gọi: “Chị Chi! Chị Chi!” Chi quay lại và thấy một người đàn bà từ trên lề đường chạy lại, hớn hờ nói: “Chị có nhận ra em không? Em là Hường, em chị Quyên, bạn thân của chị đó.”

Chi vui cười đáp: “Trời ơi! Em lớn lên nhiều làm sao chị nhận ra ngay được. Bây giờ em nói thì chị nhận ra rồi. Thế chị Quyên thì sao? Có đi được không?”

“Đạ, chị em eó cũng đi được, nhưng theo gia đình chồng sang Pháp. Để rồi em sẽ

cho chị điện thoại và địa chỉ của chị Quyên để chị liên lạc.” Hường vừa trả lời vừa đưa mắt nhìn về hướng đứa nhỏ. Chi chìa tay về phía chồng và con, giới thiệu: “Đây là anh Khoa, chồng chị và cháu Văn, con trai đầu lòng của anh chị đây.”

Hường cúi đầu chào Khoa và mỉm cười nhìn đứa nhỏ: “Cháu kháu khỉnh quá. Cháu được mấy tuổi rồi chị? Mà bây giờ chị làm gì?”

“Cháu được 18 tháng, mới biết đi và đang tập nói. Sang đây chị mới sinh cháu. Bây giờ còn phải gửi cháu nhờ bà nội trông. Anh Khoa kiếm được việc ở bưu điện; còn chị làm thuê ngân cho một siêu thị. Chị muốn tìm việc khác mà chưa tìm được.”

“Vây hả chị? Chị tốt nghiệp Sư-Phạm thực hành và đã học ở Hội Việt Mỹ, thông thạo tiếng Anh, chị có muốn trở lại nghề dạy học không?”

“Chị muốn lắm chứ. Nhưng chị nghe nói muốn làm giáo viên ở đây phải có chứng chỉ hành nghề dạy học mà chị không có thì làm sao? Tiền đâu mà đi học lại để lấy chứng chỉ?”

“Chị ơi, bây giờ các trường học cần nhiều giáo viên lắm, nhất là giáo viên nói thạo tiếng Việt, vì có nhiều học sinh Việt Nam mới tới. Em làm thư ký cho một trường tiểu học trong khu em ở. Ông Hiệu-Trưởng ngày nào cũng nhắc em tìm giáo viên người Việt cho ông ấy. Ông ấy nói có nhiều cách để giúp giáo viên lấy chứng chỉ hành nghề. Nếu chị muốn em có thể giới thiệu chị với ông Hiệu Trưởng và nói rõ chị đã dạy học nhiều năm ở Việt Nam. Chắc là ông ấy sẽ mừng lắm.”

Nghe thế, Chi mừng ra mặt: “Nếu vậy thì chị cảm ơn em lắm, cho chị địa chỉ và điện thoại của em đi.”

Hường lấy giấy ghi tên, địa chỉ, điện thoại đưa cho Chi và ân cần nói: “Nếu tiện thì ngày mai chị đến nhà em sớm và em sẽ đưa chị đến trường giới thiệu với ông Hiệu Trưởng.”

Ngày hôm sau, Chi vội hộp bước vào văn phòng ông Hiệu Trưởng; nhưng chỉ trong chốc lát, nét mặt nhả nhặn, giọng nói ân cần của ông Hiệu Trưởng đã làm tan biến những lo âu lúc ban đầu. Ông Hiệu Trưởng cho Chi biết ông ấy sẽ yêu cầu phòng nhân viên làm thủ tục bổ dụng Chi làm giáo viên tạm thời, đầy đủ

lương bổng và quyền lợi với điều kiện là trong vòng hai năm Chi sẽ phải hoàn tất 6 tín chỉ về phương pháp giáo dục các trẻ nhi đồng và về tâm lý trẻ em. Những tín chỉ này Chi có thể học trong kỳ nghỉ hè hay vào buổi tối ở các đại học gần đây. Ngoài ra ông Hiệu Trưởng cũng nói trong vài tháng đầu ông ấy muốn Chi dạy chung một lớp mẫu giáo với một giáo viên có nhiều năm kinh nghiệm tên là Jennifer Petersen để Chi có dịp làm quen với lớp học và cách dạy học ở Hoa Kỳ.

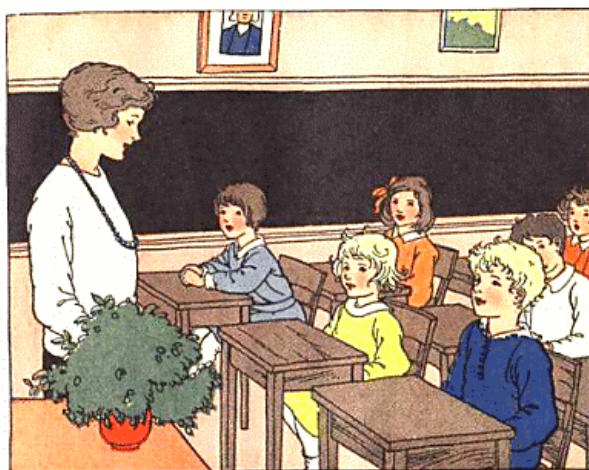
Mọi việc trôi chảy ngoài sức tưởng tượng của Chi. Ông Hiệu Trưởng cũng bảo Hường đưa Chi đi giới thiệu với các nhân viên nhà trường và đến gặp cô giáo Jennifer để hai người bàn luận về lớp học.

Việc đầu tiên của Chi khi đến nhận việc là làm quen với các em ở trong lớp mẫu giáo này. Các em thuộc nhiều chủng tộc: có trẻ em Nam Mỹ, trẻ em da đen, da trắng và trẻ em Á Đông trong đó có 4 em người Việt. Các trẻ em trong lớp đều tò mò về cô giáo mới và tìm mọi cơ để lại nói chuyện với Chi: “Cô Chi làm ơn buộc lại dây giày cho em.”, “Cô Chi cài hộ em nút áo.” Chi sung sướng chiều lòng các em và lợi dụng những lúc gần gũi này để chuyện trò, tìm hiểu từng em.

Chi nhận thấy rõ là các trẻ em ở đây mạnh dạn và thân mật với các cô giáo. Các em nói năng tự nhiên và tự lập trong cách suy nghĩ. Trong giờ tập làm toán, một hôm cô Jennifer hỏi các em: “Nếu cô cho em hai con thỏ; rồi cô Chi lại cho em hai con thỏ nữa thì em có tất cả mấy con thỏ?” Các em xòe bàn tay ra đếm trên mấy ngón tay rồi dơ 4 ngón tay lên để trả lời. Riêng có em Clara xòe cả bàn tay 5 ngón lên trả lời. Cô Jennifer hỏi Clara: “Em có thể cho cô biết làm sao em có được 5 con thỏ không?” Clara nói: “Cô nói cô cho em 2 con thỏ; rồi cô Chi lại cho em 2 con thỏ nữa, thế là 4 con; với lại ở nhà em có một con rồi, thế là em có tất cả 5 con thỏ.” Cô Jennifer đành chịu thua, cười và ôn tồn nói: “Em nói như thế là đúng.”

Chi cũng nhận ra ngay là hai em người Á Đông tên Kimberly và Katy cùng một em da đen tên Alisha đều là con nuôi vì ngày nào cũng có phụ huynh người da trắng đến đón. Các em rõ ràng là được bố mẹ nuôi cung

chiều. Quần áo ngày nào cũng thay đổi, hợp thời trang và sạch sẽ, thơm mát, diêm dúa. Hai em Kimberly và Katy cũng được bố mẹ đón sớm hơn để còn kịp đi học piano ngày Thứ Hai, học vũ ballet Thứ Ba, học trượt tuyết Thứ Năm. Chi thầm nghĩ những đứa trẻ này thật là may mắn. Nếu như các em này còn sống với cha mẹ ruột nơi quê hương bản xứ thì chắc chắn còn sống trong cảnh nghèo nàn, đói rách, bệnh tật và thất học. Những cha mẹ nào đã phải cho con đi chắc cũng đau lòng, xót ruột khi phải chia ly với con; nhưng nếu họ biết giờ này con họ đang sống sung sướng với cha mẹ nuôi thì chắc họ cũng được an ủi đôi phần. Họ sẽ biết rằng việc họ quyết định cho đứa con đi khi họ không thể nuôi nó là một quyết định khôn ngoan và đầy tình thương.



Một hôm, Chi thấy một em trai ngồi thờ mặt ra, không chuyện trò với ai. Chi tiến lại, định hỏi xem em có cần Chi giúp gì không; nhưng em đó xua tay nói: “Đừng lại gần em! Đừng lại gần em!” Chi không biết làm sao, cô giáo Jennifer bước lại gần Chi và ghé tai nói thầm: “Chắc là em đó ỉa đùn hay đái dầm và không muốn ai biết đấy!” Chi thông thả đến gần em đó và dịu dàng nói: “Em lỡ làm ướt quần phải không? Không sao đâu. Để cô giúp em thay quần áo khác.” Lúc bấy giờ em đó mới chịu đi theo Chi ra phòng tắm. Khi thay quần cho em, Chi hỏi chuyện và biết em tên là John Kriege. Chi nhận thấy một vết đỏ thẫm bằng đầu ngón tay cái ở trên mông phải John. Chi chăm chú nhìn kỹ. Vết đỏ như đã ăn sâu vào da John. Chi băn khoăn, nghĩ ngợi. Chi lấy ngón tay ấn nhẹ vào vết đỏ, nhưng John không tỏ ra

đau đớn gì. Chi đưa John trở lại lớp rồi gọi điện thoại cho bà mẹ của John nói rõ về vết đỏ. Bà Kriege cười và nói: “Cháu đã có vết đỏ đó từ ngày cháu ra đời.” Từ hôm đó trở đi, Chi để ý đặc biệt đến John.

Bố John, ông Gary Kriege, người da trắng, cao lớn, vạm vỡ, cũng tóc vàng óng ánh như John, thường tự nguyện đến trường buổi chiều ngày Thứ Năm để giúp kiểm điểm, chỉnh trang các máy vi tính. Mẹ em cũng là người da trắng, mảnh khảnh, thon thả. Cả hai người rất dịu dàng, lịch thiệp.



Là phụ giáo, Chi có nhiệm vụ giúp riêng từng em khi cần. Nhưng lần nào đến chỗ John, Chi cũng đứng lại lâu hơn. Chi cũng ước ao làm sao Chi có thể ôm John vào lòng âu yếm để chuyện hơi nóng của mình

cho John và được cảm thấy hơi nóng từ thân thể John thấm vào cơ thể của mình. John hình như cũng cảm thấy sự âu yếm của cô giáo và tỏ ra ân cần, gần gũi với Chi hơn bất cứ học sinh nào khác. Sáng đến là John chạy lại ôm chầm lấy Chi, cười khanh khách. Khi ra về John cũng hai ba lần tạm biệt Chi rồi mới bước ra khỏi lớp.

Một buổi sáng John đem đến đưa cho Chi một cái kẹo sô-cô-la, rồi mỉm cười nói: “Mẹ em cho em kẹo này để ăn sau bữa trưa; nhưng em muốn cho cô.” Chi lắc đầu: “Kẹo này mẹ em cho em để ăn trưa. Em phải giữ để ăn sau bữa trưa. Em không được cho đi. Cám ơn em, nhưng cô không ăn kẹo được vì sợ mập.” John tỏ ra hơi buồn. Một hôm khác được mẹ đưa đến lớp học, John mang theo một con gấu nhồi bông đến cho Chi và nói: “Đây là con gấu mà em thích nhất; nhưng em muốn cho cô. Em đã hỏi mẹ em và mẹ em bảo được.” Bà mẹ John mỉm cười ghé tai Chi nói nhỏ: “Cô cứ

nhận cho cháu vui lòng. Nó mền cô lắm, cứ luôn miệng nhắc đến cô Chi” Chi cũng ghé tai bà mẹ nói nhỏ: “Tôi cứ giữ con gấu ở đây và sẽ bỏ vào một túi nhựa mỏng. Chiều nay bà lại đón cháu, nhớ mang về cho cháu.”

Những ngày đi dạy mẫu giáo bây giờ là những ngày thần tiên đối với Chi. Khoa cũng thấy rõ vẻ sung sướng, yêu đời của vợ. Một buổi sáng trước khi đi làm, Khoa nói với Chi: “Anh thấy rõ là em yêu nghề dạy học hơn bất cứ việc gì khác.” Chi đồng ý ngay: “Anh nói đúng. Em được trở lại với nghề cũ thế này là may mắn lắm. Ở trường ai cũng quý mến em. Mình thật là có phúc lắm anh ơi!”

Một buổi sáng Thứ Sáu cách đó ít lâu sau, cả bố mẹ John cùng đưa con đến lớp. Bà mẹ nói với cô Jennifer và Chi: “Cuối tuần này chúng tôi sẽ dọn đến căn nhà mới xây xong cách đây 20 miles. Chúng tôi sẽ phải cho cháu John chuyển đến một lớp mẫu giáo gần nhà mới. Hôm nay là buổi học cuối cùng của cháu ở đây. Chúng tôi đến từ biệt hai cô và cảm ơn hai cô rất nhiều về tất cả những điều tốt đẹp hai cô đã làm cho cháu.”

Chi cảm thấy như có tiếng sét đánh ngang tai, đứng lặng người đi, không nói năng được một câu. Cả bầu trời như tối rầm rẫn lại. Có đến năm bảy phút sau Chi mới lấy lại được bình tĩnh và vội nói: “Tôi mến em John lắm. Em thật dễ thương. Nếu ông bà cho phép thì thỉnh thoảng tôi sẽ ghé qua thăm em.” Ông Kriege cười vui vẻ: “Nếu thế thì quý lắm. Xin cô cứ tự nhiên.”

Khi John vẫy tay chào Chi để ra về ngày hôm đó, nó vẫn vui tươi như không có gì khác lạ hơn mọi khi. Chi cố mỉm cười nhìn theo nó.

Chi đến trường tuần sau, uể oải, mệt nhọc như người thiếu ngủ. Giờ khắc trôi qua nặng nề. Chi vẫn đi quanh lớp đến từng em để quan sát, chuyện trò, chỉ bảo, giúp đỡ; nhưng mỗi lần đến chỗ ngồi cũ của John là Chi bước vội đi. Ngày hôm sau cũng trôi qua nặng nề, chậm chạp. Chi không ngờ Chi lại nhớ John đến thế. Hay là chiều nay về Chi sẽ gọi điện thoại thăm hỏi nó. Ồ, không được; như vậy có vẻ vội vã quá. Có lẽ phải đợi đến cuối tuần thì hợp lý hơn. Ngày Thứ Tư cô Jennifer vắng mặt,

Chi phải đảm nhiệm tất cả mọi việc trong lớp, đọc truyện cho từng nhóm, săn sóc, giảng giải cho từng em. Em này ho và nóng đầu phải gọi điện thoại cho phụ huynh đến đón về sớm; em kia ỉa đùn phải thay quần áo cho em. Chi bận túi bụi và quên đi sự vắng mặt của John cho đến giờ tan học. Không còn tiếng chào từ biệt “bye bye Cô Chi”, không còn cái vẫy tay mềm mại luyến tiếc của John. Thế là những ngày thân tiên đã tàn tạ.

Ngày Thứ Năm Chi mệt mỏi đến trường. Vừa bước vào hành lang đi ngang qua văn phòng chính, Chi nghe rõ ràng có tiếng gọi của John: “Cô Chi! Cô Chi!”. Quay đầu lại, Chi thấy bố mẹ John đang dắt tay John đi vào văn phòng. Chi mừng quýnh, chưa kịp hỏi lý do, thì bà mẹ đã nhanh nhẹn giải thích: “Cháu sang trường mới, lạ thầy, lạ bạn, cháu chẳng chịu học hành gì; cả ngày chỉ ngồi một mình buồn thiu. Chúng tôi tưởng một hai hôm rồi cháu sẽ quen đi. Nhưng đến hôm qua thì cháu lại càng buồn hơn, bỏ cả ăn, nằm ngủ li bì. Cho nên chúng tôi xin cho cháu trở lại học ở đây với cô Jennifer và cô . Chúng tôi sẽ phải lái xe đưa cháu đi học xa hơn một chút thôi.”

Bao nhiêu buồn phiền bỗng tan biến hết, Chi lại thấy khung cảnh trường rạng rỡ, tươi vui, lớp học đầy hứng thú.

Ông hiệu trưởng nghe tin một học sinh gia đình đã dọn nhà đi xa mà còn xin trở lại học thì mừng lắm. Đối với ông đây là bằng chứng hiển nhiên rằng những giáo viên trong trường này đã tận tâm và khéo léo trong việc giáo dục trẻ em. Ông loan tin đó cho tờ báo *Gazette* ở địa phương. Một tuần sau, hình hai cô giáo Jennifer và Chi tươi cười đứng chung với gia đình John đã được in trên trang nhất tờ *Gazette* dưới tiêu đề “Những Điểm Son Tại Địa Phương.” Bài báo kể lại chuyện John nhớ trường và nhớ cô giáo ra sao với kết luận là trường tiểu học Eastern Elementary, dưới sự điều khiển của ông hiệu trưởng Michael Dix, đã rất thành công trong việc giáo dục trẻ em. Bài báo cũng nhấn mạnh đến kinh nghiệm dạy học và sự tận tâm của hai cô giáo, nhất là Chi., một giáo viên từ Việt Nam mới tới đây. Chỉ một thời gian ngắn sau đó, số đơn xin nhập học vào lớp mẫu giáo ở trường Eastern Elementary

đã tăng lên bội phần. Ông hiệu trưởng phải dự trù mở thêm hai lớp nữa.



Chi lại đi dạy học với một niềm hân hoan, hân diện. Chi vẫn săn sóc từng em học sinh trong lớp và vẫn gần gũi với John hơn bất cứ học sinh nào khác.. Nhưng Chi nhận thấy rõ ràng là John không nhanh nhẹn, hăng hái như lúc trước. John có vẻ mệt mỏi, thờ ơ. Một hôm cầm tay John, Chi thấy đầm những mồ hôi. Trán John hầm hầm nóng. Chi bàn với cô giáo Jennifer rồi gọi điện thoại cho mẹ John. Nửa giờ sau bà mẹ John đến đón con về đưa đi bác sĩ.

Ngày hôm sau, John không đến học. Chi đoán John bị cảm, cần nghỉ ở nhà và không bận khoăn gì. Ngày hôm sau nữa, John vẫn vắng mặt, Chi cũng không thắc mắc gì. Nhưng khi John vắng mặt liền ba hôm nữa, thì Chi lo âu ra mặt. Cuối tuần đó Chi gọi điện thoại lại nhà John để hỏi thăm. Bà mẹ John trả lời điện thoại và cho Chi biết John vẫn còn sốt; nhưng bác sĩ chưa biết rõ bệnh gì. Bác sĩ đã lấy máu để thử nghiệm và hai ngày nữa mới có kết quả.” Chi ngỏ lời muốn đến thăm John và bà mẹ John ân cần mời Chi đến ngay hôm đó.

Nhà của ông bà ở trong một khu biệt thự mới xây, mỗi nhà một kiểu riêng biệt. Nhà nào cũng lớn với vườn tược rộng rãi có trồng cây cảnh và sân cỏ xanh tươi bao quanh. Bà đã đứng sẵn ở cửa để đón Chi. Bà đã không cho John ra cửa đón cô giáo vì sợ gió lạnh; nhưng John đã ra đứng sẵn ở đầu cầu thang. Khi thấy cô giáo lên đến nơi là nó ôm chầm lấy. Chi cúi xuống ôm lấy John và bỗng nó lên rồi đi theo bà mẹ vào phòng ngủ của John. Chi thấy rõ

ràng John gầy và xanh hắt đi, hơi thở nóng hổi, vẻ mệt mỏi hiện ngay trên nét mặt. John nằm ngay xuống giường, đưa mắt nhìn mẹ và cô giáo. Chi lấy ra một con gấu nhồi bông, cúi xuống đưa cho John, rồi mỉm cười nói: “Cô biết em thích gấu nhồi bông. Cô có cái này làm quà cho em đây.” John đỡ lấy con gấu ôm vào lòng và nói khe khẽ: “Cảm ơn cô.” rồi mệt mỏi nhắm mắt lại ngủ. Chi đứng nhìn John vài phút rồi từ biệt bà mẹ ra về. Ra đến cửa bà nói khe khẽ: “Cảm ơn cô nhiều lắm. Nhưng nếu lần sau cô có đến thăm cháu, xin cô đừng mua quà cho cháu. Cháu có nhiều đồ chơi lắm rồi.”



Ngày Thứ Hai, John vẫn vắng mặt. Chi nóng lòng, gọi điện thoại lại nhà John; nhưng không có ai trả lời. Chi đoán ông bà đã đưa con đi bác sĩ. Buổi chiều, vừa về tới nhà là Chi lại gọi điện thoại đến nhà John; nhưng vẫn không có ai trả lời.

Sau khi ăn cơm tối xong, Chi lại gọi điện thoại nữa thì có tiếng ông bố John trả lời. Ông cho Chi biết bác sĩ nói là John bị ung thư máu và phải ở trong bệnh viện để bác sĩ thử nghiệm thêm và chữa trị. Chi hốt hải muốn vào thăm John ngay; nhưng ông nói giờ thăm bệnh nhân đã chấm dứt. Chi đành hỏi số điện thoại ở nhà thương và số phòng của John để đi thăm ngày hôm sau. Chi quay qua nói với Khoa: “Ngày mai em sẽ đón bé Văn và cho nó ăn uống rồi anh chịu khó ở nhà trông con để em vào nhà thương thăm một học sinh đang đau nặng.”

Khi đến nhà thương ngày hôm sau, Chi thấy John đang ngủ li bì và bà mẹ đang ngồi bên giường cầm tay con. Bà ra hiệu cho Chi giữ yên lặng rồi thông thả đứng lên đưa Chi ra bên ngoài cửa phòng và ghé tai Chi nói nhỏ: “Bác sĩ nói cháu bị ung thư máu thuộc loại rất nguy hiểm. Cháu sẽ phải làm hoá trị (chemotherapy)

ngay ngày mai. Bác sĩ còn phải chờ kết quả cách chữa bằng hoá trị rồi mới theo đó mà quyết định những phương pháp trị liệu kế tiếp.”

Chi lặng người đi, không nói được một lời, chỉ biết nắm chặt lấy tay bà mẹ John. Sau một hồi, Chi cố lấy lại bình tĩnh, nói nhỏ với bà: “Chắc bà cũng mệt lắm. Bà để tôi ở đây với cháu. Bà nên đi ăn uống và nghỉ ngơi một chút. Tôi có thể ở đây với cháu đến 9 giờ.” Bà cúi đầu nói: “Nếu vậy thì cảm ơn cô lắm. Tôi chạy đi một lúc rồi sẽ trở lại ngay. Nhà tôi sẽ đến thay thế cho tôi lúc 10 giờ. Nhà thương chỉ cho một người ở trong phòng để trông bệnh nhân thôi.”

Sau khi bà mẹ đi rồi, Chi ngồi xuống chiếc ghế nhỏ bên giường, đưa tay nhẹ nhàng cầm lấy tay John, nước mắt ứa ra chảy cả xuống má. Một lúc sau John chợt quay rồi mở mắt ra. Thấy Chi, nó nở một nụ cười thật tươi. Chi sung sướng cúi xuống hôn lên má nó, hỏi khe khẽ: “Em mệt không?” John nói nhỏ: “Em mệt một chút thôi.” Chi cầm lấy một quyển truyện để ở cuối giường và hỏi John: “Em có muốn cô đọc cho em nghe một truyện không?” John đồng ý ngay: “Vâng, cô đọc cho em nghe một truyện.” Chi vừa đọc truyện vừa đưa mắt nhìn John. Chi mới đọc được hai trang thì John lim dim mắt lại và ngủ thiếp đi.

Những ngày kế tiếp Chi đều đặn vào nhà thương tiếp tay bà mẹ trông nom John từ 7 giờ rưỡi đến 9 giờ tối mới về. Ông Hiệu Trưởng nghe tin một học sinh đau nặng và cô giáo Chi đã đến thăm em này hàng ngày thì cảm động lắm. Ông lại báo tin cho tờ báo *Gazette*. Một phóng viên đã tìm đến nhà thương để chụp hình John và cô giáo Chi. Một tuần sau trên trang nhất tờ *Gazette* có in một phóng sự dài dưới tiêu đề “MỘT CÔ GIÁO TẬN TÂM” với hình màu cô giáo Chi đang ngồi bên giường bệnh cầm tay John.

Bệnh tình của John càng ngày càng nguy kịch hơn. Sau ba lần làm hoá trị tóc John đã rụng hết. John hay nôn ọe, ăn rất ít và gầy hắt đi. Bác sĩ nói cho ông bà Kriege biết là ít có hy vọng gì John có thể qua khỏi được. Ông bà Kriege đã báo tin buồn này cho Chi. Cả ba người cùng đồng ý rằng số phận John đã như vậy thì buồn phiền, khóc than cũng chẳng

ích gì. Cách tốt nhất là trong những ngày John còn ở đây, tất cả đều cố gắng đem lại cho John những phút thoải mái, sung sướng. Bà Kriege đã mua sẵn một bịch lớn những đồ chơi đưa cho Chi để Chi mỗi ngày mang lại cho John một món. John hình như đã quen với giờ giấc có cô giáo Chi đến thăm và thường cố thức để chờ Chi. Nó cười và đưa tay đỡ lấy món đồ chơi Chi mang đến và ôm chặt vào lòng. Chi cúi xuống ôm lấy nó và hôn lên má lên môi nó. John đưa tay ra cầm lấy tay Chi và nũng nịu: “Cô đọc một truyện cho em.” Rồi chỉ mấy phút sau là nó ngủ thiếp đi.

John kêu đau đớn khắp người. Bác sĩ phải cho tiêm thuốc giảm đau để John khỏi cảm thấy đau; nhưng thuốc làm John ngủ li bì.

Chi đoán chừng những ngày cuối cùng của John đã tới và xin phép nghỉ luôn ba ngày để ở trong nhà thương với John. Ông bà Kriege cũng được nhà thương thông cảm cho ở luôn bên giường với con. Một buổi sáng, bà Kriege đang bế John trong lòng thì thấy John mở mắt nhìn vòng chung quanh như thể để ghi nhận mọi người thân một lần cuối rồi thân thể John mềm rũ, hai mắt dờ ra và nhắm lại. Bà Kriege kêu lớn tiếng lên: “Con tôi! Con tôi đi rồi!” Bà òa lên khóc. Chi cũng òa lên khóc theo. Ông Kriege đưa tay lên chùi vội nước mắt đang dàn dụa chảy xuống má. Bác sĩ và y tá thường trực đến ngay và sau khi khám nghiệm đã xác nhận là John vừa qua đời.

Lễ cầu nguyện và thăm viếng được tổ chức vào 5 giờ chiều ngày Thứ Sáu. Số người đến tham dự rất đông đảo. Người ta đến để chia buồn với gia đình Kriege, và cũng tò mò muốn biết mặt cô giáo Chi mà tờ báo *Gazette* đã có nhiều bài ca tụng. Chi ngồi khiêm nhượng ở hàng ghế gần cuối phòng. Khi mọi người sắp hàng để lên viếng quan tài, Chi cũng thông thả đi lên. Nhưng khi đến bên quan tài thì Chi không ngăn được nổi xúc động nữa. Chi cúi xuống ôm lấy quan tài và òa lên khóc làm cho ai nấy đều mũi lòng.

Lễ cầu nguyện chấm dứt. Mục sư đọc lời cầu nguyện cuối cùng. Ông Kriege đứng lên nói vài lời cảm ơn. Mọi người yên lặng ra về. Ông bà Kriege lùi lại sau chờ Chi để cùng đi ra. Khi đã ra ngoài, ông Kriege ân cần cảm ơn Chi

một lần nữa trước khi từ biệt. Bà Kriege đứng lại nhìn theo Chi rồi quay sang nói nhỏ với chồng: “Anh ra xe trước ngồi chờ em. Em muốn nói chuyện với cô Chi một chút.”



Ông Kriege bước ra xe. Bà Kriege gọi với theo Chi: “Cô Chi, cô Chi.” Nghe tiếng bà Kriege, Chi đứng lại, chờ đợi. Bà Kriege đến bên Chi, đưa hai tay nắm lấy tay Chi, rồi nhìn thẳng vào mắt Chi khe khẽ hỏi: “Cô là mẹ ruột John, phải không?” Chi biến sắc mặt, mở rộng mắt nhìn bà Kriege một hồi rồi gật đầu nói: “Vâng. Tôi cũng đoán chừng rồi bà sẽ nhận ra. Bây giờ bà đã biết rồi thì tôi cũng nói cả mọi chuyện để bà biết.”

“ Vào năm 1971, tôi đang là giáo viên thì nghe tin chính phủ có chương trình tuyển chọn một số giáo viên ưu tú và giỏi Anh Ngữ và gởi sang Hoa Kỳ tu nghiệp để về dạy ở trường Sư Phạm. Tôi muốn tìm đường tiến thân nên sau giờ dạy học, tôi đi học thêm Anh Ngữ ở Hội Việt Mỹ.

Tôi thường đến lớp Anh Ngữ sớm và cùng một vài người bạn ngồi uống nước ở trong snack bar. Một hôm người bồi bàn bưng nước ra đã vấp vào chân ghế làm đổ cả mấy ly nước vào người tôi. Tôi còn đang lỉnh quính chưa biết làm sao thì một sĩ quan Hoa Kỳ ngồi bàn gần đó đã nhanh nhẹn đem đến cho tôi một nắm khăn giấy để tôi lau người và quần áo. Ông ta nhìn tôi, thương hại và nói: ‘Tôi có xe Jeep. Nếu cô muốn thì tôi có thể đưa cô về nhà thay quần áo rồi lại đưa cô về lại đây cho kịp lớp học’. Không còn cách nào hơn, tôi bằng lòng làm theo lời ông ấy. Mấy ngày sau ông ấy lại vào snack bar khi chúng tôi đang ngồi uống nước ở đó. Ông ấy ngồi vào bàn nói chuyện với chúng tôi. Ông ấy tự giới thiệu là đại úy thủy

quân lực chiến, tên là John Britta, có nhiệm vụ giữ an ninh cho Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ. Chúng tôi vui mừng có dịp thực tập tiếng Anh và nhất là thấy ông ấy rất lịch sự.



Cuối tuần sau đó John mời tôi đi ăn và đi khiêu vũ. Rồi chúng tôi yêu nhau tha thiết. John hứa sẽ đưa tôi về Hoa Kỳ vào kỳ nghỉ phép tới để giới thiệu tôi với cha mẹ John và rồi chúng tôi sẽ làm lễ thành hôn.

Một hôm tôi đang dạy học thì nghe một tiếng nổ rất lớn làm rung chuyển cả cửa kính. Sau đó radio loan tin một chiếc xe vận tải đã ngừng lại trước Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ; người tài xế bỏ xe chạy và mấy phút sau thì bom trên xe đã nổ. Bom đã nổ mạnh đến nỗi làm sụp hẳn phía trước Tòa Đại Sứ. Tôi sợ hãi, gọi điện thoại cho John; nhưng lúc đó, mọi liên lạc truyền thông với Tòa Đại Sứ đã hoàn toàn ngưng đọng. Tôi nóng lòng chờ tin John; nhưng không thấy John gọi điện thoại cho tôi. Biết có chuyện chẳng lành, tôi tìm đến chỗ ở của John và một người lính canh cho tôi biết John đã tử nạn, xác đã được đưa ngay về Hoa Kỳ.

Tôi khóc thương John biết là bao. Một tuần lễ sau thì tôi biết tôi đã có bầu. Tôi lo lắng cho đời tôi và nhất là cho đứa con đang còn nằm trong bụng tôi. Trong xã hội Việt Nam, một người đàn bà có con lai sẽ bị coi là thứ đàn bà hư hỏng. Tôi sẽ phải bỏ việc dạy học và tôi có biết làm gì khác để sinh sống đâu. Đứa con lai của tôi sẽ bị dè bieu, chế diễu, sẽ chẳng dám đến trường học. Rồi nó sẽ thành một đứa trẻ bụi đời, lang thang đầu đường xó chợ. Càng nghĩ tôi càng thấy xót xa, đau đớn. Có lúc tôi đã nghĩ đến chuyện phá thai.

Nhưng mẹ tôi đã khuyên bảo tôi phải tìm giải pháp khác. Mẹ tôi khuyên tôi xin nghỉ việc tạm một thời gian, lên ở với cô tôi ở Đà Lạt cho đến ngày sinh rồi nhờ các bà sơ tìm cha

mẹ nuôi người da trắng cho con tôi. Tôi nghe lời mẹ tôi. Tôi đứt lòng đứt ruột khi phải cho nó đi. Nhưng nghĩ đến tương lai của nó, tôi đành chịu đau khổ một mình. Tôi chỉ xin các bà sơ đặt tên nó là John. Tôi nhìn kỹ mặt mũi và thân thể con tôi một lần cuối. Tôi thấy một vết đỏ thẫm to gần bằng đầu ngón tay cái trên mông phải nó.

Năm 1975, tôi theo gia đình di cư sang Hoa Kỳ. Tôi gặp chồng tôi bây giờ ở trong trại tị nạn Fort Chaffee và chúng tôi đã làm lễ cưới ngay trong trại. Chúng tôi được một con trai một tuổi rưỡi. Tôi vẫn nghĩ đến đứa con mà tôi đã phải cho đi, băn khoăn không biết nó đã trôi dạt về đâu. Không ngờ trời run rủi, tôi được gặp lại nó. Tôi đã nhận ra những nét nó giống bố nó và nhất là vết đỏ trên mông nó. Tôi sung sướng như vừa tìm thấy thiên đàng. Tôi cảm ơn ông bà đã thương yêu nó hết lòng. Thôi thì số trời cho nó được sống có bấy lâu. Nhưng nó đã mang lại bao nhiêu là tình thương cho ông bà và cho tôi. Tôi không có gì hối tiếc nữa. Cảm ơn ông bà đã cho tôi được gần gũi với nó trong gần một năm nay.”



Bà Kriege nghẹn ngào không nói được gì. Mỗi một lúc sau, bà mới lấy lại được bình tĩnh, nắm chặt lấy tay Chi, nói: “Chúng tôi cũng cảm ơn cô rất nhiều”. Hai người đàn bà bịn rịn như không muốn rời nhau ra.

Phút từ biệt đã tới. Hai người mẹ bước đi, mỗi người một ngã. Được một quãng hai người quay đầu nhìn lại nhau một lần cuối, mỗi người mang theo một nỗi niềm riêng...

HẾT



Tôi Về Hưu

Phạm Lương An

Tháng 11/07 tôi về hưu sau 43 năm công vụ, 20 năm tại Việt nam và 23 năm tại Mỹ. Nhân dịp này tôi có cảm tác bài thơ sau đây theo lối bảy chữ tám câu:



Giờ đây tôi đã được về hưu,
Lòng tôi nay cảm thấy rất vui.
Yêu nghề được bốn mươi năm lễ,
Hạ cánh an toàn chẳng luyến lưu.
Vui đùa cùng cháu rồi lên Net,
Bạn bè tứ xứ vẫn giao lưu.
Còn làm phụ việc cho bà xã,
Sớm trà tối rượu ít lo âu.

Các thân hữu đã có những bài họa lại như sau:
2 bài của **Hoàng Tá Thích**, Canada: “Mừng Bạn Ta về hưu”.

Không phải già mới phải về hưu,
Thoát được đi cày là thấy vui
Bao năm trả nợ đời cơm áo,
Chẳng có chuyện gì phải luyến lưu
Thiên trà nhất vị cùng một nét,
Thì giờ dư dả để giao lưu
Vợ ngoan con cháu dư đình đám,
Đời còn chi nữa để lo âu

Chưa già nhưng đến lúc phải lui,
Miễn sao trong lòng vẫn thấy vui
Bao năm miệt mài lo cơm áo,
Quên hết chuyện may lẫn chuyện xui
Giờ đây trà rượu rồi lên Net,
Ngày tháng tiêu dao đủ vị mùi.
Cùng đàn cháu con thường quanh quẩn,
Cuộc đời đã ngọt càng thêm bồi.

Bài của **Quảng Thuận Đình Xuân Dũng**, USA:

Tuổi già gác kiếm hợp lúc lui,
Trách nhiệm hoàn thành thấy vui vui
Cháu chắt bạn bè tặng thăm viếng,
Vợ già, bỏ trẻ xả hết xui

Thích hoa, thưởng đẹp mò lên Net,
Chuộng gái, ưa xuân ngắm ảnh mùi
Đông lạnh đêm dài chung sưởi ấm,
Tri âm đối ẩm xẻ thơm bồi

Bài của **Tâm Hữu Lê Đình Thọ**, USA:

Chưa tới bảy mươi đã nghỉ rồi,
Từ nay gác bút để mà chơi.
Có làm thêm nữa xài chi hết,
Xi tốp cho rồi để thành thôi.
Bạn hữu, rảnh rang năng họp mặt,
Cháu con, nhàn rồi gặp hoài thôi.
Tuổi vàng an hưởng nhờ ơn phước,
Sắp xếp duyên do cũng bởi trời.

Bài của **Lê Thanh Hà**, Việt Nam:

Tuổi cao sức xuống phải de lui,
Mà bạn trong lòng vẫn thấy vui
Bốn chục năm theo nghề có lẽ,
Hai mươi năm cách nước không xui
Chừ vui cháu nhỏ ghiền lên Net,
Hiện khoái bạn già mê thơ mùi
Phụ vợ đêm khuya hơi cứ xả,
Sáng trà tối rượu vị càng bồi.

Bài của em gái **Phạm Ngọc Túy**, Việt Nam:

Mừng Anh tuổi xế thông dong,
Cảnh nhà êm ấm cháu con hiệp vầy.
Bốn mươi năm lễ đủ đầy,
Mãi vui cống hiến tuổi đời dần trôi.
Về hưu - Ừ nhĩ về thôi!
Thăng trầm đã lắng, chén đời hoan ca.
Vô ưu giữa chốn thanh nhàn,
Trí tài phải lúc lánh ra cõi ngoài!
Mai trà rượu tối không quên,
Nói dây bè bạn cho bền trước sau.
Bi bô tiếng trẻ bên lầu,
Tri âm ta có bạn Hồng kề bên.
(Hồng là tên vợ AH An)



CÂU CHUYỆN MỘT

CÁI NÓN

Lê văn Trò

Có một chiếc nón đã che mưa giải nắng cho một lữ khách trên nửa đường dài.

Không biết vì nguyên nhân nào người lữ khách đã về đâu, để lại chiếc nón một mình dưới gốc cây bên vệ đường.

Đột nhiên một cơn mưa rào kéo đến, ba hôm sau không biết vì vô tình hay hữu ý của tạo hóa, một chiếc nấm đã được mọc lên và thật tình cờ ngay dưới chiếc nón kia.

Chiếc nấm tuy thật nhỏ bé nhưng thật trong sáng cũng đủ sức nâng chiếc nón kia lên khỏi mặt đất để đón nắng ấm và hít thở không khí trong lành sau cơn mưa...

8-12-98

Cách biển

Anh đứng nơi này nhìn bên nớ

Em ở bên đó có gì vui

Có thấy mây bay qua song cửa

Nhìn bóng chim bay lẻ một mình

Anh ở bên nì trời vẫn vũ

Nhìn án mây bay tưởng bóng người

Gió lung lay cửa ngõ em đến

Nhìn lại đìu hiu chỉ một mình

3-17-99



Phiên Phiên Tuổi Già

(Dành cho các Ái hữu trên 50 tuổi. Dưới 50 xin đừng đọc)

Tràm Cà Mau



Bạn tôi, có ông tự xưng là Hai Hô. Bởi rằng ông hô. Ông rất thích thú với danh xưng này. Ông thường nói rằng, ngày xưa còn trẻ, hăng tiết vọt, ai nói gì, đúng hay sai, cũng tìm lời cãi lại. Bây giờ già rồi, nghe ai nói gì cũng thấy xuôi tai, đúng hết. Bởi già rồi, có nhiều kinh nghiệm, thấy được đúng, sai, có nhiều mặt khác nhau.

Bà mẹ ông đã 92 tuổi, mà thường hay nói câu: “Mai mốt tôi già rồi thì...” Mỗi lần nghe câu đó, ông vội cắt ngang lời mẹ, và hỏi lại: “*Hơn chín mươi tuổi rồi mà chưa già hử mẹ? Thế thì bao nhiêu tuổi mới là già?*” Bà cụ chỉ cười, không đáp lại. Vợ ông thường nháy mắt, nhìn ông che dấu nụ cười bí mật. Người em ông nói: “*Theo tôi, thì không có ai già, và cũng chẳng có ai trẻ. Già hay trẻ, là một khái niệm rất tương đối. Hồi tôi mười bốn, mười lăm tuổi, thấy các chị hàng xóm mười bảy hay mười tám tuổi là đã già khủi đi. Già như sắp mua hòm được rồi. Thế mà khi tôi sáu mươi tuổi, tôi thấy các bà năm mươi là trẻ, và các bà bốn chục tuổi là bọn con nít. Thế thì già hay trẻ, không phải tùy theo số tuổi của họ.*”

Ông Hai nói, có một lúc nào đó, con người trở nên già. Này nhé, mỗi khi đi ra đường, nếu chỉ thấy các bà già nhìn mình, mà các cô gái trẻ không dòm mình nữa, thì phải hiểu là mình đã

già rồi. Lại nữa, mỗi sáng đứng trước gương, thấy trán mình cao hơn, tóc rụng nhiều, đừng tưởng mình trở nên thông thái, mà phải biết đó là dấu hiệu già. Nếu mình thấy mọi người dường như trẻ lại, thì chính mình già đã đi, vì mình so sánh thiên hạ với cái bóng của mình trong gương soi mỗi ngày.

Ông nói, tuổi già báo hiệu khi sinh lý bắt đầu yếu. Nhịp độ “gần gũi” của vợ chồng thưa dần. Và đôi khi cố gắng làm vừa lòng bà vợ theo định kỳ, mà không có hứng khởi. Những khi đó, nếu bà vợ gạt ra, không cho gần gũi, thì trong lòng lại mừng hóm, vì có cái cớ để không làm tròn “bốn phận” mà không áy náy. Ông nói, bực nhất là những lúc mình đang hăng, đang nóng máu, sắp xáp chiến, mà bà vợ cứ cản nhả về những chuyện không đâu, như cái hàng rào bị gió vật nghiêng, cây hoa hồng lá bị bạc mốc, con chó bị rận bọ chết. Thế là cả cái thân già nó xiu xuống như cọng bún thiêu. Chẳng làm ăn chi được nữa cả. Đành bỏ cuộc vui nửa chừng. Khi còn trẻ, vào những lúc sắp gay cấn như thế này, thì dù cho sét nổ trên đầu, cũng không nghe, không biết.

Có người hỏi ông sao không dùng viên thuốc thần kỳ, làm cho vợ chồng vui như thuở ba mươi. Ông nói, đừng tin mà chết sớm, đau tim mà dùng thuốc này, thì lẫn dùng ra mau lắm. Hồi trước, ông cũng xin ông bác sĩ cho toa thuốc này, bác sĩ ấy không chịu. Ông cũng hơi giận, nhưng bây giờ thì cảm ơn, vì biết được cái nguy hại của nó. Vui chốc lát, mà bỏ mạng, lãng nhách. Theo ông, thì vợ chồng già, ghiền cái hơi của nhau hơn là chuyện vật nhau lăn lộn trên giường. Chỉ cần luồn tay vào áo bà vợ già,

mà tìm trái mướp, cũng đủ làm cho bà ấy vui rồi.

Nói về cái tai điếc, ông nói: “Có một lúc nào đó, mình nghe nhạc, cứ tưởng là các anh chị ca sĩ dạo này không còn hát hay như ngày xưa. Không phải vậy đâu. Thời nào cũng có ca sĩ giọng hay. Nghe không hay vì cái tai mình đã nặng, lằng. Rồi cứ tưởng nhạc dở. Đó là dấu hiệu già. Nhất là khi nghe truyền thanh, truyền hình, thì con cái, hàng xóm, cứ than phiền mở âm thanh quá lớn. Theo mình, âm thanh như vậy chỉ vừa đủ nghe, mà họ bảo oan cho mình là quá lớn.”

Ông Hai nói với một bạn già rằng, khi già, lằng tai, điếc tai cũng có cái lợi lớn. Là khi nào vợ nói lời êm ái, dịu dàng, yêu thương, thì nghe cho sướng tai. Khi nào bà trở chứng trách móc, chê bai, than vãn, nói nặng lời, thì cứ nhè-nhẹ gỡ cái máy trợ thính ra, chỉ thấy bà nhóp nhép cái miệng, trông tức cười lắm. Không nghe, thì không bực mình, không giận hờn, mà còn cười, đôi khi nụ cười rất rạng rỡ, cười rất dễ thương nữa. Bà vợ nói như gió vào phòng trống, thấy ông chồng không giận, mà còn cười vui, thì đành im miệng cho đỡ tổn hơi. Và đôi khi còn thương thêm, vì tưởng ông chồng khéo nhịn. Nhưng một ông bạn khác, nói rằng, khi bà vợ trách móc và thở than, thì để bà ấy nói, cho xả ra, nhẹ bớt bực tức trong lòng. Bởi vậy, mỗi khi vợ ông than vãn, trách móc, thì ông mừng và lắng nghe. Nếu bà ngưng nói, thì hỏi rằng em có gì cần nói thêm, than vãn thêm không, hãy nói cho hết đi, anh nghe đây. Thế là bà dịu xuống, và bà cảm thấy hơi quê quê, nên thôi.

Ông Hai nói, khi già, mắt yếu, cầm cuốn sách lên, là móc túi tìm cái kiếng. Không có kiếng thì đành chịu thua. Khi đó, mình ít đọc sách hơn ngày xưa. Rất nhiều bạn ông than phiền rằng, dạo này, sách vở, báo chí họ in chữ nhỏ hơn, khó đọc. Không phải đâu. Mắt mình mờ, kém, chứ không phải chữ in nhỏ lại. Mấy anh trẻ hỏi ông có bực vì mắt kém không, ông Hai nói rằng, việc chi mà bực?. Phải mừng chứ đừng bực. Mừng và cảm ơn khoa học tiên bộ, giúp cho mình còn thấy rõ hơn, nghe rõ hơn,

mà nếu mình sống mấy trăm năm trước, thì đã mù loà, và điếc đặc rồi. Dù cho nghe ít, thấy không rõ hoàn toàn, nhưng có thấy, có nghe, đã là quá quý rồi. Tuổi đã cao, mà còn thấy được người thương yêu, con cháu, bạn bè. Còn xem truyền hình, phim truyện, thì đã nhận được rất nhiều ân phước của trời ban cho. Phải biết cảm nhận và cảm ơn trời

Bây giờ, đi đâu xa ông cũng ngại. Đi du lịch, điều nghĩ đến trước tiên của nhiều người già như ông, không phải cảnh đẹp, điều hay, cái lạ, mà nghĩ đến cái cầu tiểu. Không biết nơi đó có hay không. Cứ vào quán xá, hội trường, thì có thói quen, trước tiên là xem cầu tiểu nằm đâu. Quán nào mà không có cầu tiểu, thì dừng hòng có nhiều ông bà già bước vào. Ông rất sợ mai đây xui xẻo, người ta tôn ông lên làm lãnh tụ. Vì thấy mấy ông lãnh tụ đứng đọc diễn văn, họp báo, duyệt binh, diễn hành, đứng hàng giờ, phải nín tè, khó chịu, mệt và khổ lắm. Ông cũng rất ngại ngủ nhà lạ, cứ nửa đêm, nhiều lần mò mẫm trong bóng tối dậy đi tiểu. Xối nước ào ào làm người khác mất ngủ. Chưa kể lạ nhà, đêm tối, lạc đường mở nhầm cửa phòng vợ, con người ta, thì cũng bẽ bàng.

Một lần, bà vợ đề đầu ông xuống mà nhuộm tóc cho ông. Mấy hôm sau, lên xe công cộng, ngồi vào ghế dành cho người cao niên. Ông thấy có một “lão trượng” đứng nhìn ông chăm chăm, như ngằm hỏi, sao không nhường ghế ngồi cho người già cả. Ông đoán chắc, chín mươi phần là “lão trượng” kia còn nhỏ tuổi hơn ông. Ông cứ ngồi lì, làm lơ. Nhưng khi thấy hành khách chung quanh nhìn, như thúc dục, như nhằn nhủ bằng ánh mắt khó chịu, thì ông nhột quá, đứng dậy nhường ghế cho lão trượng kia. Ông nghĩ, không lẽ phải thét lên là tôi còn già hơn lão, và không lẽ phải móc cấn cước ra mà chứng minh?. Thôi thì đứng dậy, cho bớt nhột và ngượng ngùng. Rồi tự an ủi rằng, đứng cũng là một cách tập thể dục tốt.

Khi có ai hỏi tuổi, ông Hai Hồ cũng tự cộng thêm gần chục năm. Thế là thiên hạ rồi rít khen trẻ, xít xoa hỏi làm sao mà giữ được trẻ trung như thế. Ông cười, nói đùa rằng, cứ theo đúng

lời dạy vàng ngọc của người xưa để lại, là “đêm bảy, ngày ba” cho khí huyết lưu thông, điều hoà, thì cơ thể trẻ trung mãi. Ông nói rằng, nếu có khai truyệt đi năm ba tuổi, cũng chẳng có lợi ích gì, vì mình đâu có toan tính chinh phục, tán tỉnh ai. Khai truyệt tuổi, đôi khi người ta còn chê, là trông già trước tuổi. Lại nữa, phong tục của mình, là kính trọng người lớn tuổi. Nhưng các bà, các cô thì khi nào cũng dẫu tuổi, cứ 18 tuổi thì khai là 16, khi 20 khai là 18, và lúc 23 khai là 20. Cứ khai truyệt vài ba tuổi, và cảm thấy sượng khi được người khác tin. Khi phải đoán tuổi, ông thường rộng rãi hạ xuống cho các bà, các cô từ năm đến bảy tuổi, để họ sượng, mà ông không mất chi cả, cũng là làm một điều thiện nho nhỏ trong ngày, làm cho người khác vui, yêu đời hơn.

Đạo sau này, khi ông ăn uống, thường thức ăn bị đổ vung vãi. Nhiều lần ông tự bảo là cẩn thận. Nhưng hình như cái tay nó không hoàn toàn theo mệnh lệnh của cái đầu nữa. Đưa cơm vào miệng không gọn gàng, cứ rớt ra vài chút. Đôi khi tay run, mà ông không biết. Ông cho đó là dấu hiệu của tuổi già. Nhiều lần bà vợ ông nhăn nhó, la nạt, vì làm đổ thức ăn. Một lần ông nhớ lại câu chuyện đứa bé đeo cái chén gỗ, cha mẹ hỏi đeo làm gì, nó nói là để sau này cho cha mẹ ăn, như cha mẹ đã cho ông nội ăn chén gỗ. Ông nhỏ nhẹ nói với vợ rằng, nhờ bà đeo cho ông một cái chén gỗ, rồi mỗi bữa dọn cho ông ăn sau vĩa hè, bên thềm. Nghe thế, bà vợ nhìn ông một lúc lâu, rồi rung rung nước mắt. Từ đó, bà hết cần nhằn khi ông làm đổ thức ăn. Ông hay quên. Đôi khi đi xuống nhà kho, mà ngân ngơ không biết định xuống để làm gì. Quên trước, quên sau. Một bạn già của ông nói, nếu “cái đó” mà ông trời không bắt dính chặt vào người, thì có khối ông già để quên trên xe buýt, trên tàu điện, ngoài công viên, và khi cần đi tiểu, thì chạy quanh, quỳnh lên, mà tìm không ra. Còn triệu chứng khác nữa, là làm biếng tắm, đôi khi hai ba ngày ông chưa tắm. Cứ nghĩ là có làm chi dơ đâu mà phải tắm. Nhưng rồi nhận ra, thì tuổi già sợ lạnh, nhạy cảm với cái lạnh, nên ngại tắm. Vì thế mà có nhiều cụ già có mùi, họ đâu biết. Ông phải rán tập thói quen, nóng lạnh chi cũng rán

tắm mỗi ngày một lần, ngoại trừ trường hợp đặc biệt.

Bà mẹ ông 92 tuổi, đi ăn tiệm, cần cang cua-rang-muối nghe rau rầu. Thực khách trong tiệm tròn mắt ra mà nhìn. Còn ông, thì ngay cả bánh mì mềm của Mỹ cũng không dám cắn, dùng tay xé nhỏ ra rồi bỏ vào miệng. Bà mẹ ông, ăn uống không kiêng cử chi cả. Thịt heo quay, vịt quay, cá chiên, gà chiên, bún bò giò heo, phở, nước béo, các thứ độc địa đều ăn tuốt. Thế mà bà không cao mỡ, không cao máu, dù thân thể tròn quay. Cái đó cũng nhờ trời cho. Nhiều bác sĩ cũng khuyên bà, cứ ăn uống thả dãn, cho sượng cái miệng, đừng kiêng cử làm chi nữa khi ở cái tuổi này.

Nhiều ông bạn ông, kiêng khem kỹ lắm, kiêng đủ thứ. Họ xem ba thứ sau đây ngang hàng với thuốc độc: Ngọt, mặn và béo. Họ ăn nhạt, không dám ăn đường, ăn béo. Thấy đồ chiên, là họ đã tái mặt. Họ ăn mãi quen miệng, và thấy các thứ thức ăn không mùi, không vị kia cũng ngon. Bời khi đói, thì cơm thiêu, cơm cháy cũng thành ngon. Có kẻ bảo, uống quá, phí thức ngon của trời cho. Nhưng những người kiêng cử này nói rằng, không tội chi đem chất độc vào người, rồi bệnh hoạn, hối không kịp.

Một ông bạn cho ông Tư biết rằng, theo nghiên cứu của đại học Rockefeller, thì có ba điều kiện để cho người già khỏe mạnh và ít bệnh là: 1) ăn bằng một nửa của bữa ăn bây giờ, 2) thể dục thường xuyên, và 3) làm tình đều đều. Ông không tin, và cho rằng, cái đó chỉ đúng cho người Mỹ mà thôi. Mỗi bữa, họ ăn miếng thịt



to bằng bàn tay, một bữa ăn của họ, mình có thể ăn ba bốn ngày mà chưa hết. Nếu mình chỉ ăn bằng một nửa của bây giờ, thì sẽ suy dinh dưỡng, sớm đau ốm mà chết. Còn chuyện thể dục thường xuyên,

thì đúng trăm phần trăm. Phần làm tình đều đều, có lẽ không ai chắc, vấn đề là còn làm được hay không, mà còn đòi đều đều. Mình cứ ăn bình thường, đừng ăn quá no, cũng đừng ăn đói. Cứ theo cái đạo trung dung của người xưa đã bày ra từ mấy trăm năm nay. Rượu chè, nếu uống được, thì uống vừa vừa, cũng tốt cho sức khoẻ. Đừng say sưa là được. Lâu lâu cũng rán vui vợ, vui chồng cho khỏi lạt lẽo. Ông Hai đã chữa bệnh biếng ăn cho nhiều bạn bè rất công hiệu. Đó là đừng ăn vặt, và chờ cho khi thật đói mới ăn, chưa đói rồi thì chưa ăn. Như vậy thì ăn gì cũng thấy ngon.

Ông có quan niệm phóng khoáng hơn về sự sống và cái chết. Ông cho rằng, chết là một tiến trình của đời sống, hợp với luật thiên nhiên của tạo hóa. Sự chết là vô lý. Không ai tránh khỏi cái chết, không sớm thì muộn. Ai cũng sẽ chết cả. Ngay cả Phật, Chúa, thần thánh cũng phải chết, huống chi mình là người trần mắt thịt. Chúa Giê-Su chết lúc mới 33 tuổi. Phật cũng chết, thọ không bằng các ông, các bà cụ bây giờ. Cứ thử nghĩ, nếu già mà không chết, thì bây giờ trên thế giới có đến hơn chín mươi phần trăm cụ già, cụ nào cũng mấy trăm tuổi, mấy ngàn tuổi, ho hen, run rẩy, chậm chạp. Lấy ai làm lao động mà nuôi các cụ?. Nhân loại sẽ đói cho vêu mả ra. Già thì phải chết để cho thế giới được trẻ trung hoá. Khi nào anh chị nghe tin một người già chết, mà lòng không buồn, không thương tiếc, thì anh chị được giác ngộ rồi đó. Có chi mà buồn?. Nếu người chết không để lại một gánh nặng gia đình, một đàn con dại cần nuôi dưỡng, dạy dỗ, một bà vợ chân yếu tay mềm, thì mừng cho người ta thoát được cái hệ lụy của trần gian. Khỏi lo công ăn việc làm, khỏi lo nhà cửa, khỏi lo thương ghét, ghen tuông, giận hờn, khỏi lo khai thuế cho đúng hạn kỳ. Khoẻ ru. Nếu người chết đã cao tuổi, trong nhiều năm nằm một chỗ, không nói năng, bại liệt, ăn bằng cách bơm qua ống nối với bao tử, nghe họ chết mà mình khóc lóc, tiếc thương, bi ai, thì hoá ra là không biết điều. Muốn người ta bị kéo dài thêm cái cực hình đó lâu hơn nữa, rồi mới được chết sao?. Nhiều khi, con cháu mừng cho thân nhân họ được chết, mà mình thì sụt sùi thương tiếc.

Ông thường nói, trong tuổi già, sức khoẻ là quý nhất. Nhưng nếu ai đó, có sức khoẻ tốt, không hề đau ốm, thì cũng là một sự nhàm chán. Họ đâu biết họ đang có cái quý báu nhất trong đời. Lâu lâu, phải đau vài trận, để nhắc nhở, và nhớ rằng, không ốm đau là sung sướng, là hạnh phúc lắm lắm. Làm sao bọn trẻ, và những người khoẻ mạnh biết được cái hạnh phúc, cái sung sướng của người già, khi buổi sáng ngủ dậy, mà thân thể không đau rêm, nhức nhối?. Cũng như nếu người ta chưa sống dưới chế độ kèm kẹp, hà khắc, thì làm sao biết được nỗi sung sướng khi được đặt chân lên miền đất tự do?. Nên quan niệm rằng, với sức khoẻ nào cũng tốt cả, đừng so sánh với trường hợp tốt hơn. Cứ vui với cái sức khoẻ mà mình đang có. Được khoẻ nhiều thì sướng nhiều, khoẻ ít, cũng sướng hơn, vì chưa đến nỗi tệ hại lắm. Nhớ đi khám bác sĩ đều đều, để khám phá ra bệnh, kịp thời chạy chữa. Một người bạn ông cho biết, không dám đi khám bệnh thường niên, vì sợ “bói ra ma, quét nhà ra rác”. Thế nào bác sĩ cũng tìm ra bệnh này, bệnh nọ trong cơ thể và thêm lo. Cứ để thế, rồi khi bệnh nặng thì chết. Bà vợ ông này khổ sở lắm, nhưng không thuyết phục ông được. Ông còn nói, bác sĩ thường cho uống thuốc chữa bệnh này, thì sinh ra thêm bệnh khác nữa. Hoặc bác sĩ chẩn đoán sai bệnh là thường. Có người đọc báo cáo y khoa, cho biết trên nước Mỹ, mỗi năm có đến hai trăm ngàn người chết, hoặc thương tật vì bác sĩ kém hiểu biết, hoặc sơ suất gây ra. Theo ông Hai Hô thì đừng sợ. Vì bác sĩ giỏi nhiều hơn bác sĩ dở, và bác sĩ có lương tâm nhiều hơn bác sĩ thiếu lương tâm. Đừng vì một số trường hợp xấu, mà sợ đi khám bệnh. Khám bệnh, để biết trước mà đề phòng, để chữa trị khi bệnh mới chớm, còn kịp, chữa trị dễ dàng hơn. Để ung thư ăn tràn lan ra rồi, thì chỉ có phép lạ, mới cứu được. Người ta, có thể mạnh khoẻ cho đến khi chết. Đó là trường hợp hiếm hoi. Nhưng đau yếu trong tuổi già là thường, không đau yếu là bất thường. Có một người than rằng, cứ đi vào, đi ra trong nhà hoài, chán quá. Ông Hai bảo rằng, được đi vào đi ra như thế là sướng lắm rồi, sao mà chán, vì có nhiều người khác mong được đứng dậy đi vài bước, mà không làm được, vì

bệnh. Nhưng theo ông, thì cái người nằm liệt trên giường, cũng tìm được cái thú vui riêng, khi nghe nhạc, nằm mơ mộng, nghĩ đến các kỷ niệm thời còn vàng son, nhớ đến những tội lỗi nho nhỏ mà họ đã phạm một cách cố ý và thích thú.

Ông Hai Hô tập thể dục đều đặn. Ông nói không ai chối bỏ được ích lợi của thể dục, dù già dù trẻ. Không bao giờ trễ để bắt đầu tập thể dục. Không thể dục, thì tâm thần nhão nhệch ra, rất dễ làm mồi cho bệnh hoạn. Đi bộ trong tuổi già là tốt nhất. Còn khỏe, thì đi nhanh, yếu thì đi chậm hơn, yếu hơn nữa, thì chống gậy mà đi. Có vận động là tốt. Đi bộ, xương đỡ lỏng, đỡ gãy tay chân khi vấp té. Đi bộ cũng làm cho mặt mày trẻ ra, lưng đỡ cong, thân thể đỡ đau đớn, mệt mỏi. Đi bộ cũng vui, nhất là đi với vợ, với chồng, nói đủ thứ chuyện vui buồn. Nhưng khi bà vợ bắt đầu cần nhàn vì những chuyện không đâu, thì phải giả vờ chạy, để bà lại phía sau, cho bà nói với cột đèn, cần nhàn với cây cỏ. Không có vợ đi cùng, thì đi với bà cụ hàng xóm cũng vui. Bà sẽ không bao giờ dám cần nhàn ông vì những chuyện không đâu. Bà sẽ lịch sự hơn. Đi với bà hàng xóm, ông bảo, đừng sợ thiên hạ hiểu lầm, cũng đừng sợ chính bà ấy hiểu lầm. Không hiểu lầm thì tốt. Hiểu lầm thì càng tốt hơn, vì làm cho bà ấy vui, làm bà nghĩ là còn sáng giá, còn có người ngưỡng mộ đến cái nhan sắc mùa thu của bà. Bà sẽ yêu đời hơn, sẽ ăn ngon, ngủ được, thế thì ông cũng đã làm được một điều thiện nho nhỏ. Ông nói, ông được nghe chuyện một bà cụ 88 tuổi, bà nói rằng, phải đi bộ, phải tập thể dục để chống lại bệnh hoạn. Mỗi ngày bà đi bộ hơn một giờ. Bà nói rằng: *“Mình phải biết tự thương mình. Con cái có thương mình, chúng có thể cho tiền bạc, quà cáp, chứ không cho mình sức khỏe được. Mình phải tự lo lấy, để mà sống cho vui, sống cho có chất lượng.”* Ông nói rằng, thể dục làm tăng tuổi thọ, chứ không làm giảm. Ngoại trừ ham tập, tập quá sức, thì lẫn kênh ra mà chết, mau lắm. Bơi lội là tốt nhất, vận động đủ các thứ bắp thịt. Nhưng tuổi già, thường sợ nước, sợ lạnh. Cái gì sợ thì không nên làm, hại cho sức khỏe, hại thân kinh.

Mỗi lần nghe có người than là mất ngủ, ông



thường nói say sưa về bệnh này. Theo ông thì những người này, đã ngủ đủ, ngủ thừa, nên không ngủ thêm được, mà tưởng là mất ngủ. Vì ban ngày, họ cứ thấy mệt, mắt riu lại, là ngủ những giấc ngắn. Nên biết, ngủ một giấc

chừng 15 phút lúc ban ngày, có thể tương đương với một giấc ngủ 1 hay 2 giờ ban đêm. Mỗi đêm, người bình thường, chỉ cần ngủ ngon chừng 3 hay 4 giờ là đủ mạnh như gấu bắc cực. Nếu không ngủ ngày, thì đêm về ngủ dễ lắm. Không phải tuổi già là mất ngủ, bằng chứng cho thấy chó mèo già ngủ li bì, ngủ ngày, ngủ đêm, ngủ liên miên. Người già dư thì giờ, ban ngày ngủ rồi, thì ban khó ngủ là chuyện thường. Ông thường nói rằng, đừng sợ mất ngủ. Khi không ngủ được, thì dậy đọc sách, viết thư, làm thơ, xem truyền hình, gõ máy vi tính, đọc thư bạn bè, hãy tận hưởng cái thời gian quý báu đang có. Rồi chờ cho thật buồn ngủ, không thức nổi nữa, vào giường nằm, sẽ ngủ được ngay, và ngủ một giấc ngon lành cho đến sáng. Đừng ép giấc ngủ, ép giấc ngủ sẽ khó ngủ hơn. Cũng đừng uống thuốc ngủ. Đại kỵ. Uống thuốc ngủ nhiều, làm hư hại hệ thống thần kinh. Đừng nằm nhắm mắt mà đếm cừu, nếu phải đếm, thì đếm những người tình cũ. Mau ngủ hơn. Nếu đời chỉ có một hai người tình thôi, thì đừng đếm một hai, một hai, không có lợi. Hoặc nằm mà hát trong trí những bài ca du dương, đẹp, gọi nhiều kỷ niệm êm ái, thân thương. Bà chị ông, cứ than phiền là mất ngủ, nhưng khi đi chơi, cứ leo lên xe thì quẹo đầu ngáy khò khò, ngủ suốt buổi, suốt ngày, ngủ mà quên xem phong cảnh. Ngủ như thế thì no rồi, dư rồi, nên khi đến khách sạn, thì làm sao mà ngủ thêm được nữa. Bà chị nói, đi chơi xa sợ mất ngủ. Bà ấy thực sự ngủ nhiều hơn ai cả, mà bà tưởng là

mất ngủ. Một chị khác than là mất ngủ kinh niên, ghé nhà ông chơi. Ông nói là sẽ chữa bệnh mất ngủ cho chị. Ông dẫn chị kia đi chơi, suốt ngày lội bộ, chị vừa đi vừa ngủ gật, ông không cho ngủ. Ông nhờ hết việc này qua việc nọ, không để chị có thì giờ mà ngủ gật. Đêm không cho đi ngủ sớm. Mới mười giờ đêm, mệt quá chị năn nỉ xin đi nằm, và đánh một giấc ngon lành dài đến sáng hôm sau. Trong mấy hôm liên tiếp đêm nào chị cũng ngủ li bì, ngủ ngon, không cần thuốc thang chi cả. Ông truyền bí quyết, là không ngủ ngày, mệt mấy cũng không ngủ, ban đêm đừng đi ngủ sớm, phải chờ cho mắt riu lại, mở không ra, mới đi ngủ, thì ngủ ngon.”

Nhiều người già tự đặt cho họ một kỷ luật để sống. Theo ông, thì có kỷ luật cũng tốt, mà không kỷ luật lại càng khỏe hơn. Nhiều người tính tình nghiêm khắc. Mọi sự đều phải rầm rập đúng như quy định mới chịu. Tội chi vậy, nếu không rầm rập, mà không chết ai, hại ai, thì rầm rập làm chi cho khổ mình, khổ người? Nên dễ dãi với mọi sự, dễ dãi với chính bản thân mình, kéo tội nghiệp nó. Khắc kỷ cũng là điều hay. Nhưng tội gì mà tự khắt khe với chính mình, người khác không khắt khe thì thôi. Nên cứ xem mọi sự như trò chơi. Chơi vui nhiều thì tốt, vui ít cũng tốt luôn. Ông không mong cái tuyệt đối, hoàn hảo. Trong một cuộc chơi, ông không hy vọng được tất cả mọi người tham gia, có ít vui ít, có nhiều vui nhiều. Hai ba chục người cũng vui, mà năm bảy bạn bè cũng vui luôn. Nếu hụt một cuộc chơi, một cuộc gặp gỡ, ông cũng không tiếc, chẳng sao cả, ông về nhà mở nhạc, mở TV ra mà thưởng thức. Ông nghĩ, được thêm một dịp nghỉ ngơi, yên tĩnh. Có lần đi trễ máy bay ? Ông bình tĩnh xin đi chuyến sau mà không được. Ông cũng cười, không bực mình, quay về nhà, pha một bình trà, đem một tập thơ ra mà ngâm vịnh, nằm ngửa mà thưởng thức cuộc tranh tài thể thao. Ông nói, đôi khi nhờ trễ một chuyến máy bay mà sống sót, nếu máy bay rớt. Chiều ra ngoài quán uống cá phê xem sinh hoạt phố phường. Nói chuyện tào lao với chủ quán.

Ông không bao giờ tranh luận gay gắt với ai. Ông nói, tranh luận làm chi cho mệt, rồi giận nhau?. Trong tuổi già, khi có cuộc tranh luận, thì tránh là tốt nhất. Nếu không tránh được, thì chịu thua đi, thắng làm chi, để cho đời ngắn lại?. Thắng tranh luận, làm thiên hạ ghét, làm mất lòng bạn bè, làm người bị thua tức giận, và nóng mặt, không ưa mình. Không ai ghét người thua trong cuộc tranh luận. Người thắng cuộc, dễ bị ghét hơn. Thử đánh một ván cờ xem, nhường cho đối phương thắng, làm họ vui hơn, không chừng mình được đãi đằng hậu hỉ hơn. Đến nhà người ta, mà cãi nhau, tranh thắng, làm họ mất mặt với vợ con, với bạn bè, thì đừng mong chi được tiếp đãi thắm thiết. Khi thua, mình không thiệt thòi, mất mát chi cả, mà lại được thương, tại sao không chọn tình thương, mà chọn cái bị ghét. Thắng tranh luận, cũng chưa chắc mình đã giỏi hơn người, mà giỏi hơn để làm chi? Và cũng chưa chắc người ta đã chịu cái lý của mình là đúng. Trong tình vợ chồng cũng vậy, nhiều ông nhiều bà tranh hơn thua từng ly, từng tí, cãi vã nhau tung bừa về những điều không ích lợi chi cho ai cả. Rồi giận nhau, nói nặng nhau, làm nhau đau đớn vì lời nói thiếu tử tế, thiếu lịch sự. Có ích lợi gì đâu. Tranh nhau thắng thua, làm sút mẻ hạnh phúc gia đình, làm mất đi thì giờ quý báu bên nhau, làm không khí gia đình nặng nề. Đừng bao giờ nói là phải làm cho ra lẽ, không thì hoá “lùng”. Hãy cứ để cho chồng mình, vợ mình “lùng” đi, cho họ sướng. Tại sao đi ra ngoài, không dám “lùng” với thiên hạ, mà về nhà lại “lùng” nhau làm chi cho mất vui. Ông thường nói, cứ chịu thua đi là khỏe nhất. Ông đã thua, thì không việc chi mà ai đó gây hấn thêm. Đúng hay sai, ông tự biết. Không cần tranh luận nhiều. Có tranh luận, thì cũng chưa chắc đã thuyết phục được đối phương mà không gây mất mát. Mỗi lần phải tranh luận với ai, thì ông nhớ lại chuyện ông Pol Pot. Ông này đã giết chết hơn hai triệu dân vô tội, tức khoảng một phần ba dân số Kampuchia của ông thời đó. Thế mà cuối đời, khi sắp chết, ông Pol Pot nói với một phóng viên Tây phương rằng, những điều ông đã làm, là lợi ích cho dân tộc của ông. Nhớ chuyện đó, làm ông đỡ ngứa miệng xen vào những cuộc tranh luận.

Khi có ai chê bai ông, ông chẳng bực mình, không giận hờn, mà cứ cười, và xem như không. Ông tự nhủ, biết đâu ông cũng đáng chê, đáng trách. Nghe thiên hạ chê, để mà sửa mình, biết mình còn cái chưa hay, sai sót. Không phải ông là kẻ mặt dày không biết xấu hổ, nhưng thiên hạ chê, mà không phản ứng, thì như gió qua truông. Có một ông khác, bị vợ chê bai hoài, chê đủ thứ. Ông này chỉ cười, mà nói với bà vợ rằng, ông không ngờ bà xui xẻo đến thế, lấy phải một thằng chồng tệ hại như vậy, tội nghiệp cho bà quá. Bà vợ nghe mà chột dạ, và biết đã ăn nói quá trớn.

Khi nghe ai khoe khoang, ông cũng không bắt bẻ, không lật mặt thật của họ ra, sợ làm cho họ xấu hổ, bẽ bàng. Ông cứ giả vờ tin, để mà đãi họ vài phút vui sướng, cũng là làm được một việc thiện nho nhỏ. Ông không mất gì, và chẳng thiệt hại cho ai, mà cuộc đời này thêm vui, thêm tử tế. Bởi nghĩ thế mà ông làm.

Ông Hai Hô quan niệm rằng, trong tuổi già, có hoài bảo thì cũng tốt, mà không có hoài bảo chi cả, thì tốt hơn, và khôn ngoan hơn. Khi trẻ, nhiều thì giờ, nhiều năng lực, mà chưa có hoài bảo nào làm xong, thì khi già rồi, mong chi đạt được. Tội chi đeo vào thân cái hoài bảo cho khổ. Già rồi, đừng xem cái gì là quan trọng cả. Từ danh vọng, tiền tài, tình yêu. Ngay cả cái mạng sống của mình, cũng đừng xem là quá trọng. Có lần, ông đến thăm một nhà văn đang nằm thoi thóp, miệng ngậm một cái que gỗ có thấm nước cho đỡ khát, sắp chết vì ung thư. Ông nhà văn còn thao thức vì một tác phẩm để đời chưa khởi đầu được. Chết chưa an lòng. Ông nói: “Thôi bác ơi, chuyện gì mình chưa



làm được, thì thế nào con cháu mình sau này cũng làm. Yên tâm mà dưỡng bệnh đi.”

Ông Hai Hô cho rằng, cứ năm ba ông bà bạn già gặp nhau, uống vài ly trà, cà phê mà nói chuyện nhảm cũng là một thứ hạnh phúc trong đời. Ông nói, dù đến để nghe thằng bạn già nó chửi mình, cũng cứ vui, được người ta chửi, tức còn có người để ý đến mình, còn hơn là không ai khen, ai chửi cả. Những dịp ra mắt thơ, ra mắt sách, ông thường tham gia cho cuộc họp thêm xôm tụ. Cho tác giả sướng. Ông khoái các buổi ca nhạc cây nhà lá vườn, tài tử. Nó cũng có những cái hay của nó. Những buổi họp mặt anh em bạn cũ, ông không bao giờ bỏ qua, ông nói là không tham dự thì uống lăm. Ông cho rằng, tuổi già, mà còn gặp lại được bạn xưa, thì không còn gì quý báu hơn. Nằm nhà xem sách, xem truyền hình, đá banh, đâu vui bằng gặp bạn cũ. Gặp dịp vui, thì cứ vui kéo uống, biết mình còn sống được bao lâu nữa mà mãi phí ngày giờ chạy theo lợi lộc.”

Mỗi khi có ai mời đi đám cưới, tiệc tùng, ông đến đúng giờ, mà thiên hạ tà tà đến trễ, ông cũng không bực mình. Bởi người ta quen giờ cao su rồi. Họ có cả trăm ngàn lý do để biện minh. Ông có đến sớm, thì cũng có cái lợi khác, được nói chuyện, gặp gỡ, tâm sự tào lao với những bạn bè mà từ lâu ít có dịp gặp nhau. Cũng vui và quý. Để chi có cơ hội thuận tiện để gặp nhau. Đến khi dọn thức ăn ra, không còn cơ hội để nói chuyện nữa, vì ai nấy, lo gấp, lo nhai, không rảnh mà nói chuyện. Khi ăn xong, thì bạn bè vội vã ra về, vì đường xa, vì đêm khuya, vì mệt nhọc. Bởi vậy, ông cứ vui với cái bê bối của thiên hạ, và bằng lòng với câu “Không ăn đậu không phải Mễ, không đi trễ, không phải Việt Nam.”

Ông Hai Hô thường nói, tuổi già, cứ phiên phiên với mọi sự, cho khoẻ, cho sướng cái thân già của mình.

(Santa Ana, tháng 10/2007)

Phim ‘*Một Đời Thần Tiên*’ là bài học cho thị trường nhà cửa bọc phát!

(Phỏng theo Hamden Rice)

Nguyễn Đức Chí

Nếu bạn có cơ hội xem phim ‘Một Đời Thần Tiên’ phát hành năm 1946 thì tiền đề của phim giúp bạn hiểu rất nhiều về khủng hoảng tài chánh hiện thời về thị trường hợp đồng cầm cố có rủi ro lớn (subprime mortgage).

Trong phim Một đời thần tiên, George Baily điều hành một quỹ tiết kiệm và tài trợ nhỏ (savings and loans). Khách hàng của George gửi vào quỹ những số tiền nhỏ, và George dùng tiền này cho những người mua nhà vay. Thời đó có hai loại ngân hàng, quỹ tiết kiệm (tổ hợp tiết kiệm và tài trợ, và ngân hàng tiết kiệm) và ngân hàng thương mại. Ông Potter, một người quý quýet, điều hành ngân hàng thương mại địa phương. Ngân hàng thương mại hầu như chỉ giao dịch với các tổ chức thương mại, và không giao dịch với giới tiêu thụ. Nhiều quỹ tiết kiệm quá nhỏ, như trong phim Một đời thần tiên, đã phải gửi tiền vào ngân hàng thương mại.

George Baily chỉ có thể cho vay những số tiền cộng đồng địa phương gửi vào quỹ tiết kiệm do

ông ta điều hành. Vì thế trong một chính sách Vận Hội mới (New Deal), chính phủ Roosevelt đã tạo ra Tổ hợp Tài trợ Liên Bang Quốc Gia (Fannie Mae). Mục đích nguyên thủy của tổ chức này là giúp những người như George Baily có tiền tài trợ cho các khách hàng mới khi quỹ thiếu tiền.



Fannie Mae cho phép George bán các giấy nợ (mortgages) ông làm chủ. Trong giấy nợ chủ nhà hứa sẽ tiếp tục trả tiền nợ nhà hàng tháng, và nếu không trả được thì nhà sẽ bị chủ nợ tịch biên đem bán đấu giá. Để người đầu tư mua các giấy nợ khỏi lo sợ rủi ro chủ nhà không trả nổi tiền nợ để nhà bị tịch biên (foreclosure), Fannie Mae đứng ra bảo đảm các giấy nợ đó.

Sau khi Fannie Mae đã xếp đặt xong hệ thống này, George gom các giấy nợ lại thành từng kiện, và gửi cho Fannie Mae đóng dấu bảo đảm (được hỗ trợ bởi tín dụng của chính phủ Mỹ), sau đó Fannie Mae gửi lại cho George. George bán các kiện giấy nợ để lấy tiền cho vay thêm.

Fannie Mae đã rất thành công, tài trợ một số lượng nhà cửa rất to lớn thời hậu chiến. Những quỹ tiết kiệm và tín dụng nhỏ, như của George Baily, đã trở thành các ngân hàng rất lớn, không khác gì các ngân hàng thương mại.

Vì Fannie Mae quá thành công, chính phủ tạo ra các tổ chức tương tự, và không nhập vào cơ quan chính phủ. Nói khác đi, Fannie Mae trở thành bán công và tiếp tục bảo đảm giấy nợ nhà, nhưng đòi chủ nợ phải trả một lệ phí, giống như công ty bảo hiểm.

Vào thập niên 80 và 90, vài nhà kinh doanh nhận thấy không cần mở một ngân hàng nhưng vẫn có thể hoạt động như một ngân hàng. Các doanh nghiệp phát triển gia cư cũng có thể là chủ nợ. Họ cũng gom các giấy nợ lại thành từng kiện, mua bảo đảm và thay vì bán cho ngân hàng thì bán cho một quỹ tín nhiệm (trust) hay đặc biệt do họ lập ra. Quỹ này bán những tín phiếu hay cổ phần xác nhận người mua được quyền hưởng một phần tiền nợ chủ nhà trả.

Sau đó nảy sinh ra thị trường tín phiếu có bảo đảm bằng tài sản (asset backed security) hay tín phiếu bảo đảm bằng giấy nợ nhà (mortgage backed security), và ngân hàng không còn giữ vai trò trung gian giữa người cho vay (đầu tư) và người đi vay (chủ nhà).

Thị trường tín phiếu có bảo đảm bằng tài sản rất lớn ngoài sức tưởng tượng. Một kiện tín phiếu có bảo đảm bằng tài sản thường trị giá khoảng \$500 triệu trong thập niên 90.

Đủ mọi loại nhà đầu tư mua tín phiếu có bảo đảm bằng tài sản: cá nhân, quỹ hưu trí, công ty bảo hiểm, ngân hàng thương mại, quỹ tiết kiệm, quỹ đầu tư mạo hiểm (hedge fund), ngân hàng đầu tư.

Theo mạng en.wikipedia.org/wiki/Mortgage-backed_security thì trị giá của tín phiếu bảo đảm bằng giấy nợ là 6100 tỷ vào năm 2006, và theo www.sifma.net/story.asp?id=84 thì trị giá của tín phiếu bảo đảm bằng tài sản chỉ là 2100 tỷ vào năm 2000. Như vậy 4000 tỷ tín phiếu bảo đảm bằng giấy nợ có giá trị gì không hay chỉ là một mớ giấy lộn?

Trong thập niên 90 các sáng lập viên tín phiếu bảo đảm bằng giấy nợ nhà còn nghĩ cách tăng thị trường tài trợ nhà cửa bằng siêu tín phiếu hóa (over-collateralization) và biến phiếu (derivative). Đó là thị trường hợp đồng cầm cố có rủi ro lớn (subprime mortgage). Nên nhớ là cái nhà luôn luôn là hậu thuẫn cho đầu tư được an toàn. Nếu chủ nhà không trả được nợ thì ngân hàng hay chủ nợ tịch biên nhà và bán đi lấy lại tiền cho vay. Nếu tiền cho vay được Fannie Mae bảo đảm, thì được an toàn, nhưng thị trường hợp đồng cầm cố có rủi ro lớn đa số không có bảo đảm.

Ngân hàng và các sáng lập viên tín phiếu bảo đảm bằng giấy nợ nhà cửa đã dùng kỹ thuật siêu tín phiếu hóa để có thể cho người nghèo và người có tín dụng xấu vay tiền, và để có thể biến các món nợ này thành tín phiếu bảo đảm bằng giấy nợ nhà để cho các nhà đầu tư yên tâm mua.

Nhưng rồi khủng hoảng đã xảy đến. Nếu như nhà vẫn giữ giá, đầu cho chủ nhà không trả nổi và nhà bị tịch biên đem bán để lấy lại tiền cho vay, thì chẳng có gì để nói.

Nhưng nếu giá nhà xuống, nghe thì thật là phi lý, nhưng trên thực tế điều đó đã xảy ra. Khi giá nhà xuống, và càng ngày càng thêm nhiều nhà bị tịch biên đem bán đấu giá thì thị trường nhà cửa càng thảm hại.

Trước đây dưới thời Bush bố, đã có khủng hoảng ngân hàng tiết kiệm và tín dụng. Những ngân hàng này đã phá sản. Giờ đây thị trường tín phiếu có bảo đảm bằng tài sản quá to lớn, và nghiêm trọng gấp bội. Tất cả các nhà đầu tư có thể sẽ thua lỗ.

Khủng hoảng mại bán toàn diện có thể xảy ra. Các ngân hàng và quỹ tiền tệ chỉ còn một mớ giấy tín phiếu có bảo đảm bằng tài sản không giá trị, và phải mang bán những tài sản khác để bù đắp vào chỗ thiếu trong bảng kết toán sổ sách (balance sheet).



Nguyễn Thái Hai

Chuyện vui Bắc Kinh do hướng dẫn viên người Hoa học tiếng Việt tại một trung tâm văn hóa tại Quảng Châu kể cho vui trên xe buýt.

Vua Chu Nguyên Chương

Chu Nguyên Chương, người lập ra triều đại nhà Minh, lúc nhỏ nhà nghèo phải đi chăn trâu. Thế gian thường nói nhất quỷ nhì ma thứ ba mục đồng. Những lúc đói thường vào các nương rẫy trộm trái cây khoai bắp ăn. Một hôm đào được một mớ đậu phụng và tìm thấy một mảnh chum vỡ, bèn xúm nhau lại luộc. Đậu chưa chín nhưng đói quá chúng dành nhau ăn và làm bể luôn mảnh chum. Sau này khi biết Chu Nguyên Chương đã lên ngôi vua, nhóm trẻ mục đồng nghĩ tình xưa muốn xin một chức tước nhỏ nên thập thò đến bảo với lính gác cổng là bạn cũ chăn trâu của vua xin cho vào gặp vua. Chu nguyên Chương nghe báo cáo bảo là nó nói bậy và ra lệnh chém đầu. Hôm sau đứa thứ hai cũng bị chém như vậy. Đứa thứ ba ranh mãnh hơn đến bảo với lính gác cổng là bạn cũ của vua đã từng “Nam chinh Bắc chiến phá vỡ thành Chum bắt sống Đậu tướng quân”. Chu cho vào và ban cho một chân giữ ngựa.



Vẫn Không Kết Quả

Một cụ già 85 tuổi được bác sĩ yêu cầu cần đo lượng tinh trùng trong dịp khám tổng quát. Ông bác sĩ trao cho cụ một keo thủy tinh và dặn: “Cụ đem keo này về và ngày mai đem lại với tinh trùng. Ngày hôm sau cụ đem cái keo lại sạch sẽ và giống như hôm qua. Ông bác sĩ hỏi tại sao vậy và cụ từ từ giải thích “Thưa bác sĩ, sự thể như thế này, lúc đầu tôi thử với tay mặt, sau đó với tay trái nhưng không có kết quả. Tôi nhờ vợ tôi. Bà ấy dùng tay trái, rồi tay mặt cũng chẳng được gì. Bà ấy dùng miệng, lần đầu với cả răng, lần sau chỉ với nướu, vẫn không kết quả. Tôi vội nhờ cô hàng xóm Tammy. Cô ấy thử cả hai tay, rồi kẹp vào nách, rồi kẹp vào giữa hai đầu gối vẫn không kết quả. Ông bác sĩ hoảng hồn “Cụ nhờ cả cô hàng xóm à”. Cụ điềm nhiên trả lời: Thưa vâng, cả ba chúng tôi không ai mở được nắp keo này”.



Tâm Tình Của 3 Người

(xin đoán xem họ là ai)

- 1) Đêm nay gió lặng sông yên,
Lái kia có muốn ghé thuyền sang chơi
- 2) Muốn sang bên ấy cho vui
Qua đò lính gác khó xuôi được đò
- 3) Sông kia ai cấm mà lo
Muốn sang thì nộp thuế đò rồi sang
- 4) Chẳng buồn chẳng bán thì thôi
Qua đò hết vốn còn xuôi nổi gì.

Lời giải: Trao đổi giữa người chồng với 2 người vợ. câu 1 và 4 của người vợ nhỏ, câu 3 của vợ lớn, câu 2 của người chồng.

40 Năm rồi, Tết Mậu Thân tại Cần Thơ

Huỳnh long Trị

Lời mở đầu: Tất cả dân miền Nam Việt Nam ai cũng trải qua một Tết Mậu Thân khó quên. Nay đã 40 năm rồi mà tôi còn nhớ mãi Tết Mậu Thân tại Cần Thơ.

Sau khi tốt nghiệp trường Công Binh Bình Dương năm 1966 tôi được chỉ định về làm việc tại Liên Đoàn 40 Công Binh Chiến Đấu. Liên Đoàn này mới được thành lập khoảng hơn một năm và được đặt dưới quyền của Bộ Tư Lệnh Vùng 4 Chiến Thuật, đặt tại Cần Thơ và kiểm soát vùng đồng bằng sông Cửu Long từ Mỹ Tho cho đến Cà Mau.

Trước hết tôi xin nói sơ qua về nhiệm vụ và tổ chức của Liên Đoàn Công Binh này. Nhiệm vụ của liên đoàn là thực hiện cầu và đường chiến thuật cho bộ binh và khai thác hầm đá núi Sam ở Châu Đốc.

Liên đoàn gồm có ban tham mưu cùng Đại đội Chỉ Huy, Đại đội 414 xe trút, Đại Đội 415 công sự nhẹ (xe cần trục, xe ban đất và xe ủi đất) đóng chung trong một doanh trại, nằm ở ngoại ô thành phố Cần Thơ, cách trung tâm khoảng 5 km. Ngoài ra Liên Đoàn còn có Tiểu Đoàn 401 đóng tại Vĩnh Long, Tiểu Đoàn 402 đóng tại Sóc Trăng và Đại đội 416 Cầu nổi đóng tại Vĩnh Long.

Doanh trại của Liên Đoàn nằm trên đất ruộng được chánh phủ trưng dụng được xáng thổi cát từ sông lên. Vì vậy mà mưa thì sinh lầy, mùa nắng thì bụi. Vị trí doanh trại cũng không khá. Muốn tới trại phải đi ngang qua một nghĩa trang quân đội, một nhà xác và một trại giam tù binh. Từ ngoài mặt tiền của trại nhìn vào bề ngang khoảng 200 thước và bề sâu khoảng 400 thước. Đối diện với trại phía bên kia đường là miếng đất trống đang được xáng thổi cát. Phía mặt giáp với nhà dân chúng, phía trái giáp với trại giam tù

binh. Phía sau cùng cũng giáp với nhà dân, và cũng giáp với phía sau cùng của phi trường của Mỹ.

Tổ chức của một Liên Đoàn Công Binh Chiến Đấu cũng giống như một Trung Đoàn Bộ Binh: phòng 1, nhân viên, phòng 2, tình báo, phòng 3, hành quân, phòng 4, vật liệu, phòng 5, chiến tranh chánh trị, ban truyền tin và văn thư, ban y tế với bác sĩ quân y. Khi tôi về trình diện thì được Trung Tá Liên Đoàn Trưởng chỉ định làm việc tại phòng 3: hành quân. Dân Công Chánh và Điền Địa làm tại phòng 3 có thiếu úy Trục, cán sự Công chánh, trước làm tại Tổng Nha Kiến Thiết, trung sĩ Tổ, đốc công tại Ty Công Chánh Kiên Giang, trung sĩ Sơn, đốc công Ty công chánh Vĩnh Long, trung sĩ Dân, trắc lượng viên Ty Điền Địa Cần Thơ. Sau này có về thêm chuẩn úy Úc, kỹ sư công chánh, chuẩn úy Thạch, cán sự, phó trưởng ty công chánh Kiên Giang và chuẩn úy Đức, cán sự Điền Địa. Tôi không thấy tên các anh này trong danh sách ái hữu của Lá Thư.

Năm 1967 trước Tết Mậu Thân, 4 dãy nhà mới do nhà thầu xây cất vừa xong. Nhà "thủy tạ" dành cho sĩ quan độc thân cư ngụ phía tận cùng doanh trại do tôi trông nom xây cất cũng vừa hoàn tất. Tôi cũng mới vừa lên lon thiếu úy. Trung tá chỉ huy trưởng đã đãi chúng tôi một tiệc tất niên rất lớn. Không khí có vẻ thanh bình lắm. Tôi cùng với một số sĩ quan độc thân đi dạo ngoài doanh trại, thấy nhà cửa, ruộng vườn khang trang, có vẻ thanh bình, không tưởng tượng là đang có chiến tranh.

Sau đó chúng tôi bốc thăm để về nhà nghỉ Tết. Chúng tôi được chia ra làm 3 nhóm: nhóm đi trước Tết, nhóm đi trong Tết. Tôi lọt

vào nhóm đi sau Tết. Mừng 3 tôi đi phép mừng 6 phải về trại. Tôi viết thư cho người yêu, hiện là vợ tôi, hẹn với nàng mừng 4 sẽ đến Long Điền một quận cách thành phố Bà Rịa khoảng 4 cây số. Quân số của trại khoảng 150, đi phép 50 còn lại 100 giữ trại. Tôi mừng một Tết tôi đi ngủ sớm. Quá nửa đêm điện thoại reo. Thiếu úy Trục bốc nghe và nói với tôi: "Trị, địch về nhiều lắm". Vừa nói anh vừa thay đồ và đi ra khỏi cửa. Tôi cũng vừa thay đồ xong thì nghe súng nổ tới tấp phía sau trại hướng phi trường Mỹ. Tôi chạy lên phòng trực phía trước trại để nhận chỉ thị của Đại úy, sĩ quan trực.

Tôi ở đó sáng đêm, nhìn ra hướng phi trường Mỹ, trái châu chiếu sáng rực, súng nổ liên tục. Trục thăng Mỹ cất cánh bắn xối xả phía ngoài trại. Mặt tiền và hai bên hông trại yên tĩnh, chỉ phía sau trại là đống nặng. Sau này tôi được biết địch cố tình tấn công vào phi trường Mỹ. Từ phòng trực tôi nhìn thấy bốn người khiêng một người nằm trong poncho đi về phòng y tế trại. Qua điện thoại tôi được biết một binh sĩ ở chòi gác phía sau trại đã bị trúng đạn của trục thăng Mỹ. Đại úy y sĩ trưởng đã cho tôi biết anh đã tử thương.



Đến gần sáng tiếng súng thưa dần rồi dứt hẳn. Trời sáng, tôi rời phòng trực đi về phía sau trại từ chòi gác tôi thấy nhà của dân bị hư hại khói còn nghi ngút. Một con bò trúng đạn chết nằm đó, không thấy người ta và cũng không thấy xác người. Tôi tưởng có lẽ họ tấn công đêm nay rồi thôi. Trung sĩ Dân, lấy xe gắn máy, rủ tôi ra trung tâm Cần Thơ ăn sáng nhưng hôm nay sao đường sá còn vắng vẻ quá. Tôi cảm thấy có cái gì không ổn. Anh Dân lái xe đến gần Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn thì tôi thấy một xe thiết giáp bị bắn hư

hại nằm bên đường. Ra đến bến Ninh Kiều, thấy tiệm còn đóng cửa và không thấy dân chúng đi dạo xuân như mọi năm đâu cả. Chúng tôi còn đang bàng hoàng thì một xe thông tin chạy ngang cho loa phóng thanh: "Yêu cầu đồng bào ai về nhà nấy, lệnh giới nghiêm 24 giờ trên 24 được áp dụng từ giờ phút này". Nghe vậy anh Dân và tôi dọt trở về trại liền. Về tới cửa trại, sĩ quan trực chặn tôi lại và nói: "Trong vòng 15 phút tất cả sĩ quan có mặt tại phòng Thiếu tá Liên Đoàn Phó". Trung tá Liên Đoàn Trưởng về phép kẹt ở Sài Gòn, cho nên Thiếu tá là chỉ huy trưởng của trại.



Trong buổi họp Thiếu tá cho biết tình hình rất là trầm trọng. Địch tấn công không những Cần Thơ mà nhiều các thành phố khác. Biện pháp đầu tiên là cấm trại 100 phần trăm. Tất cả sĩ quan phải thủ súng và nón sắt bên mình. Tất cả giấy phép đi Tết đều bị rút lại. Tôi lúc đó là trưởng phòng 2 cùng với trung sĩ Dân là nhân viên duy nhất, làm việc tại phòng, tối lại trải nệm ngủ dưới đất. Từ đó mỗi đêm địch về bắn quấy phá nhưng cường độ không mạnh như đêm mừng một Tết. Tất cả các quân nhân của trại đi phép Tết lần lượt trở về trại nhờ máy bay Không Quân chở về, chỉ trừ Chuẩn úy Úc không thấy tăm hơi đâu hết. Khoảng 3 tuần sau Tết, đang ngồi làm việc thì nghe nhồn nháo ngoài phòng trực. Thì ra Chuẩn úy Úc đến trại bằng ... xe đạp. Chèn mét ơi! chuyện khó tin nhưng có thật: Chuẩn úy Úc đã đi xe đạp từ Sài Gòn đến Cần Thơ. Lúc đó xe đồ chưa chạy được. Anh ta quyết định đi xe đạp, mất 3 ngày 3 đêm, ban ngày đi ban đêm xin ngủ nhờ nhà của dân. Tôi không hiểu tại sao anh không đến trình diện tại đơn vị quân đội gần nhà như thông cáo của Bộ Tổng tham mưu được đọc

trên đài phát thanh. Anh thật là may mắn trở về đây lành lặn.

Hơn một tháng sau, tình hình khả quan hơn. Tôi vẫn chưa có tin tức gì của gia đình tôi ở Sài Gòn và người yêu tôi ở Long Điền. Một hôm tôi ngồi ở phòng trực thì điện thoại reo. Em rể tương lai của tôi, làm việc tại Nha Viễn Thông ở Sài Gòn cho biết gia đình tôi bình an. Chưa hết mừng thì nó nói có người muốn nói chuyện với tôi. Thì ra đó là người yêu của tôi. Nàng cho biết gia đình nàng ở Long Điền bình an. Thật là một cuộc điện đàm quý giá nhứt đời tôi. Sau này vợ tôi cho

biết, mừng 4 Tết, đúng ngày tôi hẹn với bà, quận Long Điền ra lệnh dân phải tản cư ra ngoài ruộng ở. Bà sợ tôi đi dọc đường gặp đụng độ rồi chết, nên khóc quá chừng. Má bà dỗ: "Đường sá kẹt hết, nó có đi được đâu mà mày lo".

Lời Kết: So sánh với các thành phố khác Cần Thơ bị thiệt hại rất nhẹ trong biến cố Tết Mậu Thân. Phần tôi, tôi không ngờ 40 năm sau ngồi tại đất nước Hoà Lan để viết bài này.

Hoà Lan, mùa Đông 2008

Đoản Khúc Mùa xuân

Có phải hôm nay là buổi sáng đầu tiên của mùa xuân

Nên những con chim dậy sớm

hót vang trên những cành cây,

Và những bông hoa dãi nở bung

trên những thềm cỏ nhung mà mượt

Những cơn gió se sắt mùa đông

Những tia nắng gắt gay mùa hạ

Và những chiếc lá vàng mùa thu

Đã tan biến từ bao giờ

Để mùa xuân trở về,

Êm đềm, ngọt ngào, ngọt ngào như những

giòng thơ ai

Và rung nhẹ tiếng tơ dẫu dằng của thời

gian mặt ngọt

Tôi vẫn muốn mùa xuân còn mãi

Để những con tim héo hon cũng dào dạt yêu

thương

Để những tia nắng thâm u cũng bừng lên nắng

ấm

Để cuộc đời luôn đầy những niềm vui

Để những đứa bé thơ lớn lên với tâm hồn trong

trẻ

Để thiên tâm đầu đất bước chân người

Để mắt sáng luôn ngập tràn mộng ước

Và để mọi người luôn sống với yêu thương

Tôi vẫn biết đó chỉ là mộng ước

Vì có nơi nào hoa nở mãi không tàn

Vì có nơi nào trăng tròn hoài không khuyết

Và có nơi nào mặt trời không bao giờ như lòng

bước cho bóng đêm

Dù sao,

Trong những buổi như sáng nay

Khi mùa xuân thuần khiết trở về

Tôi vẫn mang những ước mơ viết thành

lời thơ

Và đem nụ cười hòa vào tiếng hát

Để ít nhất, tôi cũng có được một ngày

Rét rất tiếng chim, rộn rã tiếng cười

Với ánh nắng nhuộm nà và màu hoa rực rỡ

Và những lá non thơm ngát niềm tin

Vậy thì em ơi hãy cùng tôi cầu nguyện

Cho những ngày như hôm nay ở mãi với

mình

Thiên Hương

Thăm Ái Hữu Thân Hữu Cali

Nguyễn Đức Chí

Tháng tám năm ngoái 2007 tôi đi dự Đại Hội Cựu Học Sinh Chu Văn An tại San Jose. Tại bữa tiệc Đại Hội tối ngày 4 tháng 8, tình cờ gặp lại AH Duật tôi đã được gặp buổi trưa hôm đó tại nhà hàng Nha Trang cùng với nhiều AHTH Bắc Cali. Nhưng đặc biệt là tại bữa tiệc Đại Hội Chu Văn An, tôi được gặp lại chị Duật lần đầu tiên sau khi tôi rời Cali năm 1983 để về Maryland. Ngày hôm sau AH Duật làm giỗ thân phụ tại Chùa Ông, tôi đến dự và được gặp thân mẫu cùng hầu hết anh chị em của Duật cũng như đại gia đình chị Duật sau hơn 30 năm xa cách. Thật không ngờ chẳng hẹn hò sắp xếp mà lại có dịp được gặp bao nhiêu bạn bè người thân như thế.

Sau Đại Hội Chu Văn An tôi về Orange County, và đến gặp anh chị Hoàng Thao và các cháu ở Huntington Park. Từ Santa Ana lái xe lên Huntington Park cũng hơi xa, có lẽ vì thế anh chị Thao cũng ít có dịp gặp các bạn AHTHCC. Anh Thao kể lại ngày xưa ra Bắc làm việc, rồi gặp chị Thao người tỉnh Nam Định. Trước 54 chỉ có chị Thao và một hai người chị em nữa vào Nam, còn đại gia đình nhà chị Thao kẹt lại ở miền Bắc. Anh Thao nói chuyện rất vui vẻ, sắc mặt trông khó mà biết được anh bị bao nhiêu thứ bệnh, hầu như bệnh nào người ta có là anh có. Anh đưa cho tôi mấy toa thuốc xem, tổng cộng 14 thứ thuốc anh phải uống. Tôi có nói với anh là sẽ vào mạng xem nhiều thứ thuốc uống chung như vậy có kỳ nhau không, và phản ứng phụ sẽ như thế nào, nhưng đến nay vẫn chưa làm được.

Tháng 11 trở lại Nam Cali lần thứ hai, tôi đến thăm anh Trịnh Hào Tâm. Anh Tâm đã viết xong bốn cuốn sách về Du lịch: Trên những

nẻo đường Việt Nam, Ký sự du lịch Trung Quốc, Miền Tây Hoa Kỳ, và Mùa Thu Đông



Âu. AHTHCC chúng ta còn hai tay viết về du lịch, anh Trần Đức Hợp đã ra cuốn Du Lịch Ký Sự, và anh Từ Minh Tâm cuốn Á Châu quyền rũ. Anh Trịnh Hào Tâm còn lo phụ trách trang Du lịch báo Người Việt. Có lẽ vì vừa ra sách vừa viết báo về Du lịch nên trong lúc ngồi tiếp tôi, anh phải ngưng chuyện mấy lần để trả lời điện thoại độc giả gọi đến tham khảo ý kiến du lịch. Rời nhà anh, chúng tôi đến nhà hàng Cửu Long ăn trưa. Anh Tâm có nói đến phong trào xoa nắn bàn chân ở Cali, và mời tôi đi thử, nhưng khi ghé qua tiệm thấy đông người đợi quá, nên đành đợi dịp khác. Tôi có ông bạn cách đây sáu bảy năm đi công tác cho Ngân Hàng Thế Giới ở Bắc Kinh, có dịp đi xoa nắn bàn chân, và về kể chuyện là phương pháp này trị được nhiều bệnh rất hiệu quả. Bây giờ ta khỏi phải đi Tàu, chỉ cần sang Cali là có chỗ xoa nắn chân rồi.

Lái xe lên Simi Valley thăm chị Vĩnh Đào, được gặp lại chị sau hơn 30 năm. Chị hiện ở với gia đình cháu Tâm Phước. Anh chị Đào sang Mỹ sau nhiều AHTHCC, nhưng khéo lo

lắng đọng vợ gả chồng cho cả bảy con, ba trai bốn gái. Trong khi đó con cái nhiều AHTH chúng ta, tuổi cũng chẳng còn nhỏ gì nhưng vẫn ì ra đây. Trước 75 tôi thường gặp anh chị Đào, bây giờ gặp lại chị tiếc là không còn anh tôi có bao chuyện hàn huyên để nói, nhưng thời giờ quá eo hẹp.



Sau gần hai tiếng ở nhà chị Đào tôi lại trực chỉ phía Bắc lên Ventura thăm anh chị Lê Nghiêm Hùng tôi chưa được gặp lại từ năm 1986. Chị Hùng vừa mới về hưu, còn anh Hùng cùng tuổi Tỵ với tôi, nhưng có lẽ nhờ tập yoga không ngừng từ ngày trung học, nên trông rất trẻ, vẫn tiếp tục đi làm đến bao giờ sở chế thì sẽ về hưu. Nếu đời như thế, có lẽ anh sẽ tranh giải kéo cày của hai AH Bửu Hiệp và Phan Đình Tăng.

Ăn cơm tối xong, anh chị Hùng đưa tôi đến



thăm anh chị Trần Sĩ Huân. Anh Huân và tôi thường email hay điện thoại, nhưng đây là lần đầu tôi được gặp anh chị Huân trên đất Mỹ. Anh Huân ngày nay phải ngồi xe lăn, nhưng vẫn giữ được phong độ ngày trước tôi gặp anh mỗi lần ra Nha Trang. Còn chị Huân luôn nhanh nhẩu bất thiệp như xưa. Anh Huân bây giờ điều khiển xe lăn rất thành thạo, di chuyển đây đó trong nhà đến các bàn computer. Anh xem tin tức hay tìm tài liệu trên mạng, email cho bạn bè thân hữu, cũng như các AHTH khác đã dùng thời giờ giải trí liên lạc với bạn bè người thân trên mạng trong những ngày vui thú “điền viên”?

Xuống San Diego thăm anh Trần Giác Hoa. Anh Hoa rất thành công trong nghề của anh, hiện là chủ một công ty cố vấn kỹ thuật, Tran Consulting Engineers. Tôi hỏi thăm anh về AHTH vùng San Diego. Anh cũng cho biết dự định tổ chức họp mặt Tất niên AHTHCC Nam Cali chung với các bạn trẻ đang làm việc cho Caltrans. Anh Hoa đưa tôi đi ăn tối, khi về tới nhà thì chị Hoa cũng vừa ở phòng mạch về. Ngồi nói chuyện thêm một lúc với anh chị Hoa tôi xin cáo từ. Trước khi chia tay, anh Hoa còn cho tôi cookie cháu gái anh vừa làm xong còn nóng hổi.

Trên đường về Santa Ana trước khi rời vùng San Diego, tôi ghé thăm anh Trần Đức Hợp. Nói chuyện nhiều lần với anh Hợp qua điện thoại tôi cứ tưởng anh Hợp người bé nhỏ, nhưng khi gặp anh tôi quá sửng sốt, anh Hợp cao lớn hơn giọng anh ấy nhiều. Phòng khách của anh Hợp đầy sách vở, tạp chí, phim ảnh xếp từng lớp trên kệ. Muốn xem hết những cuốn phim đó không biết tôi phải mất bao nhiêu tháng giờ. Tôi đòi anh Hợp cho xem cuốn sách anh đã xuất bản, cuốn Du Lịch Ký Sự. Ngồi chơi đã khuya tôi xin tạm biệt, để anh Hợp còn sửa soạn đêm ra công trường trông coi cái cầu được làm ngày đêm cho kịp ngày khánh thành.

Ăn Ớt Nói Càn

Nguyễn Quốc Bảo

*Ai ơi đừng rơi nước mắt ớt
Đừng rót nước mắt gừng
Văn chương thì cũng... nửa chừng mà thôi!*
(Nhại Ca dao Việt Nam)

Ngạn ngữ, thành ngữ, ca dao xứ ta đã nói đó, *Ăn ớt thì nói càn*... Nói càn là nói bướng, nói chướng, nói ba phải, nói ngược nói xuôi, nói lộn tung phèo, nói ba xí ba tú, *nói phét*... và cũng là *nói tưới hột sen*! Ăn ớt như hong ăn, thét rồi mòng lưỡi, nên sinh chứng nói bậy nói bạ. Quả ớt đó, nó gần xít với văn hóa nấu nướng ăn nhậu của dân ta, và của thế giới đại đồng nữa. Ở xứ mô trên quả địa cầu này cũng có món ăn cay, mà chỉ xin đưa ra một nhận xét mơ hồ sau đây, xứ mô càng nghèo, càng đông dân, thì món ăn lại càng cay. Nhưng hỡi ôi, kỳ ni thì văn hóa Ớt lại không do phe ta, Bách Việt Lạc Việt và lũ hậu duệ phát minh ra — như văn hóa thịt cây, văn hóa dưa, nguyên lí nhị nguyên... —, trông tĩa rồi truyền bá đi năm châu bốn bể, mà lại là *nguyên sản của Trung, Nam Mỹ Châu và các địa khu nhiệt đới*. Chẳng ăn nhằm chi cả, rứa mà *hắn* (ớt), đi dzù dzù, đến xứ ta, xứ Tàu, xứ Ấn, khi mô không hay, rồi thì ông già bà cả, người lớn trẻ con, thì nhau ăn *hắn* như điên... Kê hậu sinh ni, cũng biết ăn ớt, tất nhiên phải nói càn, nên một lần nữa lại xin cả làng tha thứ chuyện ngông cuồng Ăn Tục Nói Phét này (ATNP).

Tạp luận Ăn Tục Nói Phét về Ớt, *muốn giả bộ khoa học* chút xíu (*se veut quelque peu "pseudo"- scientifique!*), có thể đọc sẽ chẳng có thú vị chi. Nhưng thiên nghĩ Ớt là hảo bằng hữu, thử nghiệm xem trong năm 365 ngày, bao nhiêu ngày không có *hắn* tới thăm, mà mỗi ngày *hắn* tới thăm bao nhiêu lần? Cho nên vì chút thân tình đó, cũng nên tìm hiểu *hắn* cho

đến nơi đến chốn, rồi ta sẽ thấy tình Ớt nồng nàn thêm, quý báu thêm... Sau đây thử đặt những câu hỏi cho những tài tử giai nhân có một mối tình lưu luyến với Ớt, *Ớt có từ khi mô? Hắn ở mô mà ra? Tên hắn là chi? Hắn thuộc loại chi mà mần rảnh hắn lại cay? Mần rảnh biết hắn cay nhiều cay ít? Mần rảnh mà xứ ta xứ Tàu lại biết ăn Ớt? Bộ ăn Ớt cũng làm thuốc sao?*

Tổ tiên *Hắn*, Ớt, là *ớt đại* mọc ở Trung, Nam Mỹ Châu khoảng 7500 TCN, mà từ đời thượng lịch sử 5200-3400 TCN, các cụ Mọi Da Đỏ *Ấn*

Đệ An 印第安 (Indians) yìn di ăn đã thuần hóa trông trọt. Ớt Chile có lẽ đã được thuần hóa 4-5 lần từ đời tiền sử, không những ở Trung, Nam Mỹ, mà còn ở Bắc Mỹ, từ Pê Ru (Bí Lỗ 秘魯 *mì lữ*) đến Mê Tây Cơ



(Mặc tây ca 墨西哥 *mo xī gē*), qua Cô Lô Ra Đô và Tân Mê Tây Cơ. Sách vở đều chép Ông Ca Luân Bố 哥伦布 *gē lún bù Columbus*, năm 1492, kiếm ra Ớt ở Tây Ấn (Indies), vùng Caribbean, và tưởng Ớt cũng thuộc *loại tiêu đen*, khai sinh ớt với tên *Ají*, biến thể chữ *Axi*, ám chỉ cổ dân Aztec (*Aztèques*). Ớt tên gọi Chile, Chili tiếng của thổ ngữ Nahuatl của dân Trung Mỹ Aztec (1). Văn minh Aztec khởi

đầu với ông chúa cai trị (*ruler*) Acamapichtli (1376-1396), người khởi sự xây kinh đô Tenochtitlan của Aztec. Các chúa tiếp sau, hậu duệ dòng dõi Acamapichtli, cai trị đến đời thứ 10, Cuitlahuac (1520); qua tới đời cuối cùng Cuauhtemoc (1520-1525), thì bị Tây Ban Nha chinh phục, tàn phá kinh đô và đô hộ dưới sự lãnh đạo của Hernando Cortes (1485-1547), lúc đó dân số Aztec khoảng 5 triệu người.



Vậy tên Ớt nguyên thủy là *Chile*, tiếng *Nahuatil* có nghĩa là đỏ, chính tả có khi viết

Chili, Chilli. Người Mỹ hay dùng chữ *Chile*, dựa theo tên cây và quả ớt. Chữ *Chile* cũng thông dụng trong tiếng Tây Ban Nha. *Chili* cũng thấy hay dùng, nhưng miền Nam nước Mỹ không gọi Ớt là *Chili*, bởi vì tên *Chili* dành cho món ăn dân tộc quốc hồn quốc túy và *chính thức* của tiểu bang Texas, với nhiều gia vị, gia vị chính là *Cumin* (2). Tự điển *Oxford English Dictionary* chính thức viết Ớt là *Chilli*, số nhiều là *Chillies*! Người Trung hoa gọi Ớt là Lạt Tiêu 辣椒 (pinyin: là jiāo). Lạt là cay, Tiêu gốc bộ Mộc. Bên Tàu trước khi Ớt đến chơi, người Hoa chỉ biết dùng gia vị *Gừng*, *khương* 姜 *jiāng* và *Hồ Tiêu* 胡椒 *hú jiāo*. Chữ Hán cũng thấy gọi ớt là *phiên tiêu* 番椒, *hải tiêu* 海椒, *lạt tử* 辣子, *lạt giác* 辣角, *tân tiêu* 秦椒等. Đời xưa cứ đến năm mới thì các cụ uống rượu hạt tiêu gọi là *tiêu bàn* 椒盤, trong mâm cúng dùng hạt tiêu trát vào tường vách cho thơm và ấm. Đời nhà Hán gọi hoàng hậu là *tiêu phòng* 椒房, đời sau gọi họ nhà vua là *tiêu phòng chi thân* 椒房之親. Chữ *Nôm* ta viết cây Ớt bộ Thảo 艸 và trái Ớt bộ Tân 艹. Chữ 艺 Hán tự là *nghệ* (nghề, tài năng) có một nghĩa là trồng tía.

Tiếng Việt, cùng với vài nước khác, gọi Ớt là Ớt, như Trung Mỹ gọi Ớt là *Chile-Chili*, như Pháp dùng tự *piment-piment rouge*, chứ không có giấy mơ rề má chỉ với chữ Tiêu. Không những các chú Ba Tàu gọi Ớt là Tiêu cay (*lạt tiêu*), phần đông các nước chịu ảnh hưởng

Vực	Chân hạ vực 真核域	Eukarya
Giới, Règne	Thực vật giới 植物界	Plantae
Môn, Division	Bị tử thực vật môn 被子植物門	Magnoliophita
Cương, Classe	Song tử diệp thực vật cương 雙子葉植物綱	Magnoliopsida
Mục, Ordre	Gia mục 茄目	Solanales
Khoa, Famille	Gia khoa 茄科	Solanaceae
Thuộc, Genre	Lạt tiêu thuộc 辣椒屬	Capsicum
Chủng	Lạt tiêu 辣椒	C. frutescens

tiếng Anh dựa trên chữ Tiêu *Piper* để gọi ớt là *Red pepper*, *Chile pepper* (3), trong khi cây ớt có tên khoa học là *Capsicum*. Người Pháp lúc xưa cũng dùng sai lầm từ ngữ *poivre rouge*. Nhưng xin đừng lộn chữ Chile, Chili với quốc gia Nam Mỹ tên Chile tức *Chí Lợi* 智利 *Zhìlì* (Trí lợi). Hai chữ ớt Chile, Chili không có bà con cô bác chi cả với tên nước Chile; mà theo tiếng bản xứ *Quechua*, tên nước Chile là từ 2 chữ *chin* (lạnh), *tchili* (tuyệt), và ở quốc gia này, Ớt được gọi là *ají*. Cây ớt có phân loại thực vật như sau:

Ớt có 22 loại cây dại (nguyên giống), chia ra 5 loại đã được chỉnh thức thuần hóa.

1. *Capsicum annuum*: gồm loại ớt bell pepper, paprika, jalapenos, chiltepin.
2. *Capsicum baccatum*: gồm Ớt ají Nam Mỹ (khảo cổ tìm thấy dấu vết loại này ở Âu châu khoảng 2500TCN)
3. *Capsicum chinense*: gồm các loại Ớt cay nhất, habaneros, Scotch bonnets.
4. *Capsicum frutescens*: gồm Ớt cayenne, tabasco
5. *Capsicum pubescens*: gồm Ớt Nam Mỹ rocto, locoto.

Gần đây, trong một cuộc triển lãm ở Âu Châu, có đến 100 cây ớt mang tên khác nhau, nhưng đều thuộc về 5 loại *Capsicum* kể trên đây, phần lớn thuộc *Capsicum annuum*, tức không phải là loại Ớt cay xé óc! Thế nhưng làm sao có thể đo được độ cay của Ớt, biết ớt này cay hơn ớt kia? Từ năm 1912, W.L Scoville đã tìm cách đo độ cay của ớt bằng khối lượng đường cần thiết để trung hòa (neutraliser) độ cay trong miệng, hoặc pha ớt vào một dung dịch — có thể pha loãng tới 50,000 lần — rồi để 1 nhóm 3-5 người nhấp nháp và cho ý kiến, xem dung dịch pha loãng bao nhiêu lần mà vẫn còn vị cay. Tất nhiên những phương pháp này không có thể chính xác được.

Hóa chất của trái ớt *Capsicum* có 2 chất chính, *Capsaicinoids* và *Carotenoids*. Cay của Ớt là nhờ độ tập trung (concentration) của *Capsaicinoids*, mà chất chính là *capsaicin* (4),

chất này có khoảng 60% trong mô trắng (*white tissues*) của vỏ, 40% trong hạt. *Carotenoids* là chất đem lại màu và vị cho vỏ ớt, màu càng đậm thì vị càng nhiều. Hiện nay hệ thống chia độ cay Scoville dựa trên nồng độ của capsaicin tìm thấy trong ớt.

Đơn vị cay Scoville SHU (*Scoville Heat Unit*) biểu hiệu bằng 15 SHU là 1 ppm capsaicin và *Capsaicinoids*; ppm *part per million*, là đơn vị để đo độ tập trung, một phần trong 1 triệu, tỷ như ta hình dung 1mg trong 1kg. Tuy nhiên cùng là một loại ớt, SHU có thể thay đổi từ cây này qua cây khác, hoặc từ quả ớt này qua



quả ớt khác. Chất Capsaicin nguyên chất có độ đo tuyệt đối 16,000,000 SHU, trong khi lựu đạn cay cảnh sát có 5,300,000 — làm ở phòng thí nghiệm. Hiện nay vô địch cay hạng nặng *poids lourds* là Red Savina Habanero (*Guinness Book of Records*). Mấy ông Ấn Độ, nổi tiếng ăn cay, nông nhên tuyên bố có trồng được một giống ớt, Naga Jolokiai, độ cay đến 855,000 SHU, nhưng chưa được xác minh. Quả ớt tròn lớn (tây gọi *poivron*) típ Hungarian Paprika ít cay nhất, đo được 100-

500 SHU. Sau đây là vài loại ớt cay thượng hạng, đo bằng SHU :

Red Savina Habanero	350-577,000
Habenero	150-325,000
Carolina Cayenne	100-125,000
Thai Dragon	50-100,000
Piquin	40-58,000
Talbasco, Cayenne	30-50,000



Ở Pháp, có nhiều tên Ớt nghe rất dễ thương, *piment banane, piment oiseau, bouquet, chocolat,...* Và rất hãnh diện là có một giống Ớt *côcôricô* Pháp, *piment d'Espelette* ở xứ Bát Sơ Kơ (Basque). Từ thế kỷ 18, Thịt đùi Dăm bông *jambon* nổi tiếng của xứ này đã được ướp ngoài vỏ với Ớt *Espelette*, sau khi được xông hương bằng Tiêu. Tất nhiên các Cụ Gô Loa bảo thủ chả muốn biết SHU là cái giống chi, họ dùng một hệ thống đo cay Scoville cổ lỗ xỉ khác, có độ từ 0 đến 10, Ớt *Espelette* xếp hạng 4. Bên ta có Ớt gạo, Ớt hiểm (Ớt mọi), Ớt rả, Ớt sim, Ớt chỉ thiên, Ớt sừng (vàng) châu Phi, Ớt chìa vôi, Ớt giấy, Ớt bị, Ớt sừng trâu (bò), Ớt xiêm (Thái Lan), Ớt cà chua, Ớt cựa gà, Ớt hạt tiêu (5) ... Ớt hồng cay kêu là Ớt chuông (chắc dịch chữ *Bell pepper* độ SHU zêrô), hay Ớt tây, Ớt chuối... Nghe nói ngày

xưa ở Đà Lạt có giống Ớt *Bơ* gốc Sóc Trăng, nay đã tuyệt chủng, dầm vào nước mắm nhĩ, thoang thoang thơm mùi bơ !

Ông Diego Álvarez Chanca, nhà Vật lý học đi theo ông Ca Luân Bồ trong chuyến du lịch thứ nhì qua Tây Indies đem Ớt về Tây Ban Nha vào năm 1493 đã viết sách nói về y dược của Ớt. Từ Mễ Tây Cơ, lúc xưa người Tây Ban Nha điều khiển hầu hết tất cả mậu dịch với Á châu, nên Ớt ngao du đến quần đảo Phi Luật Tân, Ấn Độ, Tàu và Nhật. Một thuyết khác nói người Bồ Đào Nha, đem Ớt từ Tây Ban Nha về xứ rồi đưa qua Ấn Độ (6); dấu vết món ăn Bồ tên *Vindaloo* còn tìm thấy trong nghệ thuật nấu ăn rất cay của xứ Goan, một thuộc địa cũ của Bồ. Sau đó Ớt chinh phục Trung Á, Thổ Nhĩ Kỳ, cho tới Hung Gia Lợi ; ở đây Ớt trở thành *Paprika*, gia vị truyền thống quốc gia Hung. Người Ấn Độ ăn rất cay, món cà ri là một tiêu biểu, họ dùng 4 loại ớt chính: *Lal Mirch*, *Hari Mirch* (*Lal Mirch* tươi), *Degi Mirch* (*Paprika*) and *Simla Mirch* (ớt chuông không cay). Chuyện nên đề ý là cây ớt du nhập vào nhiều địa khu khác nhau trên thế giới, mà đều hợp phong thổ, khí hậu, sinh nở phát triển rất khả quan.

Ớt được truyền nhập vào Tàu thế kỷ 16; cuối nhà Minh (1368-1644) ớt được phổ biến rất rộng rãi trong các địa phủ, Trần Hạo Tử 陳漢子 nhà Thanh (1644-1911) trong sách Hoa Kính 花鏡 đã kí tải hiện diện của Ớt trong



Capsicum annuum L.

cao lương mỹ vị Ba Chệt. Rồi Ớt trở thành gia

phẩm số một bên Tàu, *nhất chủng đại chúng hóa* 一種大眾化蔬菜! Đặc biệt các tỉnh Tứ Xuyên, Hồ Nam (7), Quý Châu, nhân dân vụ kỳ hi hoạn, cho nên mới có thành ngữ «Tứ Xuyên nhân bất phạ lạt, Hồ Nam nhân bất phạ, Quý Châu nhân phạ bất lạt 四川人不怕辣,湖南人辣不怕,贵州人怕不辣», nghĩa «*Dân Tứ Xuyên không sợ Ớt cay, Ớt cay chả làm dân Hồ Nam sợ, dân Quý Châu sợ Ớt không cay!*».

Ớt, chưa hiểu được một cách dứt khoát, là đã truyền bá vào Việt nam ta lúc nào, mới đây trong *Ớt dầm Cẩu nhĩ, Quảng trị*, tác giả viết «*Từ thế kỷ XVI, trong tác phẩm “Ồ châu cận lục”, tiến sĩ Dương Văn An đã nhắc đến những mặt hàng nông sản nổi tiếng của vùng đất Quảng Trị như hồ tiêu, ớt...*». Ớt đến Việt Nam chỉ có thể bằng 2 cách: Từ Mễ Tây Cơ qua Tàu với thương dịch của Tây Ban Nha, rồi từ Tàu truyền nhập vào VN. Hoặc do những nhà truyền giáo đầu tiên Bồ Đào Nha đến VN giảng đạo Ky tô, đem theo trong hành lý mấy cây ớt và nhiều giống cây khác, như sầu riêng, măng cụt... Thuyết Lizzie Collingham (Oxford University Press, February 2006) có giả thuyết người Bồ Đào Nha đem ớt lần đầu tiên đến Ấn Độ, rồi từ Ấn truyền qua các nước láng giềng. Thuyết này khá vững, tàu Ca Luân Bồ đem Ớt về Tây Ban Nha năm 1493, năm 1498 những thương thuyền Bồ đầu tiên đến Ấn Độ, trong khi Tây Ban Nha chỉ đến cập bến và lập nghiệp ở Phi Luật Tân vào giữa và cuối thế kỷ 16. Một ít giai thoại kể đến Bia đá *padrão* người Bồ Đào Nha dựng năm 1524 trên hòn đảo đối diện với thương cảng Faifô (Hội An), sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (1859-1884) có đề cập đến một cách không rõ ràng, dựa trên dã lịch (*chroniques non officielles*), sự đột nhập vào thế kỷ 16 của một *duyong nhân* (*homme de la mer*) vào lưu vực sông Hồng, để truyền giáo. Bắt đầu từ 1583, các nhà truyền giáo Tây và Bồ mưu toan đến giảng đạo ở Đàng Trong, nhưng không thành công mấy. Dòng Tên, từ «*tỉnh dòng, province*» (8) Nhật Bản lập trụ sở chính thức ở Đàng Trong năm 1615 và Đàng Ngoài 1627 (9). Mới đây,

Roland Jacques (10) thiết lập chứng cứ là nguồn gốc viết chữ Quốc Ngữ là từ tiếng Bồ Đào Nha, và nhà truyền giáo Bồ Francisco de Pina cùng với một nhà Nho VN có tên thánh là Phê Rô, am hiểu ngữ vựng Việt và Hán, là những người đầu tiên, năm 1622, thực hiện một hệ thống *phiên Việt ngữ qua các chữ cái a,b,c* La tinh (*transcription alphabétique*), Pina qua đời ngày 12/12/1625, vì một cơn gió lốc làm ông chết chìm ngoài khơi Đà Nẵng. Alexandre de Rhodes (tên Hán là A Lịch Sơn Đắc Lộ 亞歷山得路 *Yālìshān Dèlù*), gốc người Pháp chạy, không đủ khả năng để diễn âm viết tiếng Việt qua những dấu dựa trên Bồ ngữ, ông này lại ở VN rất ít, đến Đàng Ngoài 1627, bị trục xuất 1630, trở lại VN 3 lần từ năm 1640, bị vĩnh viễn trục xuất 1645, và không bao giờ trở lại VN! Nhưng Đắc Lộ là một chuyên gia tài giỏi về *khoa học quản lý* (*management*), biết cách chiếm bản quyền trước tác của các giáo sĩ Bồ, để trong những năm 1649-1652 Đắc Lộ được dòng Tên Bồ Đào Nha Macao gửi đi Rô Ma thảo luận tương lai truyền giáo ở VN, đem theo tài liệu và cho xuất bản dưới tên ông năm 1651, cuốn Tự điển *Annam-Lusitan-Latinh* (tự điển Việt-Bồ-La) và sách *Phép Giảng Tám Ngày* (11). Phải đợi 2 thế kỷ sau, mới có sách tự điển in *Dictionnaire Annamite-Latin* của Taberd năm 1838.

Đắc Lộ chép nguyên văn 2 quyển tự điển Việt-Bồ của Gaspar do Amaral và Bồ-Việt của António Barbosa, nhưng khi đạo văn, ông đổi phần từ vựng *Bồ-Việt* thành *Latinh-Việt*! Thiết mắc cỡ cho tui quá chừng, lúc còn sinh viên ở Sài gòn, tui nội trú trong Cư xá Đắc Lộ (1960-1964), đường Yên Đỗ; bây chừ tui đang ngồi viết chuyện nói xấu ông A Lịch Sơn Đắc Lộ! Thế nhưng không ai có thể ăn gian với lịch sử tiếng *Quốc Ngữ* VN được, dù là VN, trúng hay trật, sẽ trưng bày lại bia hay tượng Đắc Lộ, bia này trước kia thấy ở Hồ Hoàn Kiếm, gần chùa Bà Kiệu, được dựng vào tháng 5 năm 1941, mà nay đã biến mất. Theo thuyết các nhà truyền giáo Bồ, thì sớm nhất là đầu thế kỷ 17, chàng Ớt mới qua du hí Việt Nam, và như thế Tiến sĩ Dương văn An không thể khoác lác về

Ớt dầm Câu nhi Quảng trị ở thế kỷ 16 được! Phần nữa giả thuyết Ớt đi đường bộ từ Tàu qua VN cũng khó tin, bởi ví sớm nhất là cuối đời Minh, đầu thế kỷ 17, Ớt mới mò mẫm đến đất Trung Hoa, phải đợi đến thời Tiền Thanh, giữa và cuối thế kỷ 17, *hẩn* (Ớt) mới tung hoành dữ dội ở xứ Con Trời này. Triều đại Lê và dưới thời Trịnh Nguyễn phân tranh, có lẽ mậu dịch thương mại giữa Tàu và Việt nam không thịnh vượng bằng những khi mà xứ ta bị Tàu đô hộ. Văn hóa Ớt ở Tàu hay ở ta cũng cần một thời gian dài để phát triển, và có thể đã phát triển song song qua 2 thế kỷ 17 và 18, cho tới cuối đời Hậu Lê. Khi Lê chiêu Thống công răn Tôn sĩ Nghị về căn gà nhà, rồi Nguyễn Huệ đánh bọn Tôn sĩ Nghị và tay sai Hưởng thế Hanh, Trương sĩ Long, Sầm nghi Đống, một trận như từ trời chết tháng giêng năm Kỷ Dậu 1789, lúc đó mới khởi sự thời vàng son của Ớt. Vậy có thể kết luận, Ớt truyền nhập vào các xứ ta, Tàu, Phi, Nhật cùng một lúc, khoảng đầu và giữa thế kỷ 17, nhưng bành trướng và phát triển văn hóa Ớt đều khác nhau ở mỗi xứ. Xứ ta chẳng hạn, ăn Ớt tươi nhiều, cùng với ớt bột, ớt khô và tương ớt, Tàu, Ấn, Phi hầu như không ăn ớt tươi, thường ăn ớt xào xáo hoặc phần đông ăn ớt bột và ớt dầm hay tương ớt. Ăn ớt tươi ở VN là cả một nghệ thuật thượng đẳng, Ớt xanh tươi ăn nguyên trái, không cắt, để nghe cắn khi thì cái rụp, khi thì cái rạo; nhất là ăn tô dấm nuốt, cắn trái Ớt xanh, vỏ da mịn căng cứng lên xéch xi hết chỗ nói, thì tiếng vang khi cắn Ớt, mùi rau thơm, mùi mắm ruốc cùng với con nuốt nhai nghe sần sật, thì thử hỏi coi đâu là thiên đàng địa giới? Ăn mì Quảng, phải ăn với trái Ớt hiểm xanh vừa mới chín tới. Ớt đỏ tươi phải cắt khoanh ăn với xà lách và rau thơm, khi ăn với bánh khoái bánh xèo. Ăn bò kho hủ tiếu Nam Vang, hủ tiếu xào (áp chảo) lại phải ăn trái ớt sừng trâu xắt thành miếng mỏng. Ăn tô phở bò mà không có những khoanh Ớt vừa xanh vừa đỏ, cắt chừng mỏng quá, để nhìn thấy màu Ớt óng ả phản chiếu bánh phở, thịt phở nước dùng, hành và rau thơm, thì đâu có ngon trọn vẹn cho đáng. Ăn cơm ngày ba bữa phải được kẻ cà với chén nước mắm sống có dầm Ớt tươi, mà phải xấn Ớt bằng muống chứ đừng cắt bằng dao, thì

mùi vị cay mới có hương có hoa nhiều cho khẩu vị. Lúc hái Ớt tươi cũng nên phân loại, Ớt xanh vừa già hái ăn cho cay và dòn cái lỗ miệng, Ớt hường chín tới, màu xanh, lục, vừa lóe đỏ, có thời điểm cay tối ưu của hóa chất Capsaicin, cay ni là cay tóe khói. Ớt chín rồi, màu đỏ, ăn dzô, trong vị cay có cái ngọt ngọt dịu dịu, tựa như diện kiến nữ nhân với sắc đẹp trường thành. Ớt khô, Ớt bột, Ớt hột khô, Ớt khô nguyên trái, tương Ớt, Ớt chung, Ớt nước màu, vv... ở VN là Bát quái trận, mỗi địa khu có một đặc sản với đặc vị riêng biệt, không kể và tả hết được, và nhiều khi dị kỳ, tỷ như giờ đây có loại Ớt bột một mình đã thơm rồi, lại trộn thêm tôm khô nghiền nhỏ với bột ngọt và chút muối, thế thì có lẽ đã ra khỏi thẩm quyền của chàng Ớt ta! Chỉ dám tản mạn sơ sơ về Ớt, không dám đa động đến văn hóa nấu nướng dựa trên Ớt, như Bún bò, Com hén,... *không có hẩn không đặng*, ngoài ra ăn Ớt chung với món ăn, vừa có truyền thống, mà cũng là vừa có gu riêng. Tôi thương và quyến luyến Ớt, nhưng qua tới quê bà xã bên Tứ Xuyên, thì ôi thôi đành chịu thua, đi ăn thì cũng chỉ dám đứng ngó, một tô mì, một nồi cù lao *hot pot*, ớt và dầu đóng khoảng 2-3 cm trên mặt, nếm dzô, vị Ớt cay xé ruột xé gan, nuốt hồng trôi.

(Còn tiếp)

Chú thích

(1) AUBIN, J.M.A. *Histoire de la Nation Mexicaine Depuis le départ d'Aztlan jusqu'à l'arrivée des Conquistadors Espagnols (et au delà 1607)*. Paris, Ernest Leroux, 1893. Sách gồm nhiều bài viết bằng thổ ngữ Nahuatl (Mexicaine) của các tác giả Mễ tây cơ với bản dịch qua Pháp ngữ. *Aztlan* là xứ sở thần thoại, nguồn gốc của dân Aztec.

(2) Cumin, *Cuminum cyminum*, hột gia vị nhiều ở các xứ Địa Trung Hải, thực vật thuộc loại cà rốt.

(3) Tự điển Oxford English và Merriam-Webster đều ủng hộ viết Ớt là "pepper". Chữ

pepper thông dụng trong các sách Thực vật học Anh ngữ và các sách ăn nhậu.

(4) Capsaicin, hóa chất $C_{18}H_{27}NO_3$, người Tàu dịch là *lạt tiêu tố* 辣椒素, tất nhiên không thỏa đáng lắm. Trong Capsaicinoids hai chất cay là *Capsaicin* và *dihydrocapsaicin* và các chất khác ít hay không cay, *nordihydrocapsaicin*, *homodihydrocapsaicin*, và *homocapsaicin*. Khi pha dung dịch để đo độ cay SHU, ppm của *Capsaicin* thường trộn *Capsaicin* lẫn với Capsaicinoids.

(5) Xin thêm vài chi tiết về các loại Ớt. Ớt bị, ớt cà chua, ớt chuông, ớt chuối,...quả to tròn màu vàng hoặc đỏ (*Capsicum annuum*). Ớt cựa gà, ớt tây quả vàng, hình tròn hơi dài. Ớt hiểm, ớt hạt tiêu, ớt mọi, ớt rà... quả nhỏ, nhọn đầu màu đỏ. Ớt sừng trâu, sừng bò,...quả to, dài, màu đỏ, dạng cong như sừng trâu sừng bò.

(6) Lizzie Collingham: Curry, A Tale of Cooks and Conquerors. Oxford University Press, February 2006.

(7) Hồ Nam là quê của Mao Trạch Đông, ông này là Vua ăn ớt nổi tiếng.

(8) Dòng Tên có những *tiếng lóng nhà nghề*, gọi một cơ sở truyền giáo ở một nước nào đó là *Tỉnh Province*, ông xếp cơ sở này gọi là *Provincial* (giống như tỉnh trưởng!), ông xếp của các ông xếp, ngụ tại La Mã, gọi là Đại tướng, *le Général*. Ông này có thời rất mạnh ở tòa thánh Vatican, nên được gọi là Giáo Hoàng Đen (*le Pape Noir*, vì mặc áo *soutane* đen), để

phân biệt với Giáo Hoàng thật, chỉ mặc áo trắng! Dòng Tên được gọi là Société des Jésuites, l'Ordre des Jésuites, la Compagnie de Jésus. Muốn hiểu chuyện lên voi xuống chó của Dòng Tên xin đọc Jean Lacouture, *Les jésuites – T.I Les conquérants*.

(9) Hai chữ Đàng Trong Đàng Ngoài được người Bồ Đào Nha đặt ra. Viết Đàng Trong là “Cochinchine”, do chữ *Kochi* là tên người Mã Lai và Nhật Bản gọi nước Việt Nam ta, rồi thêm chữ “Chine” vào để phân biệt với Cochim là một thành phố ở Ấn Độ (Cochin), tên này tưởng là áp dụng cho toàn nước Đại Việt thời Lê, nhưng vào chính thời Trịnh Nguyễn phân tranh, Cochinchine về sau được hiểu là vùng đất của chúa Nguyễn. Vùng đất chúa Trịnh phía Bắc, người Bồ Đào Nha gọi là vương quốc *Tunquim*, tức *Tonkin* (do chữ Đông kinh) một chữ Hán Việt có nghĩa là kinh đô miền Đông. Thực dân Pháp sau xài 2 chữ này cộng thêm Annam, gọi 3 miền bị Pháp phân chia để đô hộ.

(10) *Le Portugal et la romanisation de la langue vietnamienne. Faut-il réécrire l'histoire?* Roland Jacques 2006.

(11) *Dictionnarium annamiticum, lusitanum et latinum*, Rome, S.C. de Propaganda Fide, 1651; *Catechismus pro ijs, qui volunt suscipere Baptismum, in octo dies divisus. Phép giảng tám ngày Cho Kẻ Muốn Chịu Phép Rửa Tội Mà Vào Đạo Thánh Đức Chúa Trời*, Rome, S.C. de Propaganda Fide, 1651

Ái Hữu Công Chánh PHÁP

Tiếp Đón AH Bửu Hiệp

Khi hay tin AH Bửu Hiệp từ CALI viếng thăm Pháp Quốc trong thời gian rất ngắn từ 08-09 đến 14-09-07, AHCC Pháp liền tổ chức một buổi họp mặt tại nhà hàng Phú Đô, Quận 13, Paris vào ngày chủ nhật 09-09-07, lúc 12 giờ để tiếp đón AH Bửu Hiệp và con trai AH là anh Huân.

Anh chị em đã hàn huyên tâm sự rất vui vẻ. Anh Hiệp đã kể lại những kỷ niệm 70 (bảy mươi) năm về trước làm ai nấy đều ngạc nhiên khôn tả ... và không khỏi ôm bụng cười!!

Ban Đại diện AHCC Pháp.

Hiện diện có :

Anh Bửu Hiệp,
Anh Nguyễn Đoàn Huân ,
Chị Cẩm Thương,
Anh Chị Trương như Bích,
Anh Chị Hoa trường Xuân,
Chị Phan văn Lâm,
Chị Nguyễn thị Lê,
Anh Trần văn Thu,
anh Đỗ Hữu Hứa.

Một số AH và TH khác được mời nhưng không tham dự được vì đi nghỉ hè chưa về.



Các Anh Hứa, Xuân, Bích; các Chị Bích, Lê; anh Hiệp; các Chị Cẩm Thương, Xuân; Anh Huân

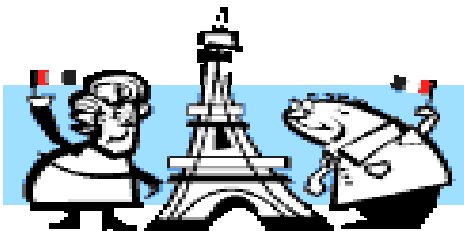


Các Chị Bích, Lê, Cẩm Thương;
các Anh Hứa, AH Hiệp

Thăm Bạn ở Paris

Paris một chuyến hã hê,
Qua vài câu chuyện trần trề tình thân.
Nụ cười vui vẽ anh Xuân,
Anh Hứa duyên dáng trong phần anh em.
Rượu tràn lời nói huyền thiên,
Chị Lâm, Cô Cẩm gắng liền chị Lê,
Chị Xuân chị Bích ngồi kê,
Anh Thu Anh Bích chẳng nề đường xa.
Anh Hiệp kể chuyện ngày qua,
Mấy mươi năm trước gọi là quen nhau,
Dư âm vang tiếng đàn bầu,
Giòng Hương còn đó người đầu đi rồi...
Cùng thêm cốc rượu nữa thôi,
Cho tình ngây ngất, cho đời thêm xuân.

Bửu Hiệp,
Paris 4/09/07



Các Anh Xuân, Thu, các Chị Xuân, Lâm.

Kỷ Niệm Paris

Anh Hiệp đến từ Xắc Tô,
Lần đầu tới Pháp, Phú Đô Nhà Hàng.
Anh em đón tiếp nồng nàn,
Ái Hữu Công Chánh một bàn vui thay.
Rượu hồng chưa uống đã say,
Ngậm ngùi kể lại những ngày năm xưa ...
Giòng Hương sớm nắng chiều mưa,
Non Bình còn đó người xưa đầu rồi.
Anh Hứa rót rượu liên hồi,
Anh Xuân anh Bích lời mời thân thương.
Anh Thu không ngại xa đường,
Chị Lâm, Chị Bích, Cẩm Thương, Lê, Xuân.
Đầu bàn còn có anh Huân,
Chụp hình lưu niệm một tuần ra đi.
Cuộc vui rồi cũng phân ly,
Về nhà còn nhớ Paris mơ màng.

Hương Bình Nguyễn Phước
Paris đầu Thu 2007.

*

Sinh Hoạt AHCC Sydney

**Họp Mặt Ngày Chủ Nhật 28.10.2007
tại Nhà hàng Mỹ Cảnh**

Một vài hình ảnh Sinh hoạt của AHCC tại Sydney, tham gia họp mặt gồm các anh chị sau:

Các AH cùng Phu nhân Bằng, Đồng, Quân, Thanh, Tú (Tôn), Tuấn, Tùng, Tú (Nguyễn), Ưu và các chị Dung, Hà & Túc.



Các Chị Tú (Nguyễn), Dung, Túc, Đồng, Quân, Hà, Ưu



Từ trái sang phải: Các chị Hà, Ưu. Các AH Ưu, Bằng, Quân, Đồng



Từ trái sang phải: Các AH Quân, Đồng, Thanh, Tú (Tôn), Tuấn, Tùng, Tú (Nguyễn) và vợ con

Sinh Hoạt AHCC

Tường trình buổi họp AHCC xứ Cao Bồi Houston Texas ngày 29-12-2007

Vũ Quý Hảo

Năm 2007 AHCC Houston đã họp mặt tất niên vào ngày Thứ Bảy 29-12-2007 tại tư thất AH hội trưởng Phí ngọc Huyền. Hiện diện trong dịp này có các AH, TH và gia đình:

Huyền(2), Độ (2), Hảo(1), Thanh(1), Chu (2), Tường(2), Khoát(1), Hồng(1), Khoa (4), Hưng(1), Lộc(1), Hội(1), Dương(1), và Trường(2).



Hình 1: Các chi Hảo, Chu, Hội, Tường, Khoát, Độ, Huyền và Các AH Chu, Tường, Độ, chi Khoa, AH Lộc, Huyền, Trường, Hồng, chi Trường (cùng 2 AH Khoa, Hảo đứng trên cao)

Chỉ mới liệt kê danh sách tham dự viên người ta đã phảng phất thấy chất “tho” trong xứ chuyên cười ngạ và bắn súng! Như thông lệ,

các AH vừa tới nơi đã được AH Nguyễn văn Lộc thay mặt gia chủ tay bắt mặt mừng và hạ giọng rỉ tai “Xin anh 10 đồng niên liêm và 20 đồng nuôi dưỡng LTCC” Không ai ngạc nhiên trước “lời chào đón thân tình” này vì trong thư mời, AH Tổng Thư Ký đã ân cần nhắc nhở “Nếu vì bất cứ lý do gì làm AH không tham dự buổi họp này được thì xin AH hãy nhớ gửi chi phiếu cho niên liêm và nuôi dưỡng LTCC”

Phần thứ hai mà ai cũng nóng lòng chờ đợi: “Thưởng thức tài gia chánh của quý ái nữ và đầu hiền Công Chánh”. Các “tuyệt chiêu gia truyền”

về nấu nướng đã được quý giai nhân đem ra trở tài ! Dĩ nhiên là không có một nhà hàng nào sánh kịp. Các khách mày râu bảo nhỏ lẫn nhau: “lâu lâu mới có một lần, thôi cứ ăn đi rồi mai

tập thể dục bù lại” Bữa ăn ngon đến nỗi trong phần: Lời chào mừng của gia chủ, AH Hội Trường cũng không quên cảm ơn quý giai nhân mà đặc biệt là nêu đích danh bà nguyên Hiệu Trưởng trường Nữ Công Gia Chánh Sài Gòn : Chị Phí ngọc Huyền. Sau lời chào mừng, AH Hội Trường đã:

- 1) Nhắc nhở anh em viết bài cho LTCC, và để làm gương, chính AH Hội Trưởng hứa sẽ viết một bài cho LTCC. Sau khi xung phong viết bài, AH Hội Trưởng đã khéo léo đề cử AH Đoàn kỳ Tường cung cấp hình ảnh buổi sinh hoạt tất niên và AH Vũ quý Hảo viết bài tường thuật
- 2) Hô hào anh em nên tham dự buổi Đại Hội Công Chánh sắp tổ chức tại Montreal Canada. Đáp lời hô hào đầy nhiệt tình và khéo léo, đã có 7 gia đình dự tính tham gia, vài gia đình khác đang tính lại và sẽ ghi danh sau.

Đáp lời gia chủ, AH TTK Nguyễn Văn Độ đã thay mặt anh em cảm tạ gia chủ và tường trình chi thu năm 2007 một cách rất rành mạch! Thường thì việc tường trình chi thu là mục mà mọi người đều muốn “thông qua” cho mau vì nhàm chán và không cần thiết. Tuy nhiên năm nay, không hiểu vì lý do gì mà AH TTK đã nói năng vô cùng lưu loát, hấp dẫn từ đầu đến cuối, phía khán giả có tiếng vọng lên “Hay hơn Nguyễn Ngọc Ngạn”! Theo đúng chương trình đó là phân Văn Nghệ nhưng vì AH Nguyễn Văn Độ nói hay quá nên AH Hội Trưởng đã nhảy lên sân khấu khen tài khẩu thiết mà suốt 20 năm nay AH Độ đã “giấu nghề”. Nhiều AH đã xì xào đề nghị: “MC của buổi họp tất niên năm 2008 phải là AH Nguyễn Văn Độ”.

Mở đầu phần Văn Nghệ, ái hữu MC đã giới thiệu ban nhạc vừa mới được thành lập: Ban nhạc “DD Đô” thay vì ban nhạc “Khải Hoàn” như thông lệ vì hai bạn Đỗ Khải và Đỗ Hoàn đã về Việt Nam. Tưởng rằng buổi họp năm nay sẽ bớt vui-rất nhiều vì “Hát không đàn, như bàn không chân”.

May thay, AHCC đã vừa kết thân được với TH Đỗ Đăng Khoa, một cựu giáo sư âm nhạc của nhiều trường tư thục Sài Gòn. Để giúp vui

cho AHCC Houston nhân dịp họp mặt ngày 29-12-2007, Ban Nhạc DDĐô đã được thành lập cấp tốc do TH Đỗ Đăng Khoa làm “ông bầu”, chuyên về Tây Ban Cẩm, hai nhạc công hai con trai của chàng: David Đỗ và Daniel Đỗ, cả hai đều thuần thực cây “Vua của các nhạc khí”: Cây Vỹ Cẩm. Cảm động nhất là chuyện mua nhạc cụ: xưa nay David và Daniel vẫn mượn đàn của nhà trường, nhưng vào dịp Noel-Tết Dương Lịch, nhà trường không cho mượn! Thế là “Ông bầu” đã đi mua ngay hai cây vỹ cầm mới - và một cây guitar điện. Hoan hô ban nhạc “DD Đô” !!



Hình 2: các chị: Tường, Huyền, Khoa, và Hội, Hảo, Chu, Độ, Trường (đứng phía sau).

Bài đồng ca đầu tiên phải là một bài hướng về tổ quốc Việt Nam. Hát quốc ca thì nghiêm trang quá, và lại những lời kêu gọi: “Lấy máu đào đem báo” của miền Nam hoặc “Ăn gan uống máu quân thù” của miền Bắc cũng nên từ từ nhường chỗ cho một “Việt Nam không đòi xương máu, Việt Nam kêu gọi thương nhau, Việt Nam đi xây đắp yên vui dài lâu”. Chúng tôi đã hát rất say sưa \ bài Việt Nam Việt Nam! Bài ca vốn đã hùng tráng, giọng ca càng phần khởi hơn khi chúng tôi cùng nhau xác nhận “Tình yêu đây là khí giới, tình thương đem về muôn nơi, Việt Nam đây tiếng nói đi xây tình người”

Tuy đã là 29 tháng 12 nhưng dư âm của Noel vẫn còn, do đó hai cháu David và Daniel đã vẫn hoà tấu bản Silent Night của Franz Gruber. Phòng họp bỗng dưng im lặng như tờ, hai cây vĩ cầm réo rắt hai bè rõ ràng dưới sự điều khiển bằng tay, chân và cả thân mình của nhạc trưởng say sưa Đỗ Đăng Khoa. Tiếng vĩ cầm “*Khi cao vút tận mây mờ, Khi trầm vút vèo ngay bờ cây xanh, Êm như lọc tiếng tơ tình; Đẹp như ngọc nữ uốn mình trong sương*” Dứt bản nhạc, hai nhạc công cúi mình chào khán giả, thế mà phải mất vài giây sau khán giả mới tỉnh ra để vỗ tay hoan hô như bắt tận. MC phải kêu gọi ngừng tay để nghe lý do tại sao hai bạn Khải Hoàn lại vắng mặt đêm nay. AH MC kể rằng:

“*Đầu năm 2007 tôi có về VN, khi trở lại Houston hai bạn Khải Hoàn đã hỏi thăm: không biết bây giờ có còn cảnh trăng soi trên sông Hương và thông reo trên núi Ngự hay không. Tôi trả lời rằng: Còn ! Tuy nhiên hai bạn Khải Hoàn muốn “thực mục sở thị” nên đã lặn lội về thăm Huế nên đành vắng mặt đêm nay; Riêng AH Nguyễn Văn Lộc, trước khi vào trường Công Chánh*

là học sinh trường Quốc Học. AH Lộc nói rằng chẳng cần phải về Huế anh cũng tin rằng: Còn, vẫn còn vầng trăng soi giòng Hương Núi Ngự còn thông gieo chiều hôm

Do đó, AH vẫn còn THƯƠNG VỀ MIỀN TRUNG. Xin quý vị một chàng pháo tay cho AH Nguyễn Văn Lộc” ...

Không cần phải là người Huế, ai là người VN xa quê đều dễ bị cộng hưởng với tiếng ca rất truyền cảm, rất chân thành phát xuất từ cõi lòng nhớ quê của một AH đã từng làm nhỏ lệ nhiều khán thính giả trong nhiều năm của thập niên 1980 qua nhạc bản Sai Gòn Vĩnh Biệt ... Tiếng ca bỗng nhiên trở nên nghẹn ngào vì cảm xúc, trong khi cây guitar điện và hai cây vĩ cầm hỗ trợ thì không nghẹn ngào chút nào!. Nhịp hơi bị sai một vài giây trước khi các nhạc công rành nghề điều chỉnh lại nhịp. Khán thính giả hiểu rõ lý do của sự “nghẹn ngào” đó, nên pháo tay lại càng nổ to hơn; Tuy vậy, ái hữu MC vẫn đứng ra chống chế:

“*Sáng nay, trong khi tập dợt, tôi có dặn anh Lộc rằng: Mục đích chính của buổi văn nghệ*

tôi nay là hát cho vui, hát khoe thiện chí đóng góp chứ không phải là hát cho hay, vì muốn nghe hát hay, thì các AH & TH đều có thể mua băng của Paris By Night hoặc của trung tâm Asia. Hơn thế nữa, tôi để anh lên hát đầu tiên, nếu anh hát quá hay quá đúng thì các AH và TH khác sẽ ngại ngừng không dám xung phong lên hát. Vì thế cho nên, anh hãy làm ơn cố giả vờ vấp vấp một chút để chứng tỏ rằng trong anh, thiện chí cao hơn khả năng;

Kính thưa quý vị, anh Lộc đã đóng đúng vở tuồng được định sẵn một cách rất tự nhiên! Xin quý vị một tràng pháo tay nữa cho diễn viên xuất sắc Nguyễn Văn Lộc”

Các khán thính giả vừa vỗ tay, vừa cười bỏ cười lẫn vì ai cũng dư biết cái “Vụng chèo khéo chống” của anh em chúng tôi. Tiếng vỗ tay chưa dứt, thì người ta đã ngạc nhiên khi nghe:

*“Quê tôi có lúa, có dâu
Có đàn cò trắng, có câu huê tình*

Có cây đa, có mái đình

Có bầy thôn nữ xinh xinh diu dàng...

Nếu “Cây đa” đã được Bàng Bá Lân xếp hạng thứ năm trong danh sách những gì yêu dấu của Làng quê, thì nhạc sỹ Chung Quân lại để “Cây đa” lên hàng đầu:

Làng tôi có cây đa cao ngất từng xanh

Có sông sâu lơ lững vờn quanh

Êm trôi về Nam

*Kính thưa quý vị: Thì **Lệ Thanh** sẽ tiếp lời Chung Quân kể cho chúng ta nghe những thứ đáng nhớ, đáng yêu của quê nhà; Đây **Lệ Thanh**...Tiếng hát khi trong thì “ Trong như tiếng hạc bay qua”, khi đục thì “Đục như nước suối mới sa nửa vời” “Khi êm như gió thoảng ngoài”, “Khi mau, sầm sập như trời đổ mưa”; **Lệ Thanh** có công tập dượt với ban nhạc cho nên có khác!*

Tiếp theo là bài Cổ Nhạc Nam Phần do AH Bùi Hồng trình bày. Các AH và TH đều tuyệt đối yên lặng như muốn uống từng giòng nhạc, từng lời văn của “*Thư Xuân Gửi Cha Nơi Tiền Tuyến*”, ai nghe cũng phải bùi ngùi cho tình thâm thiết cha con trong cảnh chia li vì chinh chiến; Ước gì các con cháu của chúng ta nơi hải ngoại cũng cảm được cái liên hệ cao quý cha con của Việt Nam và hiểu cái sung sướng

mà đám trẻ hải ngoại đang có: Hoà bình và sum họp, thịnh vượng và tự do.

Năm nay, anh em AHCC Houston lại được cái may mắn là lại mời được TH Đỗ Hưng, một kỹ sư cơ khí, đã lục tuần nhưng vẫn thích sáng tác bài ca, kịch bản, mua y phục hoá trang và thân hành đóng kịch. Màn hài kịch “Tâm Trạng Một Phụ Nữ Trung Đông” đã làm mọi người cười đến đau bụng!

Sau màn nghỉ giải lao là mấy màn hoà tấu võ cầm “Quỳnh Hương” của Trịnh Công Sơn và “Đêm Nay Ai Đưa Em Về” của Nguyễn Ánh 9 do ban nhạc DD Đô trình bày; bài “Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ” do TH Đỗ Hưng, “Cánh Thiệp Đầu Xuân” do dâu hiền Công Chánh **Thùy Dương** trình bày. Kế tiếp là tặng quà cho: Gia Chủ, Ban Nhạc và TH Đỗ Hưng. Ngoài ra, một số AH đã tự ý mang quà tới buổi hội họp để rút thăm lấy hên. Anh chị Đoàn kỳ Tường và Lê Thanh điều khiển chương trình rút thăm rất vui nhộn và hồi hộp! Mỗi gia đình đều trúng một món quà! AH Đoàn kỳ Tường còn hứa sẽ sao tặng mỗi gia đình hiện diện một đĩa CD chiếu cảnh lò sưởi: cả cái màn ảnh sẽ hoá ra một cái “Bếp hồng sưởi ấm” với ngọn lửa bập bùng và tiếng củi lách tách, mới trông ai cũng tưởng là lò sưởi thật. Các AH và TH đang hồi hộp chờ đợi món quà “rain check” này đây bạn Đoàn Kỳ Tường ơi !



Hình 3: Ban Nhạc Đỗ Đăng Khoa

Trong phần Lời Chúc Tất Niên, AH Hội Trưởng, ngoài phần chúc mừng như thông lệ, còn nhắc đi, nhắc lại 2 điểm cần lưu ý là VIẾT

BÀI CHO LTCC và THAM GIA HỌP MẶT TẠI MONTREAL. Buổi họp tất niên năm 2008 sẽ được tổ chức tại tư thất AH Đoàn kỳ Tường. Đúng 11:30 đêm, lúc mọi người còn đang tưởng nhớ lại phần văn nghệ thì bài ca Tạm Biệt được phát ra. Nhạc là của Robert Burns nhưng lời, có thể nói không ngoa, là tiếng lòng thổn thức của Đàn Chim Việt lạc lõng xa quê:

Lời một

*Họp đây anh em chúng ta cùng nhau nói cười,
chuyện trò ca hát
Hát lên câu ca Việt Nam ngợi khen nước nhà
ngàn đời đẹp tươi
Hát vui nên ta hằng mong rồi đây chúng ta còn
họp nhau mãi
Ước mong anh em chị em càng thêm thấm tình
đậm đà Việt Nam*

Lời hai

*Là dân xa quê chúng ta cùng nhau hướng về
một trời quuyến luyến
Nhớ quê nên ta cùng mong gặp nhau hát hò
điệu vắn Việt Nam
Tiếng xưa ru êm lòng ta làm thêm quý yêu ngàn
đời vẫn hiển
Chính nay, đây cơ hội vui để ta nhớ về cội
nguồn Việt Nam*

Lời hai vừa dứt thì ái hữu MC xen vào: “Kính thưa các bạn: Ngày nay anh em chúng ta tuy phải mang lấy quốc tịch của xứ mình đang tạm dung, nhưng, chúng ta vẫn lòng bảo lòng rằng: Chúng ta đã, đang, và mãi mãi sẽ là những người Việt Nam; vì thế cho nên,”

Lời ba

*Ngày nay anh em chúng ta nổi trôi xứ
người mà lòng vẫn nhớ
Nhớ quê hương ta đẹp tươi, ngàn năm
kết thành một trời mộng mơ
Quý nhau nên ta hằng mong rồi đây chúng ta
còn gặp nhau nữa
Chúc cho anh em chị em cùng nhau ra về đều
được bình an ./.*

Ái Hữu Công Chánh Miền Bắc Cali

Họp Mặt Tân Niên 02/17/2008

Khuru tòng Giang

Năm nay AHCCMB Cali họp mặt sau ngày Tết 02/17/08 vì phải tránh SuperBowl, hơn nữa ngày 02/02 một số Ái Hữu Miền Bắc đã "xuôi Nam" tham dự Họp Mặt của các AH Miền Nam cộng tác với các bạn Kỹ Sư trẻ Caltrans Dist 7, 8, 11, 12.

Trưa Chủ Nhật ngày 02/17/08 lúc 11:00 trưa các Ái Hữu đã lần lượt tới nhà hàng Thành Được (Chủ Nhân là Thành Được, một nghệ sĩ Cải Lương nổi tiếng vào thập niên 60. Nhiều AH đã náo nức có mặt rất sớm tại nhà hàng trước ban tổ chức.

Chúng tôi chọn Nhà Hàng Thành Được vì có vài lý do:

- Quán ăn thuần túy Việt Nam
- Món ăn Việt khoái khẩu như (canh chua, gỏi thơm, cua rang me...)
- Có thể kéo dài thời gian họp mặt,,,

Ngoài các Ái Hữu Miền Bắc thường xuyên gặp nhau, còn có sự hiện diện của AH lão thành Nguyễn văn Quý lần đầu tiên tới tham dự. AH Quý khoảng 80 tuổi trông rất mạnh khỏe cùng đi với Ái Nữ chưa có dịp tham gia cuộc họp mặt nào.

Một số Ái Hữu ở xa như Sacramento, Modesto (Bê, Dục, Định) cũng tới chung vui. Hiện diện còn có AH niên trưởng Nguyễn văn Ngân 86 tuổi đã đi bằng xe buýt tới nhà hàng, Bà Tạ Huyền, AH Nguyễn đức Sứ cũng sốt sắng tham gia hàng năm. Chị Hoàng đình Phùng có mời một số thân hữu tới ủng hộ.

Cuộc họp mặt năm nay tuy không có kèn trống nhưng với bầu nhiệt huyết mong gặp

gỡ lại các bạn bè, các bạn cùng khóa, các bạn cùng ngành để hàn huyên tâm sự.

Số người tham dự cũng đã lên tới 58, nhiều hơn tất cả các họp mặt trước.

AH Tất mặc dù không có nhạc nhưng cũng hăng say ca giúp vui bài "BẾN XUÂN". Các AH hiện diện đóng góp cho Lá Thư Công Chánh tổng cộng là \$500.

Ban tổ chức đã kèm theo Xổ Số (AH NVThành giúp) rất vui nhộn với những món quà mặc dù không phải quá quý giá nhưng cũng là món quà kỷ niệm Đầu Xuân.

Chị Tất trúng giải nhất (gift basket), AH Hiệp đã trúng chai rượu Courvoisier, Anh Tô đăng Quế trúng DVD Asia 57 mới phát hành.

Ngoài ra các Anh Chị khác (Chị Phùng, Lễ, Liễn, Thuần, Duật, Bà Tạ Huyền...) trúng See Candy Chocolate, Trà Sâm, Red Wine.....

Có cuộc vui nào mà không tàn, chúng tôi quyền luyện chia tay và chụp nhiều tấm hình kỷ niệm trước cửa nhà hàng (đã đăng trong Trang Nhà AHCC)

Ngoài ra AH NVLiễn đã quay lại một đoạn Video (phần 1 và 2). Xin mời các AH vào liên kết sau đây :

phần 1:

<http://www.mediafire.com/?fxam1y9czzh>

phần 2:

<http://www.mediafire.com/?12ojvungtty>

Khuru tòng Giang tường thuật



Hình lưu niệm chụp chung



AH Nguyễn Văn Quý và Ai Nữ AH Quý



AH KT Giang tường trình Sinh Hoạt



AH Liên, Thuận, Duật, NX Hoán, Phượng, & Cuối



AH Hoán, Hùng, Quyên, Lê, Nhượng, Thịnh, Diệp



Xổ Số do AH Nguyễn Văn Thành phụ trách



Chị Trần Hữu Tấn trúng giải nhứt



Chị Hoàng Đình Phùng trúng giải



Các chị Chi, Bê, Thụ, TH HDPhùng, LMHùng



Hình lưu niệm chụp chung

Ái Hữu Công Chánh Miền Nam Cali

Họp Mặt Tân Niên 2/2/2008

Trưa ngày 2/2/2008, AHCC Nam Cali cùng với các đồng nghiệp làm việc tại Caltrans đã có một cuộc họp mặt thân mật tại nhà hàng Grand Garden - Little Saigon. Có hơn 300 người đã tham dự trong dịp này.

Đây là một buổi họp mặt có nhiều ái hữu và thân hữu tham dự nhiều nhất từ trước tới nay thể hiện tình đoàn kết của những đồng nghiệp, đồng môn làm việc trong ngành công chánh ở miền Nam California.

Một chương trình văn nghệ phong phú cũng như có múa lân, giới thiệu sách của các tác giả AHCC ... đã được các tham dự viên hoan nghinh và ủng hộ nhiệt tình.

Dưới đây là một vài hình ảnh do AH Nguyễn văn Thái chụp. Quý AH có thể xem thêm trên internet ở trang nhà AHCC: www.aihuucongchanh.com.



Táo quân Trần đức Hợp đang tường trình sinh hoạt trong năm qua.



Một màn vũ Trống Cơm do các cháu thiếu nhi trình diễn



Ái hữu Phạm ngọc Xuyên (từ Canada tới) đang lì xì cho một cháu thiếu nhi.



Tiết mục văn nghệ dân tộc do AH Caltrans thực hiện.

Hình Ảnh Xưa Ái Hữu Công Chánh



Hình chụp vào dịp Thanh Niên Cộng Hòa (Công Chánh) sinh hoạt tại Suối Lò Ô vào ngày sinh nhật TT ND Diêm (ảnh do AH Tuấn, HKDS lưu giữ)



Toàn thể anh chị em Cán Sự Công Chánh Điền Địa Khóa 1962-1965 (ảnh do chị Kim Hương lưu)

KÍNH LÃO ĐẠC THỌ

Ban Đặc Trách Bảng Đại Thương Thọ (ĐTT) xin tường trình về việc trao tặng bảng ĐTT tiếp theo trong gia đình Công Chánh trong năm 2007 như sau:

1) Tình hình Thu Chi và Tồn Quỹ đến ngày 31/12/2007:

<u>Ngày</u>	<u>Liệt Kê Công Việc</u>	<u>Thu</u>	<u>Chi</u>	<u>Tồn Quỹ</u>
20/01/07				\$1,180.82
10/02/07	- Các AH họp mặt Tết Đình Hới ủng hộ: \$250			\$1,430.82
	Danh sách như sau:			
	AH Đồng Sỹ Tụng	20		
	- Bùi Nhữ Tiếp	20		
	- Nguyễn Văn Luân	20		
	- Tôn Thất Toại	20		
	- Nguyễn Ngọc Ân	10		
	- Phạm Ngọc Xuyên	20		
	- Lê Minh Chánh	20		
	- Hoàng Thao	20		
	- Lý Đãi	20		
	- Trương Như Nguyên	20		
	- Lê Trọng Bửu	20		
	- Trầm Kim Ngân	20		
	- Nguyễn Tấn Thọ	20		
02/08/07	- Đặt 1 bảng ĐTT kính tặng AH Phan Văn Mão, Kỹ Sư Cơ Khí, Bộ Công Chánh, hiện ở Việt Nam.	\$110.00		\$1,320.82
22/08/07	- Đặt 1 bảng Tiên Thọ kính tặng Nhạc Mẫu AH Bửu Đôn	\$110.00		\$1,210.82
22/08/07	- Bưu phí gửi Bảng Tiên Thọ cho AH Bửu Đôn, Maryland.	\$ 11.40		\$1,199.42
09/09/07	- Đặt 1 bảng Tiên Thọ kính tặng Cụ Bà Phạm Nghi, Nhạc Mẫu Cố AH Bùi Hữu Tiễn.	\$110.00		\$1,089.42
09/09/07	- Bưu phí gửi Bảng Tiên Thọ nhờ Chị Bùi Hữu Tiễn đem về Việt Nam để trao tặng.	\$ 6.30		\$1,083.12
	Tồn Quỹ đến ngày 31/12/2007:			\$1,083.12

2) Trao tặng Bảng Đại Thương Thọ và Tiên Thọ

Các Bảng Tiên Thọ đều đã được gửi đến gia đình thân nhân của các Cụ được tặng thưởng, để gia đình các Cụ tùy nghi làm Lễ Trao Tặng trong dịp Tết Mậu Tý sắp đến.

Trong năm 2007, chỉ có **AH Phan Văn Mão** được trao tặng Bảng ĐTT tại tư gia ngày 20/10/07 do AH Phạm Chí ở Florida mang về Việt Nam, và được gia đình bác Mão tổ chức một buổi họp mặt tại tư gia để AH Phạm Chí thay mặt toàn thể AHCC ở hải ngoại trao tặng.

Ban Đặc Trách Bảng Tiên Thọ và Đại Thương Thọ
Đồng Sỹ Tụng, Hoàng Đình Khôi, Lý Đãi.

HÌNH ẢNH



Bảng Kính Mừng Tiên Thọ
Nhạc Mẫu AH Bữu Đôn.



Bảng Kính Mừng Tiên Thọ
Nhạc Mẫu Cố AH Bùi Hữu Tiền.



AH Phạm Chí từ Florida - USA - nhân dịp về thăm Việt Nam, đã thay mặt AHCC Hải ngoại trao tặng Bảng Kính Mừng Đại Thượng Thọ cho Bác Phan Văn Mão Kỹ Sư Cơ Khí - Bộ Công Chánh - hưu trí.



**Ban Phụ Trách Lá Thư AHCC xin thông báo
cùng toàn thể AH trong gia đình Công Chánh
những tin vui nhận được sau đây :**



Anh chị AH **Huỳnh Long Trị** làm lễ Vu Quy cho Trưởng Nữ **Huỳnh Long Hoàng Uyên** kết duyên cùng Cậu **Michael Hofsteenge** vào ngày 13 tháng 10 năm 2007 tại Thành Phố Staverden, **Netherlands**.

Anh Chị AH **Hoàng đình Khôi** đã tổ chức lễ thành hôn cho Thứ Nam **Hoàng đình Khiêm** sánh duyên cùng cô **Nguyễn minh Thư**, trưởng nữ của ông bà Nguyễn văn Tâm - vào ngày 7 tháng 7 năm 2007 tại Westminter, Nam California.

(Xin đính chính Tin Vui LT89 đã ghi lễ thành hôn Austin, Texas thay vì tổ chức tại Westminter, Nam California mới đúng)

**Ban Phụ Trách Lá Thư AHCC cùng toàn thể AH trong gia đình Công Chánh
thành thật chung vui cùng các AH có được dâu hiền rể thảo,
và cầu chúc các cháu được**

Trăm Năm Hạnh Phúc.

Tin Buồn

Ban Phụ Trách Lá Thư AHCC xin thông báo cùng toàn thể Ái Hữu trong gia đình Công Chánh những tin buồn nhận được sau đây:

- Bào huynh AH Nguyễn xuân Mộng là cụ Nguyễn xuân Bảo, pháp danh Quảng Châu đã qua đời ngày 28/6/2007 tại Huế - Việt Nam, hưởng thọ 90 tuổi.
- Thân mẫu của AH Nguyễn văn Chi (Felix Nguyen) - Caltrans Sacramento là cụ bà Nguyễn thị Châu pháp danh Diệu Ngọc đã từ trần ngày 30/7/2007 tại Việt Nam, hưởng thọ 85 tuổi.
- AH Đỗ đình Phục đã qua đời ngày chủ nhật 9/9/2007 tại Orange County - California,
- Nhạc mẫu của AH Vi hữu Lộc là cụ bà Đình thị Nhung đã từ trần ngày 22/8/2007 tại Biên Hoà - Việt Nam hưởng thọ 85 tuổi.
- Thân mẫu AH Phạm như Tiếp là bà quả phụ Phạm như Lân nhũ danh Nguyễn thị Ngoan, pháp danh Tâm Minh, đã mãn phần ngày 12/9/2007 tại Orange County, California.
- AH Mã Minh đã từ trần ngày 13/9/2007 tại Texas -Hoa Kỳ, hưởng thọ 86 tuổi.
- Thân mẫu AH Quách Anh là bà quả phụ Quách Quang, nhũ danh Nhâm Me, pháp danh Diệu Trân, đã thất lạc ngày 13/9/2007, tại San Jose, California, hưởng thọ 91 tuổi.
- Nhạc mẫu AH Phạm văn Ân, là bà quả phụ Nguyễn tiến Oanh, nhũ danh Nguyễn thị Diệp, pháp danh Từ Ân vừa qua đời tại San Jose, California, hưởng thọ 83 tuổi.
- Hiền thê AH Lê Nguyệt Oanh, nhũ danh Lê thị Xuân Thủy đã mãn phần ngày 31/10/2007 tại Sydney – Australia.
- Thân phụ của AH Phạm bá Lộc, là cụ Phạm bá Chiếu, đã mãn phần ngày 25/11/2007 tại Đà Nẵng, Việt Nam hưởng thọ 87 tuổi.

- AH Nguyễn văn Hải vừa qua đời ngày 28/11/2007, tại Torrance, CA, hưởng thọ 82 tuổi.
- AH Đào kim Quan pháp danh Trường Thọ cũng là Phu quân của AH Phạm Thị Khiêm, đã từ trần vào ngày 28/12/2007 tại Sydney – Australia, hưởng thọ 65 tuổi.
- Nhạc phụ của AH Dương thiệu Dụng là cụ Phêrô Bùi quang Khánh đã từ trần vào ngày 7/1/2008, tại Silver Spring, Maryland, hưởng thọ 94 tuổi.
- AH Hồ Nhựt Tân đã từ trần ngày 13/1/2008, tại Sacramento, California, hưởng thọ 75 tuổi.
- Thân mẫu của AH Trần Trung Trực là bà Maria Trần Thị Lôn, nhũ danh Trần Ngọc Ngự, đã mãn phần vào ngày 4/3/2008 tại Việt Nam, hưởng thọ 87 tuổi.
- Thân mẫu của AH Lý Đãi là bà quả phụ Lý Thản nhũ danh Lê thị Dung, pháp danh Tâm Sắc đã mãn phần tại Los Angeles - California, hưởng thọ 98 tuổi.
- Bà Quả Phụ Lương Sĩ Phu nhũ danh Nguyễn thị Nga (tức nữ sĩ Thu Nga) đã mãn phần ngày 26/2/2008 tại Fountain Valley, hưởng thọ 90 tuổi.

Ban Phụ trách Lá thư AHCC cùng toàn thể Ái hữu Công Chánh xin chia buồn cùng quý tang quyến có người thân qua đời, và thành kính cầu nguyện hương hồn các vị quá cố sớm được về miền vĩnh cửu.

Tổng Kết Tài Chánh Yểm Trợ LTCC

(tính từ ngày 9/01/07 đến 3/15/08)

Thủ quỹ LTCC: Nguyễn Đức Chí và Nguyễn Hữu Thâu

A. Tồn quỹ LTCC:

1/ Tổng kết tồn quỹ tính đến ngày 8/31/07: **\$22,125.19**

2/ Chi phí phát hành LT89

Ấn loát \$2600.00

Tem, Cước phí \$1526.12

Linh tinh \$ 173.20

Tổng Cộng **\$4299.32**

3/ Tổng kết tồn quỹ sau khi trừ chi phí cho LT89 **\$17,825.87**

B. Phân Thu:

1/ Số tiền AH/TH Bắc Cali yểm trợ là **\$740.00**

Nguyễn Trường	An	20	Lê Mộng	Hùng	20	Đỗ Đình	San	20
Đình Quang	Bảo	20	Trần Văn	Hưng	20	Trần Hữu	Tất	20
Dư	Chi	20	Bà Tạ	Huyền	20	Nguyễn Văn	Thành	20
Lương Văn	Cuối	20	Nguyễn Ngọc	Khiêm	20	Nguyễn	Thiệp	30
Lê Ngọc	Diệp	20	Hồ Đăng	Lễ	40	Nguyễn Đăng	Thịnh	20
Nguyễn Hữu	Định	20	Trần Bất	Nhượng	40	Trần Đình	Thọ	40
Nguyễn Đình	Duật	20	Bà Hoàng Đình	Phùng	20	Nguyễn Đức	Thụ	20
Trình Hữu	Dục	40	Mai Đức	Phượng	50	Trần Đức	Thuần	20
Nguyễn Văn	Hiệp	20	Tô Đăng	Quế	20	Nguyễn Đình	Tuân	20
Nguyễn Xuân	Hoàn	40	Trần Bá	Quyên	20	Lý Diệp	Tùng	20

Tổng Cộng 740

2/ Số tiền AH/TH yểm trợ gửi đến BPT là **\$3047.17**

Chế Quang	Ái	20	Bùi Mạnh	Cần	20	Nguyễn Tư Thị	Diễm	20
Phạm Lương	An	30	Nguyễn Tâm	Cảo	20	Nguyễn Mạnh	Diễm	20
Phạm Văn	Ân	20	Khương Hùng	Chấn	30	Nguyễn Hữu	Điện *	40
Huỳnh Công	Ẩn	30	Cao Minh	Châu	20	Võ Ngọc	Diệp	20
Huỳnh Văn	Ẩn	40	Trần Mộng	Châu	30	Huỳnh Văn	Đức	30
Ngô Trọng	Anh	20	Nguyễn Kim	Chi	20	Nguyễn Tấn	Dược	20
Quách	Anh	40	Lê Văn	Chơn	20	Nguyễn Thái	Hai	40
Nguyễn Trọng	Ba	46	Đào Trọng	Cương	50	Lâm Hồng	Hải	25
Bùi	Bá	20	Nguyễn Ngọc	Cương	50	Phạm Nguyên	Hạnh	20
Nguyễn Văn	Bánh	20	Phạm Văn	Đại	20	Phạm Nguyên		
Vũ đức	Bảo	30	Bà Dương			(Cerritos)	Hạnh	20
Nguyễn Kim	Bính	40	Thanh	Đàm	20	Bửu	Hiệp	20
Ngô Thái	Bình	20	Nguyễn Thành	Danh	20	Vương Chí	Hồ	20
Lê Trọng	Bửu	30	Bà Vĩnh	Đào	50	Nguyễn Văn	Hoa	20

Phạm Bội	Hoàn	20
Nguyễn	Huế	20
Nguyễn Hương	Hữu	25
Bà Tạ	Huyền	20
Nguyễn Trung	Khanh	20
Bà Trần Nhị	Khánh	20
Lê Xuân	Khé	52
Võ Ngọc	Khôi	50
Trần	Khương	20
Lê Đình	Kỳ	40
Quách Huệ	Lai	20
Huỳnh	Lân	20
Nguyễn Văn	Liêm	30
Nguyễn Khoa	Long	60
Lương Ngọc	Mai	20
Trần Quang	Mãnh	20
Ba` Dương	Minh	20
Nguyễn Hữu	Minh	20
Nguyễn Thúc	Minh	20
Trần Quý	Minh	20
Nguyễn Văn	Mơ	20
Nguyễn Xuân	Mộng	30
Dương Chánh	Mỹ	20
Võ Thị Kim	Nga	20
Nguyễn Văn	Ngà	20
Ông Ngọc	Ngoạn	40
Bà Phan Thanh	Nguyễn	30

(Mai H.)		
Phan Đình	Nguyễn	30
Trần Hoàng	Oanh	20
Nguyễn Văn	Phổ	20
Phan Văn	Phong	20
Bà Ngô Nguyễn	Phúc	20
Bà Nguyễn Thị (Vĩnh)	Phượng	20
Châu Phong	Quan	30
Phạm Hữu	Quang	25
Dương Hồng	Quý	30
Nguyễn Văn	Sên	20
Nguyễn Trọng	Sơn	20
Nguyễn Đức	Súy	20
Từ Minh	Tâm	20
Nguyễn Văn	Tấn	20
Phan Đình	Tăng	30
Hoàng Ngọc	Thân	30
Bà Trần Đình	Thắng	20
Ngô Văn	Thành	20
Lê Văn	Thiên	20
Nguyễn Công	Thuần	30
Lâm Đốc	Thượng	20
Trát Quan	Tiên	20
Bùi Nhữ	Tiếp	40
Nguyễn Long	Tiết	20
Võ Thắng	Toàn	20

Vũ	Tòng	20
Lê Thành	Trang	20
Lê Minh	Trí	40
Nguyễn Minh	Triều	20
Lê Thành	Trình	20
Hà Văn	Trung	50
Huỳnh Minh	Trung	20
Trương Minh	Trung	20
Lê Lương	Tứ	40
Bùi Hữu	Tuấn	20
Đỗ Trung	Tuấn	50
Trần Ngọc	Tuấn	50
Bà Nguyễn Văn	Tui	20
Bà Nguyễn Tư	Tùng	20
Tô Tiến	Tùng	20
Tôn Thất	Tùng	50
Hoàng Mạnh	Tường	20
Bà Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	25
Lâm Mỹ B.	Tuyết	20
Lâm	Viên	20
Nguyễn Văn	Vinh	30
Nguyễn Đức	Xuân	20
Nguyễn Thanh	Xuân	20
Phạm Ngọc	Xuyên	20

* Thủ Đô Thời Báo

Tổng Cộng 3047.17

3/ Số tiền AH Houston yểm trợ là \$330.00

Vũ Kim	Chu	20
Hà Văn	Đáng	30
Nguyễn Văn	Độ	20
Vũ Quý	Hảo	20
Nguyễn Quý	Hội	20
Bùi Văn	Hồng	20

Phí Ngọc	Huyền	20
Đỗ	Khải *	20
Nguyễn Kim	Khoát	20
Nguyễn Văn	Lộc	20
Phan Quang	Nam	20
Đình Ký	Ngọ	20

Trần Ngọc	Thạch	20
Nguyễn Xuân	Trường	20
Đoàn Kỳ	Tường	20
Nguyễn Đôn	Xuân	20

* Ban Nhạc Khải Hoàn

Tổng cộng 330

4/ Số tiền AH/TH Sydney yểm trợ là**\$650.00**

Trần Vy	Bằng	30
Nguyễn An	Đồng	50
Trần Thị	Dung	50
Nguyễn Sơn	Hiền	50
Nguyễn Thế	Hồng	50
Nguyễn Văn	Khậy	50

Lê Quang	Nguyên	50
Huỳnh Thanh	Quân	50
Lê Tiết	Qùy	20
Trần Đan	Thanh	50
Nguyễn Đức	Tú	40
Tôn Thất	Tú	50

Trần Anh	Tuấn	50
Bà Lê Cảnh	Túc	50
Lê Nguyên	Tùng	50
Nguyễn Văn	Ưu	30

Tổng Cộng

AUS \$720 Đổi thành **US \$650** gửi đến BPT**C. Tổng Kết Quỹ LTCC BPT giữ:**

Tồn quỹ mục A

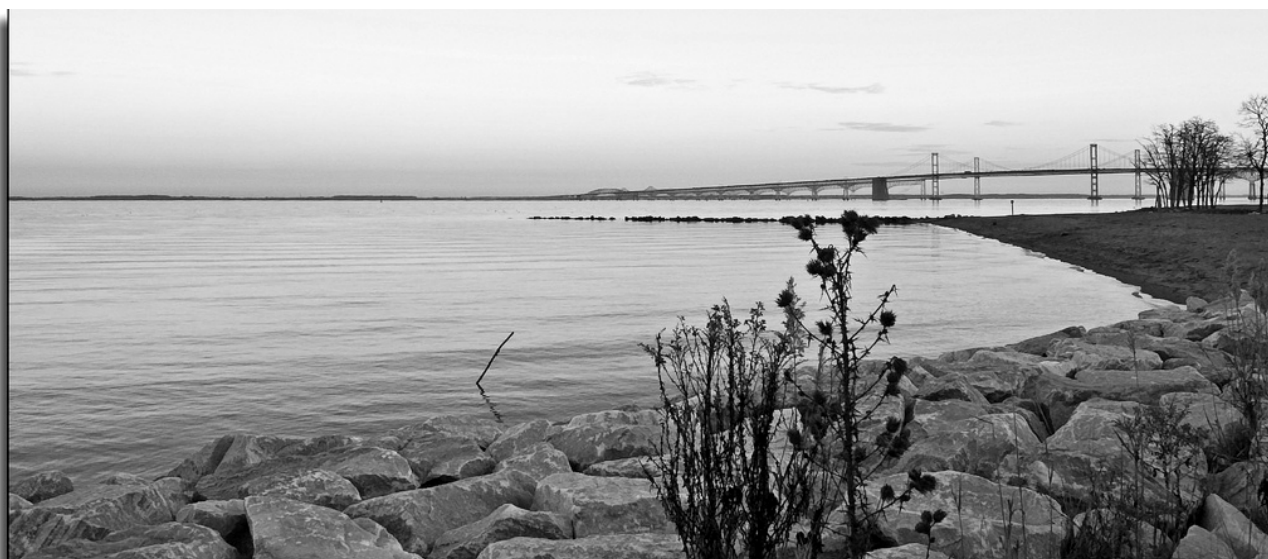
\$17825.87

Thu mục B1	\$ 740.00
Thu mục B2	\$ 3047.17
Thu mục B3	\$ 330.00
Thu mục B4	\$ 650.00

Tổng Cộng Thu Mục B

\$4767.17

Tổng Cộng quỹ LTCC tính đến ngày 03/15/08

\$22,593.04**D. Phần Chi:** Chi Phí cho LT90 sẽ được tường trình trên LT91

MỤC LỤC

LÁ THƯ ÁI HỮU CÔNG CHÁNH SỐ 90

<i>Lá thư mùa Thu</i>	<i>Ban Phụ Trách</i>	1
<i>Trả Lời Thư Tín</i>	<i>Ban Phụ Trách</i>	2
Bài Viết AH/TH CC		
Chuyện chuột năm Tý	<i>Trinh hảo Tâm</i>	16
Bèo giạt mây trôi Egypt hồi 3 tiếp theo	<i>U Tà</i>	21
Du ngoạn Tasmania (phần 2)	<i>Nguyễn Thành Đóm</i>	26
Sài Gòn Bây giờ	<i>Thiên Hương</i>	32
20 điều bạn không	<i>Nguyễn đức Chí</i>	35
Viếng thăm cung điệ	<i>Từ Minh Tâm</i>	37
Học và Hành thời Hán Học (tiếp theo)	<i>Đặng vũ Nhuế</i>	43
Trà Dư Tửu Hậu	<i>Phan đình Tăng</i>	50
Tản mạn đầu năm	<i>Nguyễn văn Sang</i>	54
Từ đôi đũa đến Bánh Mì Baguette (phần 1)	<i>Nguyễn quốc Bảo</i>	56
Đảo Phú Quý	<i>Nguyễn thái Hai</i>	62
Thăm viếng bạn bè ở DC	<i>Nguyễn thái Hai</i>	67
Halloween	<i>Thu Phong</i>	70
Ông già chồng tôi	<i>Buru Điện</i>	73
Điều Kỳ Diệu Đến	<i>Tràm Cà Mau</i>	75
Phở ở San Diego	<i>Trần Đức Hợp</i>	79
Một chiều trên bến	<i>Thiên Hương</i>	83
Hành hương chiêm bái	<i>Nguyễn thái Hai</i>	85
Tết Trung Thu	<i>Thiên Hương</i>	93
Hai Cây Đại Thụ	<i>Lê khắc Thí</i>	95
Happy New Year 2008	<i>Lê khắc Thí</i>	100
Sông Hương Núi Ngự	<i>Tôn Thất Tùng</i>	101
Chi	<i>Phạm Hữu Bính</i>	103
Tôi về hưu	<i>Phạm lương An</i>	110
Câu chuyện một cái nón	<i>Lê văn Trò</i>	111
Phiên Phiên Tuổi Già	<i>Tràm Cà Mau</i>	112
Thị Trường Nhà Cửa	<i>Nguyễn Đức Chí</i>	119

Chuyện vui Bắc Kinh	<i>Nguyễn thái Hai</i>	121
40 năm rồi, Tết Mậu	<i>Huỳnh long Trị</i>	122
Thăm Ái Hữu Thân Hữu	<i>Nguyễn Đức Chí</i>	125
Ăn Ốt Nói Càn	<i>Nguyễn quốc Bảo</i>	127

Thơ và Nhạc

Anh cho Em	<i>Lê quang Phùng</i>	14
Thu Khúc 1 & 2	<i>Thiên Hương</i>	25
Thu Vàng	<i>Thảo Oanh</i>	25
Thơ Không Đề 3	<i>Thiên Hương</i>	31
Lá Úa	<i>Nguyễn Đắc Khoa</i>	53
Thu Sầu	<i>Nguyễn Đắc Khoa</i>	61
Thu Khúc 11	<i>Thiên Hương</i>	84
Cách Biền	<i>Lê văn Trò</i>	111
Đoàn Khúc Mùa Xuân	<i>Thiên Hương</i>	124
Kỷ Niệm Paris	<i>Hương Bình Nguyễn Phước</i>	135
Thăm bạn ở Paris	<i>Bừu Hiệp</i>	135

Sinh Hoạt

AH Pháp tiếp đón AH Bừu Hiệp	<i>Đỗ hữu Hứa</i>	134
AHCC Sydney họp mặt	<i>Quân Huỳnh</i>	136
Tường trình buổi họp AHCC Houston	<i>Vũ quý Hào</i>	138
Họp Mặt Tân Niên AHCCMB Cali	<i>Khưu tông Giang</i>	142
Họp Mặt Tân Niên AHCCMNam Cali	<i>Từ minh Tâm</i>	145
Cắm trại 1963 Suối Lồ Ô	<i>Đỗ Trung Tuấn</i>	146
Kính Lão Đắc Thọ 2007	<i>Hoàng đình Khôi</i>	147

Tin Vui	<i>Ban Phụ Trách</i>	149
Tin Buồn	<i>Ban Phụ Trách</i>	150
Tổng kết Tài Chánh	<i>Ban Phụ Trách</i>	151

Mục Lục		154
----------------	--	-----